Nº 99 Septembre 1925

NAM PHONG

VĂN-HỌC KHOA-HỌC TẠP-CHÍ

NGHỀ LÀM BÁO

Ông chủ một nhà báo lớn nọ ở *Paris* một hôm cùng anh em vào buồng giấy, chỉ vào cái ghế bành ngồi làm việc, nói đùa một câu rằng : « Cái ghế này bằng ba ngai rồng đấy. »

Câu nói đùa ấy không rõ thực hư thế nào, nhưng truyền tụng đi, đã thành như một câu cách-ngôn để tiêu-biểu cái thế-lực rất mạnh của nhà báo ở đời này, dẫu oai-quyền của vua chúa cũng không bằng.

Thế-lực ấy, thiên-hạ đều hiển-nhiên công-nhận đến nỗi ở các nước văn-minh đã cho quyền ngôn-luận của nhà báo là cái « quyền thứ tư » trong một nước, dưới ba quyền Lập-pháp, Hành-chính và Tư-pháp, mà lại giám-đốc được cả ba quyền kia.

Bởi sao mà nhà báo có cái thế-lực đặc-biệt như thế ? Bởi đời nay là đời trọng dư-luận, mà nhà báo là cơ-quan của dư-luận. Cổ-nhân ta đã dạy rằng phàm dân muốn là Trời muốn, lòng dân là lòng Trời, muốn được thiên-hạ phải thuận ý dân, tức là thuận ý Trời. Mà ở Tây-phương cũng có câu cổ-ngạn rằng : « Dân-thanh tức là thiên-ý » Lòng dân, ý dân, ấy là dư-luận đó. Ngày nay, chủ-nghĩa dân-chủ tuy không có cái khí-vị thần-bí như thế, nhưng có cái sức mạnh tràn khắp cả thế-giới, không đâu là không có. Cho nên địa-vị, thế-lực của nhà báo cũng nhân đó mà tăng-tiến lên vô-cùng, khiến cho có nhà làm sách đã tặng cho báo-giả cái huy-hiệu là « Hoàng-đế bệ-hạ » (*Sa Majesté la Presse* (1).

Ngay như ở nước ta, báo-giới mới phôi-thai, ngôn-luận còn bó-buộc, người làm báo có lẽ chửa sành nghề, kẻ đọc báo có khi chưa biết đọc, thế mà nhà báo cũng đã thấy hơi có thế-lực trong xã-hội. Gặp có chuyện gì, thiên-hạ cũng hăm-hở muốn biết "nhật-trình họ nói thế nào". Chính những người ngoài mặt làm ra coi thường các nhà báo, kỳ-thực cũng có cảm-giác với các

(1) Đó là tên một quyển sách của ông STÉPHANE LAUZANNE xuất-bản đầu năm nay ở hiệu *Arthème Fayard*, *Paris*. Muốn biết về nghề báo ở nước Pháp ngày nay nên đọc sách ấy cùng với hai quyển sau này nữa : *Le Journalisme en vingt leçons*, par ROBERT DE JOUVENEL, Payot 1920 ; và *Le monde des Journaux Tableau de la Presse française contemporaine*, par ANDRÉ BILLY et JEAN PIOT, Edition G. Crès 1924.

báo nhiều lắm, được lời khen cũng lấy làm thích-chí mà muốn được khen mãi, phải tiếng chê cũng lấy làm rầu lòng mà cảm-giận tức-tối. Có lẽ sự cảm-giác ấy ở ta lại còn nhạy hơn ở nơi khác, vì là một sự mới lạ, ta chưa quen, lại cũng vì cái tính tự-ái của ta mạnh. Từ nay dân-trí mỗi ngày một mở-mang, ngôn-luận mỗi ngày một rộng-rãi, thế-lực nhà báo tất cũng mỗi ngày một tăng hơn lên. Thế-lực ấy nếu biết khéo dùng ra thì ích-lợi cho quốc-gia xã-hội không biết bao nhiêu mà kể. Nếu dùng bậy thì cái hại cũng vô-cùng. Nhưng điều này là thuộc về lương-tâm nhà làm báo, trong tay cầm một cái thế-lực to, nhưng trên vai cũng gánh một cái trách-nhiệm nặng, phải làm thế nào cho không vong cái thế-lực kia mà không bỏ cái trách-nhiệm này, phàm người đã đáng cầm ngọn bút để làm cái khí-giới trong trường ngôn-luận, ai cũng phải có cái lương-tâm đó, nếu không có thì là nhà báo giả, chứ không phải nhà báo thực.

Nhưng trong nghề báo, có cái lương-tâm không cũng chưa đủ. Đã gọi là một « nghề », thời phải có phép-tắc, không thời cũng phải có lề-lối, có thạo mới mong thành một tay lành nghề được. Lương-tâm là một mối u-ẩn, một mình mình biết, một mình mình hay; nghề-thuật là của chung thiên-hạ, kẻ theo nghề phải biết đã đành, người bàng-quan cũng nên biết cho hiểu các cơ-quan dư-luận hành-động ra làm sao.

Vậy ta nên xét xem nghề báo ở các nước Âu-Mĩ, và thứ nhất ở nước Pháp thế nào.

Ở các nước văn-minh ngày nay, đâu đâu quyền ngôn-luận cũng được tự-do cả, chỉ trừ những khi có cơ-hội gì đặc-biệt, như nội-loạn, như chiến-tranh, quyền tự do ấy mới phải tạm-thời hạn-chế mà thôi.

Ở nước Pháp thời cái hiến-pháp của nghề báo là luật ngày 29 tháng 7 năm 1881. Theo luật ấy thì nghề xuất-bản và bán sách được hoàn-toàn tự-do; ai muốn xuất-bản một tờ nhật-báo hay một tập tạp-chí, không cần phải xin phép trước, không cần phải ký-quĩ tiền, chỉ phải trình quan tòa biết tên báo là gì, xuất-bản thế nào, tên và chỗ ở người quản-lý, in ở nhà in nào. Người quản-lý phải là thuộc dân-tịch Pháp, đến tuổi thành-niên, đủ quyền công-dân, không bị cấm-án. Đối với Nhà-nước, chỉ có thế mà thôi. Đối với tư-nhân thời nhà báo phải theo pháp-luật thường cũng như một người công-dân tự-do vậy; khi nào nói phạm đến một người nào thời người ấy có quyền trả lời, nhà báo phải đăng bài trả lời ấy vào giữa chỗ đã đăng bài nói phạm, và in cùng một thứ chữ; bài trả lời có thể dài bằng gấp hai bài nói phạm, nhà báo đăng không được lấy tiền. Nếu phạm quá đến mất danh-dự của người ta, thời có thể đem ra tố-cáo ở tòa xử tội hủy-báng theo như luật thường. — Luật ngày 29 tháng 7 năm 1881 này, tuy là thi-hành ở cả các thuộc-địa, nhưng không thi-hành đối với người dân bản-xứ ở Đông-Pháp.

Nghề báo ở nước ta mới gây-dựng lên được ít năm nay, khuyết-điểm còn nhiều, chưa có điều gì là khả-quan, hãy tạm không bàn đến. Nay chỉ nói về nghề báo ở nước Pháp, là một nước quyền ngôn-luận rất được rộng và nghề làm báo cũng rất thịnh.

Hiện ở kinh-đô *Paris*, những nhật-báo có giá-trị được đến trên dưới năm chục cái, kể tên sau này: *l'Action*, *l'Action française*, *l'Aurore*, *l'Autorité*, la *Bataille Syndicaliste*, la *Croix*, la

Démocratie, le *XIXe siècle*, *l'Echo de Paris*, *l'Eclair*, *l'Evénement*, *Excelsior*, le *Figaro*, la *France*, le *Gaulois*, la *Gazette de France*, *Gil Blas*, *l'Homme libre*, *l'Humanité*, *l'Intransigeant*, le *Journal*, le *Journal des Débats*, la *Lanterne*, la *Libre Parole*, le *Matin*, le *National*, *Paris-Journal*, *Paris-midi*, la *Patrie*, la *Petite République*, le *Petit Journal*, le *Petit Parisien*, la *Presse*, le *Radical*, le *Rappel*, la *République française*, le *Siècle*, le *Soir*, le *Soleil*, le *Temps*, *l'Univers* et le *Monde*. — Đó là những báo có từ trước khi chiến-tranh, tựu-trung cũng có vài ba cái đã đình xuất-bản. Tự khi chiến-tranh đến giờ lại thêm được mấy cái báo mới nữa, như: *l'Oeuvre*, la *Démocratie nouvelle*, la *Victoire*, le *Populaire*, *l'Internationale*, le *Quotidien*, *Bonsoir*, *Paris soir*. — Đấy là chỉ kể các nhật-báo mà thôi, không kể các tuần-báo, nhiều cái cũng có giá-trị và có thế lực lắm như *l'Opinion*, *le Progrès civique*; không kể các báo chuyên-môn như: *Comœdia* (chuyên về diễn-kịch), *Auteuil-Longchamp* (về thi ngựa), *l'Auto* (về nghề ô-tô), le *Bulletin des Halles* (về giá hàng các chợ), la *Cote de la Bourse et de la Banque* (về giá hối-đoái các ngân-phiếu giá-phiếu), *l'Echo des sports* (về thể-thao), la *France militaire* (về quân-sự), le *Jockey* (về nghề nuôi ngựa thi), *Paris sport* (về thể-thao), le *Petit Bleu* (về tài-chính), v. v.; — lại không kể các tạp-chí thuộc về một loại riêng, có cái tính-cách tùng-thư, hơn là tính-cách nhật-báo.

Đấy nhiều thứ báo có thể chia ra làm hai loại: một là các báo nghị-luận (*journaux d'opinion*), hai là các báo tin tức (*journaux d'information*). Báo nghị-luận là những báo có chủ-trương một cái chủ-nghĩa, thuộc về một chính đảng nào trong nước, dùng làm cái cơ-quan để cạnh-tranh, để chiến-đấu, để truyền-bá, để cổ-động; như báo *Action française* của đảng Bảo-hoàng, báo *Humanité* của đảng Cộng-sản, báo *Le Populaire* của đảng Xã-hội, báo *Le Quotidien* của đảng Cấp-tiến, báo *Le Temps* của các đảng ôn-hòa, báo *La Croix* của đảng Gia-tô. Báo tin-tức là những báo không có chủ-nghĩa, không có chính-kiến gì nhất-định, chỉ vụ sưu-tập lấy nhiều tin-tức ở các nơi mà báo-cáo cho mau và cho tường. Phần các báo lớn ở nước Pháp bây giờ đều là thuộc về loại này cả; có ba cái lớn nhất, xuất-bản mỗi ngày hàng trăm vạn tờ, là báo *Le Journal*, *Le Matin* và *Le Petit Parisien*, nghị-luận ít, tin-tức nhiều, lại có tranh có ảnh, phổ-thông trong khắp các hạng người trong nước.

Hồi xưa các báo có giá-trị bên Pháp phần nhiều là những báo nghị-luận cả, nay dần-dần đổi tính-cách thành ra những báo thuần tin-tức, đó cũng là một sự biến to trong báo-giới nước Pháp. Báo ngày xưa nghị-luận nhiều, nên nhà báo thường là những tay danh-sĩ một thời, học-vấn rộng, tư-tưởng cao, lại hoài-bão cái chí lớn muốn chữa đời sửa tục, làm ông thầy dạy, kẻ đưa đường cho quốc-dân. Báo ngày nay tin-tức nhiều, nên nhà báo chẳng qua là kẻ đi nhặt tin, nhặt được nhiều, thuật được khéo, kích-thích được cái lòng hiếu-kỳ của công-chúng, thế là giỏi, là thạo, bất-tất phải tài cao học rộng gì cho lắm. Sự biến đó, có kẻ cho là sự không hay, nhưng chẳng qua cũng là theo cái xu-hướng của thời-thế vậy. Đời là đời dân-quyền bình-đẳng, tất trọng sự thông-thường phổ-cập hơn là điều nghĩa-lý cao-xa, nhà báo phải cung-cấp cái đồ ăn tinh-thần cho một số người càng ngày càng nhiều, tất phải lựa những món cho vừa miệng công-chúng, không thể dọn toàn những đồ cao-lương mĩ-vị cả được. Đồ ăn lọc lõi chỉ để riêng cho một số ít người sành miệng mà thôi. Cho nên bao nhiêu báo phổ-thông toàn là báo tin-tức cả.

Nay làm nên một tờ báo thời cái công-trình phải thế nào?

Trước hết hãng nói về các nhân-vật trong báo-quán, và phận sự chức-trách của mỗi người thế nào.

Đầu mỗi báo-quán có một người chủ-nhiệm (*directeur*) Người chủ-nhiệm không tất-nhiên phải là một nhà báo. Trong các báo lớn ở *Paris* đã kể tên trên kia, duy có hai báo *L'Intransigeant* và *L'Œuvre* là có hai ông chủ-nhiệm Léon Bailby và Gustave Téry chính là tay làm báo, thường viết bài trong báo mình. Còn các chủ-nhiệm khác là những tay doanh-nghiệp, chủ trương báo mình như chủ-trương một công-ti buôn, không hề cầm bút viết bài bao giờ, cho nên công-chúng nhiều khi không biết đến tên nữa. Việc của người chủ-nhiệm cốt là việc giao-thiệp: giao-thiệp với Chính-phủ, với Nghị-viện, với các nhân-vật cùng đoàn-thể trọng-yếu trong xã-hội; nếu báo mình có giá-trị, có thế-lực, thời đi đến đâu cũng được người vi-nể, quan phải chiều, dân phải sợ, không xuất-đầu lộ-diện mà tác-phúc tác-oai, gieo tai gieo vạ cho người ta được, có khi quân-cơ quốc-sự cũng vì mình mà thành hay bại, và thế-lực bành-trướng ra cả ngoài bờ-cõi, ảnh-hưởng đến cả việc ngoại-giao quốc-tế vậy. Thật làm chủ một tờ báo có khi hơn làm vua một nước.

Trong một báo-quán thường chia ra hai bộ-phận ở dưới quyền chủ-nhiệm: bộ quản-lý (*administration*) và bộ biên-tập (*rédaction*).

Bộ quản-lý có một viên quản-lý (*administrateur*) đứng đầu, coi về việc chi-thu trong báo-quán, việc quảng-cáo, việc ấn-loát, việc phát-hành. Người quản-lý phải là người sành về việc lý-tài, việc buôn-bán, không cần phải là một tay làm báo.

Bộ biên-tập mới thật là những tay nhà nghề. Đầu bộ biên-tập thời có người chủ-bút (*rédacteur en chef*). Ở các báo nghị-luận, chủ-bút thường là một nhà báo đã nổi danh, đứng chủ-trương việc biên-tập, mà tự mình viết bài xã-thuyết. Ở các báo tin-tức thì không có chủ-bút, mà có những người gọi là «chủ tin-tức» (*chefs des informations*), sưu-tập các tin-tức, chia việc cho người làm. Người làm đây là những biên-tập-viên (*rédacteurs*). Hiện nay báo tin-tức càng ngày càng thịnh, biên-tập-viên là những tay «phóng-viên» (*reporters*), nghĩa là những người đi sưu-tầm tin-tức để về thuật trong báo. Phóng-viên là chân chạy, không phải chân ngồi. Đâu có xảy ra sự gì, phải lập-tức đi đến tận nơi, mục-kích cho thật tường-tận, tra hỏi cho rõ đầu-đuôi, rồi về thuật lại trong báo y như việc đã xảy ra, thế nào cho có tình-tiết, có ngành-ngọn, được hiển-nhiên, được rõ-ràng. Có báo lớn không những phái phóng-viên đi các nơi trong nước, mà lại phái phóng-viên đi điều-tra ngoại-quốc nữa. Những tay được phái đi như thế là những tay đã thạo lắm, gọi là «đại-phóng-viên» (*grands reporters*), đến nước nào biết len-lỏi khắp các giới, để dò cho được hết cái chân-tình xã-hội hay cái nội-dụng chính-trị nước ấy. Như báo *Journal* hiện nay đương phái ông Henri Béraud là một nhà văn có tiếng đi điều-tra bên nước Nga, ngày ngày gửi bài về báo, kỹ-thuật những sự kiến-văn ở nước Nga, bình-phẩm về hiện-tình nước ấy và khám-phá được nhiều điều u-ẩn về chủ-nghĩa và chế-độ cộng-sản, những bài ấy in ra có ảnh-hưởng to lắm. Nhưng chỉ có những nhà báo thật lớn mới có được những đặc-phái-phóng-viên đi ngoại-quốc như thế, vì phí-tổn nhiều lắm. — Phận-sự các phóng-viên như trên kia đã nói là phải đi phóng-thám các việc hằng ngày để thuật vào trong báo, phải là những người lanh-lợi, hoạt-bát, mau trí khôn và mau ngòi bút, văn-chương không

cần gì phải cao-kỳ, cốt là dĩnh-ngộ, lưu-loát, gợi được cái hứng-thú, động được lòng hiếu-kỳ của công-chúng. Lối văn cao đàm hùng-luận không phải là lối văn nhật-báo. Chỉ cần ký-sự cho khéo, có duyên và có màu, hoặc phê-bình thời một cách nhẹ-nhàng thanh-thoát, thế là lối văn đắc thể nhất trong các báo lớn ở *Paris* bây giờ. Đây là nói các báo tin-tức, là phần nhiều nhất và phổ-thông nhất; đến các báo nghị-luận hay là các báo « chiến-đấu » (*journaux de combat*) cha các chính-đảng, thời cũng nhiều bài kịch-liệt, song lối ấy là lối văn công kích, là văn báo biến-thể, chứ không phải văn báo chính-thức. — Phóng-viên phải đi « kiếm chuyện », lại có khi phải đi « tiếp chuyện » nữa, nghĩa là đến hỏi ý-kiến một bác tai mắt trong chính-giới, học-giới, văn-giới, thương-giới, mĩ-thuật-giới, công-nghệ-giới, thuộc về một vấn-đề gì, hay là chỉ để giới-thiệu một nhân-vật trọng-yếu cho độc-giả biết. Thế gọi là « phỏng-vấn » hay là « hội-đàm » (*interview*). Lối này ở Anh Mĩ thịnh hành hơn cả. Nhân có một bậc sang-trọng nào ở nơi khác mới đến, hoặc là ông quan to, hoặc là khách du-lịch, hoặc là tay đánh võ giỏi hay hoặc là người con hát tài, nhà báo liền phái phóng-viên đến khách-sạn hay chỗ trọ để xin hội-đàm, rồi ngay ngày hôm ấy trong báo có bài thuật lời nói chuyện và tả hình-dung thái-độ người ấy, có khi lại in cả ảnh nữa. Khi nào xảy ra việc gì quan-trọng cũng vậy : như có cái án to thời nhà báo phái người đến phỏng-vấn ông quan tòa xét về việc ấy, ông trạng-sư cãi cho việc ấy, v. v.. Phóng-viên đi hội-đàm phải là tay thạo lắm mới được : phải có con mắt tinh để nhận lấy hết cái phong-thái người mình tiếp chuyện, thu lấy hết cái cảnh-sắc nơi mình nói chuyện ; phải có cái trí khôn biết lựa câu hỏi cho thích-hợp, khiến cho người ta vui câu chuyện mà có kín thổ-lộ được cho mình những điều mình muốn biết ; phải có cái trí nhớ không những in được hết những lời nói chuyện, mà lại thu được hết những cái màu, cái vẻ, cái giọng, cái điệu, cái thanh-âm thần thái lúc nói chuyện ; sau nữa phải có cái tài văn để thuật được bấy nhiêu thứ lên trên tờ báo cho hiển-nhiên như thực, nhưng cốt nhất là phải có cái « duyên » riêng, khiến cho đến tiếp chuyện ai người ta có cái hứng-thú muốn ngồi nói chuyện với mình, nếu không thì hỏng cả. — Phóng-viên thường-thường là những tay viết được báo cả. Nhưng cũng có khi phóng-viên chỉ là người đi nhặt tin-tức, kiếm tài-liệu về cho người biên-tập ở báo-quán đặt thành bài.

Ngoài các biên-tập-viên và phóng-viên là những người thường-trực ở báo-quán, lại còn những nhà văn ở ngoài chuyên về các mục, như mục « thời-bình » (*chronique*), mục « văn-học phê-bình » (*critique littéraire*), mục « diễn-kịch phê-bình » (*critique dramatique*), v. v., tùy mỗi báo một khác.

Trong các báo ở nước Pháp xưa nay, mục « thời-bình » vẫn có đặc-sắc hơn cả. Nay có ý kém xưa một chút, nhưng hiện vẫn có mấy tay thật giỏi, như hai ông Clément Vautel và Georges de la Fouchardière. Lối thời-bình là một bài văn ngắn-ngắn, chừng bốn năm mươi dòng, bình-phẩm về việc thời-sự. Có người đã giải « lối này là một lối gồm trong khoảng độ bốn mươi dòng báo được 50°/o (năm mươi phần trăm) lẽ phải giữa đời, 10°/o lời bàn ngộ-nghĩnh, 10°/o căm giận, 10°/o vui cười. » (*La chronique . . . un genre qui consiste à faire tenir en quarante lignes 50°/o de gros bon sens, 30°/o de paradoxe, 10°/o de mécontentement et 10°/o de jovialité.* — Le monde des journaux, page 79). Những bài đoản-thiên-thời-bình của hai ông Vautel và De la Fouchardière.

trong báo *Journal* và báo *Matin*, thiên-hạ ham đọc và lấy làm lý-thú lắm. « Hằng ngày mười vạn người Pháp đọc văn hai nhà ấy, coi như một khoa nhật-dụng luân-lý, hay như một món đồ ăn tinh-thần, nhiều người để ngoài món ấy không còn biết món nào khác nữa; vả không cứ hạng người nào, ai ai cũng thường-thường có đọc qua đến cả, khắp dân-gian đều biết tiếng hai ông. Hai ông thật là tiêu-biểu cho cái tinh-thần của quốc-dân Pháp. Văn hai ông như cái gương sáng phản-chiếu cái khoé tinh đời, cái tính đỉnh-ngộ của người Pháp. Ai muốn biết cái tính-tình của bậc trung-đẳng-xã-hội nước Pháp về thế-kỷ này, cứ đọc văn của hai nhà ấy là đủ biết...»

Nói tóm lại thời «tờ báo vì như mâm ăn, bài thời-bình là đồ tráng miệng hay là món ăn ngoài; là món mứt ngọt hay là món dưa chua, là đồ ăn thêm không cần đến, ấy thế mà những báo rất nghiêm-trang, rất trịnh-trọng, thuần nghĩa-lý, thuần chính-trị, cũng vẫn phải dành một phần riêng về món ấy, thường thường là phần quí trọng hơn nhất. Món thời-bình là món làm đỏm, món hoa-hòe, là cái lông cài trên mũ, là bông hoa đính khuyết áo, mà thật cũng là cái hoa thơm của nghề báo nước Pháp, bởi thế nên các báo mới trân-trọng đến thế. Nó là cái vẻ mĩ-miều tuyệt-phẩm của báo-giới một nước xưa kia vẫn có tiếng là văn vẻ, là lọc-lõi nhất trong thế-giới, mà kể ngày nay cũng vẫn còn.» (*Dans le menu du journal, elle est le dessert, ou si vous préférez, le hors-d'œuvre; elle est la confiture ou les pickles, elle est le superflu, et cependant les journaux les moins badins, les plus purement doctrinaires, les plus sèchement politiques lui font une place qui est presque toujours une place d'honneur. Elle est le caprice, la fantaisie, la plume au chapeau, la fleur à la boutonnière, la fleur du journalisme français, et c'est pour cela sans doute que nos journaux tiennent tant à elle. Elle est la suprême coquetterie d'une presse qui se souvient d'avoir été la plus littéraire et la plus raffinée du monde, et qui, du reste, l'est encore.* — Sách trên kia, trang 81-82).

Trong bộ biên-tập có một chức trọng-yếu nhất và khó-nhọc nhất là chức tổng thư-ký (*secrétaire général de la rédaction*). Nặng-nhọc nhất mà thiên-hạ không mấy người biết đến. Vì không hề xuất-đầu lộ-diện, không viết bài, không để tên trên báo bao giờ. Công việc của người này là phải sưu-tập hết bài-vở tin-tức trong một ngày mà xếp thành tờ báo, bài nào dài cắt bớt, đoạn nào ngắn nối thêm, một tay chế-hóa làm cho tờ báo thành-hình. Các báo bên Tây phần nhiều xuất-bản vào sáng sớm, công việc của tổng-thư-ký thường-thường phải làm từ chiều tối cho đến quá nửa đêm, lấy đêm làm ngày, rất là khó-nhọc.

Đó là các hạng người trong bộ biên-tập một báo-quán. Ngoài ra còn những người lâm-thời trợ-bút hay những người phóng-sự thông-tin ở các nơi không kể. Có báo thỉnh-thoảng lại xin văn của các bậc danh-sĩ để trang-điểm cho tờ báo có vẻ thêm. Những bài văn ấy bất-cứ bàn nói về chuyện gì, miễn là có tên một người đã nổi tiếng trong làng văn là đủ.

Nay bài-vở đã sẵn-sàng cả cũng nên biết qua cách ấn-loát thế nào. Vì in một tờ báo, mà in ra hàng vạn bản một lúc, phải cho mau-chóng một cách lạ lùng, không thể ví như in quyển sách được. Trong sách « Báo-giới nước Pháp » (*Le monde des journaux*) nói trên kia, có một chương kể về cách in báo cũng tường, xin lược-dịch như sau.

« Bài đã sẵn-sàng cả, bèn giao cho thợ in. Thợ in ngày nay không phải lấy từng chữ sắp lại như ngày xưa đâu. Thợ in

ngày nay dùng một thứ máy như máy đánh chữ, gọi là *linotype*. Máy này linh-hoạt vô-cùng, có cái cần dài như cánh tay, chuyển-động khi mau khi chậm, xếp đặt các chữ như là đã thuộc vần vậy. Người thợ ngồi trước bàn chữ như trước cái máy đánh chữ, muốn đánh chữ A thì đập vào cái cần chữ A, máy kêu đánh « cách » một cái, thấy ở đâu thò ra một miếng đồng, có hình chữ A trũng. Miếng đồng chạy vào một đường rãnh, rồi rơi vào một cái khuôn nghiêng mà đứng đấy. Đập vào cái cần chữ M thời lại miếng đồng có chữ M thò ra chạy xuống đứng cạnh chữ A. Bao giờ vừa được một giòng, thời đập vào bàn chữ một cái, liền có miếng sắt như cái hàm răng dương ra ép liền các miếng đồng lại với nhau. Hết dòng ấy đến dòng khác, người thợ đều làm một cách như thế. — Nhưng trong khi người thợ đập vào máy như thế, thời máy cũng làm việc chứ không ở yên. Xong được dòng nào thì có cái móng đón ngay lấy dòng ấy, chuyển đưa vào trong một cái ống dẹp. Có một cái lò đầy những chì đương nấu chảy ; cái lò chao đi một cái thì chì chảy ra, tràn vào dòng chữ trũng, in lấy hình chữ, rồi nguội mà rắn lại liền. Có cái bào máy gióc bản chữ chì ấy ra, rơi vào trong một cái hộp. Thế là được một dòng chữ nổi, có thể đem ra in được. — Nhưng những mảnh chữ đồng trũng trước kia thì đi đâu? Một cái cần bằng sắt, cũng đầu có móng, hạ xuống, lại đón lấy những chữ ấy, rồi đưa chữ nào về kho chữ ấy, để sau này gọi lại răm-rắp chạy ra, cách đưa-đẩy sắp-đặt thật là thần-tình. — Trong khi ấy thời dòng thứ hai cũng tráng chì theo như cách trên, rồi cũng chuyển rơi vào trong hộp như dòng trên. Các dòng sau rồi cũng cứ tiếp liền vào theo một cách như thế.

« Hồi xưa in báo phải sắp chữ bằng tay thời một người thợ giỏi mỗi giờ sắp được 38 dòng. Sắp một tờ báo phải mất cả đêm. Thế mà sáng ngày mai in rồi lại phải phá ra, đặt chữ nào vào ô ấy để chiều lại dùng. Ngày nay có máy thời mỗi giờ làm được 110 dòng, mà chữ đưa đi đưa về cứ tự máy chuyển-dịch, người không phải mó tay vào. — Vả làm bằng máy thời không sợ những khi vội-vàng bối-rối. Chợt có tin gì quan-trọng mà dài-dài một chút mới báo đến chậm quá, thời liền cắt ra làm năm mười đoạn, giao cho năm mười người thợ, người nào người nấy liền ngồi vào máy đập một lúc là xong.

« Đập xong được một bài thời người thợ đứng lên, đem cái hộp ra, lấy từng dòng ở trong ấy xếp vào cái khuôn, để cho người thợ khác đặt thành trang. Một người thợ phụ liền lấy mực đặc phiết một lượt, rồi lấy mảnh giấy in lấy một bản thử để cho người sửa bài đọc lại xem có sai chữ nào không. Dòng nào sai thì cho đập lại. Chữa sửa xong rồi thời bài có thể đặt vào trang được.

« Trong khi ấy thời một bọn sắp chữ khác lấy từng chữ một để sắp các đầu bài. Các phiến ảnh thì làm ở buồng máy ảnh, chuyển sang những mảnh kẽm ghép vào những khối chì.

« Cái khuôn bằng sắt, vừa khổ tờ báo, chia ra từng cột, người thợ đặt trang cứ theo lời viên tổng-thư-ký đã dặn mà đặt các bài trên dưới cho vừa-vặn. Đặt đầy khuôn, thế là thành một trang. Đặt xong được một trang, lại phiết mực, để giấy in thử lấy cả trang, đưa viên tổng-thư-ký xem lại, sai hỏng đâu bắt chữa sửa, rồi lấy khóa riêng khóa chặt các thành khuôn lại cho chữ thật là khít nhau, không động-đậy được nữa, thành như một khối liền, mang đi chuyển lại được ; mang chuyển kể cũng không dễ, vì một khuôn chữ như thế nặng có tới hơn một trăm cân.

« Nay in báo bằng cái khuôn ấy thì phải làm thế nào?

« Cái khuôn ấy không có dùng để in ngay được. Trước khi in, còn phải qua nhiều cách nữa.

« Trước hết đem cái khuôn xuống « sở lấy hình » (*clicherie*). Lấy bàn trải trải cho kỹ. Rồi lấy một thứ giấy *carton* riêng, mặt sau tẩm nước, ép vào đấy. Dùng một cái bàn trải cứng đập vào miếng *carton* ấy cho hằn lấy vết chữ chì. Vết hằn trước còn chưa được rõ lắm, sau có cách làm cho càng rõ thêm mãi ra, đến hệt không sai một tí nào. Cách ấy là dùng một cái máy ép bằng hơi nước ép thật mạnh cái khuôn chữ vào tận thịt miếng *carton*, ăn sâu vào từng nét không còn sót một tí gì (miếng *carton* dầy ấy, lên riêng của nhà in gọi là *flan*). Bấy giờ thời tấm *flan* là hình trũng hệt như cái khuôn hình nổi mà lại được hơn một điều, là mềm có thể uốn cong lại được. — Bây giờ phải làm thế nào? Phải làm thành những cái khuôn cong để cho có thể đặt vào cái trục tròn của máy in cuốn (*rotative*). Vậy phải đem cái *flan* vào sở đúc (*fonderie*), đặt vào một cái khuôn hình bán-nguyệt cho nó ăn theo hình ấy. Khuôn ấy thông với một cái nồi lớn trong có một chất pha chì với *antimoine* đương sôi sùng-sục. Chất ấy lỏng như nước, tràn vào khuôn, in lấy các nét chữ trong khuôn, rồi nguội dần đi. Bấy giờ mở khuôn ra, thế là được một bản chữ sẵn-sàng đem in được; chỉ phải lấy dao lấy kéo sửa cắt những chỗ gợn đi, lấy nước rửa cho sạch những vết bẩn, xong rồi đem đặt vào trục máy in.

« Máy in này là thứ máy in cuốn (*rotative*), to lớn vô-cùng. Đặt khuôn vào rồi, liền cho máy chạy. Trước còn chạy chậm, để cho người coi máy ngồi phục ở chỗ « cửa ra » nhặt lấy từng tờ kiểm xem mực có đều không. Xong rồi thời cho máy chạy hết sức, bấy giờ hai cuộn giấy in cứ tuồn-tuột như hai cái thác nước chảy, mực lấp-loáng chẳng khác gì bóng nước chỗ sáng chỗ tối. Một cái máy cuốn có hai cửa mỗi giờ đồng-hồ in được sáu vạn tờ. Có thể chạy mau nữa cũng được, vì sức chạy vô-cùng, chỉ sợ sức giấy không chịu nổi mà thôi. Nhưng mà hằng cứ lấy cái số sáu vạn ấy làm bằng: như thế thì trong khoảng một lì đồng-hồ mỗi cửa máy ra được tám số báo. Người ngồi đón ở đầu máy thật không thể nghỉ tay một phút nào. Cứ thực ra thì trong máy đã có cách đặt riêng cứ được mỗi năm chục số thì lại bắn xa ra ngoài một cái, để cho dễ đếm. Như thế thời báo ra cứ thành từng bó năm chục tờ một, lại có cái máy khác đón lấy, đưa chuyển đến tận sở phát-hành, đã có người đợi sẵn để gấp lấy, rồi phân-phát đi các sở xe lửa, sở tàu thủy, sở bưu-chính... Việc phát-hành các báo, ở *Paris* đã có một công-ti lĩnh-trưng hết cả, là công-ti *Messageries Hachette*... »

Bấy nhiêu công-việc ấn-loát phát-hành chỉ trong khoảng từ 10 giờ đêm đến 5 giờ sáng là phải xong hết cả, khiến cho khách đọc báo 6 giờ sáng dậy sớm đã có báo đọc rồi. Mà báo hàng ngày xuất-bản có mấy chục vạn tờ, nghĩ có ghê không?

Ấy là nói các sở báo lớn mới có đủ bấy nhiêu cơ-quan, mà hành-động được một cách tốc-tốc như thế. Còn những báo nhỏ thì cũng như bên mình.

*

Trên kia đã nói rằng nhà báo đời nay có một cái thế-lực rất mạnh. Nhưng có thế-lực mà cũng có nghĩa-vụ nữa, nếu không thì lạm-dụng cái thế-lực ấy mà làm xằng. Nghĩa-vụ của nhà báo là những gì? Không có luật nào định rõ, xưa nay chỉ bằng ở cái lương-tâm của nhà báo mà thôi. Gần đây ở *Paris* có lập lên một cái đoàn-thể gọi là « Báo-gia đồng-nghiệp-hội » (*Syndicat des journalistes*), chủ-ý là đặt ra một hội-đồng kiểm-sát

để giữ cho cái danh-dự của nghề báo. Hội ấy đã đặt thể-lệ định các nghĩa-vụ của nhà báo như sau này, người nào phạm thì phải đồng-hội khiển-trách và bị trục-xuất ra ngoài hội.

« Nhà báo muốn cho xứng-đáng cái danh-dự của mình thì :

« 1º Phàm tay viết bài gì, hoặc ký bằng tên, hoặc ký bằng hiệu, phải nhận hoàn-toàn trách-nhiệm về bài ấy ;

« 2º Phải coi sự sàm-báng, nói xấu, nói vu, hay tố-cáo ai không có bằng-cứ, là những tội nặng nhất trong nghề mình. Khi nào phải pháp-luật nhà nước phạt tội vì phạm luật-lệ công về nghề báo, nhưng tự xét mình không đáng tội ấy, có thể đem ra kháng-cáo ở Hội Đồng-nghiệp, Hội xét lại quả là oan thời có thể phục lại danh-dự đối với các bạn đồng-nghiệp. Trái lại, khi đã được tòa án nhà nước tha mà tội xét ra thật phạm đến danh-dự nghề mình, thì Hội Đồng-nghiệp cũng có thể đem ra mà khiển-trách được ;

« 3º Phải không từng bị can-thiệp vào việc gì hại đến danh-dự mà bị một tòa án danh-dự khiển-trách (khi khiển-trách ấy đã được ra mà cãi lẽ theo phép công-bằng) ; hoặc bị khiển-trách oan thì có thể kháng-cáo ở Hội Đồng-nghiệp;

« 4º Không được nhận làm những việc công hay việc tư gì trái với danh-dự nghề làm báo ; không được phô những chức-phẩm giả để đánh lừa ai mà hỏi tin-tức cho dễ ;

« 5º Không được nhận chức-việc hay lương-bổng gì ở các hội công nhiên đặt ra để đánh cờ bạc ; và đại-để không được nhận tiền lương tiền bổng của một sở công sở tư nào muốn lợi-dụng cái thế lực mình là nhà báo để mưu làm việc không chính-đáng ;

« 6º Trừ khi nào chuyên về môn quảng-cáo thì không kể, còn không được ký tên mình hay ký hiệu mình vào những bài quảng-cáo cho các cửa hàng hay các hội buôn ;

« 7º Không được chép bài vở của người khác nhận làm của mình, khi nào dẫn lời của các bạn đồng-nghiệp, hay là theo ý của người ta mà làm bài của mình, thì phải nói rõ và kể tên tác-giả ;

« 8º Không được xin làm tranh chỗ một người đồng-nghiệp, hoặc nhận cùng làm một việc như người ta mà làm kém lương để cho người ta phải bãi ;

« 9º Có sự gì bí-mật phải giữ kín thời dẫu ra đến tòa án hỏi cũng không được nói ra ;

« 10º Không được lạm-dùng cái quyền tự-do ngôn-luận để kiếm lời (như dọa tố-cáo việc gì để cho người ta lót tiền mình ; như đăng những tin-tức sai để giúp sự đầu-cơ về việc lý-tài ; như phê-bình sách-vở, kịch-bản mà chủ-ý để cho người có sách có tuồng phải trợ-cấp cho mình để nói tốt cho. v. v. ».

Ấy là những điều cốt-yếu trong « bộ luật danh-dự » (*code de l'honneur*) của Hội « Báo-gia Đồng-nghiệp » đã đặt ra để giữ danh-dự cho các nhà làm báo.

⁂

Một nhà báo có tiếng, ông ROBERT DE JOUVENEL (mới mất đầu năm nay), năm trước có làm một cuốn sách nhỏ để là « Nghề làm báo dạy trong hai mươi bài » (*Le journalisme en vingt leçons*), lấy giọng hoạt-kê trào-phúng mà phê-bình về nghề báo ; nhưng đến sau kết-luận cũng phải công-nhận nghề báo là một nghề hay. Nay ta cũng mượn lời kết-luận của ông mà kết cho bài này. Ông là nhà làm báo, ông đã biết hết cái khóe của con nhà báo, lại có cái bụng rộng-rãi tự mình bày tỏ những cái khuyết-điểm của nghề mình, tự mình giễu cợt nghề mình trước, không đợi cho người đời mai-mỉa nữa, vậy mà đến sau bình-tĩnh xét lại, ông cũng phải chịu cho nghề báo là một nghề có ích cho đời, như thế thì lời ông tất không phải là lời thiên-vị vậy.

Ông nói rằng :

« Theo một cái tục cũ của nước ta, phàm người nào làm nghề gì tất phải nói xấu nghề mình, và khuyên cho kẻ khác đừng nên theo.

« Như thế thì ra đáng mình làm cái nghề đó khó-nhọc khổ-sở, giá theo về nghề khác thì còn được hay-ho ích-lợi hơn, và nhân-thế lại làm cho ngã lòng những kẻ đứng ngoài khỏi có kẻ hứng vào tranh-dành với mình.

« Tôi tưởng tôi đây cũng không sai cái tục cũ đó.

« Nay tôi đã theo tục mà nói xấu về nghề tôi, tôi dám cứ thực-thà mà nói thật rằng : nghề làm báo là nghề bị nhiều người bài-bác mà tôi cho là một nghề hay nhất, đẹp nhất.

« Nhà làm báo ngày nay, có lẽ không phải là một tay truyền-đạo như xưa. Nhưng mà sở biết điều gì là hay là phải, có thể truyền-bá ra được rộng, thật người đời ít ai có cái năng-lực như thế.

« Vẫn biết rằng quyền tự-do của nhà báo thường bị hạn-chế, không được hoàn-toàn. Nhưng ở đời, cái tự-do mà không có ai ganh-ghen với mình, thì cái tự-do ấy không có giá-trị nữa.

« Nhà báo có lắm thói xấu, có lắm điều lụy, đã cố-nhiên rồi. Nhưng cũng có lắm cái quyền-lợi rất to và rất nguy-hiểm, có thể mạo-hiểm mà làm nên việc được.

« Các ngài thử tính kỹ xem từ xưa đến nay nhà báo đã truyền-bá được bao nhiêu sự phát-minh to-tát, tố-cáo được bao nhiêu cái tội ác tầy đình, yên-ủi được bao nhiêu người tài cao mà không gặp vận, khuynh-đảo được bao nhiêu kẻ yêu-hãnh mà chiếm ngôi cao.

« Nhà báo đã phát-giác ra lắm sự xấu của nhiều người danh-giá, nhưng cũng hạn-chế được lắm cái bậy của nhiều kẻ tiểu-nhân. Nhiều khi cũng sai-lầm, nhưng mà không bao giờ lầm hẳn, bao giờ sự thực cũng ở trong đám tự-do hỗn-độn dần dần xuất-lộ ra.

« Kẻ nói đi, người nói lại, kẻ thực bụng, người sai lòng, cãi-cọ nhau om-xòm lộn-bậy, tựa-hồ như hỗn-độn hết cả, ấy thế mà nhờ đó tư-tưởng nào cũng có thể diễn-đạt ra, ý-kiến nào cũng có thể bày-tỏ được những điều rất mới rất lạ, cũng có thể công-bố ra, kẻ oan-uổng có thể bộc-bạch được nỗi oan của mình, người yếu hèn có thể chống giữ được quyền-lợi của mình.

« Nhờ có nhà báo mà kẻ gian hùng không dám làm bậy, kẻ quyền-thế không dám lạm quyền.

« Trong báo-giới cũng có lắm cái phong tệ-hại, là cái đồi-phong chung của cả thời-đại này. Nhưng thử nghĩ giá không có báo thời cái đồi-phong ấy lại còn tệ đến thế nào ?

« Cái gì cũng muốn biết để kể lại cho người biết ; cái gì cũng muốn học để dạy lại cho người học ; cái gì cũng muốn hiểu để cắt nghĩa cho người hiểu ; bất-cứ cái xấu, cái đẹp, cái tệ, cái hay, cái gì cũng công bố cho người ta biết, phàm các trạng-thái trong cuộc sinh-hoạt, không nhãng bỏ một mặt nào ; cố tìm cho ra sự thực, dù mập-mờ chưa rõ, cũng gắng sức mà dò ; muốn làm quân tiên-phong cho đời mình, không lấy sự phú-quí là danh, giá ; biết rằng mình càng có lẽ phải thiên-hạ lại càng ghét mình nhiều ; ấy cái nghề báo là thế.

« Nói cho phải, nghề đó cũng đáng cho ta gia-công theo đuổi. »

THƯỢNG-CHI

GIA-ĐÌNH GIÁO-DỤC

Gia-đình giáo-dục thật là quan-trọng, số-phận đứa trẻ, hạnh-phúc một nhà, hậu-vận một nước, đều tùy ở đấy cả. Ai cũng biết vậy, cho nên từ người học-thức đến kẻ thường-dân ai cũng nhận rằng « đẻ con chẳng dạy, chẳng phải là người ».

Nhưng cũng có người nói rằng : « Trời đã sinh ra đứa trẻ nào thông-minh, thì chẳng dạy nó cũng giỏi, mà đứa nào bẩm-sinh đã ngu-đần thì có phép tiên cũng không hóa nổi được nó. Vậy thời tốn công dạy-dỗ có làm chi. May mà được đứa con khôn, đứa trò giỏi, thì nào bố nào thầy tranh nhau để nhận lấy công. Chẳng may phải đứa ngu-đần thời sua đi cho chóng ; nào là « sinh con ai nỡ sinh lòng », cùng là « chữ đâu nhồi vào óc lợn... » Gia-đình giáo-dục với học-đường giáo-dục đều là việc hão. Đức Khổng-tử thì ai dạy làm thánh ? Ông Thích-ca thì ai dạy làm Phật ? Con đức Không-tử sao ngài chẳng dạy làm Khổng-tử con ? con Phật Thích-Ca, sao Phật chẳng hóa cho ra thành Phật ? »

Lời công-kích ấy có chánh-đáng không? Chúng ta được nghe đã nhiều mà lắm khi lại chính những nhà có học-thức lại công-kích như vậy. Dĩ-chí lắm người vốn hết lòng về việc dạy học, tự-nguyện suốt đời chỉ xin làm bõ già cho con cháu thiên-hạ, mà lắm khi nghe những lời công-kích ấy cũng phải nản chí ; tự hối không biết công việc mình làm có thật bổ-ích gì không.

Vậy thì trước khi bàn đến vấn-đề gia-đình giáo-dục, phải xét xem lời công-kích trên kia có chánh-đáng không.

Trong những người cho việc dạy con là vô-ích, thời có người suy ở việc thường : thấy trong một nhà cùng một bố mẹ sinh ra, mà có đứa con thông-minh cần-mẫn, học đâu biết đấy, cũng có đứa thật ngu-ngốc, dạy thế nào cũng không chuyển ; thấy thế bèn kết luận ngay rằng : đã khôn khôn từ thủa lên ba, đã dại đến già cũng dại.

Cũng có người lấy lý rằng : Người ta ở đời, việc gì ông trời cũng đã định trước cho cả : « *nhất ẩm nhất trác, giai do tiền đinh.* » Vậy thời trời đã bắt ai phải ngu-đần khốn-khó, ta có tài nào mà cưỡng lại ý đức Hoàng-thiên ?

Vậy cùng một bố mẹ anh em, có kẻ sáng người ngu, kẻ khôn người dại, mười ngón tay cũng có ngón dài ngón ngắn. Nhưng bảo rằng : đứa khôn chẳng dạy cũng khôn, đứa dại dạy sao cũng dại, thời là lời người cha dực với con mà nói thế thôi. Chứ không dạy sao có khôn, đã dạy sao có dại mãi. Chỉ có là đứa thông-minh thì dạy chóng biết, đứa ngu-độn thì dạy lâu biết mà thôi, cũng như một người lớn đi đường xa với đứa trẻ con, người lớn khỏe đi nhanh, ngảnh lại cứ mắng đứa trẻ rằng : « Sao mày không bước đi được ? » đứa trẻ sợ mà không dám cãi đấy thôi, chứ quả nó có bước đi nhiều đấy chứ !

Còn lấy cái lý-thuyết « tiền-định » mà bảo người ta không cưỡng nổi ý trời, thời trước hết ta nên biết rằng cái lý-thuyết tiền-định ấy vị-tất đã là đạo chung của trời đất hay chỉ là một chuyện bàn hão của người đời. Cái trách-nhiệm bình-phẩm lý-thuyết ấy là ở các nhà triết-học. Về phần ta thì chỉ có hai điều : một là có tiền-định thật ; hai là không có tiền-định.

Không có tiền-định thì bổn-phận ta đã đẻ ra con phải dạy-dỗ lấy con.

Nhưng nếu có tiền-định thật thì sao? khoanh tay mà đợi trời ư?

Người có chí quyết không bao giờ chịu thế. Người có chí nếu đã biết việc mình định làm là phải, thời dẫu có trăm vạn kẻ khác dụng-công ngăn-trở, đem hết uy-quyền mà dậm-dọa, dùng đủ miếng ngon mà dỗ-dành, cũng vẫn trơ như đá, vững như đồng, chung-thân giữ một điều nghĩa, dẫu có tan xương nát thịt âu cũng hả lòng. Cái thân mình có tan, nhưng chí mình còn lại, phảng-phất ở cành cây ngọn cỏ, lai-láng trên mặt nước, thăm-thẳm mấy tầng mây, âm-thầm dưới bóng trăng khuya, cuồn-cuộn trong cơn gió thổi. Biết đâu lại chả có ngày gặp kẻ đồng-tâm, lại chả có phen tung-hoành bốn bể. Mà dẫu có phải thực chẳng gặp thời, thực chẳng có người đồng-chí, thì những bậc gan vàng dạ sắt ấy có phải vì nghĩa mà tấm thân trăm mảnh, dẫu bêu ngọn cỏ, xác vứt dáy hồ, thử hỏi người đời, mà cả đến những kẻ kia đã triệt-hạ được người, có cúi đầu, rỏ giọt, ô-hô mà cảm-phục tấm gương tiết-nghĩa dãng trượng phu không?

Kìa như vua Nã-phá-luân chỉ vì nước mà nắm xương chìm nổi ở giữa bể khơi, nhưng cái thân da thịt tuy đã tan cùng sóng gió, mà cái chí anh-hùng còn cảm-tức trong tâm-can người Pháp đến trận mới rồi, rửa hờn cho được mới thôi.

Ấy là cái chí của người lại đối với người, mà người có chí đã đáng cho ta cảm-phục là thế. Huống-chi chí người lại muốn đối với trời kia, biết rằng trời to mình nhỏ, trời giỏi mình hèn, mà cũng ra tay dấu-chí, quyết phá cho được cái chí của trời muốn giam-cầm con người trong chốn hang sâu rừng tối. Dẫu có vạn lần cả vạn lần thua, Hoàng-thiên cũng phải lắc đầu, mà chịu cho người có chí

Vậy thời tranh số-phận mình với trời dẫu chẳng được cũng chẳng phải việc hèn. Huống-chi người cũng chẳng quyết là thua, trời cũng chẳng chắc rằng được mãi. Khi xưa ta ăn lông ở lỗ, nay sao ta có cửa rộng nhà cao? Trời sinh người không cánh không vây, sao người lại lội bay tranh cùng chim cá? Vậy thời người đời còn có kẻ dỗ-dại muốn đem gầu tát bể, còn có kẻ cuồng-ngông muốn đội đá vá trời, thời con tạo cũng phải lo cho bể sâu có ngày đến cạn, trời xa kia cũng có lúc phải gần.

Song đó là lời phiếm-luận, không bổ-ích gì. — Nay hãy hỏi: nếu ta đẻ được đứa con, mà có ông tiên đến mách số-phận nó chẳng ra gì, liệu có đành tâm mà chẳng nuôi chẳng dạy nó không?

Thiết-tưởng gà ấp ra con còn biết dạy con kiếm mồi, thời người đẻ ra con cũng phải dạy cho con khá. Mà chim kia dạy con con cũng biết bay, thời người dạy con quyết chẳng phải là công uổng.

Vậy thời mặc ai bàn ngược bàn xuôi, ta cứ yên-trí rằng đẻ con thì phải dạy. Nhưng dạy phải có phương-phép. Không có phương-phép thời chẳng những việc dạy con, mà cả muôn việc ở đời chẳng bại-hoại cũng khốn-khó mới thành-công. Vả khuôn-phép dạy con không giản-tiện như khuôn-phép bác thợ nề nầy mực. Phàm việc gì có can-thiệp đến tinh-thần con người cũng là phiền-phức. Bởi vì tâm-lý của giống người thật là một vật kỳ-quái, không, có, có, không, chính nó chẳng là gì, mà bao nhiêu cảnh-vật trong trời đất đều chiếu-rọi vào đấy mà đúc nên một vật rất linh-thiêng, thiên-hình vạn-trạng, ẩn-hiện biến-hóa vô-cùng. Khó lòng mà ngăn-cấm, mà suy-xét, mà biến-đổi, dĩ-chí các nhà khảo-cứu những khoa-học có can-hệ đến tinh-thần con người, như nhà

tâm-lý-học, nhà luân-lý-học, nhà xã-hội-học, nhà kinh-tế-học..., lắm khi cắm-cụi trong một đời mới tìm ra được lý-thuyết nào tưởng là chân-lý có thể đem ra mà giải-quyết được một việc trong nhân-loại, nhưng rút cục lại chẳng khác gì đứa trẻ được hòn nước đá, giấu kỹ trong túi, lúc mở ra tâng-hằng mất đâu rồi.

Bởi sao mà tâm-lý giống người ta ẩn-hiện biến-hóa như vậy? Ta mới nói trên kia rằng : Chính nó chẳng là gì, nhưng muôn vật trong trời đất đều chiếu rọi vào đấy mới đúc thành một vật rất linh-thiêng, — nghĩa là giá con người ta ở một hòn đá mà sinh ra, lại người có thể sống được ở một nơi không trời không đất, không núi không cây, không người không vật, thời tâm-lý con người chẳng là cái gì cả, — nhưng bởi vì ta sinh ra đã có cha có mẹ, có làng có nước, có trời đất núi sông, có nhân-quần thế-giới, bao nhiêu cảnh-vật ở chung quanh ta đều góp sức nhau mà đúc thành khối óc của ta, khiến ta có trí-tuệ tinh-thần. Vốn cảnh-vật ấy thiên-hình vạn-trạng, khi ẩn khi hiện, nên tâm-lý ta cũng ẩn-hiện biến-hóa vô-cùng.

Vậy thời ta muốn dạy con cũng như khảo xét tâm-lý một người, trước hết phải xét cái cảnh-vật ở chung quanh nó thế nào, có ảnh-hưởng đến đứa trẻ ra làm sao và gây nên cho nó những tính-chất gì, thì mới biết đường mà dạy-bảo khuyên-răn. Tức là dạy con như chữa bệnh, phàm người có bệnh đều tại hai căn : một là ngoại-cảm, hai là nội-thương, hai cái căn ấy đều có quan-hệ lẫn nhau ; vì nhiễm mãi cái độc ở ngoài, mà thân-thể ở trong sinh đau yếu, thì cái độc ở ngoài lại càng dễ cảm. Cứ như vậy cảm sinh thương, thương sinh cảm, luân-hồi kế-tiếp, làm cho con bệnh đau-đớn mãi đến ngày tận-số mới tan. Vậy muốn chữa bệnh phải tìm bệnh-căn, muốn dạy con khỏi hư đốt, phải xem hư đốt tại đâu.

Những hoàn-cảnh có ảnh-hưởng đến thân-thể tinh-thần và tính-tình đứa trẻ là địa-thế núi sông, tình-cảnh xã-hội và nông-nỗi gia-đình.

Địa-thế núi sông xứ ta, thiên hạ thường chê là bạc đãi với người : khi nóng quá, khi lạnh quá ; đất cát ẩm-thấp, lam-chướng nặng độc ; khiến cho dân-tộc ta sống ở đây gầy còm yếu-ớt. Vả lại ruộng ít rừng nhiều, đường đi không tiện, nên ta làm ăn khó nhọc, trí-tuệ không bằng người. Cả dân-tộc còn thế thời đứa trẻ tránh khỏi sao được ! Lời chê ấy mới nghe tưởng cũng có lý, nhưng xét kỹ thật cũng quá thiên.

Thiết-tưởng dân ta gầy-còm yếu-ớt, nghèo đói ngu đần không phải chỉ tại đất nước nhà mình ; chắc cũng còn tại nhiều lẽ khác nữa ; đem bàn ra đây không hợp với đầu bài. Nhưng chỉ biết có một điều là tổ-tiên ta sống ở đất nước này đã mấy nghìn năm, sinh-sản ra con cháu chỉ một ngày một đông, thời tất không phải núi sông kia bạc-đãi nòi giống Nam-Việt. Khí thiêng của núi sông đã nung-đúc ra nòi-giống nhà mình, thời mình tất có thể sống cùng sông núi ấy. Hà-tất phải cần-cạnh xứ-sở nhà người. Mà dẫu có thật giang-sơn nhà mình chẳng tốt đẹp bằng phong-cảnh nhà người nữa, nhưng núi non kia là xương-thịt tổ-tiên mình chồng chất sông ngòi kia là huyết-hãn ông cha mình lai-láng, thời dẫu có phải ta vì sống ở núi sông ấy mà chết nữa, ắt cũng cam-tâm.

Ấy là ý muốn nói ta không nên bội-bạc, đổ vạ cái hư-hèn của ta cho sông núi, kẻo tội với trời đất tổ-tiên. Con-cái ta sinh trưởng ở đất nước nhà, có chịu ảnh-hưởng của núi sông, nhưng ảnh-hưởng ấy quyết chỉ có lợi mà không có hại : Lợi là được nhờ đất nước nhà mà sống để giữ lấy dòng-dõi được lâu bền ; lợi là được sống ở đất nước nhà để học lấy đạo làm con cháu giống Hồng-Lạc.

Không hại là vì khí-hậu có độc là độc cho người. Đất có nẹp là tại ta không biết mở. Còn bảo vì thời-tiết khí-hậu nước ta mà dân ta ngu-hèn thì sao cũng ở đất này khi xưa có Lý Thương-Kiệt, có Trần Quốc-Tuấn, có Lê Lợi, có Nguyễn Huệ, có Chu Văn-An, có Nguyễn Bỉnh-Khiêm, có Nguyễn Du, có Nguyễn Khuyến, có Nguyễn Thị-Điểm, có bà huyện Thanh-quan ? Nay xứ-sở ta có độc cho ta, là vì ta đã quen quạt máy, nước đá, áo dạ, nệm bông; nghĩa là ta đã bắt chước cách ăn ở của người nên ta không hợp với xứ-sở nhà ta nữa, chứ kể đi cày bắt ốc, đánh dậm kia vốn trần-trụi, trơ thân ra nắng ra mưa, đầu đội trời, chân đạp đất, da tầm bùn, mình đầm nước, có thấy độc đâu : ăn vẫn ngon, ngủ vẫn kỹ, người vẫn khỏe, tính vẫn lành, ở vẫn phải, làm vẫn được. Thế có phải vì ta muốn xa bỏ xứ-sở nước nhà, nên ta không hợp, thành xứ-sở độc, chứ nếu ta biết yêu-mến xứ-sở, được ở trong xứ-sở thì mừng, phải xa xứ-sở thì khổ, thời tất xứ-sở vẫn hợp với ta, có khi nào độc.

Vậy nên ta có thật yêu-quí đất Việt-Nam, thì cứ yên-tâm mà sống ở đất Việt-Nam, dẻ con ở đất Việt-Nam, cho làm người Việt-Nam trong cõi Việt-Nam, không can chi mà phải áy-náy lo-phiền.

Ta đã xét cái ảnh-hưởng của nơi sông và nhận rằng cái ảnh-hưởng ấy từ cổ chí kim không thay đổi, và không có hại gì đến con trẻ nhà mình. Bây giờ phải xét đến xã-hội ta, và xem ảnh-hưởng đến con trẻ thế nào . . . . . .

Như lời bàn ở trên thời xã-hội ta đang phải lúc nhỡ-nhàng: nhà cũ đổ nát, nhà mới chửa dựng ; văn-minh cũ đã bỏ rồi, văn-minh mới chưa học được. Gia-đình ta cũng đang phải cái nỗi dở-dang ấy.

Khi xưa trong gia-đình ta lấy cương-thường làm gốc : cha anh là cái trụ trong nhà, làm khuôn-phép cho con em ; một mực « thượng hành hạ hiệu », trên kính dưới nhường. Cái thân riêng của mỗi người thủy-chung chỉ làm hi-sinh cho hạnh-phúc cả gia-tộc, cả đoàn-thể, như kiến với đàn, như ong với tổ. Đến bây giờ thiên-hạ trọng cái chủ-nghĩa cá-nhân, lấy hạnh-phúc của mỗi người làm trọng, khiến cho cái gia-đình to-tát bền-chặt và nền-nếp khi xưa tự vỡ lở dần đi, như nước trôi cát lở. Tình cốt-nhục giàng buộc ta với tôn-tộc ngày trước bây giờ biến ra lòng ích-kỷ, xúc-giục ta nhạt-nhẽo với anh em : *Kiến giả nhất phận ; cú có cú ăn, vọ không có vọ lăn vọ chết* ! Phận ai phận nấy, tức là cái thường-tình bây giờ. Mà chẳng những anh em không đùm bọc, đến cả cha mẹ cũng coi là « đống mồm ăn hại », muốn bắt-chước dân nào để cha già mẹ yếu lên cây, con cháu xúm nhau lay chuyển, còn bám được thì sống, bằng lăn xuống, liền đập chết tươi !

Than ôi ! Cha mẹ nuôi con mong đến tuổi già !

Đứa trẻ sống ở trong một gia-đình : anh em thì hờ-hẳng, cha mẹ thì giằng-giọc, liệu nó chịu được những ảnh-hưởng gì ? khỏi sao sinh tính cô-độc, sinh lòng bạc-ác. Đã cô-độc thì sao có đoàn thể ; đã bạc-ác thì sao nhớ đến tổ-tiên. Đã không có đoàn-thể, không nhớ đến tổ-tiên thời sinh thói kiêu-căng dỗ-dại, tưởng như ông cha mình ngày trước không có, và dẫu có thì cũng là giống dã-man ngu-dốt, chỉ có ta bây giờ mới là văn-minh tiến hóa : ta biết điện hút thành sét, mây đọng hóa mưa, trời phật là hão, giỗ tết là phiền.

Cũng có lẽ lời bàn mới rồi là quá, song cũng không quyết hẳn là sai. Có lẽ quá là vì cũng còn nhiều nhà giữ được nền-nếp như xưa ; không hẳn sai là vì xem những gia-đình mới-mới bây giờ, thiên-hạ phàn-nàn đã lắm. Song ngẫm xem nếp cũ một ngày một đổ, mà lối

mới cũng càng ngày càng thịnh, thời lời bàn kia cũng không phải quá sai.

Nói tóm lại thời : Trong ba cái hoàn-cảnh có ảnh-hưởng đến con trẻ, thì núi sông đất nước không có hại gì, còn xã-hội và gia-đình thời gây cho chúng nó một là tính đê-hèn, mất cả tư-cách làm người, hai là tính cô-độc, bỏ cả nòi giống, phụ tổ-tiên.

Vậy thời ta dạy con trước hết phải trừ hết cái tệ ấy đi.

Trừ tệ ấy có hai kế : Một là phải tuyệt cái độc ở ngoài, nghĩa là làm thế nào cho xã-hội và gia-đình không có ảnh-hưởng hại đến trẻ con ; hai là bồi-bổ ở trong, tức là dạy-dỗ khuyên-răn cho đứa trẻ có tài-lực, có ý-khí, có đảm-đang, biết đoàn-thể, biết yêu nòi giống, biết trọng tổ-tiên, biết thương nhân-loại.

Cái kế trên thì khó : Sửa đổi cả xã-hội, không phải mình ta làm nổi. Xã-hội biến-cải tùy ở lắm lẽ, bàn ra đây thì liên-miên lắm. Nhưng trong các nguyên-nhân làm biến cải xã-hội cũng có một phần to ở trí-lực người : như muốn bỏ cái nông-nổi làm mướn trong xã-hội ta, thì ta phải chí định rằng : bây giờ làm mướn là quyết để về sau không làm mướn. Một người có chí ấy, trăm vạn người cùng chí ấy, thì lâu dần cũng sửa đổi được xã-hội. Như bây giờ ta phải biết cách theo đòi người Đại-Pháp mà học cho giỏi để lập lấy thân (vả người Đại-Pháp cũng mong cho ta được như thế kia mà).

Sửa đổi gia đình tuy có dễ hơn xã-hội, nhưng cũng không phải một chốc mà xong. Gia-đình cũng tùy ở trăm nghìn lẽ mà biến-cải : nào thời-thế trong nước, nào trí-thức mọi người, nào cách làm ăn, nào đường giao-thiệp, kể sao cho xiết. Nhưng cái phần của trí-lực người lại to hơn ở xã-hội nhiều : ta đứng làm chủ-trương một gia-đình, quyền cất đặt sửa đổi ở ta. Như trong gia-đình, tuy bây giờ không thể lập lại cái gia-đình đông-đúc, ông bà cha mẹ, chú bác cô dì, anh em con cháu, kẻ xa người gần, đều ở trong một nhà như xưa, nhưng ta cũng có thể đem tình cốt-nhục giữ cho giọt máu đào khỏi thành ra nước lã, đi lại âu-yếm, cứu-giúp lẫn nhau, để giữ lấy họ-hàng vây-cánh.

Nếu được thế thì cái độc ở ngoài lâu dần phải mất, xã-hội với gia-đình không hại đến con trẻ. Nhưng kế ấy liệu có thành không, có thành nữa thời đến bao giờ ? Câu hỏi ấy ai dám trả lời, vì việc chẳng ở riêng một tay ta. Như kế thứ hai thì ta có thể đem làm ngay được, vì chẳng những ở quyền ta, mà lại là bổn-phận ta nữa. Vậy ta phải dạy con thế nào ?

Ở trên kia chỉ tách ra có hai tính xấu của trẻ con ta : đê-hèn và cô-độc, là vì muốn cho giản-tiện minh-bạch, nhưng hai cái tính ấy còn gồm biết bao nhiêu tính khác nữa. Như : lười-biếng, cẩu-thả, a-dua, dối-giả, kiêu-căng, hoang-tùng, cùng các tính xấu khác, tùy người tùy cách mà có, nhưng không thể bàn cho khắp được ; vì mục-đích bài này không phải là đem dịch một chương tâm-lý-học nào, và cũng không phải đem lược bàn phép dạy con trẻ như trong các sách của các nhà giáo-dục, vì là những vấn-đề bàn trong các sách ấy cốt là chung cho cả mọi người, nhưng cũng vì thế mà chẳng hợp vào ai. Ta phải xem các sách ấy để biết cái đại-cương trong nghề dạy trẻ, nhưng cần nhất là phải biết đem cái khuôn-phép chung mà làm cho thiếp với cái tình-thế riêng của mình.

Vậy ta không phải bàn đến các tính-chất thuộc về thân-thể, tinh-thần và tính-tình đứa trẻ, cùng cả ba chương lớn trong khoa giáo-dục là thể-dục, trí-dục và đức-dục. Nhưng phải định rõ cái phương-châm riêng của phép dạy con trẻ chúng ta bây giờ là thế nào.

Ta đã xét ra rằng xã-hội và gia-đình gây cho con trẻ cái tính đê-hèn và cô-độc, mất cả tư-cách làm người, quên cả nòi-giống tổ-tiên, thành ra một hạng người nhỡ-nhàng trên không chẳng, dưới không rễ, trước không nhớ đến ai, sau không nghĩ đến ai, bơ-bơ sướng một thân mình, ai khổ mặc ai, nếu được bữa rượu ngon thịt béo, thời họ-hàng chúng bạn và cả đến danh-giá của mình cũng bán rẻ mà mua.

Vậy ta phải dạy con làm sao, một là cho nó biết tự-trị, hai là cho nó biết đoàn-thể: ấy là cái phương-châm rất thích-hợp cho chúng ta bây giờ. Kể cái cách dạy con cho đạt được mục-đích ấy thời nhiều, mỗi người mỗi cách, tùy cha mẹ, tùy con trẻ. Nhưng tôi thường nghĩ mấy cách sau này:

Một là cha mẹ phải thân với con để dạy con, thời mới trừ được mọi thói xấu ở trong tâm-tính nó.

Hai là chọn bạn cho nó gần, tìm chỗ cho nó chơi, để mở-mang trí-tuệ, và tiêm-nhiễm lấy tính đoàn-thể.

Cách cha đối với con trong xã-hội ta bây giờ có hai:

Theo lối cổ thì quá nghiêm.

Theo lối mới thì quá nuông.

Có người dạy con rất là nghiêm-khắc, con trông thấy cha như mèo thấy kềnh, lẩn-lút run-sợ. Trước mặt cha thời con như người máy; nào đứng ngồi đi lại, nào ăn uống nói-năng, nhất-thiết đều theo ý cha cả, tựa-hồ như có một luồng điện phát tự hai con mắt của cha mà đập vào bộ máy của con, làm cho nó cử-động. Nhưng lúc khuất mặt cha, thời trong cái người máy kia như có con yêu quái, lo-lò hiện ra, trông trước nhìn sau, rón-rén bước dần, nghé mạch tường, dòm khe cửa, nếu không thấy bóng ông phủ-thủy đâu, thời múa-máy nhảy-nhót, bao nhiêu trò thiên-tinh địa-quỉ, giở ra cho hết, cho sướng cái thân, cho bõ lúc giam cầm trong người máy. Hoặc giả đang lúc tung-hoành, chợt thấy bóng ông phủ-thủy, thì biến ngay vào trong hình giả: học rõ chăm, viết rõ kỹ; đứng ngồi rõ chỉnh-tề, ăn nói rõ lễ-phép, cứ như thế trước mặt là người, sau lưng là ma, cho đến khi tay ấn ông thầy đã yếu, mà phép con ma kia đã giỏi, thì tức-khắc nó hiển-hiện ra ngay trước mặt ông thầy mà bóp cho lè lưỡi! — Dạy con nghiêm-khắc quá tức có cái hại như thế: nó đã sợ mình quá thì không có thổ-lộ cho mình biết bụng nó nghĩ điều gì, định làm việc gì. Mình đã không biết, thì biết đâu mà sửa; cứ thấy nó lễ-phép trước mặt mình, thì tưởng nó vẫn hay, không ngờ trong bụng nó đã chứa tích biết bao nhiêu lòng hư ý dại. Lúc nó đã quá quay dầu lộn cổ thì cha mới ngạc-nhiên không biết tại sao con mình hư-hỏng.

Còn những nhà nuông con quá, hoặc tại con một, hoặc theo lối mới, thì con như ông vua nhỏ trong nhà, cha mẹ như tôi-tớ, nó đòi gì được ấy, bất thế nào cũng phải nghe; cũng có lúc biết rằng con hư, định trừng-phạt; nhưng vừa nói đến thì cậu vua con giả ốm, dọa bỏ nhà đi Tây, hay chẳm mình thắt cổ. Ấy thế là cha mẹ hoảng-hốt, dỗ-dành van lạy, mời cho cậu chơi, tạy cho cậu ăn, từ đấy không dám động đến chân lông nữa! Thế thì cậu tha-hồ ăn chơi hoang-phí, cha mẹ cứ nai lưng ra mà tích của để dành cho cậu phá.

Không cần phải kể hai cách dạy con ấy hại là thế nào, vì mắt ta đã trông thấy biết bao nhiêu nhà phải cái ông con như vậy.

Phép dạy con là phải làm thế nào cho con thân mình, tin mình, yêu mình.

Con thân thì nó mới đem hết tâm-sự bày dãi với mình: việc hay việc dở nó cũng cho mình biết cả. Nhưng phải làm thế nào cho nó thân với mình,

không giấu mình một điều gì. Trước hết là phải âu-yếm nó, rồi hễ thấy nó đã làm được việc gì hay thì khen; nhưng hễ thấy nó định làm việc gì dở, thì cũng đừng nổi giận; cứ rủ-rê khuyên-răn dần dần.

Nếu nó làm phải điều quá hư, mình đã giận bảo trước rồi nó không nghe, thì cũng đừng có đánh đập: cứ nghiêm-nhiên, làm bộ buồn rầu, không hỏi-han, không âu-yếm. Xưa nay nó vẫn thân-yêu mình, mà thấy mình lãnh-đạm như thế, thì khổ-sở lắm, nó tự nhớ đến tội mà lại van-lơn, hoặc nó không nhớ thì mượn người khác bảo cho nó biết vì nó tội gì mà mình giận. Nhưng lúc nó đã van lạy rồi, mình cũng đừng âu-yếm nó ngay, ít ra cũng phải làm giận lấy một hai ngày cho nó thật khốn-khổ. Tôi đã nghiệm rằng đánh đòn thật đau nó không nhớ bằng những lúc mình giận như vậy. Lúc đã thôi giận rồi, hễ khi nào rồi-rãi vuốt-ve âu-yếm cũng năng kể lại tội cũ. Đặt ra truyện cổ tích hay tìm đưa nào cũng có tội ấy mà chỉ cho nó trông, kể cho nó nghe, đan đi giậm lại cho nó không sao quên được. Hễ thấy cái thói xấu nào hơi bắt mầm trong chí nó, thì cứ như thế mà làm cho tuyệt nọc, nhưng phải làm sao cho nó tin mình thì nói nó mới nghe. Muốn cho nó tin thì trước hết đừng dối nó cái gì, hoặc cắt nghĩa các việc thường, hoặc hứa cho nó đi chơi hay ăn quà ăn bánh, nhất-thiết đừng có dối trá sai lầm. Nó đã yên-trí rằng mình bảo nó điều gì là thật phải, mình hứa với nó cái gì là tất có, thì tự khắc nó tin.

Con trẻ cũng như người lớn: nếu ta đã biết ai, nói thời như xẻ cửa xẻ nhà nhưng kỳ-thực thì chỉ cốt để rút ruột già ruột non ta thôi, thời bảo ta tin-yêu sao được?

Nếu con trẻ đã thân mình tin mình thời tự-khắc nó yêu. Đã yêu thì lại càng thân, càng tin ta lắm. Đã yêu thì ta dễ dạy-bảo khuyên-răn, đã yêu thì biết nể biết sợ, đã yêu thì trước mặt thế nào sau lưng thế. Gần ta nó biết sửa mình, xa ta nó lại biết giữ mình hơn nữa. Ta còn nó ăn ở hết đạo làm con, ta mất nó lại ăn ở hết đạo làm người.

Cứ như thế thì lo gì nó chả thành-thân. Ấy cái lẽ cha mẹ phải thân với con là thế.

Còn như phải chọn bạn cho nó gần, tìm chỗ cho nó chơi, một là để cho tinh-thần nó mở-mang, cho nó biết đường cư-xử, hai là để ta biết rõ thêm cái tính-tình của nó.

Dạy con mà cứ khư-khư giữ nó trong nhà, không đi đến đâu, không hề bạn ai, thời trách sao nó chả ngu-độn. Nhưng chơi cũng tùy chỗ, bạn cũng tùy người. Chơi-bời bè-bạn thật là một vị thuốc rất mạnh: biết dùng ra thì chữa được bệnh, bổ được người, không biết dùng thì hóa thuốc độc, hại chưa biết chừng nào. Nhưng chọn cũng phải lựa, đừng làm mất cái sở-thích của nó; nếu ta ép nó phải chơi với ai, phải đến chỗ nào mà nó không thích thì nó sinh chán, đã chán thì có bổ-ích gì.

Trong cách nó đi lại chơi-bời ta cũng phải để tâm xem có hại thì trừ cho sớm. Nói tóm lại ta phải chọn phải trông thế nào cho nó chơi với bè-bạn là cốt để bắt chước lẫn nhau, khuyên bảo lẫn nhau, tập lấy tính bè-bạn, học lấy nghĩa đoàn-thể, chứ không phải ghen-ghét khinh-bỉ lẫn nhau, quyến-rủ nhau làm điều dại dột. Ta phải chọn phải trông thế nào cho nó chơi những nơi có bổ-ích, ngắm lấy hình-thế núi sông, nhớ lấy di-tích đời cổ, hiểu cách làm ăn của người, biết suy tính các đường lợi hại.

Thế là cho nó chơi-bời bè-bạn để mở-mang tinh-thần trí-thức.

Ta cũng còn cốt cho nó chơi-bời để biết rõ các tính-tình của nó; bởi vì tuy nó

đã thân yêu ta, không đến nỗi có ta thì đeo mặt nạ mà vắng ta thì giở trò tinh-quái, nhưng tính-tình đứa trẻ còn non-nớt, ở trong nhà thì chịu ảnh-hưởng của cha mẹ anh em, ra ngoài thì chịu ảnh-hưởng của bè-bạn, của xã-hội. Lắm khi hai cái ảnh-hưởng ấy lại xung-đột nhau. Vậy ngay từ lúc đứa trẻ còn nhỏ, ta đã phải dần-dần cho nó ra ngoài, xem tính nó thay-đổi thế nào để liệu chiều mà sửa đổi. Vả cũng lắm khi nó có những tính mà trong nhà ta không biết, mãi lúc ra ngoài nó mới hiển-hiện ra. Vậy có cho nó ra ngoài thì ta mới biết rõ các tính-nết nó thế nào, thay đổi thế nào. Tức như ta đóng chiếc thuyền để đi bể, thì trước khi phó mặc chiếc thuyền ấy cùng sóng gió, ta phải thử xem có thực bền không, có còn thiếu-thốn gì không, có thể chống lại với gió to sóng cả hay không.

Các nhà quyền-quí bên Tàu khi xưa có cái tục cho con cháu chơi với nhau, nay họp nhau ở nhà này, mai họp nhau ở nhà khác, để chuyện trò đàm-luận, và luyện-tập văn-bài, cũng có khi cùng nhau đi ngao-du sơn-thủy, để mở mang trí-tuệ và quan-sát việc đời. Cái tục ấy rất là hay, đã đào-tạo được bao nhiêu giai-nhân tài-tử. Tôi thấy các cụ nói ở nước ta khi xưa cũng có theo được cái tục ấy, nhưng đến bây giờ thì không thấy đâu còn, nghĩ đến mà tiếc

...Không biết tại làm sao trẻ con các nhà dẫu thân-thuộc cũng không hay đi lại chơi-bời, sợ nó đại-đột bạ mồm bạ miệng gì chăng? Nhưng thiết-tưởng cái cớ đầu tiên là chúng ta bây giờ không hay suy-nghĩ đến việc dạy con: mong đẻ ra con, nuôi cho con lớn, dạy cho thuộc vần quốc-ngữ, bập-bẹ vài ba tiếng tây, rồi cầy-cục cho vào trường, hễ được vào trường ấy là rảnh việc, lắm khi chẳng biết nó học-hành thế nào, chơi-bời với ai, hễ thấy đỗ bằng nọ bằng kia thì cho là con giỏi, nếu không đỗ thời nào trách thầy chẳng chăm, nào bài thi khó, nhưng có biết đâu một phần to là lỗi tại mình.

Giá bây giờ ta cũng theo cái tục cũ, giăm ba nhà họp nhau lại, cứ mỗi tuần-lễ một lần cho trẻ con độ mươi lăm đứa tụ họp lại ở một nhà nào, trong một ngày hay một buổi, cùng ăn cùng chơi, nếu có tiện thì đưa đi xem các đền chùa, các nơi thắng-cảnh, hay các chỗ làm ăn.

Như thế thời: một là những đứa trẻ ấy chóng mở-mang tinh-thần, đứa nào đần-độn, cũng phải phá ngu. Hai là nó chơi-bời với nhau, yêu mến nhau, tự-nhiên có tình liên-lạc, có nghĩa đoàn-thể. Ba là nay chơi nhà này, mai đến nhà kia, thành ra biết được phong-tục mọi nhà, tự nó so-sánh biết cái hay cái dở. Bốn là cha mẹ càng dễ biết tính-nết con mình kém người cái gì, hơn người cái gì, nhân đó mà khuyên-răn dặn bảo. Năm là những lúc trẻ con chơi nghịch với nhau như thế, bao giờ cũng có người lớn trông nom, mà chúng nó cũng không phải tù-túc cho lắm.

Có một điều tối-cần, là các người cho con-cái chơi-bời với nhau như thế, phải coi con người y như con mình, coi cha mẹ chúng nó như bạn thân của mình, thì những đứa trẻ ấy mới biết yêu-quí nhau, biết dỗ-dần nhau.

Tôi thiết-tưởng cái cách ấy cũng chẳng lấy gì làm khó, chỉ có một chút nhiệt-thành là đủ.

Đó là tạm đem mấy cách dạy con mà xem phải dạy thế nào cho thích-hợp với cái phương-châm đã định ở trên. Đại-khái chỉ cốt làm sao cho đứa trẻ biết nghĩa hợp-quần, biết đường tự-trị.

Bây giờ xin kết-luận: Ta đã cho việc dạy con là trọng, và hễ biết dạy con thì con phải khá.

Ta đã xem xét xã-hội và gia-đình để tìm lấy phương-châm của phép dạy

con. Ta đã nhận ra rằng hai cái tệ chung của trẻ con ta là thói dê-hèn và tính cô-độc ; sau ta đã bàn qua mấy cách dạy con thế nào để trừ được hai cái tệ ấy.

Nhưng mà phàm muôn việc ở đời tuy đã hiểu được lẽ, định được việc, song cũng phải có đủ tư-cách để làm việc ấy thời mới thành-công. Vậy hãy ngẫm xem ta có đủ tư-cách ấy không?

Thế nào là có tư-cách dạy con ? Ta muốn bảo ai điều gì, bất-cứ trẻ con người lớn, nếu chính ta có làm nổi việc ấy thời nói mới có người nghe. Ta muốn dạy con ta có đủ các tính nết hay, thì ta cũng phải có đủ các tính-nết hay ấy. Vậy tư-cách dạy con là có đức-tính hoàn-toàn. Song ở đời mấy ai chắc mình có đủ đức-tính hoàn-toàn, thế ra không ai dạy nổi được con mình hay sao ?

Có đức-tính hoàn-toàn là cực-điểm tư-cách dạy con. Chúng ta dẫu chửa mấy người tới được cái cực-điểm ấy, nhưng cũng có người gần người xa. Càng gần cái cực-điểm ấy bao nhiêu thì càng có tư-cách dạy con bấy nhiêu. Càng xa cái cực-điểm ấy bao nhiêu thì càng ít tư-cách dạy con bấy nhiêu. Vậy muốn giàu tư-cách dạy con tất phải sửa mình. Ta sửa được mình bao nhiêu thì dạy con càng dễ bấy nhiêu. Lắm khi ta chẳng phải dạy mà cứ trông ta tự-khắc nó theo. Bởi vì lời nói tuy có nghĩa, nhưng việc làm lại còn nhiều nghĩa sâu hơn. Cho nên cha dạy con đừng đánh bạc, nhưng con cứ bắt-chước cha mà bài-bạc cả ngày.

Vả nếu sửa được mình thì chẳng những dạy được con, còn đến những việc khó nữa cũng làm dễ như chơi. Cho nên thánh-nhân đã dạy « *tiên tu kỷ thân* . . .

BÙI QUANG - HUY

Giáo-sư trường Bảo-hộ Hà-nội.

CẢI-LƯƠNG HƯƠNG-CHÍNH

Vấn-đề cải-lương hương-chính ngày nay là một câu chuyện hiện nay khắp chợ thì quê đâu đâu cũng nói đến, nên cho là một câu chuyện thường, nhưng kỳ-thực là một vấn-đề rất trọng-đại, có quan-hệ cho cuộc tiến-hóa của nước nhà ta rất nhiều, và hiện nay Chính-phủ và các nhà thức-giả trong nước đương chú-ý đến lắm.

Nói đến cái hiện-tình công-cuộc cải-lương thực đáng nên ngao-ngán quá, hãy xin gói-ghém một câu mà nói lên trước rằng : *cải-lương hầu đã thành ra cải-ác mất rồi*. Quả thế, nếu xét đến cái hiện-tình thì không sao không phải phàn-nàn rằng nếu liệt-bại như thế thì còn mong gì có thành-hiệu được. Về cái nỗi liệt-bại ấy chẳng những bây giờ mới sinh ra thế, ấy làm ra lúc nào thì liệt-bại ngay từ lúc ấy mà đi, nên trong mấy năm nay các nhà thức-giả, nhất là các báo quốc-văn thường đã phí-tổn biết bao nhiêu giấy mực làm ra những trường-thiên đại-luận tỏ bày cái nỗi liệt-bại những thế nào và cùng nhau bàn-bạc về cách bổ-chính ra sao. Về phần riêng tôi, tuy học-thiển tài-sơ, nhưng trong mấy năm lạm giữ quyền chủ-trương tờ báo *Khai-hóa*, cũng từng theo đòi các bạn đồng-nghiệp mà góp một đôi lời. Nhưng mực đen giấy trắng, rút lại cũng chẳng thấy có ảnh-hưởng được chút gì. Tuy vậy mà lòng tôi lúc nào cũng nghĩ đến điều đó luôn, vì sống ở làng

sang ở nước, làng nước là gốc rễ của mình, mà làng mới thực là cái rễ cái quan-hệ hơn hết, góp làng thành nước, làng chẳng ra làng thì nước cũng chẳng ra nước nữa. Chúng mình sinh ở trong cái làng cái nước ấy với nhau thì hay làm sao được mà chẳng hèn. Vì vậy nên tôi nay dẫu không ở trong làng báo nữa, không được cái hân-hạnh cùng các độc-giả bàn nói hàng ngày, nhưng tôi vẫn mong có dịp nào được đem cái ý-kiến hẹp-hòi về những điều tôi đã xem xét được về việc ấy, bày tỏ cùng đồng-nhân.

Cứ kể ra thì hương-chính hương-tục ở các làng cải-lương là phải lắm, vì đổi cũ thay mới là cái lẽ tất-nhiên trong đường tiến-hóa của các dân-tộc trên thế-giới, nên xưa nay việc chính-trị và phong-tục người trên đối với dân dưới cần phải biết thông-biến nghi-dân, nữa chi thế-giới đến bây giờ đương là cái vận-hội mới, phong-trào mới, muốn cho được thích-hợp để mong tranh-cạnh sinh-tồn, thì hương-chính hương-tục cũ không sửa đổi không được, vì có nhiều điều ta đã thấy chẳng những không thích-hợp mà lại hủ-bại quá đổi, nếu cứ để vậy mà không gia-công một phen chấn-chỉnh, thì dân-tộc ta có lẽ đến thoái hóa mất, cho nên khi bắt đầu mới nhóm lên công-cuộc cải-lương thì ai cũng sẵn một lòng cổ-võ hoan-nghênh cả.

Cuộc cải-lương ở Bắc-kỳ ta vi-thủy từ tỉnh Hà-đông trước, là nhờ có quan Tổng-đốc Hoàng Trọng-Phu đề-xướng lên và thực-hành ngay. Điều đó thích-hợp với các công-cuộc khai-hóa của nhà nước bảo-hộ đối với dân ta, vì nhà nước vẫn từng chú-ý đến. Bởi vậy nên khi quan MONGUILLOT lên làm thủ-hiến xứ ta đây, ngài bèn cương-quyết lấy điều đó làm cái quan-niệm về cái chính-sách lâm-dân rất khôn khéo của ngài. Ngày 26 tháng 8 năm 1921 ngài đã đặt ngay thành điều-lệ sức-thị các dân-xã đều phải thứ-đệ thực-hành cải-lương, từ đó đến nay cái phong-trào cải-lương đều tràn khắp các dân-xã không còn mấy nơi là không. Cứ cậy về cái chính-sách rất khôn-khéo và lòng nhiệt-thành rất sốt-sắng của ngài ấy, ai chẳng tưởng là chẳng bao lâu mà dân ta sẽ được hưởng biết bao nhiêu hạnh-phúc về cái kết-quả tốt-tươi. Nhưng ta đáng nên lấy làm tiếc rằng ngài khéo ra công bón-xới vun-trồng thật đấy, nhưng rút lại chẳng có kết-quả gì, mà còn e không biết rồi ra còn liệt-bại đến thế nào nữa kia đấy. Vậy thì cái trở-lực bởi vì đâu, tưởng chẳng cần phải nói, các độc-giả đều biết ngay rằng: các hương-thôn ta chưa đủ tư-cách mà làm nổi được công-cuộc ấy.

Cổ-nhân đã nói: có phép hay cần phải có người hay, vậy ta thử xét những bọn huynh-thứ trong các dân-xã bây giờ là những người trọng-yếu mà Nhà-nước giao cho cái trọng-trách là phải thi-hành công việc cải-lương ấy, có toàn được là người hay cả không? Quyết rằng không. Tôi dám nói tất cả các dân-xã trong xứ Bắc-kỳ ta, trừ những nơi Mán-mọi ra không kể, khéo lắm chỉ được năm ba làng mà thôi. Vì nếu có được nhiều người hay, thì cái công-cuộc ấy đã không đến nỗi liệt-bại thế này. Mà nếu có hay thật nữa thì cứ cái hương-chính hương-tục cũ của cổ-nhân lưu-truyền lại mà theo cũng thừa tốt-đẹp; song cũng chỉ vì chẳng có người hay mà đến nỗi thành ra hủ-bại, khiến cho Nhà-nước phải nghĩ cách cải-lương. Ấy chỉ vì người không hay mà phép cũ đã làm thành dở, phép mới lại làm ra dở nốt. Tiếc thay! Vậy sau đây tôi xin lần-lượt cứ thực tường-khai những nhân-vật trọng-yếu về cuộc cải-lương ở các làng thế nào.

Trước hết hãy xin nói tóm cả một hội-đồng. Theo như điều-lệ thì mỗi làng phải cử ra một hội-đồng để làm

công việc cải-lương. Đầu hết mỗi họ phải cử ra một người để làm đại-biểu cho họ, gọi là tộc-biểu, nếu là họ nhỏ thì hai ba họ cử chung một người. Rồi các tộc-biểu lại nhóm lại cử người nào làm chánh-hương-hội hay phó-hương-hội, người nào làm thủ-quĩ hay thư-ký. Tưởng như thế là công-bằng lắm, vì không có cái hại vây-cánh bè-đảng, nhất là kẻ cường-hào không được chuyên-hoạnh mà những người hay những họ kém vai-vế cũng được có quyền ăn nói về việc làng. Nhưng ngờ đâu lại thành ra một cái mối tranh-cạnh lớn, mỗi khi hết một hạn hội-đồng, là trong làng lại lục-đục ngay. Chứng ngay như hôm vừa rồi tôi có đi qua một làng gần đây, thuộc tỉnh Bắc-ninh, thấy trong làng kẻ đi người lại tấp-nập mà ai cũng mặt đỏ gay, hơi men chếnh-choáng. Tôi hiếu-kỳ, hỏi xem trong làng có việc gì, thì có một ông cụ nói : « Làng tôi hôm nay bầu các ông hội-đồng đấy, các ông tranh nhau làm cỗ mời làng hơn nửa tháng nay, không hôm nào phải cơm nhà, cứ chén tràn mãi, mà nể quá chẳng biết bầu ai đừng ai. Ấy làng tôi hương-hội cũ hết hạn đến bảy tám tháng mà vì cứ tranh-cạnh mãi nên chưa bầu được hương-hội mới. » Tôi nghe nói lấy làm nghĩ-ngợi sửng-sốt cả người, không hiểu họ tranh nhau cái gì, có lẽ cũng tranh-cạnh dữ, lôi ăn lôi uống, đút bạc đút tiền, như cuộc tranh-cạnh của mấy ông hậu-tuyển tổng-lý hay mấy quan nghị quan hội mà ta thường thấy chăng. Đương lúc ấy lại thấy sáu bảy người đàn bà quẩy mấy gánh rượu lặc-lè, mỗi gánh có đến hơn bốn chục chai rượu, các bà ra dáng hớn-hở lắm. Có một bà nói : « Thôi tốn nhân thề, cố lo cho thầy cháu làm được cái chánh-hội tôi cũng hả. » Hỏi ra mới biết đều là « bà dầm » của các ông hậu-bổ tộc-biểu cả đấy, bà nào cũng tỏ ý muốn tranh-cạnh cho đức ông chồng có danh có giá, để hòng cái nước «quan tất » mà lên bộ với chị em bạn gái trong làng. Cứ mắt tôi trông những gánh rượu của các bà đã có đến hơn bốn trăm chai và cứ như ông cụ nói chuyện ấy thì mỗi ông hậu-bổ tộc-biểu ít ra là hai lợn, ấy là không kể sự ăn uống lặt-vặt con chó con gà khác, thì ra làng này to, theo đúng như điều-lệ Nhà-nước phải hai mươi ông tộc-biểu, nếu lập xong được hội-đồng, không kể sự phí-tổn khác, cứ cái số lợn thì 20 ông tộc-biểu đã là 40 lợn rồi, ghê không !

Đó là ta-dan-cử sự tranh-cạnh về hội-đồng của một làngnhư thế, chắc ai cũng phải lấy làm chán quá. Hội-đồng đã vì sự tranh-cạnh hèn-mạt mà lập ra thì còn làm gì được nữa mà mong. Quả vậy, lệ thường thì hội-đồng mỗi tháng họp hai lần, mà có làng cả tháng chẳng thấy họp gì cả, nếu có họp thì cũng như đàn xẩm bàn chuyện voi, chẳng hiểu công việc gì, mà hễ họp là phải có chén đã, gõ mõ không bằng gõ thớt, dám nào có chén là hội-đồng đến ngay ; như vậy thì hội-đồng cải-lương cho dân-làng lại thành ra một đoàn ăn hại, bớt ăn bớt uống của bọn con em để nuôi đàn sâu bọt, còn tức gì bằng. Cái câu chuyện « hai đám cãi nhau hội-đồng kết-nghĩ phạt năm mâm cỗ » của hội-đồng một làng nào ở Kiến-an, năm ngoái đã đăng trong một tờ báo kia, bà con ta ai nghe đến cũng phải cười đến vỡ bụng, mà đều phải phục hội-đồng làng ấy xử kiện một cách mới quá và được việc quá ! Ấy cái hiện-tình hội-đồng các làng đại-để là như thế cả ; từ đây trở xuống tôi xin nói riêng về từng vị một trong hội-đồng.

Đứng đầu hội-đồng là chánh-phó hương-hội. Cứ theo như điều-lệ của Nhà-nước thì hai chức ấy địa-vị và chức-trách đã cho có một cái quyền-hạn riêng cũng tôn-trọng lắm, ý Nhà-nước muốn cho người có học-vấn kiến-

thức như các hưu-quan và các người có phẩm-hàm và khoa-mục ở trong làng ra nhận chức đó để cho có đủ tư-cách biện-sự được. Nhưng những người như thế phần nhiều không chịu ra làm, một là vì làng nào cũng có một lũ điêu-hào đông, chúng bấy lâu chỉ quen bới khoét trong làng, nếu bây giờ có người đem công-tâm ra mà làm thì tất bị bọn ấy ngăn-trở quấy rối; hai là vì trong làng các họ, có họ hơn họ kém, họ sang họ hèn, trước kia chỉ những họ to và có bề-thế mới có người được ra ăn nói ở trong làng, bây giờ họ nào cũng được có tộc-biểu, các người ấy chưa thoát khỏi được cái khí-vị giai-cấp, sợ ra làm thì sang hèn một loạt có mất thể-diện chăng; ba là các quan trên đối với các hội-đồng có nhiều ngài không phân-biệt, cứ nhất-luật đem quan-dạng mà đối-đãi, nên người trí-thức không ai dại gì lại ra mặt để bị cái nỗi khó chịu đó. Ấy vì những cớ như trên đã nói, nên chức chánh phó hương-hội các làng không được mấy người có tư-cách. Các người biết đã không chịu ra làm, tất là lại đến phần bọn kỳ nát chứ còn ai. Đã đến bọn ấy ra làm, thôi thì hỏng việc ngay, vì sự ngu dốt và cái căn-tính đê-hèn nên không mấy kẻ tự biết quí-trọng cái quyền-hạn và cái địa-vị của mình, cũng cho mình như là bọn kỳ-lý khác, thi nhau luồn-lọt chốn quyền-môn lấy thế để lòe dọa dân làng, đối với việc làng thì chẳng nghĩ gì đến công-ích công-lợi cả, vẫn giữ sẵn lòng tham-biền, chỉ định có việc gì để nạo-khoét kẻ cùng-dân; kẻ nào quá gian-hoạt cũng mượn tiếng bày ra việc công-lợi này việc công-ích khác để hòng xé mắm mút tay. Vì những kẻ ngu-hèn ấy làm mất cái giá-trị đi rồi, nên các nhà thức-giả trong làng lại càng chán-nản, không ai còn tưởng đến nữa, chứ có phải vì không có cái bằng-cấp như ý quan Thống-sứ Bắc-kỳ hồi năm ngoái đã tư hỏi quan Thủ-hiến các tỉnh mà định đem cái đó để làm cái mồi dử được đâu.

Chánh-phó hương-hội đã phần nhiều là những người như thế thì thủ-quĩ thư-ký cũng khó cho có được người hay. Cứ chiếu như điều-lệ đã định thì chức thủ-quĩ và thư-ký cần phải lựa từng hạng người đích thực là thanh-liêm, có thanh-vọng, có am-hiểu công việc, vì chính những người lĩnh hai chức ấy là kiêm chức-trách theo phép thực-hành các lời trong hương-hội đã bàn định. Vậy mà hai chức ấy ở phần nhiều làng chỉ như cái máy cho mấy bác điêu-hào làm chánh phó hương-hội muốn xoay thế nào thì xoay. Tuy rằng thủ-quĩ phải bầu những người có vật-lực, nhưng chính những người có vật-lực lại biết đôi chút lý-sự thì không được bầu, chỉ những bác có của mà không khôn thì họ mới bầu ra nhận giữ tiền quĩ, rồi họ bắt đưa ra cho họ chia nhau tiêu, lúc nào Nhà-nước có phái quan về khám quĩ thì họ mới trả cho vào quĩ để trình; quan khám xong, của ai lại lấy về tiêu, nên gọi là thủ-quĩ mà có kẻ quanh năm chẳng được giữ lấy một đồng xu nhỏ. Có làng bọn hương-hội lại quá gian-quyệt, khi quan về khám quĩ, nếu những món tiền họ chia nhau tiêu chưa lo trả kịp, thì họ bảo thủ-quĩ trốn đi một chỗ, quan có hỏi đến thủ-quĩ thì họ chối là vì quan bất-thần về khám không sức trước, nên thủ-quĩ không biết mà ở nhà ứng-hậu. Quan vì đi khám có ngày giờ, không thể chờ đợi được, đành phải về không, không lẽ nay về mai về mà khám luôn được. Thành ra làng cải-lương lại sẵn có kho tiền cho bọn sâu mọt tha-hồ mà ăn tiêu. Còn đến chức thư-ký phải trông nom các sổ sách như là các sổ chi-thu. Nhưng đều là những bác gà-mờ, bảo lập một cái biên bản không biết lối nào mà giờ cả. Tuy rằng mấy năm nay Nhà-nước có lập ra trường thư-ký ở

các tỉnh để dạy cho biết việc, nhưng còn lạ gì cái sự học của các ông ký-nát dở ấy nữa, đã vì cái hư-danh mà đi học, nên phải tìm cách cầu-cạnh cho lấy được cái bằng tốt-nghiệp để về làng hòng được thực-thụ cái chức ông ký ông thư, nên có kẻ học năm sáu tháng trời mà chữ A méo hay tròn cũng không biết. Nếu có kẻ học thông-hiểu hay thiệp-liệp được đôi chút nữa, nhưng sau khi về làng mà kém cánh ít tiền cũng không làm được. Rút lại ai ra làm cũng phải a-tòng cùng bọn gian-hoạt mới xong việc. Đã a-tòng, thôi thì thu nhiều chúng bảo biên ít, chi ít chúng bảo biên nhiều, họ khéo lắm, kéo đi xê lại khoản gì cũng đúng như nhau cả. Nếu dân làng có muốn trích-phát sự hà-lạm cũng khó mà tìm ra được mối-manh.

Chiếu như điều-lệ thì các chức trong hương-hội đại-để chỉ bấy nhiêu người là đủ làm việc. Bấy nhiêu người mà làng nào lại gặp những người như trên đã nói thì cải-lương tất thành ra cải-ác, chứ chẳng lọ là nhiều. Vậy mà có nhiều làng bọn gian-hoạt lại giả-danh công-ích mà bày vẽ ra lắm chức nữa. Nào chức *thủ-lộ* để giữ đường-sá đi lại ở trong làng, chức *thủ-dược* để giữ việc phát thuốc-thang cho các người nghèo. Xét ra cái bản-ý của chúng có thiết gì đến công-ích, chẳng qua chỉ vẽ ra các ngôi-thứ ấy để lừa bán cho bọn con em có máu mặt, lấy tiền chia nhau mà tư tiêu. Vì không thực lòng với việc công-ích, nên có thủ-lộ mà đường-sá trong làng vẫn bẩn gớm-ghê, có thủ-dược mà một viên ký-ninh cũng chẳng có. Có làng bọn gian-hoạt hết cách kiếm tiền, lại nghĩ đặt ra những chức quá ư ký-khôi. Tôi còn nhớ một làng về tỉnh Phúc-yên, trong hội-đồng ngoài chánh phó-hội, thư-ký thủ-quĩ ra, lại còn thủ nọ thủ kia đã có đến năm sáu ông thủ rồi. Họ bàn nhau tìm cách lấy tiền, nhân mấy năm trước Nhà-nước có sức bảo các dân-xã nên trồng hột thầu-dầu, làng ấy trồng được rất nhiều. Họ bèn lấy cớ xin phép cho bầu một chức *thủ-hột* để theo dõi hội-đồng trông nom thầu-dầu cho dân, viết khoán là « vị-thứ dữ chánh phó-lý đồng » ; rồi dân em xô nhau ra tranh làm, anh nào được là bọn họ cùng nhau vớ được món tiêu. Hội-đồng đến có chức *thủ-hột*, tưởng cũng mới thật, ông thủ hay ông hột chẳng biết vẻ-vang đến bậc nào mà cũng tranh nhau ! Có lẽ hội-đồng làng này nhiều chức mới, chẳng kém gì hội-đồng một hội-xã ở Hà-thành ta ngày nào, trong hội chia ra cục này cục nọ, những cục là cục, mỗi cục đặt một chức quản-lý, ai khờ dại mua chuộc lấy cái tiếng ông quản-cục là mất nghiệp liền. Câu chuyện cũ, nhân vui dẫn vào đây, chắc các ngài cũng không chê là rườm-rác.

Ấy những người mà Nhà-nước ủy-thác cho cái chức-trách thi-hành việc cải-lương phần nhiều như thế đấy, thì còn mong gì thành.

Một cái công-cuộc hay như thế mà vì không có người hay nên thành ra dở bét, nghĩ thực tiếc thay. Tuy không có thể nhất-nhất về từng làng mà xem xét công-cuộc cho được rõ-ràng hơn, nhưng cứ lấy người mà đoán việc, người đã chẳng ra người thì việc còn ra việc sao được. Cho nên có người dã dám nói quyết : trong trăm phần dân-xã cải-lương, khéo lắm chỉ được một hai phần là còn có vẻ khả-quan. Gọi là khả-quan không phải là đã có thành-hiệu gì đâu, nghĩa là chỉ mới có được cái hình-thức cải-lương mà thôi, đối với cái hình-thức mà ta vội đoán mà không xét kỹ thì có khi lầm. Như một làng thừa-lệnh cải-lương ta thấy họ cũng làm được : nào nhà học, nào nhà hội-đồng, lại lập nhà hộ-sinh, xây giếng nước ăn, lại tổ-chức được một bọn phiên-tuần mặc áo nỉ đỏ ; bước chân vào làng nom rực-rỡ mà

oai-nghiêm lắm. Nhưng nếu ta năng qua lại luôn thì thế nào ta cũng sẽ thấy ngay các việc ấy là hư-văn, không có thực-hiệu chút nào. Vì đâu mà thành ra không có thực-hiệu ? cũng vì nhiều cớ, nhưng cái cớ thứ nhất là vì nhiều làng cũng không có người hay, vậy mà mở-mang ra được có những việc đó là nhiều làng bọn điêu-hào khéo biết đón ý quan trên, biết quan trên nhiệt-thành về việc ấy, bèn cùng nhau về cố trù-tính lấy món tiền công, xin lập ra cho được, vừa được chẩm mút đôi chút, lại được tiếng khen, có khi lại được phẩm-hàm nữa ; nên mới nô-nức nhau làm ; nếu trong làng ít tiền cũng cố xoay-xỏa cho kỳ được. Cái trò đã không có thực lòng với công-ích thì sinh ra thờ-ơ nhạt-nhẽo ngay. Sau khi đón quan về khánh-thành công-cuộc cải-lương được ít lâu, thì nhà trường đóng cửa, cỏ mọc đầy sân, nhà hội-đồng bàn ghế ngổn-ngang, đến kỳ cũng chẳng ai họp-tập bàn-bạc chi cả, thì ra làm tốn dân làng hàng nghìn hàng vạn, con em chẳng được chút thực-huệ gì, kết-cục chỉ mấy bác hội-đồng bác thì được phẩm-hàm, bác thì được tưởng-lục, hay bác thì được ngân-tiền, bội-tinh chi đó mà thôi. Quả vậy, bấy lâu ta cứ nghe làng này cải-lương thành-hiệu, làng nọ cải-lương thành-hiệu, nhưng chẳng qua chỉ toàn là có cái bì-tưởng đó thôi. Hiện tôi đã rõ biết một làng kia, riết quá lại làm được cả ấu-trĩ-viên là một cái công-cuộc khó làm cho thành được ở xã-hội ta ngày nay. Lúc mới nghe, tôi lấy làm phục lắm, nhưng sau mấy lần tôi đi qua, chỉ có cái xác gọi là ấu-trĩ viên, mà chẳng có lấy một đứa ấu-trĩ nào. Vậy mà khi xem báo thấy gọi quan trên về khám làng ấy thấy các công-cuộc cải-lương đều có đặc-sắc cả, nhất là ấu-trĩ-viên, nhà cửa sửa-sang trong đó có nuôi năm sáu mươi đứa trẻ, đứa nào mặt mũi quần áo cũng sạch-sẽ cả. Tôi lấy làm lạ, sau hôm xem báo bèn thân-hành về xem thì vẫn thấy buồn-tênh vắng-ngắt như xưa. Chán qua, sau hỏi ra mới biết là hội-đồng làng ấy họ chỉ hư-ứng tắc-trách mà thôi, họ có may sẵn độ năm sáu chục bộ quần áo để ở ấu-trĩ-viên, quan trên về hôm nào tất có sức trước, họ bèn cho quét dọn thật sạch-sẽ, rồi đi sục trong làng lấy giăm chục đứa trẻ mang ra đó tắm rửa và cho mặc quần áo mới. Quan trên về tới nơi thấy một lũ trẻ như thế tất phải ban khen, có biết đâu khi các ngài bước chân lên xe ra về rồi thì cái lũ trẻ kia lại bị lột áo đuổi ra về với cha mẹ, thế là lại chơi bời nhem-nhuốc, ăn uống bẩn-thỉu, nào có ai trông nom nhìn-nhận đến chi nữa. Dối trên lừa dưới, cái thói của mấy bác điêu-hào như thế phỏng còn mong cậy gì !

Thôi, cũng chẳng muốn kể chi cho rườm lời thêm rác về cái liệt-điểm của đám hương-hội các làng cải-lương làm chi nữa. Song nói đi cần lại phải xét lại, vậy ta cũng nên xét rằng hiện phần nhiều bọn thừa-hành công-cuộc ấy đều là vô-học cả, đã vô-học thì lấy đâu làm hay. Các hương-thôn ta xưa nay các chức-sự kỳ-mục kỳ-nát đều là bọn vô-học hay học dở-dang mới chịu ra làm. Nhưng tuy họ vô-học mà phần nhiều lại có cái khéo-khôn riêng, khi ra làm việc dân nhỉ chăm chăm về sự lập bè-đảng để giữ lấy cái quyền-bính ở trong làng; nên khi chưa cải-lương quyền-bính vẫn ở tay họ, khi đã cải-lương rồi cũng phải vào tay họ, chứ còn lọt được đến ai. Nếu có người học-thức sẵn nhiệt-thành ra làm, nhưng « nhất hồ quần hồ », chúng cũng sinh-sự cản-ngăn mà có làm cũng phải đến hỏng. Hương-chính hương-tục đổi mà các người giữ hương-chính hương-tục không đổi được, thì còn nói chi. Họ đã phần nhiều vô-học như thế thì ta trách họ cũng vô-ích mà thôi.

Nếu vậy thì cứ dành để cho bọn vô-học ấy làm sao thì làm dư? Không! ta không thể nhân nghẹn mà bỏ ăn, nhân

vấp mà không đi nữa, ta cần phải tìm cách mà bổ-cứu cho mau mau. Cái nền hương-chính hương-tục bây giờ cũng vì như cái nhà cũ đã giỡ tung ra làm lại, thì thế nào ta cũng phải lo kíp làm cho kín trên bền dưới mới nên, có lẽ nào vì tay thợ vụng mà bỏ không làm nữa, cam để cho bẹp nát đi được. Muốn cho toàn được những người hay ra cáng-đáng lấy công việc ấy thì ngay bây giờ chưa có kiếm đâu cho ra được, ta còn phải đợi họa là những lớp sau là những bọn thiếu-niên bây giờ được chịu ơn đào-chú về phương-pháp giáo-dục của Nhà-nước ra sao đã. Mà có lẽ chẳng những việc này, hết thảy các công-cuộc trong xã-hội ta, cái gì cũng phải đợi thế cả. Thôi thì việc gì bây giờ ta hãy cứ lập cái nền sẵn ra đó, hãy lo bồi-đắp cho khỏi long lở, rồi sau sẽ muốn xây nên lâu-đài quán-các gì cũng được. Vậy bây giờ cái nền cải-lương đã có ra đó, không may lại bị bọn vô-học-thức làm cho long-lở đi, mà khử-bỏ bọn đó ra, lại không thể dùng ai mà thay vào. Vậy ta phải nên tìm cái phương-pháp bổ-cứu, là khéo giữ-gìn và chỉ-bảo bọn đó phải làm như thế nào vậy. Nhưng nghĩ mới lại khó nữa, là biết ai mà giao-phó trách-nhiệm giữ-gìn chỉ-bảo được bây giờ?

Cái người mà ta có thể giao-phó được cái chức-trách ấy, chẳng phải nói thì ai cũng biết, trước hết là ở các quan Nam ta, vì người mình lại cai-trị dân mình, thì tính-tình phong-tục của các thôn-dân thế nào các ngài ấy cũng đã rõ biết cả. Trong các quan Nam đó, lại nhất là các quan phủ huyện, vì các ngài ấy có chức-trách thân-dân, các điều lợi-bệnh trong dân-gian, ánh sáng ngọn đèn trời đều trực-tiếp soi-xét được hết. Vậy chẳng trông-cậy vào các ngài ấy thì còn biết trông-cậy vào ai? Chẳng những ta trông cậy, mà trước khi Chính-phủ muốn thi-hành công-cuộc cải-lương này cũng phó-thác cho các ngài ấy cái chức-trách đốc-hành rất lớn mà lấy đó làm cái thang truất-trắc rồi. Dẫu rằng ít lâu nay cũng có một số ít trong các ngài ấy không thể cái lòng khai-hóa của nhà-nước, lại lợi-dụng cái công cuộc đó để thi-hành cái ngón nạo khoét gia; kẻ ngu-dân vì ngu-dốt không biết đường làm, được các ngài biết lại không chỉ-bảo lại quấy-rối làm cho cái công-cuộc đáng nên có cái kết-quả tốt đẹp biết đường nào phải hư-hỏng tồi-tàn, khiến cho các nhà thức-giả phải buồn-bực mà khôn lẽ nói ra, mà đến ngay như quan Thống-sứ MONGUILLOT vì sẵn lòng muốn khai-hóa cho dân ta mà chủ-trương ra công cuộc ấy, thấy cái tình-tệ như thế đã phải nhiều lần tỏ lời phàn-nàn. Song ta cũng không nên lấy một số ít ấy hay số nhiều nữa mà chán-nản, mà ruồng-rẫy các ngài ấy. Chúng ta hẳn không còn lạ gì cái căn-tính hèn nhát khốn-nạn và ngu-dốt của dân mình, nếu có người đem điều khôn lẽ phải mà rạch-ròi chỉ-bảo một cách mê-đềm, thì đố họ có nghe, cứ người có quyền-thế có thể đánh trói mắng chửi được thì bảo thế nào họ cũng cúi đầu cắm cổ mà nghe theo. Vậy cái người có quyền-thế ấy là ai? Tức là các quan Nam ta vậy. Dẫu bây giờ vì cái lẽ cải-cách trong nền chính-trị tại bản-xứ mà cái quyền-hạn của các ngài ấy có kém đi đôi chút thật, nhưng đối với nhân-dân thì các ngài ấy vẫn có được cái uy-vọng khiến cho dân phải tôn-kính, phải e-sợ như xưa. Đối với dân như dân mình, đã không có được cái tư-cách tự-trị lại sẵn lòng phục-tòng như thế thì có sẵn cái quyền-thế như các ngài ấy, làm gì mà chẳng được, làm cho dở còn được, nữa chi lại làm cho hay. Vậy cuộc cải-lương hương-chính hương-tục của các làng ta bây giờ được thành-hiệu hay không, chỉ cốt ở các ngài ấy là người đã nhận cái chức-trách của Chính-phủ ủy-thác cho phải

chỉ bảo trông nom có lương-tâm hay không có lương-tâm thế nào mà thôi vậy. Thật thế, tôi đây cũng đã được xét thấy một vài nơi vì nhờ có được quan phụ-mẫu thực lòng đôn-đốc chỉ bảo cho dân từng ly từng tý, không có chút lợi-tâm nào vào đó, thì đối với dân ngu, dẫu chưa có được cái kết-quả tốt-tươi ngay, nhưng cũng đắp lên được cái cơ-sở vững-vàng, khiến cho dân-sự cũng nhờ đó mà hưởng-thụ được đôi phần phúc-lợi. Nhất là các ngài ấy lại sẵn lòng chỉ bảo cho hương-hội các làng biết rõ được cái chân-nghĩa về sự cải-lương mà cái chức-trách của hương-hội ra làm sao, thì dân-gian cũng đỡ được thói tranh-dành; kẻ vô-học vô-tài biết nhường cho người có đủ tư-cách ra làm, không tức khí nhau vì cái hư-danh, nên các làng được đỡ hại nhiều lắm. Còn vô-phúc cho nơi nào gặp phải vị phụ-mẫu *cù-đôi* thì thực khổ về cải-lương, công-ích công-lợi cho các làng là những gì phụ-mẫu ngài nọ có xét chi, chỉ biết lợi-dụng ngay cái nền hội-đồng hương-chính của Nhà-nước đặt ra cho các làng làm cái món hàng bán đắt đem ra câu dử lũ dân ngu lấy trăm lấy nghìn đút chặt vào túi tham không đáy, dân chẳng lương thì ác, cốt có bạc cho mình thì xong. Ôi, không ngờ cuộc cải-lương hương-chính Nhà-nước mở ra lại làm rộng lối kiếm-chác cho kẻ tham-nhũng đến như thế! Ngay như hồi này mới lại tha-hồ cho bọn tham-nhũng khoét, vì hiện nay hương-hội các làng theo niên-hạn phần nhiều đều phải tái-bảo cả, nào chánh phó hương hội, nào thủ-quĩ, thư-ký, nào các tộc-biểu, mỗi làng bấy nhiêu chức thì bấy nhiêu là tiền. Các hương-hội đã thành cái mối danh-lợi mua đắt bán rẻ như thế, thì các người có học-vấn kiến-thức tất lấy làm khinh-bỉ mà không chịu ra làm, chỉ lại những phường mọt non muốn thì cái món gà quê ăn quẩn ở trong làng ra mua chuộc lấy mà làm, thì trách gì cuộc cải-lương chẳng thành ra cuộc cải-ác được. Ấy những người mà ta phải trông cậy là các quan phủ huyện ấy, được người có lương-tâm thì lợi như thế mà phải người không lương-tâm thì hại như thế đấy. Vậy thì làm thế nào cho dân ta được có những vị sao lành bụt sống bây giờ? Khó lắm! Bảo rằng lại trông-cậy vào chính-phủ nghiêm-lệnh đốc-trách là được.

Song cái trò đã là kẻ gian tất lại ngoan, ma ăn cỗ có bao giờ trông thấy được, ta há lại chẳng từng thấy có lắm kẻ tham-nhũng ăn ngấm ăn ngầm, ăn cho đến nỗi lòi xương nát da của kẻ tiểu-dân mà bề ngoài vẫn khéo làm ra bộ liêm-khiết thương dân lắm đấy ư? Ta chỉ còn có cách là mong-mỏi ở cái lòng giác-ngộ của các ngài ấy nữa mà thôi. Nếu các ngài ấy biết tự quí cái giá-trị của mình là thượng-lưu làm tiêu-biểu cho dân dưới, biết đoái thương đến cái mệnh-vận của nước nhà, giúp sức vào cái công-cuộc khai-hóa của Nhà-nước may ra mà dân ta chóng được mở-mang, thì các ngài ấy sẽ được có cái vinh-dự lớn. Nếu phải những người lại chẳng thiết cái vinh-dự ấy nữa, thì xin nói nôm ngay rằng: đến thánh cũng chẳng làm thế nào được nữa là Chính-phủ, dù pháp-luật nghiêm, thưởng-phạt minh đến đâu đi nữa cũng là vô-hiệu; cho nên nhiều người đã phải lấy làm buồn rằng: cuộc thanh-tra cải-lương-hương-chính của quan quyền Toàn-quyền MONGUILLOT mới đặt ra vừa rồi, ngài thực là hết lòng hết sức thật, nhưng tiếc rằng nếu cứ như cái tình-hình ấy, không khéo cũng là vô-hiệu mà thôi.

Ngoài các quan là những bậc ta phải trông cậy trước hết ấy, ta cũng còn trông cậy vào các nhà trí-thức ở trong hương-thôn nữa mới xong. Không kể vì những điều bại-liệt trong cuộc cải-lương hương-chính bấy lâu mà làm cho các nhà trí-thức phải chán-nản đã đành,

nhưng cũng có nhiều người đối với công-cuộc ấy ra ý lãnh-đạm quá, dù không có sự gì ngăn-trở có thể làm được cũng lần-lút thoái-khước không muốn dính-dáng cho bận mình, thực là đáng tiếc vậy. Ở trong các hương-thôn, mình là người có trí-thức phải nên ra mà nhận lấy cái chức trách dắt-díu đỡ-đần, dân có khôn có hay thì mình cũng mới khôn mới hay được. Nếu chỉ thờ-ơ cho là không có quan-hệ chi tới mình, kịp đến lúc hương-chính hương-tục bại-liệt quá rồi mới đứng ngoài mà than dài thở ngắn thì có ích chi.

∴

Câu chuyện này là câu chuyện thường, tôi cũng không dám rườm lời quá. Tôi chỉ xin đem mấy cái ý-kiến hẹp-hòi lạm bàn cách bổ-cứu như trên đó, cò vẽ thúng gạo, nên chẳng xin đợi công-bình (公評).

Đỗ Thận

BÀN VỀ TRUYỆN KIỀU

Văn-chương là một cái quốc-túy, trên từ thi-ca, cho đến truyền-kỳ tiểu-thuyết, đều là có ảnh-hưởng, có tư-ích cho nhân-quần. Đọc đến văn quốc-âm quyển *Kiều* mà cảm-tình, ôi! thế này mới thật là cái tinh-hồn của nhà văn. Cho nên đọc những văn ký-tái của cổ-nhân thì cần nên trầm-tiềm ngẫm-nghĩ mà xem xét lấy vi-ý, như những chỗ khen, chê, khuyên, răn, châm-chích, than-thở lại càng nên chú-ý lắm. Xem như *Tây-xương* là một truyện phong-tình, mà ông Vương Thực-Phủ tả ra một truyện giai-nhân tài-tử; *Thủy-hử* là một truyện tội-phạm mà ông Thi Nại-Am tả ra một truyện trung-nghĩa anh-hùng; một cái văn hay truyền lại, mà truyền được cả việc hay, truyền được cả người cũng hay, vậy hai chữ tài-tử, là cái huy-hiệu của quyển truyện, chứ không phải cái huy-hiệu của người trong truyện. Quốc-văn nước ta như quyển *Kiều* của cụ Tiên-điền dịch ở bộ *Thanh-tâm tài-tử* ra, thật là dựng một cái cờ đầu cho lối văn quốc-âm của nước nhà vậy.

Chép truyện mà không tô son điểm phấn cho truyện, thì chép truyện làm gì, dịch văn mà không thêu hoa dệt gấm cho văn thì dịch văn làm gì, nhưng bao giờ cũng vẫn ngụ cái ý khuyên-răn, cái lời bao-biếm, muốn để làm gương cho thế-gian, thế mà thường nhiều khi vẫn cứ cất mồm đọc ngược, chợp mắt bỏ qua, nói hay cứ ngỡ là hay, nghe hơi nồi chõ, khen đẹp cũng cứ rằng đẹp, người lùn xem chèo. Biết đâu: mắng khói nhưng mà nói mây mượn câu văn để tỏ cái tâm-sự; hòn đất nặn lên ông bụt, đem câu văn để tả cái tài-hoa; ấy là cái vi-ý của nhà văn vậy. Nếu không suy-xét kỹ ra thì thường có lẽ nghe văn ông Vương Thực-Phủ mà cũng khen Trương Quân-Thụy, Thôi Oanh-Oanh; xem văn ông Thi Nại-Am mà cũng phục Tống Công-Minh, Ngô Học-Cứu; như thế thì thật oan mất cả hai chữ tài-tử.

Xem sách tiểu-thuyết không những là để tiêu-nhàn khiển-hứng, một là xem cái văn hay hay là dở để mà tập lấy văn-chương, hai là xem cái người phải hay là trái để mà luyện lấy đức-hạnh; sự đó là có quan-thiết về giáo-khoa học-khoa cả. Có chữ rằng: *khai quyển hữu-ích*, nếu chỉ bàn những câu văn hay hay dở, mà đến sự trái, lẽ trái, vẫn phân-vân mơ-hồ thì thật

là phí mất nửa phần công-phu xem sách. Truyện *Kiều* của cụ Tiên-điền làm ra đã hơn một trăm năm nay, trong nước từ người già người trẻ, con gái con trai, khi ngâm ngày vắng, lúc vịnh đêm thanh, ai ai cũng thuộc lòng cả, hình như một câu phong-dao vậy; nhưng chỉ thích văn hay dễ mà ngâm-vịnh, còn các lời phán-đoán về những địa-vị, giá-trị, phải trái, khôn dại, tâm-sự của người trong truyện *Kiều* thì hãy còn phân-vân chưa lấy gì làm định-bình. Nay nhân có các nhà bàn về truyện *Kiều*, vậy cũng xin giải ý-kiến riêng như sau này.

Xét trong truyện *Kiều* chỉ có mấy người yếu-trọng nên bàn đến, trước hết là Thúy-Kiều. Trong quãng hồi thứ nhất, đương lúc buồng khuê cửa các, xuân già còn khỏe, huyên già còn tươi, đương trạc gái tơ mà đã thề-thốt nặng lời, trẻ con đã biết gái tơ mà đã ngứa nghề sớm sao; — đến quãng hồi thứ hai cho rằng gặp cơn gia-biến lạ dường, việc gì đã đến nỗi bán mình chuộc cha, nếu thế thì suốt thế-giới ai cũng như ai, ai cũng cứ phải bán mình mới chuộc được tội cha hay sao? thật là dâng thư đã thẹn Đề-Oanh; — đến hồi thứ ba đã trót lỡ chân, mà vẫn lầu xanh quen thói, thoát mua về, thoát bán đi, mặt dạn mày dày, ong qua bướm lại, thật là những tuồng như thế là tuồng dong-đưa; — đến hồi thứ tư, gặp khi cả nước duyên ưa, mở mang mày-mặt, dễ đem gan óc đền nghì trời mây, mà khi: bởi nghe lời thiếp nên cơ-hội này, khi đã thất-cơ trận-tiền, lòng nào còn vặn đàn cùng bạn mới, mời rượu cùng người thu, đã cực chưa, đã nhục chưa, chán-chê mê-mỏi, sau lại gán về thổ-quan, thôi còn chi nữa mà mong, đời người như thế là xong một đời, rồi cùng kế mới gieo mình xuống Lương-giang, thật là phụ người chẳng bỗ khi trời phụ ta; — đến quãng cuối cùng đã đem mình bỏ am mây, dẫu có về được nữa thì cũng: này mẹ này cha, một nhà xum họp, đã tu tu trót qua thì thì thôi, sao lại còn chiều lòng gọi có xướng-tùy, rõ thật là đã buồn cả ruột lại dơ cả đời!

Xét như thế thì suốt một đời Kiều, không được một điều gì cả, nghĩ lại tiếc cho Kiều, giận cho Kiều biết chừng nào!

Đã lầm phen trước lại hồi sau,
Tình cũng nên đau hiếu cũng đau.
Dù có văn-nhân tô-điểm lại,
Má hồng khôn rửa mặt thanh-lâu.

Còn đến những người mà có quan-thiệp với Kiều, xem ra thì Kim Trọng là người gây cái cuộc đoạn-trường cho Kiều, Thúc-sinh là người mua cái cuộc đoạn-trường cho Kiều, Từ Hải là người nuôi cái cuộc đoạn-trường cho Kiều, Hồ Tôn-Hiến là người kết cái cuộc đoạn-trường cho Kiều, mỗi người được một nết, mỗi người phải một tật, kể đến sự ăn ở cho hợp đạo thường thì tất-cánh chỉ có Hoạn-thư là hơn cả, nay xin chia bàn các người ấy như sau này.

Kim Trọng

Nền phú-quí, bậc tài-danh,
Văn-chương nết đạt, thông-minh tính [trời.
Thiên-tư tài-mạo tuyệt vời,
Vào trong phong-nhã, ra ngoài hào-hoa.

Một người như thế, nếu nuôi được thành-tài, thì nghề văn-chương đem vẻ mặt cho non sông, tài kinh-tế đà giúp việc cho quân-quốc, thì có lẽ muôn chung nghìn tứ, kim-mã ngọc-đường, trước là noi nối lấy nghiệp nhà, sau cũng tỏ mặt với thiên-hạ, sao đến nỗi bể trần chìm nổi, bể ái đầy vơi, mang một tiếng văn-nhân vô-hạnh, lại buộc cho người tri-kỷ vào đất đoạn-trường, người ta sai một li đi một dặm, lầm một bước lỡ một đời, thật là người vô-hạnh.

Buổi thứ nhất, chơi xuân gặp bạn, mà nỡ chung-tình riêng với chị em của bạn.

Buổi thứ nhì, sự học-hành là sự-nghiệp hết đời của mình mà lại rằng :

Mượn điều du-học hỏi thuê,
Túi đàn cặp sách để huề dọn sang.

Cái chí của Kim Trọng đi du-học là chủ-ý ở đâu, chắc không nói ai cũng biết.

Buổi thứ ba,

Vắng nhà được buổi hôm nay,
Tường đông nghé mắt ngày ngày hằng [trông.

Trong khi ấy giá có ai khéo vẽ cái bóng-dáng khi bấy giờ Kim Trọng với Kiều ra làm sao và tâm-sự của hắn có vật gì, văn-chương chữ-nghĩa bề-bề, chắc lúc bấy giờ Kim Trọng cũng mê về tình.

Xét một việc ấy thì đủ biết nhân-cách kém lắm. Người ta ai cũng có tình, nhưng dùng chữ tình vào chỗ không đáng dùng thì không nên : mối-manh chưa có thề-thốt đã nhiều, là một sự không nên dùng chữ tình ; với Vương Quan là người đồng-thân, là hai sự không nên dùng chữ tình ; công-danh sự-nghiệp như trời, đắm đuối bề tình, say mê chữ ái, là ba sự không nên dùng chữ tình ; như thế thì cho dẫu tài-học rộng, chữ tốt văn hay, cũng gọi là đứa nô-lệ trong cõi tình-trường mà thôi.

Xem như ngày xưa ai hay chữ bằng ông Dương Hùng, vì một cái lý-tưởng lầm mà qui-phục với Vương Mãng, sau hối lại đến nỗi đâm đầu từ trên gác xuống sân mà chết, như thế thì cái tài văn-học là một sự dệt gấm thêu hoa mà đến cái đạo-nghĩa của đời người mới chính là tính-mệnh.

Cho sau này tìm thấy Thúy-Kiều mà thấy :

Đầy vườn cỏ mọc lan thưa,
Song trăng quạnh-quẽ nắng mưa rườm-[rà,
Nhà tranh vách đất tả-tơi....

cũng không dám quên người chung-tình cũ mà rằng :

Rằng tôi lỡ quá chân ra,
Để cho đến nỗi trôi hoa rạt bèo.
Cùng nhau thề-thốt đã nhiều,
Những điều vàng đá phải điều nói không.

Những câu ấy ai chả bảo là người chung-tình, nhưng chính là người rất vô-tình. Người ta có hai thứ chung-tình: một là chung-tình ở trong bụng ; hai là Chung-tình ở ngoài mồm. Cho sau này có kết-duyên với Thúy-Vân, nhưng mà :

Gọi là trả chút nghĩa người,
Sầu này dằn-lọc mấy đời chưa quên.

thì có ích gì cho Thúy-Kiều chửa ? Chẳng qua cũng sểnh nồi vơ rế, cận Kim Trọng không sao tránh được cái tội hiếu-sắc.

Còn sự sau này mà :

Vội về sửa chốn vườn hoa,
Rước mời viên-ngoại ông bà cùng sang.
Thần-hôn chăm-chút lễ thường,
Dưỡng thân thay tấm lòng nàng khi xưa ;

xin duyệt-giả biết cho rằng sự đó rất thiển-cận lắm, nhân-tình với Thúy-Kiều, lại se tơ với Thúy-Vân, thời cái phận-sự của người học-thức, đối với người tình, đối với người vợ, nếu không như thế thì còn nhân-cách gì nữa ; tóm lại đó là cái bổn-phận của Kim Trọng, chứ không đáng khen.

Năm mây bỗng thấy chiếu trời,

là một sự tiền đồ của nhà văn, chứ không nên đem một sự hiển-đạt mà nốn cái lời bàn về Kim Trọng.

Rút cục lại Kim Trọng là người dung-thường, có tài có học là người khá, đa-sầu đa-tình là người hèn. Nhưng bàn người xưa cũng không nên quá-khắc, vì ai cũng không chắc đã hơn ai,

xin chiếu một lời ở trong sách có nói rằng: hễ bón tưới kỹ thì hoa quả nhiều, hễ bón tưới dối thì hoa quả ít; xem cái tài của Kim Trọng như thế, mà kết-cục như thế, thì cũng đủ phán-đoán là người hay hay người dở.

Thúc-sinh và Hoạn-Thư

Thúc-sinh là con nhà cự-phú, đã kết duyên với con quan chủng-tể thì hẳn cũng không vừa, quanh năm buôn bán, mà lại còn quen thói bốc rời, bước chân vào chốn lầu xanh, say hoa đắm nguyệt, trăm nghìn đổ một trận cười, thế là có phạm đến qui-củ của nhà thư-hương thì đã đành, nhưng tự-xử trong gia-đình lại còn ba điều lỗi nữa.

1. Giấu cha mà dám lấy vợ bợm, búa rìu sấm sét cũng cam, dại rồi còn biết khôn làm sao đây, đến nỗi đưa nhau đến cửa công, thế là bất-hiếu thì thật dại.

2. Phụ vợ mà dám công-nhiên lấy vợ trăng hoa, đổi thay nhạn cá đã hằng đầy niên, nhạt tình tao-khang, mặn tình cát-lũy, thế là bất-nghĩa, thì thật là ngu.

3. Tự đối với Thúy-Kiều trước đã không biết nghe lời khuyên răn để cho trong ấm ngoài êm, sau lại không biết tính đường xử-trí cho yên phận Thúy-Kiều, mà còn nỡ cất miệng nói rằng :

Liệu mà xa chạy cao bay,
Ái ân ta có ngần này mà thôi,

thế là bạc tình, thật là hèn.

Tư-cách của Thúc-sinh như thế, đủ làm gương cho những bậc thiếu-niên phóng-đãng. Ôi! Thúc-sinh coi con quan Lại-bộ thượng-thư hơn, hay là con thanh-lâu của Tú-bà hơn ?

Duyên đằng thuận nẻo gió đưa,
Cùng chàng kết tóc xe tơ những ngày.

hơn hay là :

Sớm đào tối mận lân-la,
Trước còn trăng gió sau ra đá vàng.

thì hơn chăng ?

Vậy nên sự gia-đình của Hoạn-thư, thì Thúc-sinh có tội thứ nhất, Thúy-Kiều có tội thứ nhì. Vì làm sao ? một người con nhà tử-tế, kết duyên với con quan Lại-bộ, ở vào khuôn-phép, nói ra mối-đường, mà còn sớm đào tối mận, lấy vợ thanh-lâu, thời đừng nên trách Hoạn-thư là ghen mới phải, ghen mà hợp luân-lý, giữ giá cho chồng, không phạm đến chồng, giữ dại cho chồng, gỡ tội cho chồng, thì cũng đáng ghen, huống-chi Hoạn-thư không phải là ghen, chẳng qua là ghét mà thôi, xem như lúc mới nghe tin Thúc-sinh lấy Kiều thì nói :

Cũng dong kẻ dưới mới là lượng trên,

Lúc Kiều làm giấy thân-cung thì nói :

Rằng tài nên trọng mà tình nên thương.

Đến lúc cho đi ở chùa thì nói :

Thôi thì thôi cũng chiều lòng,
Cũng cho thoát khỏi trong vòng mà ra.

Thế thì Hoạn-thư có phải là ghen đâu ? Ấy là bàn về hồi trước của Hoạn-thư, mà :

Rồi ra lạt phấn phai hương,
Lầu xanh lại bỏ ra phường lầu xanh,

Thì Kiều vẫn là Kiều, Hoạn-thư vẫn là Hoạn-thư. Cậy thế một người tướng giặc định bắt Hoạn-thư đem chém để cho cam lòng, chẳng qua là người bụng dạ hẹp-hòi mượn cờ phất gió, theo đóm ăn tàn, để chực báo thù cái oán cũ, biết đâu khi Hoạn-thư đã giáp mặt, chỉ nói vài câu hợp vào đạo-nghĩa, thì cái người trăng-hoa đầy mặt mũi kia tự-khắc thẹn với thiên-lương.

Nghĩ cho khi gác viết kinh,
Mới ra khỏi cửa dứt tình không theo.
Lòng riêng riêng những kính yêu,
Chồng chung chưa dễ ai chiều cho ai.

Những câu ấy thì Kiều đã có cái ý-thức ấy chưa ? Ví thử so Hoạn-thư với Kiều, thì khác gì người trên trời người dưới vực. Nói tóm lại thì Hoạn-thư là một người cũng giỏi, không dám giận Thúc-sinh, là người có thâm-tình, lập mưu để hành-hạ Thúy-Kiều, là người có thủ-đoạn, sau lại khai-phóng cho Kiều, là người có lượng bao-dung, chịu nhận lỗi với Kiều là người có can-đảm ý-thức ; đàn bà như thế tưởng cũng đáng khen lắm.

Từ Hải

Đội trời đạp đất ở đời,
Gồm hai văn-vũ rạch đôi sơn-hà

Xin hỏi người ấy là anh-hùng, hay không phải là anh-hùng ?

Truyện anh-hùng thì nhiều lắm, nhưng phân-biệt anh-hùng thật hay anh-hùng giả thì càng khó, xét ra nhiều người đem hai chữ « anh-hùng » mà dùng lầm.

Trung với vua là anh-hùng thứ nhất ; có công với nước là anh-hùng thứ nhì ; đem một tấm lòng son của mình mà giúp cho thế-giới là anh-hùng thứ ba ; cưỡi ngựa tài, bắn súng tài, múa gươm tài, đánh trận tài, không để ai đánh được mình, là anh-hùng thứ tư ; đội trời đạp đất, học thánh-hiền, sửa luân-lý, không để cho ai bảo là người hèn, người hư, người dại người dốt, là anh-hùng thứ năm. Trong năm điều ấy lại còn nhiều điều phụ-thuộc vào nữa, làm thế nào không làm sự gì là không phải, đừng nói câu gì là không phải, rồi lúc nào cũng chăm-chút mà tu-tỉnh lấy đức-hạnh của mình, trong ở nhà, ngoài đến nước, không để mình có sự lỗi với ai, ấy thế là anh-hùng. Không cứ rằng : *phong-trần mài một mũi gươm*, là anh-hùng ; *ba quân chỉ ngọn cờ đào*, là anh-hùng ; *vinh-hoa bõ lúc phong-trần*, là anh-hùng ; *một tay gây dựng cơ-đồ*, là anh-hùng.

Như Từ Hải chẳng qua là một đứa giặc bể chật đất cùng đường, tụ-tập nhau đi làm phản, nào phải có cái chủ-nghĩa chữa cháy vớt đuối, để mong mà giúp nước yên dân, chẳng qua chủ-tâm cướp ngọc châu vàng, để cầu lấy ăn ngon mặc đẹp, chứ anh-hùng nổi gì ? Trước thì trăng gió vẩn-vơ, lang-thang dĩ bợm, là một bậc đê-hạ không có chí-khí, sau thì đạp đổ năm thành cõi Năm, đắp một đống xương vô-định, là một kẻ tàn-ác có tội với loài người ; sau mới nghe lời vợ mà đến nỗi thất-cơ trận-tiền, là một đứa vô-mưu thất-phu. Thế mà cũng : *đường-đường một đứng anh-hùng* ; thế mà cũng : *tấm lòng nhi-nữ cũng siêu anh-hùng* ; thế mà cũng : *anh-hùng vì biết anh-hùng* ; thế mà cũng : *một đời được mấy anh-hùng* ; thế mà cũng : *anh-hùng đứng giữa trần-ai* ; thế mà cũng : *trai anh-hùng gái thuyền-quyên* ; thế mà cũng : *anh-hùng tiếng đã gọi rằng* ; thế mà cũng : *rằng ta là đứng anh-hùng* ;

Cụ Tiên-điền tốn biết bao nhiêu chữ « anh-hùng » về Từ Hải, thì biết cái ý gay-gắt mỉa-mai là chừng nào. Ngoài ra chỉ có câu cụ dùng vào Sở-Khanh rằng :

Thuyền-quyên vì biết anh-hùng,

xem như thế thì Từ Hải có phải anh-hùng hay không, cũng bất-tất bàn nữa.

Hồ Tôn-Hiến

Hồ Tôn-Hiến là một người lão-luyện có mưu-lược, xem trong *Minh-sử*, đương lúc về triều Gia-tĩnh, kể cũng vào bậc danh-thần lão-tướng :

Quan trên nhắm xuống, người ta
[trông vào.

Khi đem quân đi dẹp giặc, lễ nhiều, nói ngọt, đóng quân làm chước chiêu-an mà tiễu-trừ được Từ Hải thì cũng là một sự giỏi ; đã hay hàng thì không giết, nhưng chắc bấy giờ triều-đình

nhà Minh đã biết đích Từ Hải nghiệt-ngạo ngỗ-ngược, vì như con thú dữ, dẫu nay hàng mai lại phản, cho nên phải dùng quyền, phương-chi là « binh bất yếm trá », ông Phạm Lãi xui ông Câu-Tiễn dùng kế mĩ-nhân để hòa nước Ngô mà lại diệt được nước Ngô, sự dùng binh như thế là thường ; duy có bắt được Kiều mà không đem chính-pháp ngay, hay là thu-nạp mà lại ép vận đàn, ép hầu rượu, sự đó thì cũng buồn cười, hay là nhường đã quá say chăng ; nhưng lại biết hối-quá ngay mà gán cho thổ-quan thì cũng còn thứ-lượng được. Đại-phàm những người làm nên công-danh sự-nghiệp, dù ngẫu-nhiên có sự lỗi nhỏ, cũng có cái hay nó gánh cái dở đi được, ví như hòn ngọc hơi bén có vết, đám mây trượt qua mặt trời mà thôi ; vậy như Hồ Tôn-Hiến cũng không phải bàn nữa.

* *

Than ôi ! Chữ tốt văn hay, tiếc người bạc-hạnh ; đầu xanh tuổi trẻ, khóc kẻ đa-tình. Kia ai luồn xuống mái nhà, trông thấy dấm chua lửa nồng, sao nỡ bỏ tay mà chịu ; đã định nhờ thân dây cát, mà lại lòng chim dạ cá, còn hòng mở mặt cho qua. Hoạn hơi đâu mà rước tiếng ghen ; Vân rõ thật là đồ ăn sẵn. Ái-ân gắn-bó, Thúc nỡ buông trôi ; phương-diện quốc gia, Hồ làm dại mặt. Ngu-ý khen chê bằng ngọn bút, nghìn thu để biết tấm lòng văn. Vậy kết lại mấy câu rằng :

Nghìn thu còn một khối văn-chương.
Tài-tử giai-nhân chửa đáng thương.
Bút cụ Nguyễn Du hòa những lệ,
Văn người Nam-Việt quí hơn vàng.
Anh-hùng bán tiếng như Từ Hải,
Tình-chủng ai khen đến Thúc-lang.
Một truyện bao nhiêu người phải trái,
Mà ai giữ trọn được cương-thường ?

MAI-KHÊ

Si débile qu'on semble et si distant qu'on soit,
Peut-être qu'on exerce un pouvoir malgré soi.
Ainsi la lune, à son insu, du haut de l'air,
Toute loin qu'elle soit du tumulte des houles,
Attire avec ses yeux la douleur de la mer...
Mon âme, sois ce clair de lune sur les foules !

GEORGES RODENBACH

Người ta dù nhỏ-nhen, dù xa-cách đến thế nào, có lẽ cũng có một cái thế-lực ra ngoài mà không biết... Cũng ví như mặt trăng kia ở tận trên tít cung mây, cách xa với sóng gió, thế mà nhìn xuống mặt bể cũng làm cho lòng bể thổn-thức đưa lên ... Ước gì hồn ta đối với công-chúng cũng được như mặt trăng đó.

Chùa Bách-môn
(toàn-cảnh, đứng cao chụp)

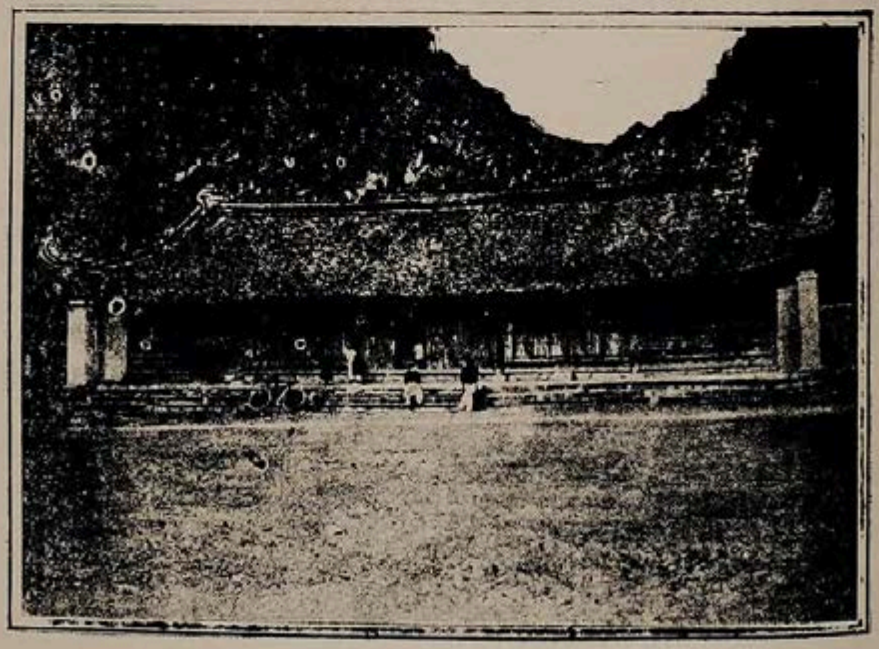

Đền thờ đức Từ Đạc-Hạnh ở Sài-sơn

Kinh ảnh T. C KHUYẾN.

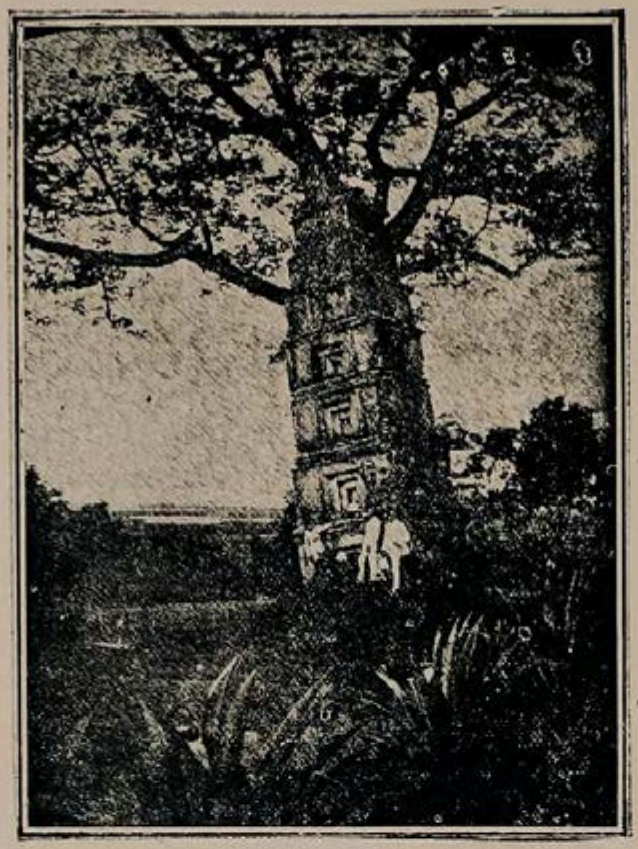

Cái tháp nghiêng ở gần Vĩnh-yên

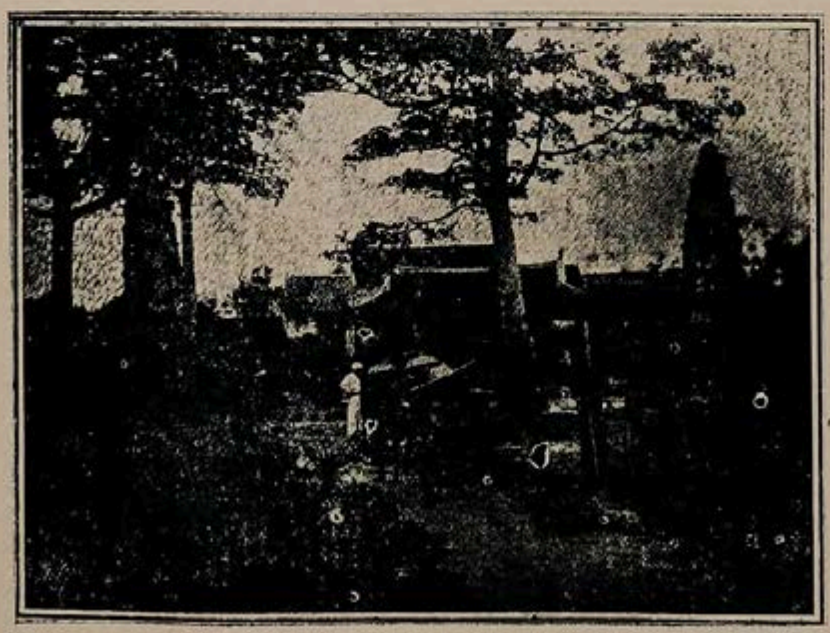

Cái tháp nghiêng
(chụp toàn-cảnh)

Kinh ảnh T. C. KHUYẾN.

KHẢO VỀ LỊCH-SỬ XỨ TRUNG-KỲ

Nước Nam ta từ Bản-triều trở về trước mà chính là trước khi nhà nước Đại-Pháp bảo-hộ, chưa hề có hai chữ Trung-kỳ. Khi Bản-triều nhất-thống, định-đô ở Huế, bèn phân ra như thế này: Quảng-nam, Quảng-nghĩa là Tả-trực 左直; Quảng-trị, Quảng-bình là Hữu-trực 右直; Bình-định, Phú-yên, Khánh-hòa và Bình-thuận là Tả-cơ 左畿; Hà-tĩnh, Nghệ-an và Thanh-hóa là Hữu-cơ 右畿. Còn từ giáp Bình-thuận trở về Nam thì gọi là Nam-kỳ; giáp Thanh-hóa trở về Bắc thì gọi là Bắc-kỳ. Cái địa-phận ngày nay thường gọi là Trung-kỳ tức là cái địa-phận Tả-trực, Hữu-trực, Tả-cơ, Hữu-cơ và tỉnh Huế đã kể trên kia.

Chữ Trung-kỳ tức trong hòa-ước gọi là An-Nam mà ta thường dịch ra là Trung-kỳ vậy.

Khi nước ta chưa thuộc về nước Pháp bảo-hộ, thì vì định kinh-đô ở Huế, lấy xứ Huế làm nơi trung-tâm rồi chia ra Tả-trực, Hữu-trực, Tả-cơ, Hữu-cơ, ngoài nữa về phía nam thì gọi là Nam-kỳ, về phía bắc thì gọi là Bắc-kỳ, chứ chưa hề chia ba quốc-thổ như bây giờ. Đến ngày 6 *Juin* 1884 (Kiến-phúc nguyên niên) cùng nhà nước Đại-Pháp ký tờ hòa-ước cuối cùng phân cách cai-trị ra ba xứ khác nhau; nhường Nam-kỳ cho nước Pháp làm thuộc-địa; còn các xứ kia thì nhận nhà nước Đại-Pháp bảo hộ, ở Trung-kỳ từ địa-đầu Nam-kỳ cho đến giáp-giới tỉnh Ninh-bình thì về các Nam-quan cai-trị như cũ, ở Huế có đặt quan Khâm-sứ thay mặt nước Pháp bảo-hộ; ở Bắc-kỳ từ tỉnh Ninh-bình trở về bắc mỗi tỉnh sẽ đặt mỗi quan Công-sứ, vân vân. Từ có tờ hòa-ước ấy nước Nam chia ra làm ba bộ-phận Nam-kỳ, Bắc-kỳ và Trung-kỳ, mà hai chữ Trung-kỳ cũng từ đấy phát-sinh ra.

Bài này khảo về lịch-sử xứ Trung-kỳ, nghĩa là khảo về công-nghiệp của dân-tộc ta từ xưa đến nay khai-khẩn kinh lý xứ Trung kỳ ra thế nào. Xét trong sử-sách biên chép thì từ Hà-tĩnh trở về bắc là nơi lĩnh-thổ nguyên-hữu của dân-tộc ta, không biết ngày xưa dân-tộc ta từ đâu mà di-cư đến đó, điều ấy các nhà khảo-cứu nghị-luận cũng nhiều, nhưng chưa có thể xác-tín được. Chỉ biết rằng dân-tộc ta sinh-trưởng ở xứ Bắc đã mấy nghìn năm nay, mà đất từ Quảng-bình trở về Nam là cái lĩnh-thổ của dân-tộc ta mới khai-thác thêm về sau, hiện có sử-sách ghi chép rõ-ràng đủ làm chứng-cứ.

Nay nói rằng khảo về công nghiệp của dân-tộc ta khai-thác xứ Trung kỳ thì thà nói rằng khảo về lịch-sử xứ Trung kỳ từ tỉnh Quảng-bình cho đến Bình-thuận, nghĩa là cái lịch-sử Hà-tĩnh, Nghệ-an và Thanh-hóa là cái phần đất Hoan-châu Ái-châu ngày xưa cũng đồng thời như lịch-sử Bắc-kỳ, không thuộc vào cái phạm-vi khai-thác ở cận-đại.

Gốc-tích nước Chàm (Chiêm-thành)

Muốn khảo về lịch-sử xứ Trung-kỳ như cái phạm-vi trên kia, thì chi bằng trước hết phải khảo-cứu về gốc-tích nước Chiêm-thành, vì ngày xưa xứ Trung-kỳ từ Quảng-bình đến Bình-thuận là nguyên lĩnh-thổ của dân Chiêm-thành mà dân-tộc ta chiếm-cứ; muốn biết công gian-nan của dân-tộc mình thì cũng nên biết những cơn đau-đớn của người chủ cũ. Ôi! non xanh nước biếc, nghìn thu vẫn còn, mà mạnh được yếu thua, cuộc đời thay đổi, xem thế mà đáng sợ thay!

Lịch-sử Chiêm-thành từ năm 102 đến năm 481. — Nước Chiên-thành trước kia thuộc về đời Hán thì chỉ là một huyện Tượng-châu (象州), đến đời Tấn đời Đường thì gọi là nước Lâm-ấp. ở từ quận Nhật-nam (日南) vào cho đến Chân-lạp, nghĩa là ở về khoảng Quảng-bình, Quảng-trị cho đến Bình-thuận bây giờ. Nước ấy không biết rõ lập-quốc từ đời nào, trong sử chép rằng năm nhâm-dần (102) đời vua Hòa-đế nhà Đông-Hán (東漢和帝十四年) vì phía nam quận Nhật-nam có người Tượng-lâm (象林) hay đến cướp phá quận Nhật-nam, nên vua Hán mới lập ra làm huyện Tượng-lâm sai quan cai-trị, khi ấy thì xứ Tượng-lâm cũng bị nhà Hán lấy làm quận-huyện.

Nước Lâm-ấp độc-lập. — Huyện Tượng-lâm thuộc về nhà Đông-Hán mới được 35 năm, thì người bản-xứ đã khởi lên thoát-li nhà Hán để mưu độc-lập. Đời vua Thuận-đế (順帝) nhà Đông-Hán (137) có người Tượng-lâm tên là Khu-Liên (區憐) nổi lên giết quan Trưởng-sử, tự xưng làm vua gọi là nước Lâm-ấp. Giòn-dõi Khu-Liên thất-truyền, cháu ngoại là Phạm Hùng (范熊) nối nghiệp, trong khi ấy thì xứ Lâm-ấp khởi lên từ một huyện của Tàu mà độc-lập ra thành danh-hiệu một nước, bắt đầu xưng quốc-vương từ đấy.

Trong đời Tam-quốc người Lâm-ấp hay sang cướp phá quận Nhật-nam và quận Cửu-chân, vì vậy đến khi nhà Tấn lấy được Đông-Ngô, ý muốn giảm bớt quân các châu quận, mà quan Thứ-sử Giao-châu là Đào Hoàng (陶璜) dâng sớ về tâu rằng: vua Lâm-ấp thông với nước Phù-nam, hay sang quấy nhiễu ở đất Nhật-nam, nếu giảm bớt quân Giao-châu thì sợ quân Lâm-ấp lại sang đánh phá.

Nước Lâm-ấp từ đời Khu-Liên nổi lên độc-lập (137) trải qua đời Phạm Hùng, Phạm Dật, Phạm Văn, Phạm Phạt, Phạm Hộ-Đạt, rồi sau đến Phạm Chư-Nông và Phạm Dương-Mại (431) trong một đoạn lịch-sử ngót 300 năm từ thế-kỷ thứ nhì cho đến ngoài thế-kỷ thứ tư, nước ấy vẫn cường-thịnh nhiều lắm khi lại làm cho nhà Hán và nhà Tấn phải kiêng sợ.

Qua đến đời vua Văn-đế (文帝) nhà Tống, Phạm Dương-Mại bị tướng Tàu là Đàn Hòa-Chi (檀和之) và Tôn Xác (孫悫) đánh phá, phải trốn lánh trong núi, bọn quân Tàu cướp lấy được vàng bạc và đồ châu báu rất nhiều, từ ấy người Tàu mới biết nước Lâm-ấp là một nơi giàu có, càng thêm chú-ý đến.

Dân-tộc ta bắt đầu giao-thiệp với nước Lâm-ấp — Lâm-ấp thuộc nhà Tùy — Lâm-ấp đổi quốc-hiệu là Hoàng-vương, là Chiêm-thành.

Đến đời Tiền-Lý, vua Nam-đế năm qui-hợi (543), quân Lâm-ấp lại sang phá ở quận Nhật-nam (日南), vua Nam-đế sai tướng là Phạm Tu (范修) vào đánh ở Cửu-đức (Hà-tĩnh), người Lâm-ấp thua chạy về nước.

Nhà Tiền-Lý mất rồi, nước ta nội-thuộc về nhà Tùy, năm ất-sửu (605) vua nhà Tùy nghe nói ở Lâm-ấp có nhiều của, bèn sai tướng là Lưu Phương (劉方) đem quân đi đánh. Lúc bấy giờ vua Lâm-ấp là Phạm Chí (范志) đem quân ra chống-cự với quân Tàu ở bên sông Đồ-lê, nhưng về sau bị Lưu Phương dùng mưu-kế đánh đuổi quân Lâm-ấp và vào đến quốc-đô Lâm-ấp đoạt lấy của cải rồi thu quân về.

Nước Lâm-ấp từ khi bị Lưu-Phương sang đánh rồi quốc-vương là Phạm Chí dâng biểu tạ tội xin triều-cống như cũ, đến năm canh-dần (640) vua Lâm-ấp là Phạm Đầu-Lê dâng ngọc-châu cho vua Thái-tôn nhà Đường. Phạm Đầu-Lê mất, con là Phạm Trấn-Long bị người giết, dân trong nước ấy

bèn lập Chư Cát-Địa 諸葛地 lên làm vua. Chư Cát-Địa đổi quốc-hiệu là Toàn-vương-quốc (圈王國). Từ đó về sau người nước Hoàn-vương lại sang quấy nhiễu ở Giao-châu và chiếm lấy châu Hoan và châu Ái.

Năm mậu-tí (808) đời vua Tiến-tôn nhà Đường quan Đô-hộ là Trương Châu (張舟) đem binh thuyền đi đánh, giết hại quân Hoàn-vương rất nhiều, vua nước ấy bèn lui về ở phía Nam (ở vào khoảng tỉnh Quảng-nam, Quảng-nghĩa bây giờ) và đổi quốc hiệu là Chiêm-thành mà cái danh Chiêm-thành mới phát-sinh ra từ đấy.

Dân-tộc ta lấy đất Chiêm-thành lần thứ nhất

Đến nhà Lý, nước Chiêm-thành không chịu thông-sứ và lại quấy-nhiễu ở mặt bể, năm giáp-thân (1044) vua Lý Thái-tôn (李太宗) thân-chinh đánh Chiêm-thành bắt được hơn 5000 người và 30 con voi. Tướng Chiêm-thành là Quách Gia-Di chém quốc-vương là Sạ-Đầu 乍斗 đem đầu sang xin hàng. Vua Thái-tôn tiến binh đến quốc-đô là thành Phật-thệ (nay ở làng Nguyệt-biều, huyện Hương-thủy, tỉnh Thừa-thiên), những người Chiêm-thành vua Thái-tôn bắt về đều ban cho ruộng đất để lập thành phường-ấp mà làm ăn.

Năm kỷ-dậu (1069) vua Thánh-tôn nhà Lý thân-chinh đánh Chiêm-thành, bắt được vua Chiêm-thành là Chế Củ 制矩. Chế Củ phải nộp châu Địa-lý 地哩 châu Ma-linh 麻令 và châu Bố-chánh 布政 (bây giờ là Quảng-bình Quảng-trị) để chuộc tội.

Năm ất-mão (1075) vua Nhân-tôn nhà Lý sai tướng là Tý Thường-Kiệt 李常傑 đi đánh Chiêm-thành không được, ông Thường-Kiệt bèn vẽ địa-đồ hình-thế của châu Địa-lý và châu Ma-linh và đổi tên châu Địa-lý gọi là Lâm-bình (臨平), châu Ma-linh gọi là Minh-linh (明靈). Nước Chiêm-thành khi ấy bị mất ba châu, chỉ còn từ Hoành-sơn trở về nam mà thôi. Đến năm quí-vị (1103) Chiêm-thành khôi-phục lại ba châu Lâm bình, Bố-chánh và Minh-linh, qua năm sau (1104) Lý Thường-Kiệt đem quân vào đánh, Chiêm-thành bị thua, quốc-vương là Chế Ma-na 制麻那 phải trả ba châu ấy lại cho nhà Lý.

Năm nhâm-tí (1132) Chiêm-thành hợp với Chân-lạp (nước Cao-miên bây giờ) đem quân ra quấy nhiễu Nghệ-an, nhưng mà bị tướng nhà Lý là Dương Anh Nhĩ 楊英耳 đánh thua phải lui về. Từ ấy đến sau trong đời nhà Lý, Chiêm-thành có mấy lần quấy nhiễu Nghệ-an về năm đinh-dậu (1177) triều vua Cao-tôn và năm Mậu-dần (1218) triều vua Huệ-tôn nữa, nhưng mà không được gì rồi cũng phải chịu triều cống.

Đến đời nhà Trần, Thái-tôn làm vua, nước Chiêm-thành đã sang triều-cống, nhưng mà vẫn quấy-nhiễu đất An Nam và cứ đòi lại đất cũ. Thái tôn lấy làm tức giận, năm nhâm-tí (1252) thân-chinh, bắt được người nước ấy đem về rất nhiều.

Dân-tộc ta lấy đất Chiêm-thành lần thứ nhì.

Nước Chiêm-thành vẫn định đòi lại ba châu, nhưng biết không thể chống cự được, đầu nhà Trần đối với nước ta không có điều gì lỗi thôi. Đến năm tân sửu (1301) Thượng hoàng (vua Thần tôn khi ấy ngài đã thôi làm vua truyền ngôi cho Anh-tôn, tự xưng là Thượng-hoàng) đi sang Chiêm-thành xem phong-cảnh, có ước gả Huyền trân công chúa (玄珍公主) cho vua Chiêm là Chế Mân (制旻). Được ít lâu Chế Mân cho người đưa vàng bạc và các sản vật sang cống và xin cưới, triều thần có nhiều người không thuận. Sau Chế Mân xin dâng châu Ô (烏) và châu Lý (哩) để làm lễ cưới, bây giờ Anh-tôn mới quyết ý thuận gả. Đến tháng sáu năm bính-ngọ (1306) cho công-chúa về Chiêm-thành.

Sang năm sau (1307) vua Anh-tôn thâu nhận hai châu (Ô và Lý) đổi tên là Thuận-châu (順州) và Hóa-châu (化州), rồi sai quan là Đoàn Nhữ-Hài (段汝諧) vào kinh-lý và đặt quan cai-trị. Ấy là dân-tộc ta lấy thêm đất Chiêm-thành vào cho đến tỉnh Huế và phủ Điện-bàn tỉnh Quảng-nam bây giờ.

Huyền-trân công-chúa lấy Chế Mân chửa được một năm thì Chế Mân mất, mà theo tục Chiêm-thành hễ khi vua đã chết thì các hậu phải hóa-thiêu chết theo. Anh tôn được tin ấy, sai Trần Khắc-Chung (陳克終) giả mượn tiếng vào thăm để tìm kế đưa công-chúa về.

Từ khi Chế Mân mất rồi, Chế Chí (制芝) lên làm vua Chiêm-thành, nhưng Chế Chí hay phản-trắc, không giữ những điều giao-ước trước, cho nên năm tân-hợi (1311) Anh-tôn cùng với Huệ Võ-vương, Trần Quốc-Chân (陳國瑱) Nhân Huệ-vương Trần Khánh Dư (陳慶餘) phân binh làm ba đạo sang đánh Chiêm-thành, bắt được Chế Chí đưa về An-Nam, và phong cho người em là Chế Đà-a-bà làm vua Chiêm-thành.

Chế Chí về An-Nam được phong là Hiệu-thuận-vương, nhưng chẳng được bao lâu thì mất ở huyện Gia-lâm, vua sai đưa hỏa táng. Từ đó về sau nước Chiêm và nước Nam thành ra có điều thù-oán mãi.

Từ khi vua nước Chiêm-thành là Chế A-Non mất rồi, con là Chế Mộ và rể là Bồ-Đề tranh nhau làm vua. Người Chiêm-thành bỏ Chế Mộ mà theo Bồ-Đề, Qua năm nhâm-thìn (1352) Chế Mộ chạy sang An-Nam cầu cứu.

Đến năm quí-tị (1353) Dụ-tôn cho quân đưa Chế Mộ về nước, nhưng mà quan quân đi đến đất Cổ-lũy (thuộc Quảng-ngãi) bị quân Chiêm đánh thua, phải chạy trở về. Chế Mộ cũng buồn rầu chẳng bao lâu thì chết. Người Chiêm-thành từ ấy được thể cứ sang cướp phá ở đất An-Nam.

Nước Chiêm-thành đánh thành Thăng-long và Chế Bồng-nga cường-thịnh. — Năm đinh-vị (1367) Dụ-tôn sai Trần Thế-Hưng (陳世興) và Đỗ Tử-Bình (杜子平) đi đánh Chiêm-thành. Quan-quân đi đến Chiêm động (thuộc phủ Thăng-bình, tỉnh Quảng-nam) bị quân Chiêm phục binh đánh, bắt được Trần Thế Hưng; Đỗ Tử Bình đem quân chạy trở về.

Người Chiêm thấy binh-thế nước Nam suy-nhược có ý khinh-dể, cho nên qua năm mậu-thân (1368) vua nước Chiêm cho sứ sang đòi đất Hóa-châu. Bấy giờ ở nước Nam ta, vua Dụ-tôn chỉ lo việc hoang chơi, không tưởng gì đến việc võ-bị; mà ở bên Chiêm-thành thì có Chế Bồng-Nga 制蓬峨 là một ông vua anh-hùng, có ý đánh An-Nam để rửa những thù trước. Vậy cho nên hết sức tập trận, luyện binh; bắt quân-lính phải chịu khó nhọc và quen dàn trận voi cho tiện đường lui tới; thắng thì cho voi đi trước để xông-đột, bại thì cho voi đi sau để ngăn giữ quân nghịch. Nhờ cách xếp đặt có thứ-tự, dụng binh có kỷ luật như thế cho nên quân Chiêm thành từ đấy mạnh lắm, sau sang đánh phá thành Thăng-long mấy lần, làm cho vua tôi nhà Trần phải kinh sợ. Năm bính thìn (1376) quân Chiêm lại sang phá ở Hóa châu. Dụ tôn định thân-chinh đi đánh. Đình thần can không được. Sai quân Thanh hóa Nghệ-an vận-tải 5 vạn thạch lương vào Hóa-châu, rồi rước Thượng hoàng lên duyệt-binh ở Bạch-hạc. Nhân năm ấy vua Chiêm-thành là Chế Bồng-Nga đem sang cống 15 mâm vàng, quan Trấn-thủ Hóa-châu là Đỗ Tử-Bình 杜子平 lấy đi, rồi dâng sớ về nói dối rằng Bồng-Nga ngạo-mạn vô-lễ, xin vua cử binh sang đánh. Được tin ấy Dụ-tôn quyết ý đi đánh; sai Lê Quí-Ly đốc

vận lương-thực đến cửa bể Di-luân (thuộc huyện Bình-chính, Quảng-bình) và tự lĩnh 12 vạn quân, cả thủy bộ cùng tiến, đi đến cửa bể Nhật-lệ (ở làng Đồng-hới, huyện Phong-lộc, Quảng-bình) đóng lại một tháng để luyện-tập sĩ-tốt.

Qua tháng giêng năm đinh-tị (1377) mới tiến quân vào cửa bể Thi-nại (thuộc Bình-định) đánh lấy đồn Thạch-kiều và động Kỳ-mang, rồi kéo quân đến đánh thành Đồ-bàn 闍槃 là kinh-đô Chiêm-thành (thành Đồ-bàn bây giờ hãy còn di-tích ở huyện Tuy-viễn tỉnh Bình-định). Chế Bồng-Nga lập đồn giữ ở ngoài thành, rồi cho người sang giả hàng nói rằng Bồng-Nga đã bỏ thành chạy trốn rồi chỉ còn có thành không mà thôi, xin tiến-binh sang ngay. Duệ-tôn lấy điều ấy làm thật, hạ lịnh truyền tiến-binh vào thành. Đại-tướng là Đỗ Lễ 杜禮 can mãi, vua không nghe. Khi quân gần đến thành Đồ-bàn, quả-nhiên bị quân Chiêm đổ ra vây thành, quân ta thua to; Duệ-tôn chết ở trận, tướng-sĩ quân lính chết nhiều lắm.

Bấy giờ Đỗ Tử-Bình lĩnh hậu-quân, không đem binh lên cứu, Lê Quí-Ly cũng bỏ chạy về, hai người ấy về kinh, Nghệ-tôn thượng-hoàng chỉ giáng Đỗ Tử-Bình xuống làm lính mà thôi.

Quân Chiêm-thành đã phá được quân An-Nam và giết được Duệ-tôn rồi, qua tháng sau đem quân sang đánh Thăng-long. Thượng-hoàng nghe tin giặc đến, sai tướng ra giữ cửa bể Đại-an. Giặc biết chỗ ấy có phòng-bị, đi vào cửa bể Thần-phù (thuộc huyện Yên-mô, Ninh-bình) rồi lên cướp phá thành Thăng-long, không ai chống giữ được.

Tháng năm năm mậu-ngọ (1378) quân Chiêm-thành lại sang đánh đất Nghệ-an, rồi lại vào sông Đại-hoàng lên đánh Thăng-long lần nữa.

Quân Chiêm-thành biết nước Nam suy-nhược, cứ sang cướp phá. Năm canh-thân (1380) lại sang phá ở đất Thanh-hóa, Nghệ-an. Vua sai Lê Quí-Ly lĩnh thủy-binh, Đỗ Tử-Bình lĩnh bộ-binh vào giữ ở Ngu-giang (huyện Hoằng-hóa, Thanh-hóa), Lê Quí-Ly đánh đuổi được quân Chiêm về. Đến năm nhâm-tuất (1382) quân Chiêm lại sang cướp ở đất Thanh-hóa, Lê Quí-Ly cùng với tướng quân Nguyễn Đa-Phương 阮多方 giữ ở bến Thần-đầu (Ninh-bình). Nguyễn Đa-Phương phá được quân Chiêm, đuổi đến đất Nghệ-an mới thôi.

Từ khi đánh được trận Ngu-giang và trận Thần-đầu, quân-thế An-Nam đã hơi nổi, cho nên sang tháng giêng năm quí-hợi (1383) Thượng-hoàng sai Quí-Ly đem chiến-thuyền đi đánh Chiêm-thành. Quí-Ly vào đến cửa Nương-loan (bây giờ ở huyện Kỳ-anh, Hà-tĩnh) phải bão đánh nát mất nhiều thuyền, lại phải rút quân về.

Qua tháng sáu năm ấy Chế Bồng-Nga cùng với tướng là La Khải 羅啓 đem quân đi đường sơn-lộ ra đóng ở Khổng-mục (孔目柵) đất Quảng-oai. Ở kinh-sư nghe tin giặc Chiêm lại sang, Thượng-hoàng sai tướng là Mật-Ôn 密溫 ra giữ châu Tam-kỳ ở địa-hạt Quốc-oai, nhưng Mật-Ôn bị quân Chiêm đánh bắt mất. Thượng-hoàng sợ hãi, sai Nguyễn Đa-Phương ở lại kinh-sư làm đồn giữ thành, rồi cùng với vua chạy sang Đông-ngạn. Bấy giờ có người nín thuyền lại, xin Thượng-hoàng ở lại đất kinh-sư mà chống giữ với giặc, Thượng-hoàng không nghe.

Chế Bồng-Nga tử-trận

Năm kỷ-tị (1389) Chế Bồng-Nga lại đem quân sang đánh Thanh-hóa. Vua sai Lê Quí-Ly đem binh vào chống giữ ở làng Cổ-vô. Quan-quân đóng cọc ngăn

sông ra giữ nhau với giặc hơn 20 ngày Giặc bèn phục binh, rồi giả tảng rút quân về. Lê Quý-Ly đem quân thủy-bộ đuổi đánh, bị phục-binh của giặc đổ ra đánh, giết hại mất nhiều. Quý-Ly trốn chạy về kinh, để người tì-tướng là Phạm Khả-Vĩnh 范可永 và tướng quân là Nguyễn Đa-Phương 阮多方 chống nhau với giặc ở Ngu-giang 虞江. Bọn Nguyễn Đa-Phương thấy quân mình yếu thế, giả-tảng bày cờ giản thuyền ra, rồi đến đêm rút quân về. Qua tháng mười-một, quân Chiêm lại vào sông Hoàng-giang. Thượng-hoàng sai quan Đô-tướng là Trần Khát-Chân 陳渴眞 đi đánh. Trần Khát-Chân đem quân đến Hoàng-giang, xem không có chỗ nào đóng quân được tiện-lợi, bèn rút về đóng ở sông Hải-triều (海潮) ở vào địa-phận huyện Hưng-nhân và huyện Tiên-lữ, tỉnh Hưng-yên. Đến tháng giêng năm canh-ngọ (1390) Chế Bồng-Nga đi thuyền đến xem hình-thế quân của Trần Khát-Chân. Bấy giờ có thằng đầy tớ của Bồng-Nga có tội, sợ phải giết, chạy sang hàng với Trần Khát-Chân. Nhân khi Bồng-Nga đem hơn 100 chiếc thuyền đến gần trại của quân nhà Trần đóng. Tên đầy tớ ấy chỉ cái thuyền của Bồng-Nga cho Khát-Chân. Khát-Chân mới truyền lấy súng bắn vào thuyền ấy. Bồng-Nga trúng phải đạn chết. Quân ta đổ ra đánh, quân Chiêm thấy Quốc-vương chết đều bỏ chạy cả. Quan-quân đánh đuổi rồi cắt lấy đầu Bồng-Nga đem về dâng triều đình. Thượng-hoàng thấy đầu Bồng-Nga, tự ví mình như Hán Cao-tổ thấy đầu Hạng-Vũ, rất là vui-vẻ. Đoạn rồi định công thưởng tước cho các tướng sĩ.

Tướng Chiêm-thành là La-Khải 羅楷 đem xác Bồng-Nga hóa-táng xong rồi, đem quân trở về nước, chiếm lấy ngôi vua Chiêm thành. Hai người con Bồng-Nga phải chạy sang hàng An-Nam, đều được phong hầu cả.

Dân-tộc ta lấy đất Chiêm-thành lần thứ ba.

Qua đời nhà Hồ, năm nhâm-ngọ (1402) tướng nhà Hồ là Đỗ Mãn đem quân sang đánh Chiêm-thành. Vua nước ấy là Ba Địch-Lại sai cậu là Bồ Điền sang dâng đất Chiêm-động (phủ Thăng-bình, tỉnh Quảng-nam) để xin bãi-binh. Qui Ly lại bắt phải dâng đất Cổ-lũy (Quảng-nghĩa) rồi phân đất ấy làm châu Thăng (升), châu Hoa (華), châu Tư (思), châu Nghĩa (義), và đặt quan án-phủ-sứ để cai-trị bốn châu ấy. Lại bắt những dân có của mà không có ruộng ở các lộ khác đem vợ con vào ở để khai-khẩn những đất các châu ấy, bởi vì khi vua Chiêm nhường đất Chiêm-động và Cổ-lũy, người Chiêm đều bỏ đất mà đi cả. Từ ấy mà nước Nam ta lại lấy thêm đất Chiêm-thành vào cho đến tỉnh Quảng-nghĩa bây giờ.

Nhà Hồ trở về trước kinh-lý xứ Thuận-Quảng

Cuối đời Trần và nhà Hồ thì khi ấy nước ta đã chiếm đất Chiêm-thành cho đến Chiêm-động, Cổ-lũy, nghĩa là đất Trung-kỳ đã tiến vào địa-phận Quảng-nghĩa giáp-giới tỉnh Bình-định bây giờ.

Kể cái lịch-sử chiếm-lĩnh đất Chiêm-thành từ trước đến lúc ấy là ba thời-kỳ: thời-kỳ thứ nhất là vua Lý Thánh-tôn (1069) đánh lấy ba châu Địa-lý, Ma-linh và Bố-chính; thời-kỳ thứ nhì là đời vua Trần Anh-tôn (1306) người Chiêm dâng hai châu Ô và Lý; thời-kỳ thứ ba là đời Hồ Hán-Thương đánh lấy được đất Chiêm-động và Cổ-lũy.

Kể theo xứ Trung-kỳ ngày nay ngoài từ Hoành-sơn vào cho đến Bình-thuận là 9 tỉnh mà trong ba thời-kỳ ấy đã lấy được 5 tỉnh, nghĩa là đã được ngoài hai phần ba của đất Chiêm-thành vậy. Trong một đoạn lịch-sử từ Đinh, Lê cho đến Trần, Hồ, nghĩa là từ thế-kỷ thứ 10 cho đến đầu thế-kỷ thứ 15, trong bốn trăm năm trời nước ta giao-tiếp

với Chiêm-thành và mở-mang thêm quốc-thổ được một bộ-phận rất lớn, mà nhờ có bộ-phận ấy làm căn-cứ cho con đường « nam-tiến » và về sau lại làm căn-cứ cho quốc-gia nữa. Khá khen thay! Dân-tộc Chiêm-thành khởi độc-lập từ thế-kỷ thứ hai nghĩa là từ khi còn là huyện Tượng-lâm của nhà Hán, cho đến đầu thế-kỷ thứ 15, trong thời-kỳ một nghìn mấy trăm năm đã ghê phen bị giặc Tàu và dân-tộc Bắc-phương đến quấy-nhiễu, nhưng còn giữ được quốc-hiệu độc-lập cho đến mấy trăm năm về sau nữa. Trung-gian cũng lắm đoạn công-nghiệp hiển-hách, như đời Chế Bồng-Nga đã làm cho dân-tộc Bắc-phương phải kinh-sợ. Về cách kinh-lý quốc-thổ, cai-trị quốc-dân của nước Chiêm-thành khi trước thế nào, thì không thấy sử-sách ghi chép, đều ấy phải cần có người chuyên-môn khảo-cứu. Nhưng bây giờ còn những di-tích các cổ-miếu và cổ-động để lại thời biết dân-tộc họ cũng trọng về đàng tôn-giáo và đàng mĩ thuật.

Còn về người nước ta chiếm lấy đất Chiêm-thành thì khi ban đầu mới đến quốc-thổ họ, cách cai-trị thế nào, trong sử cũng không nói rõ. Đời Lý sau khi lấy ba châu Địa-lý, Ma-linh và Bố-chánh, năm 1075 mới đổi tên mới và chiêu dân vào ở; đời Trần Anh-tôn năm 1307 sau khi lấy được hai châu Ô Lý, vì thổ-dân có việc lôi-thôi mới sai ông Đoàn Nhữ-Hài vào tuyên đức-ý, đổi tên hai châu ấy là Thuận và Quảng và chọn thổ-dân cho làm quan cùng chia ruộng đất cho mà làm ăn. Xem trong sách chép rằng năm ấy tha thuế ba năm, thế thì chắc là từ khi lấy đất Chiêm-thành thì triều-đình Bắc-phương có bắt những châu đã thuộc về mình phải chịu nộp một khoản thuế bao nhiêu đó. Còn quyền cai-trị chẳng qua là giao cho người bản-xứ lo lấy sự nội-trị, chỉ có một quan biên-trấn trọng-thần kiêm-lĩnh, như là năm 1313 sai ông Đỗ Thiên-Nghiễn làm quan kinh-lược-sứ cả đất Nghệ-an và đất Lâm-bình.

Lại khi nào định xuất binh ra đánh dẹp thì mới sai tướng đem quân ra lĩnh trọng-trấn, như là năm 1353 sai ông Trương Hán-Siêu cai quản quân Thần-sách ra làm Trấn-thủ Hóa-châu, vân vân. Về châu Địa-lý thì năm 1075 đổi làm châu Lâm-bình, rồi sau đặt làm phủ, không biết đặt phủ từ đời nào, nhưng chỉ thấy năm 1361 sai ông Phạm A-Song 范阿寨 làm quan Tri-phủ phủ Lâm-bình, phủ ấy đến năm 1375 lại đổi tên là phủ Tân-bình. Về xứ Hóa-châu thì đến năm 1361 mới đắp xong thành Hóa-châu, thành ấy cách 30 năm về sau, Lê Quí-Ly đi tuần Hóa-châu mới sửa-sang lại lần nữa. Vì sự giao-thông và vì cần dùng về lối dụng-binh mới sửa đạo lộ và mở đường vận-tải cho tiện hành-binh: năm 1375 đốc dân Thanh-hóa, Nghệ-an và Tân-bình đắp đường từ quận Cửu-chân đến Hà-hoa để dự-bị đánh Chiêm-thành, và sai Lê Quí-Ly coi sự tào-vận, từ Nghệ-an, Tân-bình và Thuận-hóa. Hồi ấy chắc là các xứ Trung-kỳ đường đi hiểm-trở, đường bộ thì dân-tộc mình không thể quen thuộc như dân-tộc Chiêm-thành được, sự vận-tải chỉ nhờ đi đường bể, mà người Chiêm-thành cũng thường do đường bể đi ra quấy nhiễu xứ bắc, như đời Chế Bồng-Nga đi bắc-phạt kiêm cả đường núi và đường bể, vì vậy nên quân ta không thể phòng-bị được. Công-trình rất lớn của nhà Hồ đối với xứ Trung-kỳ là sự đắp đường thiên-lý từ thành Tây-đô cho đến Hóa-châu, nghĩa là đắp con đường từ Thanh-hóa cho đến Huế bây giờ. Con đường ấy đắp năm 1402 là năm thứ hai niên-hiệu Thiệu-thành của nhà Hồ. Nhờ có con đường ấy mà dân xứ Bắc có thể di-cư và lập-nghiệp khai-khẩn về miền Nam. Còn như về trước chẳng qua là bọn đàn ông đi làm lính vào đồn-ngữ ở

Hóa-châu, mà di-cư toàn một đám đàn ông thì cũng không thể nào mà thi-hành cái chủ-nghĩa thực-dân cho được. Xét lại thì khi trước nước ta không phải vì cái mục-đích di-dân mà lấy đất Chiêm-thành, chẳng qua là vì cái chủ-nghĩa đế-quốc cũng như nước Tàu đối với ta ngày trước, do tấm lòng tự-tôn tự-đại bắt một tiểu-quốc bên cạnh mình phải thần-phục mà ra uy chinh-phạt. Nước ta hồi trước đối với Chiêm-thành cũng theo một chủ-nghĩa ấy ; lấy đất Chiêm-thành để làm nơi căn-cứ về sự dụng-binh, mà dụng-binh là ra uy cho một nước nhỏ hơn mình phải xưng-thần triều-cống. Quốc-thổ đã mở rộng rồi, nhưng không cần phải di-dân khai-khẩn. Chỉ cho mấy đạo binh đến đóng đồn phòng-ngữ, mỗi năm thì thu thuế và bắt người bản-xứ phải đem vàng ngọc châu báu mà triều-cống ông quốc-trưởng của mình ; nói rõ ra thì sự xâm-lược ngày xưa là vì khuếch-trương cái uy-quyền của ông quốc-trưởng mà đi xâm-lược, không phải vì khuếch-trương cái thế-lực của dân-tộc mà tìm nơi thực-dân. Vì vậy, sự xâm-lược ngày xưa là liều hi-sinh mạng dân và của dân mà tìm những đồ ngoạn-vật cho ông quân-chủ và bắt người ngoài phải cúi đầu chịu một cái lạy hoặc một tiếng dạ ở trước mặt ông quân-chủ là đủ.

Từ năm 1069 đến năm 1400, nước ta lấy 5 xứ đất của Chiêm-thành đã ngót 400 trăm mà chưa thấy kinh-lý gì cả. Qua đến nhà Hồ mới bắt đầu phát-khởi ra cái chủ-nghĩa thực-dân, xét kỹ ra thì nhà Hồ chẳng qua là cảm-giác về những nỗi khó-khăn trong khi trưng-phát về binh chính, cho nên phải di-dân lập-nghiệp ở nơi đất mới, để cho tiện những lúc trưng-phát. Tuy vậy, cũng là một dịp rất tốt cho dân-tộc An-Nam được bắt đầu mở-mang con đường sinh-hoạt về miền Nam vậy.

Năm 1402 Hồ Hán-Thương làm con đường thiên-lý từ Tây-đô đến Hóa-châu xong rồi, đánh Chiêm thành lấy thêm đất Chiêm-động Cổ-lũy, phân ra làm bốn châu : Thăng, Hoa, Tư và Nghĩa, đặt chức An-phủ-sứ lộ Thăng-Hoa để cai-trị, dời những dân xứ bắc người nào có tư-bản mà không có đất ruộng vào ở lộ Thăng-hoa, những dân ấy tuy vào lập-nghiệp khẩn-hoang, nhưng mà cũng thúc vào quân-ngũ, hễ khi có việc thì đi đánh giặc, khi không việc thì về làm ruộng. Vả lại sức cho dân ai có nộp được trâu bò thì phong tước, mà trâu bò ấy thì cấp cho bọn dân di-cư để cày ruộng. Cách chiếm thuộc-địa và di-dân của họ Hồ rất là khôn khéo. Đời nhà Hồ chia 5 châu đất đã chiếm-cứ của Chiêm-thành ra làm 3 phủ ; phủ Tân-bình, phủ Thuận-hóa và phủ Thăng-hoa, mỗi phủ có quan An-phủ-sứ 安撫使 và quan Thái-thú, như là dùng ông Lê Quang-Tổ 黎光祖 làm quan An-phủ-sứ và ông Hoàng Hối-Khanh làm quan Thái-phủ ở phủ Thăng-hoa. Về trên nguyên-đầu thì có đặt ra trấn Tân-minh 新寧鎮 do quan Thái-thú phủ Thăng-hoa kiêm làm Tiết-chế 節制 trấn ấy.

Họ Hồ không những mở đạo lộ mà thôi, lại muốn mở-mang về đường thủy-lộ ở trên lục-địa cho tiện sự tào-vận khỏi phải đi đường bể mà thường bị cái nạn hải-phỉ ; năm 1404 Hồ Hán-Thương sai đào con sông vận-hà từ Tân-bình đến Thuận-hóa, công-trình ấy lớn-lao biết là đường nào, mà lúc bấy giờ trù-nghĩ cử-hành thì đủ biết cái hùng-tâm về sự khai-khẩn quốc-thổ của nhà Hồ. Hiềm vì con sông ấy đi ngang qua những nồng cát, đào xong rồi phải bị lấp, không thể thành-công được, thật đáng tiếc thay !

Đời nhà Hồ cũng muốn lấy cho được thành Đồ-bàn là nơi kinh-đô của Chiêm-thành, năm 1403 sai Đỗ Mãn 杜滿 đem 20 vạn quân vào đánh, vây thành hơn một tháng mà đánh

không đồ lương thực hết cả, phải rút quân về. Xem thế thì đủ biết Chiêm-thành khi ấy tuy mất quốc-thổ đến hai phần ba mà thế-lực hãy còn mạnh vậy.

Nhà Hậu-Trần nhờ đất Thuận-hóa mà duy-trì được mấy năm và người Tàu cho đất Thuận-hóa làm trọng-yếu. Năm 1407 họ Hồ bị quân Tàu bắt, các quan địa phương là Đặng Tất 鄧悉 ở Hóa-châu, Phạm Thế-Căng 范世矜 ở Tân-bình đều đem quân đầu với tướng nhà Minh là Trương Phụ 張輔. Đến mùa đông năm ấy vua Giản-định-đế 簡定帝 nhà Hậu-Trần nổi lên ở Nghệ-an, Đặng Tất đem quân ra theo vua-Giản định, năm sau nữa Đặng Tất lại quay về đánh Phạm Thế-Căng rồi hợp các đạo quân Thuận-hóa, Tân-bình, Nghệ-an, Diễn-châu và Thanh-hoa kéo ra Đông-đô (Thăng-long) để đánh quân Tàu Năm 1409 vua Giản-định nghe lời gièm giết Đặng Tất và quan Tham-mưu là Nguyễn Cảnh-Chân, con Đặng Tất là Đặng Dung và con Nguyễn Cảnh-Chân là Nguyễn Cảnh-Dị bèn kéo quân Thuận-hóa về Thanh-hoa lập ông Trần Quí-Khoáng 陳季擴 lên làm vua, đổi niên-hiệu là Trùng-quang, nên ngày sau sử chép là Trùng-quang-đế. Khi ấy vua Giản định bị Trương Phụ bắt, vua Trùng-quang chạy về Nghệ-an, nhờ có hai đạo Tân-bình và Thuận-hóa giúp sức mà chống cự với giặc Tàu được mấy năm. Năm 1412 Trương Phụ lấn vào Nghệ-an, qua năm sau vua Trùng-quang phải chạy vào trú-tất ở Hóa-châu.

Trương Phụ nhờ có tên hàng-tướng ở Nghệ-an là Phan Liêu 潘僚 nói hết những địa-hình hiểm-trở của xứ Thuận-hóa và binh-số tướng-tá của vua Trùng-quang, bèn quyết chí vào đánh Thuận-hóa. Ngày tháng sáu năm 1413 Trương Phụ cùng Mộc Thạnh 沐晟 hội-nghị. Mộc Thạnh nói rằng: « Hóa-châu núi cao sông rộng, chưa dễ đã lấy được». Trương Phụ nhất-định rằng: « Ta có làm người được cũng ở đất Hóa-châu, mà nếu làm ma cũng ở đất Hóa-châu; Hóa-châu mà không lấy được thì không có mặt mũi nào về trông thấy chúa-thượng ». Lập tức truyền cho quân thủy bộ tiến vào đánh Hóa-châu. Trương Phụ đi đường bể vào Hóa-châu, khi ấy quan nhà Hậu-Trần thế yếu không chống nổi, bọn Nguyễn Cảnh-Dị và Đặng Dung bị bắt, vua Trùng-quang chạy trốn lên Lào, rồi cũng bị bắt mà Trương Phụ đánh lấy được Hóa-châu.

Tên các châu huyện của phủ Tân-bình và phủ Thuận-hóa chép trong sử nhà Minh.

Địa-thế xứ Tân-bình, Thuận-hóa và Thăng-hoa, từ họ Hồ kinh-lý đã nhiều, trên kia cũng đã lược kể. Kịp đến quân nhà Minh chiếm lấy trong niên-hiệu Vĩnh-lạc, sau khi vua Trùng-quang nhà Hậu-Trần bị bắt đến khi vua Lê Thái-tổ sai Trần-Hãn 陳扞 lấy Tân-bình và Thuận-hóa (1414-1424) thì nhà Minh chia ra làm châu huyện và số hộ-khẩu chép trong sách « Thiên-hạ quận-quốc lợi-bệnh » (天下郡國利病) có những tên đất và số-mục như sau này:

— Phủ Tân-bình 新平府

Huyện Trực-lệ 2 { Nha-nghị 衙儀 / Phúc-khan 福康 }

Lĩnh 2 châu { Chính-bình 政平 / Nam-linh 南靈 }

Lĩnh 1 huyện Tả-bình 左平

Cộng số làng 37 xã; số hộ 2132 hộ; số dân 4138 người.

Phủ Thuận-hóa 順化府

Lĩnh 2 châu 11 huyện:

Thuận châu 4 huyện: { Lợi-điều 利調 / Phi-lan 丕蘭 / Ba-lan 巴蘭 / An-nhân 安仁 }

Hóa-châu 7 huyện :
- Trà-hát 茶 偈
- Lợi-bồng 利 蓬
- Sạ-linh 乍 令
- Tư-dung 思 容
- Bồ-thai 蒲 台
- Bồ-lãng 蒲 朗
- Sĩ-vinh 士 榮

Cộng số làng 79 xã ; số hộ 1407 hộ ; số dân 3663 người.

— Phủ Thăng-hoa 升 華 府

Lĩnh 4 châu 11 huyện.

Châu Thăng 3 huyện :
- Lê-giang 黎 江
- Đô-hòa 都 和
- An-bị 安 備

Châu Hoa 3 huyện ;
- Vạn-an 萬 安
- Cụ-hi 具 熙
- Lễ-đễ 禮 悌

Châu Tư 2 huyện ;
- Trì-bình 持 平
- Bạch-ô 白 烏

Châu Nghĩa 3 huyện
- Nghĩa-thuần 義 純
- Nga-bôi 鵝 杯
- Khê-miên 溪 緜

Số làng và số dân không nói rõ.

Về số dân lúc bấy giờ, hoặc-giả sử chép đại-lược thế nào, không lẽ số trong một phủ chỉ có mấy nghìn dân. Nhà Minh cai-trị thì các cửa bể đều có đặt quan Thủ-bạc (守 舶) và các chợ có cuộc trừu-phân (抽 分) để mà thu các thuế buôn-bán như thuế thương-chính ngày nay.

Vua Lê Thái tổ và Thái-tôn đối với xứ Tân-bình và Thuận-hóa

Quân nhà Minh lấy Tân-bình và Thuận-hóa được mười năm thì thấy có tướng-hiệu và binh-đội của Bình-định-vương sai vào đánh đuổi quân Tàu mà lấy đất lại.

Nguyên từ khi nhà Minh cai-trị An-nam dân ta phải chịu khổ-nhục ai nấy đều có lòng tức giận muốn thoát-li nước Tàu mà tự-chủ. Năm 1418 niên-hiệu Vĩnh-lạc thứ 16 vua Thành tổ nhà Minh, ông Lê Lợi 黎 利 người làng Lam-sơn (tỉnh Thanh-hóa) khởi-binh ở núi Lam-sơn tự xưng là Bình-định-vương để định đánh đuổi giặc nhà Minh ra cho khỏi quốc-thổ. Khi đầu Bình-định-vương còn yếu thế, phải quanh-quẩn ở vùng Thanh-hóa và Nghệ-an bây giờ. Năm nhâm-dần (1422) ngài vào Nghệ-an đánh được châu Trà-long, năm ất-tị (1425) vây thành Nghệ-an, khi ấy binh-thế đã hơi mạnh mà thiên-hạ hưởng-ứng vẫn nhiều. Ngài muốn khuếch-trương thế-lực miền Nam, về tháng 7 năm ấy sai quan Tư-đồ là Trần Nguyên-Hãn (陳 元 扞), Thượng-tướng là Lê Nỗ (黎 弩) đem 1000 quân vào lấy phủ Tân-bình và phủ Thuận-hóa. Đi đến Bố-chính thì gặp tướng nhà Minh là Nhâm-Năng (壬 能), hai bên đánh nhau, quân ta phục-binh, quân nhà Minh phải thua chạy. Vừa lúc ấy Bình-định-vương lại sai ông Lê Ngân (黎 銀) đem 70 chiếc thuyền đi đàng bể vào hiệp-lực với bọn ông Trần Nguyên-Hãn, bèn hạ được hai thành Tân bình và Thuận-hóa rồi để người ở lại giữ hai thành ấy, mộ thêm binh-tốt đem ra đánh dẹp mặt bắc.

Năm đinh-vị (1427) Bình-định-vương đánh Đông-đô đã phá được quân Tàu, tướng Tàu là Liễu Thăng và Mộc Thạnh đều bị thua, Vương Thông thì xin hòa mà kéo quân về Tàu. Ngài bèn sai những hàng-tốt đem 357 con ngựa vào chăn nuôi ở Hóa-châu và những người Tàu mà bị bắt về trận đánh vừa rồi đều đem phân-sáp ở phủ Tân-bình. Mùa hạ năm ấy có ban-dụ và phong-tước những tướng-tá ở phủ Tân-bình và phủ Thuận-hóa.

Qua năm sau (1428) vua Lê đã dẹp yên giặc Tàu, sắp đặt công việc cai-trị, phân trong nước ra làm 5 đạo, nghĩa là trước kia đã phân 4 đạo ở bắc-phương là tây-đạo, đông-đạo, bắc-đạo và nam-đạo ; nay lại đặt thêm đất Thanh-hóa, Nghệ-an, Tân-bình và Thuận-hóa làm đạo Hải-tây. Mỗi đạo

có đặt quan Hành-khiển 行遣 để coi những việc quân-dân, bạ-tịch và tử-tụng. Trong đời vua Lê Thái-tổ cho xứ Hóa-châu là nơi trọng-trấn thường sai các quan Thân-thần ra làm trấn-thủ để phòng giữ với nước Chiêm-thành, xem như năm Thuận-thiên thứ ba (1430) sai ông Lê Khôi (黎魁) ra làm quan Tổng-quản ở Hóa châu thì đủ biết. Khi ông Lê Khôi vào Hóa-châu thì ông chiêu-tập bọn lưu-dân và khuyến-khóa việc nông-tang, dân Hóa-châu lấy làm kính mến. Ông ở Hóa-châu được một năm rồi bị triệu về.

Vua Thái-tổ mới được nước, chưa kịp kinh-lý về miền nam, đến đời vua Thái-tôn năm đầu niên-hiệu Thiệu-bình (1431) vua Chiêm-thành là Bồ-Đề nghe tin Thái-tổ vừa mất mà Thái-tôn tuổi còn trẻ, có ý muốn dòm rình để đánh lấy lại đất cũ, bèn đem quân ra quấy-nhiễu ở cửa bể Việt-hải (thuộc huyện Đăng-xương tỉnh Quảng-trị). Vua thấy thế, mới sai ông Lê Liệt (黎列) đem quân đi tuần Nghệ-an, Tân-bình và Thuận-hóa; lại sai ông Lê Khôi tiếp đem thêm quân vào Hóa-châu, quân đến nơi thì quân Chiêm đã lui về. Ông Lê Liệt vào đánh bọn man-dân ở Hóa-châu bắt được hơn 1000 người và vài chục thớt voi rồi kéo quân về bắc.

Vua Lê Nhân-tôn đối với nước Chiêm-thành

Vì quân nhà Minh bị thua, vua Lê Thái-tổ thu-phục được nước Nam rồi, tuy rằng sai trọng-thần vào trấn giữ Thuận-hóa, nhưng mà đất Thăng-Hoa, Tư-Nghĩa, nghĩa là phía nam tỉnh Quảng-nam lại bị luân-hãm về Chiêm-thành, đời vua Thái-tổ và Thái-tôn cũng chưa kịp thu-phục lại. Qua đời vua Nhân-tôn mới lên làm vua niên-hiệu Thái-hòa thứ 2 và thứ 3 (1444-1445) Chiêm-thành hai lần ra quấy nhiễu Hóa-châu. Đến năm thứ 4 (1446) vua Nhân-tôn mới sai đại-binh vào đánh Chiêm-thành. Ngày tháng 2 sai ông Lê Thụ (黎受) đem quân vào đất Ly-gian (thuộc huyện Lệ-dương tỉnh Quảng-nam bây giờ) Đa-lang và Cồ-lũy mở đường thủy lộ và đắp thành-lũy, đánh được Chiêm-thành rồi thừa thắng vào đánh cửa bể Thi-nại (thuộc về tỉnh Bình-định). Qua tháng tư đánh phá thành Đồ-bàn là nơi kinh-thành của Chiêm, bắt được vua Chiêm là Hi-Cai đem về kinh-sư, lập người cháu vua Chiêm là Bi-lai lên thay cho Hi-Cai. Từ ấy Chiêm-thành lại chịu triều-cống như trước.

Vua Lê Thánh-tôn kinh-lý xứ Thuận-hóa và đánh Chiêm-thành

Vua Thánh-tôn lên làm vua, thì mấy năm đầu bọn Chiêm-thành vẫn triều-cống. Tháng hai năm Quang-thuận thứ 7 (1466) đặt các ti tuyên-chánh (宣政司), sai ông Nguyễn Đặc-Đạt 阮特達 làm quan Tuyên-chánh-sứ ở xứ Thuận-hóa, tháng tư đặt quân năm phủ: trung-quân, đông-quân, nam-quân, tây-quân, và bắc-quân, thì xứ Thuận-hóa và phủ Thiên-trường (tức tỉnh Nam-định bây giờ) thuộc về Nam-quân. Xét khi ấy Thanh-hóa Nghệ-an thì thuộc về Trung-quân mà xứ Thuận-hóa lại hợp với phủ Thiên-trường, hình-thế cách-trở, sự biên-chế ấy cũng đáng lấy làm lạ thay! Cách biên-chế quân-đội trong lúc bấy giờ thì phủ nam-quân có 6 vệ, cộng 31 sở mà mỗi sở là 400 người, thành ra nam-quân là 16.000 người mà xứ Thuận-hóa có ít đi nữa cũng có quân-số là 8000 người. Tháng 6 năm ấy chia trong nước làm 12 đạo, xứ Thuận-hóa riêng thành một đạo, mỗi đạo có đặt quan Thừa-tuyên. Lại sai các quan Thừa-tuyên đều phải đi khám những hình-thế núi sông và sự-tích xưa nay rồi vẽ đồ chú rõ gửi về cho bộ Hộ để làm địa-đồ. Vừa lúc ấy quan Tham-nghị ti Thừa-chánh ở Hóa-châu là ông Đặng Chiêm (鄧瞻) có dâng sớ nói 5 điều:

Điều thứ I là giữ cửa bể Tư-dung (思容, tức là cửa Tư-hiền ở về huyện Phú-vang phủ Thừa-thiên bây giờ); điều thứ 2 là lấp cửa Nhi-hải (堧海, tức là cửa Thuận-an ở huyện Hương-trà phủ Thừa-thiên bây giờ; điều thứ 3 là mở con sông Liên-cừ (蓮渠, con sông ấy ở về làng Thủy-liên huyện Lệ-thủy tỉnh Quảng-bình, Hồ-Hán-Thương khi trước định đào ra để thông đường tào-vận từ Tân-bình đến Thuận-hóa, vì cát lấp mà không thành-công); điều thứ 4 là bãi thuế nguyên-đầu; điều thứ 5 là chiêu-tập những dân lưu-vong để khai-khẩn ruộng hoang châu Bố-chánh. Lời sớ ấy dâng lên vua đều nghe theo. Về con sông Liên thì trong sử chép rằng năm Quang-thuận thứ 9 mới đào lại. Đến năm Quang-thuận thứ 10 (1469) định bản-đồ trong nước thì phân đặt xứ Thuận-hóa là 2 phủ 7 huyện và 4 châu như sau này:

Triệu-phong phủ: 肇豐府
Huyện Đơn-điền, 丹田縣
Huyện Kim-trà, 金茶縣
Huyện Tư-vinh, 思榮縣
Huyện Hải-lăng, 海陵縣
Huyện Vũ-xương, 武昌縣
Cuyện Điện-bàn. 奠磐縣
Châu Thuận-bình, 順平州
Châu Sa-bôi, 沙杯州
Phủ Tân-bình 新平府
Huyện Khương-lộc 康祿縣
HuyệnLệ-thủy 麗水縣
Châu Minh-linh 明靈州
Châu Bố-chánh 布政州

Vì năm 1446 tuy đã đánh được Chiêm-thành lập lại vua nước ấy và bắt phải triều-cống, nhưng mà đất Thăng, Hoa, Tư, Nghĩa vẫn chưa kịp kinh-lý, chỉ kinh-lý từ nửa tỉnh Quảng-nam trở về bắc, khi ấy hình như phía bắc sông Sài-giang tỉnh Quảng-nam bây giờ thuộc về quan quân nhà Lê cai-trị, mà về phía nam sông ấy thì thuộc về Chiêm-thành cai-trị vậy. Từ lúc ấy cho đến năm đầu niên-hiệu Hồng-đức vua Thánh-tôn (1470) trong khoảng 24 năm, Chiêm-thành không bị quân An-Nam vào đánh mà trong nước thì tranh-lập cùng nhau lại có ý muốn cầu-viện nhà Minh để chống cự với An-Nam nữa. Bản-ý các vua Lê khi ban đầu cũng muốn làm cách «cơ-mi» mà để cho họ được thiên-an nhất-cảnh, miễn là thần-phục mà không quấy-nhiễu mình mà thôi. Nhưng hiềm vì người Chiêm-thành thường gây hấn-khích, làm cho phải động đến quân thân-chinh của vua Thánh-tôn. Các trận đánh từ niên-hiệu Hồng-đức trở về sau, ấy cũng là cái lỗi tại Chiêm-thành tự mình gây ra cái họa chiến-tranh vậy.

(Còn nữa)

AN-KHÊ

TÂM-HỒN NGƯỜI ĐÀN BÀ

Đó là tên một cuốn sách của một bà nữ-sĩ Ý-đại-lị tên là Gina Lombroso. *Sách dịch ra năm thứ tiếng : Pháp, Anh, Thụy-điển* (Suède), *Đức, Hòa-lan. Bản dịch sang chữ Pháp của ông* FRANCOIS LE HÉNAFF, *hiệu* Payot *đứng lên ấn-hành* (1).

Bà GINA LOMBROSO *là người thế nào, xin lược dịch lời giới-thiệu của ông* FRANÇOIS LE HÉNAFF *nói rõ như sau này :*

« . . . *Bà* GINA LOMBROSO *là con gái ông* CÉSARE LOMBROSO *là nhà nhân-chủng-học* « (anthropologiste) *có tiếng ở Ý-đại-lị... Khi bà tốt-nghiệp ở trường trung-học ra thì* « *điều thích nhất của bà là xin vào học trường Cao-đẳng Y-học. Nhưng từ đó về trước,* « *chưa từng có người con gái nào học về môn ấy. Bà cũng không muốn làm trái* « *người đời, liền xin vào học trường Cao-đẳng Văn-chương thành* Turin, *rồi đỗ* « *Văn-khoa bác-sĩ* (Docteur ès-lettres).

« *Đỗ xong bà đính-hôn cùng ông* GUGLIELMO FERRERO *là nhà sử-học có tiếng. Vì* « *đó bà lại để tâm vào những vấn-đề thuộc lịch-sử, kinh-tế. Hồi đó bà viết những* « *sách sau này :* « *Khảo về xã-hội và kinh-tế một xóm cạnh thành Turin* » (Enquête « sociale et économique sur un faubourg de Turin) ; « *Sự đình-công* » (Les grèves), « *Luật bảo-thủ sự lao-động của đàn-bà con trẻ* » (Les lois protectrices du travail « des femmes et des enfants », vân vân . . .

« *Khi đó cái tục nhằm làm cho đàn-bà không dám học thuốc cũng dứt, bà mới* « *vào trường Cao-đẳng Y-học, tốt-nghiệp đỗ y-khoa bác-sĩ* (Docteur en médecine).

« *Khi thành-hôn cùng ông* FERRERO *rồi, bà lại chuyên-tâm về sử-học và xã-hội-* « *học, viết bộ sách :* « *Sự tệ của cái cơ-khí-chủ-nghĩa* » (Le désavantage du Machi- « nisme); *trong bộ sách đó bà xét kỹ đến nguồn-gốc lịch-sử Trung-hoa, Ai-cập, Hi-lạp,* « *La-mã, chứng rõ rằng các dân-tộc ấy về thượng-cổ không cần máy-móc mà văn-* « *minh cũng rực-rỡ.*

« *Hồi đó ông* FERRERO *phải sang Hoa-kỳ và các nước ở Nam-Mĩ để diễn-thuyết,* « *bà liền đi theo. Nhân đó bà mới xét hết được cả các qui-trình lớn của Đại-châu.* « . . . *Bà đi lần ấy, quan-sát nhiều, có cảm nhiều, khi về xuất-bản một bộ sách nhan-* « *đề là* « *Nam-Mĩ* ».

« *Kịp hồi Đại-chiến* 1914-1918, *bà tận-tâm về việc cổ-động, việc cứu-tế. Khi trước* « *vì mắc việc học-hành, bà xa-cách bọn phụ-nữ, nay lại được gần-gụi giao-tiếp luôn ;* « *bà mới để tâm đến vấn-đề nữ-giới. Chắc vì đó mà bà làm quyển sách này . . .* »

Sách chia làm năm phần : phần thứ nhất nói về cái « *Ác-cảnh của người đàn bà* », *phần thứ hai nói về* « *Linh-hồn* », *phần thứ ba nói về* « *Trí-tuệ* », *phần thứ tư*

---

(1) L'âme de la femme. Traduit de *l'Italien* par F. le Hénaff. Payot, éditeur, Paris.

nói về « Ái-tình », phần thứ năm nói về « Công-lý ». Đại-ý rằng : Đức-tính, tư-cách đàn-ông khác đàn-bà không phải vì giáo-dục, cảnh-ngộ mà chỉ vì Hóa-công mà thế cho xã-hội được điều hòa, đẹp-đẽ.

Cứ xem ý-tứ và văn-chương tưởng như một bà lão cổ-thời còn sống-sót lại cố sức chọi với cái phong-trào lãng-mạn đời nay. Trong bài đề-từ bà có câu rằng « Tác-giả tin rằng : giáo-dục cưỡng-bách không đánh được cảm-tình, đức-tính đàn-bà, — cảm-tình, đức-tính riêng, đặc sắc của bọn quần-thoa, khác hẳn đàn-ông. Tác-giả tin như thế và muốn cổ-động cái ý-kiến ấy cho người đời, tác-giả muốn phá cái khuynh-hướng chung của người đời nay, cái khuynh-hướng ấy toan làm cho đàn-bà thành đàn ông (masculiniser la femme). Người ta nghĩ làm như thế là gây được hạnh-phúc cho nữ-lưu. Nhưng mà không ! không những không gây được mà lại làm cho xã-hội thiệt mất một vai gánh vác. »

Tôi trộm tưởng những lời như thế đem công-bố ra tất có ảnh-hưởng sâu-xa trong bọn phụ-nữ nước nhà — có lẽ ảnh-hưởng cả đến bọn đàn ông nữa. — Nhưng lời ấy lại càng có giá-trị lắm nữa vì là lời của một người đã từng muốn « làm đàn ông » như bà, là một người ở một xứ mà ta vẫn ngờ là nữ-tắc mất khuôn, đời gương mẫu thấy.

Quyển « Tâm-hồn người đàn-bà » của bà làm náo-động cả nữ-lưu — nhất là mấy bản dịch của Pháp, Đức, Anh, — từ đó bà tiếp được rất nhiều thư các nơi gửi đến, kẻ trách bà, kẻ biểu đồng-tình, bà liền xuất-bản quyển « Đàn bà vào đời ra làm sao ? » (La femme aux prises avec la vie) để trả lời các bức thư trên và chứng-dẫn các lẽ bà nói ở quyển trước.

Nay xin lược-dịch một thiên trong sách « Tâm hồn người đàn bà » để giới-thiệu cùng độc-giả.

Dịch-giả chú.

Cái khó khăn của Vấn-đề nữ-lưu

Khi ta ngoan cảnh dẫy núi *Alpes*, trước mới coi chỉ thấy núi trắng in lên trời xanh, tưởng là rõ ràng lắm, ngắm kỹ mới biết là phiền-phức. Nào là chóm núi cao, nào là thung-lũng sâu, nào là dòng nước, nào là đồng-bằng, đột-nhiên xuất-hiện ra ; đường lối, trước trông dễ-dàng thế, mà nay trông kỹ-khu là đường nào ! Việc đời cũng thế : Khi ta mới vào đời, mới biết đời, mắt chưa quen trò đời, ta chỉ trông cái đại-thể của đời, ta coi việc đời dễ-dàng như trò chơi : nhưng lâu dần, mắt ta càng quen bao nhiêu, ta càng lịch-duyệt bao nhiêu, thì việc đời đối với ta càng rối-rít lôi-thôi bấy nhiêu. Khi đó ta mới hiểu rằng sự đau-khổ, vui-sướng ở đời có mật-thiết quan-hệ cùng nhau, có ảnh-hưởng lẫn nhau, ta mới rõ rằng những sự cải-cách mà trước coi là giản-dị, đem ra thực-hành, vừa khó-khăn vừa nguy-hiểm, khiến cho kẻ làm trước sốt-sắng bao nhiêu, giờ chán-nản bấy nhiêu.

Trước hồi đại-chiến còn cái gì trong công-lý bằng cái địa-vị người đàn bà trong xã-hội nữa ? Cớ làm sao người đàn bà kia, là mẹ tất cả mọi người, là người cần nhất cho nhân-quần, lại phải phục-tòng người đàn ông ? Người đàn ông đối với người đàn bà, theo lẽ tự nhiên là kém, mà có lẽ về phần trí tuệ, đạo-đức cũng là kém. Cớ làm sao ở trong xã-hội, người đàn bà lại phải có một cái uy-quyền kém người đàn ông ? Cớ làm sao người đàn bà lại không được dự những cái khoái-lạc

trong xã-hội, như là vinh-dự, danh-tiếng, quyền-thế, những việc làm nhiều lợi của quốc-gia hay là của tư-gia ? Cớ làm sao lại không được bình-quyền với bọn tu-mi ? Cớ làm sao có việc đàn ông làm lấy làm tự-đắc mà đàn bà làm thì phạm tội to? Cớ làm sao lại ép đàn bà phải theo một cái luân-lý siêu-việt hơn đàn ông ? phải hi-sinh những điều to-tát bội-phần ?

Lâu lắm tôi vẫn yên-trí như thế, tôi vẫn yên-trí rằng bao nhiêu sự lép vế của nữ-lưu chỉ tại sự vô-lý của bọn tu-mi chỉ nhận riêng cho mình phần tốt. Tôi cho rằng những cái trái công-lý của xã-hội đối với đàn bà dễ trừ đi được. Nhưng, sau tôi rõ thêm cái then-chốt của tâm-hồn tôi, — cái then đó, tuổi nhỏ thường không thấy —, một ngày tôi một lịch-duyệt thêm, tôi biết được sự quan-hệ cùng ảnh-hưởng trong nữ-lưu đối với nhau, đối với xã-hội, thì tôi mới lại nhận ra rằng những cái đó có một cái nguồn-gốc sâu-xa hơn. Khi đó tôi mới tin rằng cái nguồn-gốc đó là cái « thiên-chức » (*mission*) người đàn bà. Người đàn bà, dù làm đầy đủ cái thiên-chức ấy mà lấy làm nhục hay là làm kiêu, thảy đều phải chịu ảnh-hưởng của nó, nghĩa là cùng có các khuynh-hướng riêng của nó. Xã-hội muốn được êm-đềm thú-vị, cần phải có hai hạng người, thiên-chức khác nhau, cũng như cây đàn cần phải có giây dài giây ngắn thì tiếng mới êm.

Then-chốt tâm-hồn người đàn-bà : tính « duy-tha »

Đàn bà không giống đàn ông, câu ấy không cần biện-bạch gì nữa. Cứ lấy một pho tiểu-thuyết, một thiên thơ cổ hay kim nào đó, và ví-dụ các người đàn bà trong truyện trong thơ là đàn ông cả ..... Cứ thay vị đổi ngôi thế rồi thử nghĩ xem những « người mới » đó có lố-lỉnh, có quái-gở không?

Ngoài những cái về hình-thức đàn bà khác đàn ông mà chúng-nhân ai cũng biết cả, riêng người đàn bà còn có một cái khác nữa, cao hơn hết, làm cơ-sở cho các tính khác. Đó là cái *tính duy-tha là tính « vì người », bởi người đàn bà không đặt cái trung-tâm sự vui-sướng ham mê vào mình mà lại đặt-vào kẻ khác cùng mình có tình thương yêu như cha mẹ, chồng con, bạn bè....*

(...la femme est altruiste, ou plus exactement altéro centriste en ce sens qu'elle place le centre de son plaisir de son ambition non en elle-même, mais en une autre personne qu'elle aime et de qui elle veut être aimée : mari, enfants, père, amis, etc. ...)

Người đàn bà vì giàu mối cảm-tình đối với sự vui buồn kẻ ở gần mình, không thể không cần người mà riêng hưởng lấy vui, tự gây cái gì ra hay tự diệt cái gì đi được. Đối với các sự vui ích-kỷ về ăn-uống, trông nghe, về trí-tuệ, cũng phải có ai để cùng tư-tưởng, cùng hưởng-thụ, cùng hoạt-động thì mới biết vui, biết sướng. Người đàn bà chỉ thích sống vì người, chết vì người, chịu ân thì hàm-ân vô-cùng, mà lại bị người khác không để tâm đến, vỗ ơn, lại không có người sẵn lòng sống vì mình, chết vì mình thì lấy làm đau-đớn lắm lắm. Bị thế thì gian dữ uất-ức, không bị thế hay là tưởng rằng không bị thế thì vui mừng hả-hê. *Người đàn bà như ngọn lửa, nếu không có ai để soi sáng cho, không có ai trông nom cho thì tắt ngay* (La flamme que la femme a reçue s'éteint si elle n'a pas quelqu'un à éclairer, quelqu'un qui l'entretienne.)

Đàn ông thì không thế. Trong sinh-vật giống đực không bị sự sản-dục thay đổi cơ-thể đi, cho nên hay « ích-kỷ ». *Đàn ông giữ chữ « duy-ngã độc-tôn », chỉ « vì mình », vì lấy mình, lấy tư-lợi mình, lấy vui riêng, việc riêng mình làm trung-tâm cõi đời mình.* (l'homme est égocentriste en ce sens qu'il tend à faire de lui

même, de son intérêt, de ses plaisirs, de ses occupations le centre du monde où il vit). Đàn ông có thể sống một mình, hưởng vui một mình, nên đối với sự vui buồn của mọi người ở quanh mình rất lãnh-đạm : Vì thế họ không muốn dây với ai, không muốn gây khổ hay sướng cho ai, và có bị người khác lãnh-đạm hay bội ân, cũng không lấy làm cảm-kích quá-độ. Vì chỉ muốn tự mình gây thú cho mình, nên tìm hết cách mà tránh các sự cảm-kích. Đàn ông có thể sống không yêu mến, không hờn giận, không vui, không buồn, qui-hồ là đạt được mục-đích thì thôi : có thể tự xử lấy cuộc đời mình không cần phải hỏi-han ý-kiến ai cả : hám những cái vui « ích-kỷ » về sự ăn uống, trông nghe, tiền-tài, quyền-thế, sự vô-hình của trí-tuệ ; có thể lấy mình làm trung-tâm sự vui của mình, có thể tự-lập lấy thân không phải nhờ tay ai cả. *Người đàn ông cũng như ngọn lửa nhưng mà là ngọn lửa đủ sức để sinh-tồn không cần phải ai trông nom mà cũng không cần soi sáng cho ai cả.* (il peut entretenir seul la flamme de la vie qu'il a reçue en naissant)

Thử xét bọn trẻ con khi còn ở nhà, khi ảnh-hưởng của-giáo-dục chưa đến làm lấp mất tinh-thần tự-nhiên đi, khi chúng còn có thể cùng làm một việc. Thử xét mà xem : con gái thích có con *poupée* để mặc áo cho nó, thích có em bé để ru, để rửa, để trông nom ; con trai thích khẩu súng, hòn quần, cái vòng để thử sức, thử tài. Khi chơi, con gái thích giả làm mẹ, thầy thuốc, cô giáo, vú em, thích chơi với trẻ con bé hơn để hôn hít, chỉ bảo ; con gái học, làm, là để vui lòng mẹ, lòng cô giáo, để được mẹ khen, cô giáo khen ; con trai thích chơi với trẻ lớn hơn để đo sức, đo tài ; khi chơi, thích giả làm người cưỡi ngựa, ông tướng võ, ý chỉ muốn sai-khiến, và muốn cho kẻ phục-tòng. Khi học, khi giúp mẹ — khi nào không thích làm mà làm — tất đòi kẹo, đòi su, đòi đồ chơi . . . hay là sợ phải đòn, phải mắng.

Lúc trẻ con thế nào thì lúc vào đời cũng thế : đàn ông thì cặm-cụi mà làm cho thỏa-thú riêng mình, ý-nguyện mình ; đàn bà thì lúc nào cũng bận lòng vì người khác, vì ý kiến mọi người, vui cho mọi người, bắt người khác phải săn-sóc đến mình.

Lại trông các ông cụ già kia ! Việc đời ông đã hồ vơi, bức truyền-thần linh-hồn ông càng rõ-rệt. Cảnh-ngộ mà không bắt buộc thì người đàn ông về già lánh xa xã-hội ngay : khi đó, điều sở-nguyện đầu của các cụ là không muốn phiền-luỵ, dù tránh việc đời như thế có hại cho ai, cụ cũng không cần ! Cái thời-kỳ đó là cái thời-kỳ đàn ông hưởng lạc-thú gia-đình nhiều nhất, giá trước không chịu dựng lấy một gia-đình, lúc đó mới biết hối, lúc đó mới là lúc hưởng cái thú có người săn sóc đến mà mình thì không cần phải săn-sóc đến ai.

Cùng một cảnh ngộ ấy mà là đàn bà thì khác hẳn. Không những không tránh trường náo-nhiệt ở nhân-gian, tĩnh-tâm cho yên việc đời, mà lại hoạt-động thêm lên, không động thân-thể thì động tinh-thần, thấy chức-phận mình ít thì lấy làm buồn-rầu.

Không đem thân ra mà hi-sinh cho người khác được thì cũng thích cho kẻ khác hi-sinh vì những lẽ chính đáng. Khi đó vừa yêu lũ cháu, vừa khổ, vừa nhọc-nhằn lo lắng, hết sức hết lòng vì cháu hơn là trước kia đối với con. Thế mà không ai mến, không ai trông nom đến, không ai hết lòng cùng ! Nếu mà bị thế thì lại tìm cớ khác để có việc làm luôn, lo nghĩ luôn. Bao nhiêu điều vui sướng đã qua đều quên đi cả — vì cái vui « vong-kỷ » thường không giữ lại được — chỉ nhớ những cái khổ lúc

thiếu-thời, nhớ bao nhiêu lòng càng tức-giận bấy nhiêu, sự tiếc nhớ oán hờn càng nồng-nàn bấy nhiêu. Đáng lẽ ra thì tuổi già là lúc hưởng vui cuộc đời nhất, thú nhất, nhàn nhất, mà lại thành ra lúc khổ nhất !

Đối với người đàn bà thì lúc sướng nhất trong đời là lúc mà bao nhiêu tinh-thần, bao nhiêu sức-vóc được đem hết ra mà thi-thố trong gia-đình, trong xã-hội; là lúc được săn-sóc đến người khác, được người khác tự-nhiên, không phải miễn-cưỡng săn-sóc đến mình; là lúc vừa làm vú sữa, vừa làm bà giáo cho con, yêu-mến con vô-cùng.

Người đàn bà mà không có ai để ham-mê, để tận-tâm vì người và để người tận-tâm cùng, con gái già không anh em, không cháu, không có ai để trao tỏ nỗi lòng, không có kẻ nghèo-khổ để yên-ủi, tóm lại không có việc gì để dùng cái tình « vì người », cái trí nhanh-nhẹn, bụng ham-mê; không làm cô giáo, bà « sờ », tóm lại là không có cái mục-đích thực-sự ở đời; đến như thế thì chắc tính-nết hóa chua cay, người biến-đổi, lòng biến-đổi hẳn đi.

Không có cái gì không hay cho người đàn bà bằng sự an-nhàn, tính hững-hờ. Không có cái gì khó chịu cho người đàn bà hơn là cái đời không cảm-tình, không hoạt-động, không yêu-mến ghét-ghen ai hay là vì ai.

Thử xem những sách bói-toán, tử-vi, tiền-định xem. Thuộc về số người đàn bà bao giờ cũng có câu : « đa-cảm, có yêu ai, rồi tình đó là giây oan-nghiệt sau này, rồi sau ái-tình có người hiểu cho, rồi kết tóc se tơ với người mình yêu, sinh con để cháu đầy nhà... »; thuộc về đàn ông thì câu : « ... hết sức lập-thân chí-phú, chẳng bao lâu sẽ như ý, trí mình có ngày có người tri-ngộ, khi đó phúc lộc gồm hai... » Những câu đó, tức là sự lịch-duyệt của loài người hàng mấy thế-kỷ, thấu-rõ tâm-lý người đời mà nói đón trước đó thôi, chứ có số có lý gì đâu !

Gốc tính « duy-tha » của đàn-bà.

Có tính « vong-kỷ » « duy-tha » (quên mình, vì người) đàn bà cũng không tất-nhiên hơn đàn ông được, vì rằng tính « duy-ngã » (vì mình) hay tính « duy-tha » đều có thể gây ra lòng quảng-đại, bụng tà-dâm, đức hay hoặc nết xấu. Hai tính ấy — duy-tha, duy-ngã — cội-rễ sâu-xa ở trong cơ-thể, chức-phận người ta, mà cơ-thể và chức-phận thì đàn ông đàn bà khác nhau xa.

Không cứ là ở giống người mà thôi, cho cả đến vạn-vật cũng vậy: vì sự truyền giống mà vật cái phải « vì kẻ khác ». Muốn cho nhị chóng kết-quả, ta lại chả thấy cái hoa lìa bỏ cánh đi đó ư? Ta lại chẳng thấy con bướm cái kia hết sức bảo-thủ cho con — mà có bao giờ được trông thấy con đâu, vì bướm chết trước khi trứng nở — cho đến chết ở dưới gốc cây đó ư?

Sự « quên mình » của giống cái ấy là một sự cần cho nòi-giống. Nếu mà không có sự « quên mình » đó thì bị diệt-chủng ngay, vì rằng sinh trẻ và dạy trẻ tất là phải có một người sẵn lòng hi-sinh hết ít nhiều cái đời mình vì trẻ. Người ấy lại chẳng phải là người mẹ đã đẻ con ra hay sao?

Cái thiên-tính « vì người » của người đàn bà lại còn có gốc ở một cái thiên-tính khác, sâu-xa hơn tiềm-tàng hơn, chung cả cho trai gái, già trẻ: thiên-tính đó là cái thiên-tính muốn đạt mục-đích cuộc đời mình.

Mục-đích đời ta là gì ? Giống người ta lúc nào cũng cạnh-tranh kịch liệt nồng-nàn cho đến kỳ chết, chả biết vì miếng gì thế nhỉ ? *Ở trong cái thế giới bất-tử bất-diệt, ở trong cái vũ-trụ vô-cùng, ta dù bị tiêu-diệt cũng muốn để lại*

một chút dấu vết của ta (.... laisser une empreinte de notre être périssable dans le monde qui ne périt pas, fixer quelque molécule de nous-mêmes dans l'infini qui nous environne).

Cho được đạt cái mục-đích ấy, Tạo-hóa cho ta hai điều sau này để khuyến-khích ta : *yêu-mến*, *ham-muốn*. Lòng yêu khiến cho ta lấy nhục-thể ta làm nên kẻ khác nối ta, tức là ta để dấu vết trên thời-gian. Lòng ham-muốn khiến cho ta lấy trí ta làm ra một việc gì thuộc hình-thức, thuộc tinh-thần, thuộc ý-tưởng, để nổi tiếng với đời, nổi tiếng về sau, tức là để lại một dấu vết trên không-gian và thời-gian.

Mục-đích ấy mà đạt được thì chết cũng cam-tâm, khổ-nhục cũng cam-tâm, thiệt-hại gì cũng cam-tâm.

Sinh-dục là một sự nguy-hiểm mà không thấy người mẹ nào từ (1). Đã định làm việc gì, thì vì đó mà thiệt-thòi đến thế nào cũng chịu, chứ không chịu bỏ.

Sự đau-khổ, — tức như lính canh dùng để báo cho ta biết có sự nguy-hiểm sắp tới — sự đau khổ rất chua xót cũng có thể đổi ra sự vui-sướng rất êm-đềm được, nếu sự đau-khổ đó dùng để đạt lòng « yêu » hay bụng « muốn », dùng để ghi dấu-vết của ta trên không-gian và thời-gian. Trong khi đi bể gặp giông-tố thường thấy nhiều người mẹ cho con xuống thuyền cứu, ở lại nhận cái chết làm vui. Lại chả thấy nhiều nhà điêu-khắc, hội-họa, văn-sĩ vì muốn làm xong hay là muốn cứu pho tượng, bức tranh, quyển sách mà liều cả nắng mưa, đói-rét, bệnh-tật, sinh-tử đó ư?

Yêu muốn, người hai giống đều có cả. Nhưng xét kỹ ra thì đàn bà hay dùng sự yêu mà đạt mục-đích ở đời hơn đàn ông.

Đàn bà, khi có con mới tự cho là sáng-tạo ra được một vật để nối mình trên thời-gian để tạm dấu lại với cõi đời sớm nở chiều tàn. Vì thế nên đàn bà hay thương-yêu, đã yêu ai thì của cải, vui sướng, cho đến cả tính-mệnh cũng có thể bỏ liều được. Vì thế nên ba cái năng-lực như trực-giác (*intuition*), ham mê (*passion*) hoạt-động (*activité*), của người đàn bà lên đến cực-điểm, vì nếu không hiểu người, yêu người, hoạt-động vì người thì sao lại có để được trung-tâm cuộc đời mình vào người.

Đàn ông thì không thế. Muốn để dấu-tích về sau, không thể cậy vào con-cái được. Thực ra thì con của đàn bà, vì đàn ông không đẻ, vậy muốn làm cho mình có di-tích để sau tất phải lấy tay, lấy trí, lấy lòng mà làm ra cái gì. Bởi thế nên đàn ông « vị-kỷ », lấy mình làm trung-tâm cuộc hành-động ở đời. Bởi thế nên có tính lãnh-đạm, thụ-cảm (*indifférence*, *passivité*), xử việc đời thời chỉ theo lý, theo lợi ; bởi thế nên ham-mê vinh-dự, quyền-quí, tiền-tài, ham kỳ ham ngộ, ham hơn cả tính-mệnh : các chính-phủ lợi-dụng cái máu ham đó mà khiến cho dân bỏ mình vì nước mà chưa thấy có chính-phủ nào làm tắt được lòng tư-lợi của người trong nước.

Tôi không định nói rằng : « vì người », « trực-giác », « ham-mê », « hoạt-động », chỉ riêng đàn bà có, mà « lãnh-đạm », « thụ-cảm », « tự-tư » chỉ riêng đàn ông có.

---

(1) Tục-ngữ ta có câu «Không ai từ của từ con». Theo bà Gina Lombroso có lẽ nên đổi đọc là « Đàn ông không ai từ của, làm mẹ không ai từ con »

Những ý-kiến tôi vừa nói trên đó không thể hiểu một cách khai-quát, tuyệt-đích được. Những cái đàn ông khác đàn bà tôi vừa nói trên kia là đại-để mà nói, còn ra trăm nghìn thay đổi, không nói trước được. Đàn ông có nhiều người có đức hay nết xấu của đàn bà ; đàn bà cũng có nhiều người có đức hay nết xấu của đàn ông. Đàn ông cũng có người hay tò-mò, thương vay xót mướn, tủi trộm yêu thầm, cũng hiếu-động, cũng có những tư-chất về trí-tuệ như đàn bà ; trái lại đàn bà cũng thế, vì rằng đàn ông cũng có chút lòng «vì người», đàn bà cũng có chút lòng « vị-kỷ ». Chút lòng ấy khi tỏ khi mờ, khi nhiều khi ít, pha trộn nghìn vạn cách, sinh ra vạn thứ tính khác nhau.

Tôi định nói rằng những đức hay, những nết xấu, những cách hiểu việc đời, cảm việc đời mà ta nhận thấy có tính-cách đàn ông, gốc ở bốn chữ «duy-ngã độc-tôn ». Những đức hay nết xấu, những việc có tính-cách đàn bà, gốc ở bốn chữ «duy-tha vong-kỷ ». Tính duy-ngã, duy-tha thâm-trầm hay rộng-rãi thì đức hay nết xấu cũng thâm-trầm hay rộng-rãi.

∴

Ác-cảnh người đàn bà

Đàn bà vì thiên-chúc mình mà yêu-mến kẻ ở quanh mình, nhưng cũng vì chút ái-tình đó mà sinh ra lắm thảm-kịch : đó là cái bước treo-leo của vấn-đề « bảo-thủ nữ-quyền » (*féminisme*), vì thế mà muốn gây hạnh-phúc cho nữ-lưu mới gian-nan trắc-trở.

Người mà không « vì mình », lại « quên mình », thì cuộc đời dễ-dàng cũng thành ra bi-đát vô-cùng.

Tính « vị-kỷ » là xương sống cuộc đời (*L'égoïsme est l'épine dorsale de la vie*). Ai may mà có thì công việc làm rất lợi. Tính « vị-kỷ » như ngọn đèn ló ; soi sáng đường đi. Kẻ vị-kỷ, có sẵn ngọn đèn ấy, tự mình đi tới mục-đích mình, không cần đến ai. Kẻ « vì người » không làm thế được, cần phải có người yêu để yêu, để nương-tựa, chở-che đùm-bọc. Kẻ « vong-kỷ » như giây leo : *Muốn leo lên bức tường lạnh gốc cây khô để phủ xanh ở ngoài, nhưng nếu không có bức tường lạnh hay gốc cây khô để leo lên thì héo mà chết.*

Tính « vị-kỷ » là gươm giáo ở đời, đàn bà thiếu thanh gươm mũi giáo ấy cho nên phải ỷ vào đàn ông, phải cần người đàn ông làm cái trụ cho các sự hành-động của mình, nếu không thì tinh-thần, sức-vóc rải-rác lung-tung, phải cần có một cái nghị-lực thu-thập lại, chỉ lối thẳng cho mà noi theo.

Có người cho rằng đàn bà cần phải chở-che đùm-bọc là vì trí-tuệ kém, giáo-dục kém. Không, không phải thế ; một người đàn bà học-vấn thật rộng, cũng vẫn cần sự chở-che đùm-bọc ấy : mà có lẽ học càng cao, trí càng loạn, càng không biết định-liệu ra sao, càng cần phải có người chỉ-dẫn cho.

Trí-tuệ người đàn bà không dùng để suy-lý khô-khan như đàn ông được. trí-tuệ đàn bà toàn-thị trực-giác. Suy-lý (*raisonnement*) thì đi từ lẽ này đến lẽ kia, trực-giác (*intuition*) thì vượt qua lẽ nọ đến lẽ kia. Suy-lý vì như người đi bước một, đi bước nào tính bước ấy, đi như bấm chân xuống đất, đi được bước nào chắc-chắn bước ấy, trong khi đi đã tính chỗ tới lui, chắc-chắn vững vàng, nhưng mà chậm-chạp. Trực-giác vì như người nhảy, chân không chấm đất, vượt qua cả chỗ gồ-ghề khấp-khuỷu, nhanh thì nhanh thật, nhưng lông-bông bập-bỗng (1). Bởi

(1) Đoạn này dịch dài hơn nguyên-văn, thêm câu thí-dụ vào cho dễ hiểu.

thế cho nên người đàn bà càng thông-minh bao nhiêu càng cần có cái thông minh khác chắc-chắn hơn, soi-sáng cho, giúp cho để biết lợi-dụng sự trực-giác của mình, không có thì cũng như bông hoa ở « nhà ấm » (1) kia, tuy cánh hoa có rực-rỡ mà không có nhị, thành ra đến nỗi cánh tàn, hương rữa mà cũng không kết được quả, thua cả cây mọc ở đám cỏ ngoài đồng.

Trừ ra có người đàn bà nào tính như đàn ông, vì những sự cần-dùng trong xã-hội, vì thói-quen, vì thiên-tính riêng, cũng có được lòng « vị-kỷ » như bọn tu-mi, thì mới không cần sự chở-che nói trên kia. *Người đàn bà mà còn là đàn bà thì không khi nào thế cả.*

Lại còn lẽ nữa khiến người đàn bà không thể không có hụng muốn ỷ-lại được.

Muốn có một cái quan-niệm ở đời, kẻ vạch một đường đi tất phải có một cái mục-đích hiển-nhiên, trông được, đo được, tính-toán được, có lợi nhãn-tiền.

Những cái vui « ích-kỷ » của đàn ông, bất-cứ hay hay dở, mới có đủ tính-cách hiển-nhiên, đo được, trông được đó. Ví như tôi muốn làm một bữa cơm ngon, nghe một bài đàn hay, làm một bài tính khó; như thế là tôi muốn tính những việc thực cả, tôi có thể đem ra mà cân nhắc xem cái nào lợi thì làm, mà làm thì làm ra sao.

Nhưng khi tôi muốn yêu người, muốn cho người yêu, muốn làm vui lòng người, muốn có con, thì tôi muốn tính những sự vô-hình cả (2). Tình với lợi thường mâu-thuẫn nhau, tôi không biết lấy cách gì mà bỏ sự mâu-thuẫn ấy được. Không thể lấy lý-tính (*raison*) làm kim chỉ-nam, vì tình ở ngoài lý, cũng không thể lấy tình làm kim chỉ-nam, vì tình đây là phức-tình, không phải đơn-tình.

Tình lợi hai đàng mâu-thuẫn, đã theo tình phải bỏ lợi. Vả chăng mối tình người đàn bà lúc mạnh lúc yếu, rải-rác ra trăm nghìn nơi, không biết theo đường nào, làm thế nào cho được thỏa-mãn, không biết mai sau này ra làm sao. Bởi vậy người đàn bà, không phân được sự phải chăng lợi-hại ở chữ tình, nếu không có ai chọn lọc hộ, thì cứ theo trí-tuệ sốc-nổi mình, tính-tự mình, mà nay thế này, mai thế khác (3).

Lấy lòng yêu người khác làm trung-tâm sự ham-mê mình, người đàn bà không thể tự sức mình; trí mình, tài mình, mà tới được mục-đích sự ham-mê của mình. Làm thân đàn bà tất-nhiên phải yêu người, một cái số kiếp người đàn bà trông cả vào chữ tình ấy!

Đàn ông lấy công-phu, kiên-nhẫn, có thể làm giàu được, cót để mua lòng yêu kẻ khác, mua nhân-hạ, mua danh-giá, mua sự khoái-lạc của xác thịt, đại cát mộng-mình được, tóm lại là người đàn ông có thể đi thẳng tới mục-đích được. Đàn bà thì không có cách gì nhất-định, rõ-ràng mà tới được. Vì đâu kẻ khác yêu ta? Vì sự tình-cờ cả: để trước hay để sau, để vào nhà quyền-quí hay để vào chỗ đê hèn, có duyên đôi chút, sớm

---

(1) «Nhà ấm» (*serres*) là nhà bằng thủy-tinh các xứ ôn-đái dùng để trồng cây trong mùa rét.

(2) Đọc đến đây tất có người ngạc-nhiên hỏi rằng: « Thế nào? muốn có con mà cũng là muốn sự vô-hình ư?» Dịch-giả thiết tưởng rằng muốn có con không phải là muốn có thằng phỗng biết khóc mếu, cựa cậy, muốn có con là muốn *có để mà yêu con*. Muốn có con để mà yêu thì cái muốn ấy vô-hình lắm. Thử nghĩ lại xem, nếu gác chữ tình ra, thì có con có sướng gì không? Khóc, mếu, quấy, vòi, bẩn thỉu, khai, thối, thì nói gì? Ý tác-giả như thế. Vả lại nguyên-văn dịch chữ Pháp rằng: « ..... *des joies dont l'entité est impalpable.*»

(3) Chữ tình phải hiểu một cách đứng-đắn mới được. Nếu lấy óc thằng phường chèo thì đọc câu này buồn cười lắm: « Mối tình người đàn bà rải-rác ra trăm nghìn nơi.....»

gặp người tri-kỷ hay là muộn, đó là những cớ khiến kẻ khác yêu ta. Thật là đời một hạt mưa sa, may ra vào đài-các, chẳng may ở ruộng cầy !

Người quen thuộc, kẻ chung quanh mà không có lòng mến thì người đàn-bà không thể cố-chí, lấy chăm-chỉ lấy tài-năng mà mua được. Ái-tình không phải là một món hàng mua được. Đối với người đàn bà thì ái-tình là mục-đích cuộc đời, ái-tình lại lắt-léo như thế thì cũng khốn thay cho bạn má hồng !

. . .

Ngoài những cái thảm-kịch thuộc về tình, còn nhiều thảm-kịch khác. Mỗi người có một mối tình riêng, mối lợi riêng, không ai giống ai ; thế mà lại đem để trung-tâm đời mình vào người thì sao cho tình lợi hai bên vẹn hai ?

Thế nào là lợi ? Cái gì làm cho đời người tăng lên là lợi : sống là lợi, khỏe là lợi, giàu là lợi, danh-tiếng vinh-dự là lợi.

Đàn ông thì chỉ có mục-đích trục-lợi mà thôi, Thích ăn miếng ngon, để lợi cho sức khỏe ; thích tiền-tài, danh-giá, tức là thích quyền-thế. Quyền-thế danh-giá chưa đủ gây hạnh-phúc cho đàn bà. Đàn bà cần phải có người yêu chuộng, cần phải yêu, cần phải trông nom cho mọi người gần mình. Máu-mê người đàn bà ở đó, gốc khổ, cỗi sướng cũng ở đó. Cái máu-mê ấy lại hay trái với lợi.

Đàn-bà có con có lợi gì ? Nào đêm thức thâu canh, nào ngày lo suốt tối, trong lòng canh-cánh suốt đời, có khỏe người không ? có giàu thêm không ? có danh-giá gì không ? Con gái xuất-giá có lợi gì ? Ở nhà bố mẹ chiều nuông, ăn chơi vui-vẻ, bỗng tự-nhiên theo một người, chắc đâu ở với người ấy sướng hơn ở với cha mẹ ? Đàn bà trông người ốm đau, khuyên người khổ-sở, có lợi gì ? Người mẹ khi trở về già, đương độ cần người trông nom, cho con ra ở riêng, có lợi gì ? Bà Eve (1) khi sinh ra được chú Caïn, qui xuống chân Thượng-đế mà rằng: « Trời thương con rồi, trời đã cho con có con để trông nom ». Nếu cứ lấy tư-lợi mà xét thì câu ấy thậm vô nghĩa, vì rằng thằng Caïn là một mối phiền cho bà Eve. Thế nhưng mà tiếng kêu của bà chính tiếng kêu của người đàn bà đã thỏa được một ý muốn vẫn nấu trong lòng. Cái tiếng kêu ấy, gác tình mẫu-tử ra thì vô-nghĩa, nhưng thực là tiếng kêu hả-hê của kẻ đã là mẹ.

Không gì khó bằng phân-biệt, cân-nhắc sự thiệt hơn với sự khoái-lạc. Vì thế mà diễn nên bao nhiêu bi-kịch cho nữ-lưu. Chỉ vì lầm rằng thỏa được lợi thì có khoái-lạc, cho nên ở đời biết bao nhiêu người đàn bà, trong bao nhiêu năm, có khi suốt cả đời, bỏ chức-phận làm mẹ hiền, vợ thảo mà đem mình hoặc gửi vào bể học rừng văn vào trường náo-nhiệt của xã-hội, của chính-trị, để chen gót danh-lợi với đời.

Đó là cái phong-trào bây giờ. Bọn nữ-lưu tân-tiến bây giờ, thấy bọn cổ-nhân chúng tôi hủ-bại, lấy làm thương mà nói rằng: « Vâng, khi xưa nữ-lưu dầm-đuối vì lòng bác-ái, lấy đời kẻ khác làm trung-tâm nghị-lực mình. Bây giờ còn nhiều bà dút-dát mà muốn như thế. Đó là thói tục hủ-bại, mẹ truyền con nối mãi. Cái thói tục ấy, bọn hậu-tiến chúng tôi đang vùi xuống chân, lèn xuống đất đây, bọn chúng tôi đang muốn đạp đổ cả chế-độ cũ rích ấy đi đây ! »

(1) Bà Eve là vợ ông Adam; là thủy-tổ loài người.

Than ôi ! không phải đến bây giờ mới có cái phong-trào ấy đâu. Các bà, các cô không phải là người khởi-xướng ra cái phong-trào đó đâu. Đã nhiều lần lắm rồi, đã nhiều lần nữ-lưu thoát cái vòng lao-lung các bà các cô nói đó, đã nhiều lần nữ-lưu bỏ cũ theo mới, xử-thế theo lối tự-do, chăm-chăm trục-lợi cầu-danh, nhưng cũng đã nhiều lần tỉnh-ngộ, biết rằng làm như thế chỉ là thả mồi bắt bóng, và đang khi náo-nhiệt theo phong-trào mới cũng không được điều gì vui, điều gì sướng như khi làm mẹ hiền, vợ thảo, lòng bác - ái chứa-chan.

Bởi vậy nữ-lưu đã lâu cứ ngập-ngừng không biết xoay chiều nào, dàng thì phong-trào mới xô-đẩy, dàng thì tình-tự cũ giữ lại.

Một hồi theo tình bị bọn tu-mi phản phúc, chán lại theo lý, theo lợi, rồi thấy cái đời thuần-lý, cái đời trục-lợi tẻ nhạt, lại quay về theo tình.

Những cái bi-kịch ấy, bọn tu-mi thoát cả. Đàn ông có thể tự mình xoay-xỏa mà thỏa lòng dục-vọng mình mà vẫn không phương-hại đến tư-lợi, vì tình và lợi của đàn ông bao giờ cũng đi gióng đôi.

. . .

Có những thế đâu ! Tình và lợi của đàn bà mâu-thuẫn nhau đã đành, lại còn trong chữ tình cũng có nhiều điều mâu-thuẫn nhau, như thế cảnh người đàn bà mới trắc-trở chứ !

Người đàn bà yêu cha mẹ, chồng con ; yêu mỗi người một khác ; mỗi người lại có một ẩn-tình riêng, thành ra trong một sự yêu, trắc-trở bao nhiêu !

Làm sao mà hòa được tình yêu con, yêu chồng, yêu bố mẹ anh em ? Làm sao mà hòa được tình đối với nhà mình và nhà chồng ? Làm sao cho yên-ổn cả, cho êm-thấm cả ? Cổ-tục bắt người đàn bà phải đặt giai-cấp trong ái-tình cũng không phải là chuyện không vào đâu thật.

Đàn ông thì không bị cảnh ấy. Yêu, mến, thích nhiều việc, nhưng các việc đó xa nhau cả, hoặc xa vì thời-gian, hoặc xa vì không-gian. Cố thể vừa thích chính - trị, vừa thích khảo-cổ, vừa thích ăn uống được, không có gì là mâu-thuẫn nhau cả. Khi đã vạch đường đi mà đi thì cứ thế mà đi thẳng, không sợ trái với ai, trái với cái gì cả.

Có những thế đâu ! Những người mà người đàn bà yêu lại còn hay đổi tính nữa, ép người đàn bà phải đổi theo, chàng thiếu-niên kia khi hỏi vợ thì thích vợ có thi-vị, có nhan-sắc, ngơ ngẩn, thực-thà. Khi lấy được vợ rồi thì lại muốn cho vợ sắc-xảo, lanh-lợi, lịch-duyệt, tần-tảo giỏi. Chàng phải lắm, không ai bẻ được chàng, vì ái-tình không phải là mục-đích cuộc đời của chàng kia mà ; nhưng đau lòng thay cho người đàn bà ! Cậu bé kia, khi còn măng sữa không cho mẹ rời một bước chân, bắt mẹ phải dỗ-dành, phải theo đuôi cậu từng giờ, từng phút. Mươi năm sau, cậu đã thành một chàng thiếu-niên rồi, cậu lại muốn mẹ cứ mặc kệ cậu, không muốn nghe lời dạy - bảo nữa, cậu muốn tự-xử lấy cậu. Cậu phải lắm, không ai bẻ được cậu. Cậu muốn lịch-duyệt tất cậu phải xử-thế một mình, nhưng mà người mẹ lấy sự dạy-dỗ con làm nghĩa-vụ to nhất, có thể dứt tình được chăng ?

Đó là những sự khó-khăn của đàn-bà, gây nên chỉ vì chút lòng bác-ái. Những cái mà người đàn ông thích nó không hay thay đổi, cho nên người đàn ông tránh được bước treo-leo ấy. Đang cầu danh, đang mê học không, cần phải đổi đường đi, cứ một đường đi thẳng, cứ dùng cái nghị-lực lúc đầu mà theo đuổi mãi tất có ngày thành-công. Dù đạt được mục-đích hay không, muốn theo

đuổi, hay không, tùy ở mình cả, không tùy ở ai, không phải ỷ-lại vào ai...

Vậy thì bao nhiêu cái ác-cảnh của người đàn bà không tại luật-pháp, không tại thói xấu của đàn ông, không tại cảnh-ngộ, mà chính là chỉ là tại cái « thiên-chức » người đàn bà, cái thiên-chức phải yêu-mến người, phải phục-tòng người.

Lấy luật-pháp đổi địa-vị người đàn bà không gây được hạnh-phúc cho đàn bà, phải sửa lại cách giáo-dục đàn ông để biết giá người đàn bà và giúp đỡ cho đàn bà.

Kẻ làm cha biết con gái mà lo cho hậu-lai con, không phải là lo rằng luật-pháp không bênh-vực, không phải là lo bị bọn tu-mi ăn hiếp, lo là lo cái ác-cảnh không sao tránh được của nữ-lưu, ông bố mà là người lịch-duyệt, am-hiểu tình-tình bọn thiếu-niên thì cái lo đó lại bội-phần, lo rằng con gái mình lầm, lo rằng bọn con trai không hiểu con gái mình thực - thà tự-tin họ cho là hợm là kiêu, vội - vàng nóng-nảy họ cho là ích-kỷ, hay mộng-tưởng vu-vơ họ cho là giả tình-tự, thiếu lý họ cho là ngốc. Chao ôi ! nếu mà con cũng biết kẻ khác như cha, nếu kẻ khác cũng biết như cha, thì còn lo gì nữa !

Địa-vị xã-hội cũng như địa-vị người cha. Xã-hội nên theo ý-kiến người cha mà sửa lại địa-vị người đàn bà, một đàng chỉ bảo cho người đàn bà hiểu người đàn ông, một đàng chỉ bảo cho người đàn ông hiểu người đàn bà. Chỉ vì hiểu lầm nhau mà cái ác-cảnh người đàn bà có đấy thôi !

NGUYỄN TRIỆU-LUẬT *dịch*

SỨ-TRÌNH TIỆN-LÃM KHÚC

Bài ca đi sứ Tàu của cụ Lý Văn-Phức

Cụ Lý Văn-Phức 李文馥 hiệu là Khắc-trai 克齋, tự là Lân-chi 隣芝, người làng Hồ-khẩu huyện Vĩnh-thuận Hà-nội, cụ đỗ cử-nhân năm Minh-mệnh, làm quan đến Lễ-bộ Hữu-tham-tri. Năm Thiệu-trị thứ hai, cụ sung làm Khâm-sai chánh-sứ sang sứ Tàu. Khi đi sứ về cụ có làm ra bài ca Sứ-trình, kể đủ cả cái tình-cảnh lúc đi sứ, non-sông phong-cảnh, đường-sá xa khơi, lời văn rất là lưu-loát, cũng là một áng văn-chương cổ về đời Minh-mệnh Thiệu-trị, nay lục-đăng như sau này :

Năm Thiệu-trị rồng bay tân-sửu,
Vâng thánh-triều giữ đạo giao-lân.
Điện Phung ban xuống chiếu-văn,
Hành-tùy mười bảy, sứ-thần ba viên.
Đồ thưởng-tứ ân trên nhuần-thấm,
Lĩnh quốc-thư vật-phẩm chỉnh-tề.
Tháng hai bái-mệnh đan-trì,
Ngọn xuân đưa bước vó kỳ nhẹ thanh.
Tháng ba tới Hà-thành đình-trú,
Chiếu việc quan theo bộ văn-truyền.
Từ nghe nội-địa đưa tin,
Hoàng-cung bái vọng biểu-tiên đạt tình.
Lễ tổ-đạo thần-linh trợ-thuận,
Ngày mồng ba tháng nhuận bước ra.
Ngọn cờ tiếng trống xa xa,
Chèo lan đưa mái Nhị-hà như tên.
Sang bắc-ngạn ghé thuyền lên bộ,
Quan Bắc-ninh tiếp-hộ sẵn-sàng.
Dần-dà điểm Mĩ sông Xương,
Dạo qua phủ Lạng tới làng Cần-dinh.

Cũng vào miếu Đồng-linh yết lễ,
Qua Bắc-cần Tiên-lệ Bắc-giang.
Kia cầu suối rắn bên đường.
Truyền rằng dưới suối có hang Giao-thần.
Sự linh-huyền khôn phân hư-thực,
Khách đi đường cẩn-mật là hơn.
Bắc-hòa tới Quỉ-môn quan,
Lời xưa «Thập khứ nhất hoàn» là đây(1).
Khi mờ xuống ban ngày muốn tối,
Hơi nước lên ngọn khói hoang bay.
Chi-lăng thứ nhất bàu này,
Linh-từ đem tấm lòng ngay đảo-ký.
Qua Hồ-lao cũng vì linh-miếu,
Khỏi Lạng-nhân tới khảo mẹ con.
Nhìn xem nhớn nhỏ hình non,
Trải qua giếng Ủng tới đồn Lạng-mai.
Qua tỉnh Lạng đón mời vào tỉnh,
Việc sứ-trình lo tính vẻ vang.
Sửa đồ yết miếu thành-hoàng,
Tiện đường dạo bước xem tường cảnh thanh.
Tam-thanh-động thiên-thành như tạc,
Vọng-phu-sơn ai mạc cho nên?
Hãy còn dấu cũ Tiền-hiền (2),
Đền doanh Lộc-mã cảnh chiền Nhị-thanh.
Rồi bắt chỉnh quan binh thượng-lộ,
Qua Kỳ-cùng tới phố Kỳ-lừa.
Đồng-đăng lịch-sự tiếng xưa,
Dừng xe tạm trú đưa tờ thông-danh.
Rồi thấy thiếp Thái-bình tri-phủ,
Định mồng mười giờ ngọ khai-quan.
Tỉnh-quan cùng hậu-mệnh quan,
Cùng nhau vỗng dá một đoàn tới nơi.
Sửa mũ áo bên đài Ngưỡng-đức,
Sắp quân-gia nam bắc hai đường.
Đến giờ súng phát sấm vang,
Mặt giao tân-chủ lệ thường tống-nghênh.
Đài Chiêu-đức lễ thành bái-yết,
Cửa Nam-quan bái-biệt phân-kỳ,
Tang-bồng là chí nam-nhi,
Non sông ngảnh lại bước đi lại dừng.
Qua Tiền-ải trông chừng mạc-phủ,
Khỏi Tân-thiêm tới Thụ-hàng-thành.
Đến đâu đường tấn quì nghênh(3),
Thường ngày cung-ứng nặng tình địa-phương.
Ninh-minh giang chực thuyền đưa thủy,
Vật thường-hành chỉnh-bị chu-toàn.
Hiệu cờ cho chỉ hiệu đèn,
Đủ trong mười bảy chiếc thuyền sắm-sanh.
Lại biện lễ giang-thần yết-cáo,
Rồi kéo cờ phát súng khai-hành.
Dòng sông khúc thẳng khúc quanh,
Sóng êm hộ lái gió thanh đưa buồm.
Núi ai nhuộm đỏ lòm sắc đá,
Đủ trống, cờ, nhân, mã, binh-đao.
Sườn non ai vẽ được nào,
Truyền rằng binh-mã Hoàng Sào phải không?
Kia Sa-mạo, nọ chồng Bút-giá (4),
Khéo khen ai xếp đá nên xinh.
Bên sông ba mặt quanh thành,
Nhìn xem phủ-trị Thái-bình(5) rất đông.
Đưa một lá thiếp-hồng vấn-hảo,
Vật thổ-nghi lấy thảo đem thành.
Một niềm bích-tạ ninh-ninh,
Đưa đồ thực-phẩm viện tình chủ-nhân.
Kẻ nha-dịch liệu phần đả-phát,
Cứ lệ truyền đêm bát ngày khơi
Đá đâu xây sẵn non đài,
Phải chăng tục-hiệu thành ngươi Hoàng Sào?
Qua Hưởng-thủy ào-ào tiếng suối,

---

(1) Chốn này nhiều chướng độc lắm, ngày xưa có người sứ Tàu đi đến đó, có câu nói rằng: «Quỉ-môn quan, Quỉ-môn quan, mười người đi chỉ còn một người về!»

(2) Xưa ông Ngọ-phong Ngô Thời-Sĩ làm Đốc-trấn ở tỉnh Lạng-sơn.

(3) Triều nhà Thanh có 10 dặm hoặc 15 dặm, thời đặt một đường hay là một tấn, 6, 7 người lính canh phòng ở đó, để tra hỏi những quân gian-tế và hộ-tống hành-khách.

(4) Tên hai quả núi, vì là lấy hình giống mà đặt tên.

(5) Tên một phủ thuộc về đất Tàu.

Vừa hai ngày tới cõi Tân-ninh (1).
Ghé thuyền tựa bến châu-thành,
Chủ-tân chiếu lệ nhân-tình lại đi
Kia sơn-động Kim-kê tiểu-cảnh,
Dấu Lữ-tiên du-vịnh từ xưa.
Thành đâu chất-ngất bên bờ,
Huyện là Tuyên-hóa, phủ là Nam-ninh.
Xem phố sá thị-thành đô-hội,
Tiểu Nam-kinh tiếng gọi xưa nay.
Ung-châu cổ hiệu là đây,
Địch Thanh truyện cũ núi này chon-von.
Lại lần-lữa từng non lớp suối,
Qua Vĩnh-thuần mới tới Hoành-châu.
Khai thác tích cũ đã lâu,
Nghe còn thuyền sắt chìm đâu lối này?
Than Ngũ-hiềm đá xây sóng loạn,
Khách hành-thuyền tóc dợn mắt hoa!
Chúc-văn đảo miếu Phục-ba,
Chén bình-an rót ban tà thảnh-thơi.
Ấy từ đó qua nơi than-thác,
Có địa-phương chực trước than-phu.
Qua Quí-huyện tới Tầm-chu,
Giang-sơn bát cảnh ấn-đồ thiên-nhiên.
Non Bạch-thạch động-thiên thâm-viễn,
Quế Kinh-sơn thổ-sản gọi là.
Huyện Nam-bình cách chẳng xa,
Tướng-quân Đào-Khản quê nhà ở đây.
Đời Nam-Hán nhớ thầy Lương-Trạng,
Tạ miếu-đường về dưỡng từ-thân.
Lộc triều đỡ thuế phương-dân,
Miếu thờ một quận nhớ ân đến rầy.
Qua Đằng-huyện huyện này tiểu-ấp,
Phủ Ngô-châu tấp-nập như tuôn.
Vui thay! phố bán thuyền buôn,
Thu đồ bát-cảnh, hợp nguồn tam-giang.
Nhớ Đông-Hán Sĩ-vương quê cũ,
Tọa Nam-giao Thái-thú quan ngoài.
Văn-minh mở mặt phương trời,
Một tòa trở-đậu, muôn đời khói hương.
Dấu vua Thuấn trắc-phương còn lại,
Lối nam-tuần kia nội Xương-ngô.
Cửu-nghi non mịt sương mù,
Ngàn dâu đã ngả, bóng ô vàng-vàng.
Nghe hành-thứ có Lương Tuần-phủ,
Đưa hồi-âm bẩm rõ thiếp-danh.
Sáp-phong một tập lữ-tình,
Nghìn trùng non nước, tấc thành tôi con.
Sông Ly-thủy theo nguồn nước ngược,
Một ngày đi mấy thước đường xa.
Dấu xưa để lại bao giờ,
Tiên-ông kỳ-cục, Dương-gia pháo-đài.
Chiêu-bình huyện nơi này cổ-miếu,
Nhà họ Lưu trinh-hiếu nhất-môn.
Một hầu một vợ một con,
Tòa kia tam-liệt, biển son muôn đời.
Từ Chiêu-bình (2) tới nơi Bình-lạc (3),
Đường hiểm-hoi hết thác thời ghềnh.
Kia là Dương-sóc huyện-thành,
Dương-công nón sắt rành-rành chân non.
Động Cửu-mã chín con in dạng,
Dấu danh-nhân vịnh thưởng còn lưu.
Nham-tiên đời Tống họ Lưu,
Hình tu-luyện cảnh thanh-u vẫn còn,
Kia Đấu-kê với non Tượng-tị,
Lại Thất-tinh Bát-quế kéo quanh
Đỗ thuyền bên trạm Ẩn-đình,
Quảng-tây tỉnh-lỵ phủ-thành Quế-lâm
Phục-ba nham với thành Câu-Tiễu,
Khổng-minh-đài cùng viện Duyên-Chi (4).
Tòa non Độc-tú thanh-kỳ,
Quán này Trạm-nguyệt, chùa kia Thê-hà.
Vừa Lương-phủ cũng đà về tỉnh,
Bẩm thiếp lên xin định yết-kỳ.
Phiên-nha trước nghiệm phẩm-nghi,
Sau lên Phủ-viện thổ-nghi đệ tùy.
Lệ quốc-sứ một quì ba khấu,
Tình địa-quan củng-thủ động-thâu.
Mời ngồi trà khoản ân-cần,
Thổ-nghi bích-tạ bồi-thần từ lui.
Đồ thưởng-cấp đem nơi thuyền-sở,

(1) Tên phủ.
(2) 3) Hai tên huyện.
(4) Chỗ ông Nhân Duyên-Chi đọc sách ngày xưa.

Suất sứ-thần đến cả hành-tùy.
Sa, trừu, bút mực thiếu chi,
Phần thời đồ mặc, phần thời vật ăn.
Ấy thể nước ân-cần hậu-vãng,
Nhận lĩnh rồi phát thưởng biện sai,
Lại đem tống-hảo các nơi,
Đều cùng bích-tạ một lời như y.
Bản hồi-quốc chuẩn vì tái-đệ,
Rồi từ-hành chiếu lệ khai thuyền.
Vài hôm tới huyện Long-xuyên.
Đại-dung giang khẩu ngược lên Linh-cừ.
Dòng cạn hẹp từ-từ từng khúc,
Tiếng thủy-xa lọc-sọc quanh dòng.
Đoan-dương gặp tiết thiên-trung,
Rượu bồ chuốc chén bên song một vài.
Bến cổ-độ vắng người cạnh-hỉ,
Ngọn huân-phong giục kẻ đăng-trình.
Vừa hôm mươi một ngày lành,
Gặp tuần vạn-thọ ngụ tình tấc son.
Đèn treo khắp trên thuyền trước mũi,
Suốt ngàn sông bóng dãi sáng lòe.
Mã-đầu-sơn đã lộ ra,
Ba mươi sáu đầu (1) đầu là Cốc-ngưu.
Qua từng đầu ngày thâu đặng mấy,
Quanh từng loan đủ bảy mười hai.
Lửa lần trăng tối sương mai,
Khỏi Hưng-an mới hết nơi đầu-cừ.
Kia miếu thờ thầy Chu Mậu-Thúc,
Biển ngạch đề lý-học khai-tông.
Bên sông một tọa xuân-phong,
Một vầng thu-nguyệt soi lòng nghìn xưa.
Nọ phiến đá bay từ Đông Việt.
Có chữ đề dạ-nguyệt đàm-huy.
Trải bao sóng gió đi về,
Một mình đứng với chở che đến giờ.
Non Phân-thủy linh-từ yết lễ,
Sông Tam-tương thuận thủy từ đây.
Nguyên xưa chưa có đầu này,
Ly, Tương hai ngả khôn hay thông dòng.

Từ Sử Lộc gia công khai-tạc (2),
Khiến Ly, Tương ngọn nước họ [nhau
Chu thuyền từ đó thông-lưu,
Công xưa tuy khó, kẻ sau đặng nhờ.
Chốn hoa-kiều có Hà-gia đó,
Dòng giáp-khoa ấy họ thư-hương.
Linh-quang qua miếu Anh-hoàng (3)
Ngàn tùng rủ bóng rợp đường Toàn-châu.
Tương-sơn tự ấy chùa Thọ-phật (4)
Là Sở-nam đệ nhất thuyền lâm.
Đá bay lại mấy trăm năm (5),
Sứ-thần thủa trước đề ngâm hãy còn.
Cây trầm hương trên non ai giữ,
Đá bình-thư khắc chữ Khổng-minh.
Tiêu-tương ba ngọn hợp doành,
Trông lên đã thấy phủ thành Vĩnh-châu.
Thuyền tuần-sát giăng cầu Lư-trục (6)
Thú bán buôn đông đúc chu xa.
Từ đây nhẫn tới Trà g-sa,
Kể trong bát cảnh hiệu là Tiêu-tương.
Than Lãnh-thủy với đường Túc-phu.
Núi Tam-ngô rất thú cảnh thanh.
Có đài có suối có đình,
Văn Nguyên-Kết chữ Chân-Khanh đều [truyền
Dùi gươm miếu dấu tiên hoạn-hóa,
Dưới chân non mảnh đá ai mài (7).
Trong như thủy sáng như ngôi,
Làm gương kim cổ soi người vãng lai.
Kia Kia dương huyện-dài giang-lộ.
Đi ba ngày tới phủ Hành-châu.
Nào non Hồi-nhạn là đâu?
Bảy mươi hai đỉnh ấy đầu Hành-sơn.
Núi Thạch-cổ trên ngàn giang-khẩu,
Ngọa-long xưa còn dấu cố-cư,
Đời Đường mới cải viện-thư,
Lịch-triều nhân đó, đề thờ tiên-nho.
Bà Phiếu mẫu thủa xưa đời Hán,
Còn miếu thờ nhất-phạn thiên-kim.

---

(1) Là cái cửa ngăn nước ở giữa sông ngòi.
(2) Từ đời nhà Tấn.
(3) Ba Nga-hoàng, bà Nữ-anh là con gái vua Đường-Nghiêu.
(4) Phật họ Chu tên là Toàn-Châu người nhà Đường thọ 160 tuổi rồi lấy thuật hóa.
(5) Truyền rằng xưa có hai hòn đá bay lại, một hòn ở đấy một hòn ở Hưng-yên.
(6) Lấy thuyền giăng qua sông làm cầu, gọi là cầu Lư-trục.
(7) Mặt đá khắc hai chữ kinh thạch 鏡 石.

Giang đình Tiên-động trải xem,
Đến Hành-sơn huyện lại tìm tích xưa.
Chốn Lý Bý độc thư ngày trước,
Đính yên - hà như gác hình am.
Lại qua khỏi huyện Tương-đàm,
Đến Trường-sa phủ Hồ-nam tỉnh thành.
Miếu Giáp-hó bên ghềnh Tương-thủy,
Đường Độc-tinh xót kẻ hoài-sa.
Dòng Tương chảy xuống Cốt-la,
Nước xanh lai-láng bóng tà đìu hiu !
Đính Nhạc-lộc ngạch treo thư-viện,
Bến Phỏng-tăng đài biền đạo-hương.
Trình châm đá khắc bốn chương (1),
Ngắm tòa sơn đầu soi gương thánh-hiền.
Bến trước tỉnh tựa thuyền đình-trú,
Đưa thiếp lên Phủ - viện bầm-minh.
Vãng lai cứ lễ cứ tình,
Ít nhiều đưa tặng lòng thành chủ-nhân.
Rồi từ-tạ lần-lần chuyển tiến,
Tới Loan hà ấy huyện Tương-âm.
Chúc-văn khấn nguyện lai-lâm,
Hồ thần thổi ngọn đông nam đưa thuyền.
Tám trăm dặm hồ thiên một cõi,
Này Đỗng-đình hay bể đông-minh ?
Chân trời bát-ngát cỏ xanh,
Quân-sơn mấy đỉnh mặt ghềnh nhấp nhô.
Thuyền Phạm Lãi chèo đâu vắng lái ?
Trúc Tương-quân lệ hãy còn ban.
Lạ thay mảnh giấy bình-an,
In môn mấy chữ bia tàn hãy linh.
Khỏi Đỗng-đình tới thành phủ Nhạc,
Lầu Nhạc-dương cao gác ba tầng.
Phao tung triện gió rèm trăng,
Trùng hồ mây gợn ba trăng sóng dào.
Say ba độ lòng xiêu xe hạc (2),
Rơi một cành dấu tạc đình Mai (3),
Lâm-tuyền lang-miếu chia vui,
Đọc thiên cựu-ký nhớ người tiên-ưu (4).
Qua Thạch-đầu Nam-bình mái hữu,
Đài kỳ-phong còn lỗ cắm cờ.
Đại-công Xích-bích lối xưa,
Trường-giang là thuộc Gia-ngư huyện này.
Tưởng vãng-sự tro bay lửa nguội,
Ngắm không-giang sóng rội dòng tuôn.
Vũ-xương có tiếng cá ngon,
Biết rằng phong-vị có còn như xưa ?
Chữ tiết-chế ấy cờ Hồ-bắc,
Lầu Phi-tiên Hoàng-hạc là đây.
Nghĩa thu trăng tỏa vầng mây,
Nhớ ai gác bút những ngày đăng lâu.
Gốc Tiên-tảo mái sau còn đó,
Đình Thụy-tiên ai ngủ giấc ngon.
Vén mây trông suốt càn khôn,
Kìa châu Anh-vũ, nọ non Phượng-hoàng.
Mười bốn tỉnh thuyền buôn bức tấu,
Tiếng phồn-hoa Hán-khẩu đâu hơn ?
Ghé thuyền chiếu-lệ kiến quan,
Vãng-lai tống-tặng bàn - hoàn chủ tân,
Bản hồi-quốc trình văn phát đệ,
Soạn xương đài chỉnh-trị hành-trang.
Trú nơi công-quán Hán-dương,
Địa-phương khoản đãi ngày thường chẳng sai.
Kiệu sắp sẵn mỗi người mỗi bộ,
Ba bức theo lớn nhỏ phân-minh.
Từ đây khởi-lục tiến hành,
Kiệu-đài phu-dịch nhật-trình luân-lưu,
Ngày tiến-bộ tối vào công-quán,
Từ phạn trà sáng bản chỉnh-tề.
Phận mình ai dễ trọng chi,
Trọng bên quốc-thể là vì quân-ân.
Chực bôn-tẩu sai-nhân sát-đạt,
Khi bước ra cấp-phát lấy tinh.
Cho riêng há phải ân mình,
Giữ trong thể-diện Triều-đình tắc-nghi.
Qua hai huyện Hoàng-bi Hiếu-cảm,
Vũ-thắng-quan đá hiểm ai chồng ?
Một sông chia nước hai dòng,
Một con đường biết mấy trùng non xây.

---

(1) Có bia đá khắc bốn chương : Thị, Thính, Ngôn, Động là bài châm của ông Trình-tử.

(2) Lã-tiên cưỡi hạc lại chơi uống rượu đó ba độ say.

(3) Ở đấy có bia khắc chữ rằng : « Tiên mai rơi sót một cành » nên thành tên là : Chiết-mai đình.

(4) Tiên-ưu nghĩa là lo trước. Chỉ ông Phạm Trọng-Yêm lo trước cho thiên-hạ, có làm bài ký dựng bia ở đó

Hà-nam tỉnh này đây tiếp-giới,
Khỏi Ứng-sơn vừa tới Tín-dương (1).
Dấu xưa Thân-quốc nhận tường,
Miếu thờ Đoan-Mộc bên đường còn bia.
Huyện Xác-sơn chực xe đỡ gánh,
Kiệu tùy-nhân thay bánh xe bằng.
Cổ-thành còn dấu trùng-phùng,
Nét vàng tam-nghĩa (2) dãi cùng trời [xanh.
Huyện Toại-bình cồ Phòng-tử-quốc,
Huyện Tây-bình thuộc nước Cổ-trần.
Dấu xưa đức Khổng thánh-nhân,
Tư-qui bia tạc xa gần kính trông.
Yền-thành dấu Hoàn-công minh-hội,
Là Thiệu-lăng đất Sái đời xưa.
Nền xưa trải mấy gió mưa,
Đặm xanh dương-liễu bóng tà cao-lương
Tục thổ-ốc thổ-tường phác-dã,
Đây nhẫn di mễ giá rất cao!
Đĩnh-châu hiệu cũ thủa nào.
Nay là Lâm-đĩnh thuộc vào Hứa-châu.
Châu thành bản cố-đô Tào Tháo,
Tượngy-quanmiếu mạoVân Trường.
Nghìn thu ngọn đuốc cương-thường,
Vấn-an đình Phụng hai nàng phu-nhân.
Đạo trung-nghĩa cắm sân thiên-địa,
Mất cổ-kim mất vía gian-hùng.
Sù sù đứng với núi sông,
Cát vùi Đồng-tước sương phong Phượng-kiều.
Thành Tân-trịnh uốn theo Chăn Vĩ,
Di-ái còn miếu để nghìn-thu.
Danh thơm Đường Tề Tống-nho,
Kia bia Vĩnh-thúc nọ mồ Tấn-công.
Ngoài Trịnh-châu vào trong Huỳnh-trạch,
Qua Hoàng hà hương bạch đảo thần.
Trị-triều trời mở thánh-nhân,
Xưa nay trong đã mấy lần nhớ không?
Rộng mười dặm đi trong và khắc,
Ấy là nhờ phong-lực đưa qua.

Trèo đê qua huyện Hoạch-gia,
Cổ-dung đã đến huyện là Tân-hương.
Nghe công-quán có nàng Đát-Kỷ,
Một đôi khi vắng về hiện-hình.
Vong Thương chẳng xét tội mình,
Còn khoe nghiêng nước nghiêng thành với ai!
Vệ-huy-phủ giữa nơi xung-yếu,
Bản Trụ đô cổ-hiệu Triều-ca.
Hãy còn nền cũ mấy tòa,
Trích-tinh có viện, Khán-hoa có lầu.
Sau đời Châu phân làm Vệ-địa,
Kích-khánh đình còn để muôn năm.
Biển đề *Ngọc-chấn di-âm*,
Lòng người gọi tỉnh, hồn nằm chiêm-bao.
Kia Kỷ-huyện Ân-triều độ trước,
Bia hiền-quân thất-tác đá in.
Tam-nhân di-miếu còn truyền,
Qua sông Kỷ tới Tiên-hiền (3) cố hương.
Thanh-âm huyện bên đường có miếu,
Là Tấn-triều Kê-Thiệu Thị trung.
Giữa trời giọt máu cô-trung,
Nét son thấm đá vầng hồng cháy gương.
Sân Cổ-bách Nhạc-vương cố-lý,
Tòa sùng-từ tráng-lệ huy-hoàng.
Biết bao bi kiệt thi chương,
Tinh-trung hai chữ lưu-phương muôn đời.
Gớm thay tượng lũ người Tần Cối!
Mặt trơ trơ tay trói chân quì.
Kiếp xưa ngảnh lại ra gì,
Thợ nào khéo rũa cho đi nét tà.
Ngoài cửa bắc có tòa trụ-thạch,
Châu Văn-vương diễn Dịch chữ đề.
Dấu thành Dữu-lý gần kề,
Tấc mây hầu dễ hay che mặt trời.
Cổ Tương-châu kia nơi Chương-đức,
Hàn Ngụy công huân-thạc ai dương!
Danh từ sáng quắc vàng tương,
Ấy là chốn Trú-cầm đường ngày xưa.

---

(1) Huyện Ứng-sơn thuộc tỉnh Hồ-bắc, châu Tín-dương thuộc tỉnh Hà-nam.

(2) Tam-nghĩa là Lưu Quan Trương gặp nhau ở Cổ-thành.

(3) Làng ông Tử-Cống là bậc cao-hiền học trò đức Khổng-tử ở đó.

Qua Chương-thủy châu Từ phủ Quảng,
Bốn bề trông khoáng-dãng bình-nguyên.
Ngổn ngang gò đống kéo lên,
Bảy mươi hai chủng còn truyền dấu nghi.
Chiếu nhị Trình có bia giảng Dịch,
Cổ Triệu-thành nào tích Hàm-đan.
Hồi xa khen kẻ lượng khoan (1),
Còn người học bộ thế-gian chê cười!
Kia Cổ-quán bồng-lai tiên-cảnh,
Gối du-tiên lay tỉnh trần-tâm.
Công-danh trong bốn mươi năm,
Tỉnh rồi sao hãy còn nằm chi đây? (2).
Sự tiên trần biết đâu chân huyễn?
Giấc hoàng-lương để truyện đến giờ.
Một bàu cảnh-thú qua ưa,
Hồ sen phẳng phẳng gió đưa hương trà.
Chốn Giới-hà ấy nơi phân-giới,
Lâm-trị-quan vừa tới Vĩnh-niên.
Khổng môn dấu cũ tiền-hiền,
Bá-Ngưu thần-đạo bia truyền tính-danh.
Sa-hà với Cổ-hình hai sở,
Tổ-Ất đô cùng Dự-Nhượng kiều.
Phùng Đường cố-lý còn nêu,
Yêm-viên vườn cũ rất nhiều u-thanh.
Viện với các kéo quanh từng lớp,
Trúc cùng hoa lớp-nhớp từng chùm.
Cổ-tùng một gốc xanh-um,
Cây kề thạch-kỷ, ngọn trùm giếng lan,
Nội-ấn biểu hùng-phiên Kỷ-phụ,
Dấu thánh-nhân tặng lũ ông Trình.
Chôn con cảm kẻ hiếu-tình (3),
Hoàng-kim một phẫu viện danh Hiếu-từ.
Nhà Điền-thị tích xưa Kinh-thụ,
Đình Bách-hương Quang-Vũ thiên-thu.
Thần-minh đã ứng xích-phù,
Lưỡi gươm trừ hết những đồ thạch-tinh (4).
Qua Triệu-châu loan-thành Hoạch-lộc,
Sông Ô-dà nước đục dòng trôi.
Thủa nào giá đóng như chơi (5),
Qua rồi mới biết mắt trời chẳng xa.
Kia Chính-định xưa là Cự-lộc,
Đất bình-sa dân-tục kiệm-cần.
Có bia cố-lý Triệu Vân,
Có Long-hưng tự mười phần nguy-nga!
Tượng Đại-phật bảy mươi ba thước,
Bản đời Tùy từ trước đúc nên.
Trùng-tu thủa Tống triều Thanh.
Lâm-cung xanh biếc, bia đình vàng-tương.
Kia Tân-lạc Hi Hoàng thánh-lý,
Nọ Định-châu Nghiêu-đế cố-đô.
Vọng-đô suối ngọt cảnh u,
Làng bà Nghiêu-mẫu, miếu vua Đào-Đường.
Gần Mãn-thành có làng Quang Vũ.
Quách Ngỗi xưa quê cũ cũng đây.
Lại qua Bảo-định phủ này,
Tỉnh thành Trực-lệ định ngày kiến quan.
Đồ tống-tặng vẫng hoàn như lễ,
Rồi từ-hành chiếu lệ hoán xa.
Kinh-dường (6) An-túc huyện kia,
Chiêu-hiền quán cũ còn ghi Kim-đài.
Sông Dịch-thủy nhớ người tráng-sĩ,
Ngọn thu-phong sầu kẻ bạch-y.
Nên thua truyện cũ kể chi,
Định-hưng đã đến sông kia Mã-đầu.
Kia Tân-thành Trác-châu giao giới,
Miếu Hoàn-hầu (7) treo chói biển vàng,
Hãy còn cổ-chủng trong làng,
Hãy còn cổ-tỉnh bên đường như y.

---

(1) Lạn Tương-Như đi đến đó trở xe về.

(2) Trong miếu có tượng Lư-sinh nằm ngủ.

(3) Sự tích Quách Cự.

(4) Có bia Quang Vũ trảm thạch-nhân.

(5) Xưa vua Quang-Vũ nhà Hán đánh trận bị thua chạy, qua sông nầy không có thuyền bè, tự nhiên nước đông lại, chạy thoát được; Khi chạy thoát rồi thì nước lại loãng ra, vì thế giặc không đuổi kịp.

(6) Làng Kinh-kha ở khi xưa.

(7) Miếu Trương Phi

Lâu-tang-thôn kìa quê Chiêu-liệt,
Tình-nghĩa xưa khéo kết nên thân.
Hai bề kha-đệ quân-thần,
Vườn đào muôn-kiếp, đậm phần một [quê.
Yên-Đan với Ô-Kỳ thủa trước,
Chén đồng-cừu dấu tạc Hoa-dương.
Cầu đâu trăm trượng bề trường,
Đá xanh tiên-tích, đình vàng ngự bi.
Phòn-sơn huyện Lưu-ly cầu ấy,
Đá xây dài trượng bảy mươi dư.
Sắt vuông ai cắm bao giờ?
Chiếc sào giữa nước trơ-trơ vững vàng.
Truyền rằng của Ngạn-Chương cố-vật,
Sự lâu năm biết thực hay hư?
Lương-hương bản đất Yên xưa,
Miếu thờ Nhạc Nghị, tháp thờ Dương- [công.
Lệ miễn-khám lĩnh hồng đăng bộ,
Lư Câu-kiều đem sổ điểm qua;
Tang-kiều đây bản Cổ-hà,
Đời Kim xây đá gọi là Lư-câu.
Trong tám cảnh, cảnh cầu là một,
Bia triều Thanh ngự-bút có thơ.
Quanh thành Củng-cực chẳng xa,
Quảng-an vào cửa đây là Yên-kinh.
Qua Hoàng-thành Đại-Thanh môn ngoại,
Thẳng tới nhà Vương-hội bộ-đường;
Y quan quì tiến biểu-chương,
Đường quan tiếp-thụ lễ thường vẹn xong.
Tình khấu-kiến chủ cùng đáp khách,
Lui ra nhà tứ-dịch nghỉ-ngơi.
Sẵn sàng viên-dịch biện sai,
Có người canh cửa có người hầu trong.
Đủ trù-phòng trà-phòng các sắc,
Sai bảo gì một mực tòng hành.
Biết thân tương-mệnh là vinh,
Biết rằng thanh-giá triều-đình là tôn.
Từng nhận xét kiền khôn đại địa,
Có thiếu gì sơn-thủy cao tình.
Phồn-hoa thay chốn đế-kinh,
Yên đài bát cảnh kinh thành cửu môn
Đồng-lô cũ dấu còn truyền-đức,
Đề trước sân này các Văn-xương.
Cổ hòe một gốc xanh-xương,
Hứa Hành trồng để trước đền Di-luân.
Đường lửa ngựa thành-quần biết
Hình lạc đà trông thấy lạ ghê! mấy?
Phố-phường gót nối vai kề,
Rất đông thời phố Lưu-ly tiếng truyền.
Kể sao xiết vật-phiền nhân-tụ,
Lệ việc quan cứ chủ khách-ty.
Hồng-lô nghe xướng diễn-nghi,
« *Khi-lư* » (1) đầu khấu « *khô-ly* » (2) gối
Tiếng « *y ly* » (3) ấy là lập khởi, [qui,
Tiếng « *bô ti* » (4) thành lễ phân ban.
Rồi thời xe ngựa một đoàn,
Hồng-kiều chiêm-ngưỡng lên vườn Viên
Đây là chốn đế-kinh biệt thú, [minh.
Cách thành-tây lý-số ba mươi.
Nao-nao khe nước oanh-hồi,
Liễu hoa rợp đất lâu-đài ngất mây.
Vườn Trường-xuân bên này Đồng-lạc,
Vườn Thanh-y bên trước Xướng-xuân.
Bát kỳ dực-vệ thân-quân,
Thần-du đệ nhất mười phần thú vui.
Lễ rồi lại về nơi quán-trú,
Đồ thổ nghi, nội-vụ nộp xong.
Bộ truyền phê chữ thiếp hồng,
Gặp ngày vạn-thọ thị-tùng tùy-ban.
Lại lên Vườn Viên-minh chiêm-bái,
Trước sân đền chính-đại quang-minh.
Ngại ngùng bên lễ bên tình!
Bẩm-văn trước đã xin đình mới yên.
Cứ lời bộ chuyển trình các lễ,
Sứ cáo-ai (5) viện lệ tấu rồi.
Hạ thi khán hí đều thôi,
Yến duyên nghênh-tống xu-bồi cũng tha.
Lễ đại-khánh bản đà đình-miễn,
Chỉ chiếu thường ngự điện Quang- [minh.
Bồi-thần gặp độ lai-kinh,
Nhân ngày chiêm-bái lễ tình là an.
Vâng lễ đoạn tái-hoàn quán-sở,

(1) (2) (3) (4) Xướng lễ theo tiếng người Mãn.

(5) Vì đức Quốc-mẫu nước Nam mất, nên vua sai ngài sang sứ Tàu để cáo-ai.

Thường đêm ngày biện-sự chia lo.
Lĩnh rồi gia-thưởng các đồ,
Gặp ngày giai-tiết trung-thu tống-tình.
Lại lên vườn Viên-minh cầu trước,
Tình thỉnh-an hồi-quốc ôn-tồn.
Trở lui về trước Ngọ-môn,
Lĩnh đồ lệ-thưởng vẹn tròn lễ-nghi.
Vâng chia cấp thu-y thực-trác,
Lạy lĩnh rồi chỉnh-sức qui-kỳ.
Nghĩ công thừa-biện sớm khuya,
Ngân-tiền thổ-vật phát chia từng phần.
Từ bộ quán viên-nhân các nó (1),
Suốt sai-phòng đến lũ binh-đinh.
Kể từ ngày mới tới kinh,
Phí trong tặng-tống nhân-tình biết bao?
Công-văn cứ bộ trao lĩnh hết,
Ngày hăm-nhăm bát-nguyệt xuất-kinh.
Ngựa xe rập-rã đăng-trình,
Hoa vàng đưa bước non xanh đón mừng.
Này quán-dịch trông chừng lối cũ,
Đến Hán-dương cải-bộ chu-hành.
Bầm lên Hồ-bắc tỉnh-thành,
Phát chương hồi-quốc đạt tình xa-xôi.
Khách viễn-đạo một lời sương-tuyết,
Bạn cố-tri mảnh nguyệt quan-san.
Vui về quên hết gian-nan,
Hồ sông chở chữ bình-an dày thuyền.
Ngày tam-cửu đông-thiên trọng-nguyệt,
Thánh thọ-tuần gặp tiết chúc-ly.
Vụ-tinh vằng-vặc dao-trì,
Bóng đèn treo chói, lá cờ hồi-sai.
Ngày ban sóc cân-đai náo-nức,
Nét mừng chung xuân-sắc tái-lai;
Phận xa riêng chút thiệt-thòi,
Xuân về rồi cũng theo đòi với xuân.
Tới Tây-việt thiếp-văn bầm-đáo,
Vâng Phủ-đài lễ-mạo nghiêm-trang.
Dụ-văn cáo-sắc ba chương,
Long-đình tản-cái rõ-ràng tiếp-nghênh.
Rồi chỉ-kiến lễ-tình vẹn đủ,
Khâm-sứ-quan định rõ hành-kỳ.
Một phong bày hết sự-nghi,
Lòng về gửi với bản về đặng mau.
Thoi thấm-thoắt qua đầu năm hồ (2),
Thuyền nhởn-nhơ riêng thú non Voi (3).
Ngổn-ngang thấy những xuân người,
Xuân nhà hãy đợi trong vài tháng đây.
Bệ dâng tuổi trời mây trông với,
Chèo rước xuân gió núi thổi mau.
Trộm đây mừng lẫn tuổi nhau,
Xuân tàu rót chén rượu tàu mời chung.
Theo nhịp lái dàn thung phách suối,
Lần đốt tay trăng tối sao khuya.
Thái-bình phủ-trị nơi kia,
Công-văn trước hãy phát về Lạng-sơn.
Nghe cõi bắc nhường tan khí lạnh,
Ngắm non nam như ngảnh mặt cười.
Vừa ngày mười một tháng hai,
Ninh-minh đây đã kề nơi xứ mình.
Rũ mùi tuyết quấn thềnh rèm võng,
Phất hơi dương thẳng gióng ngọn cờ.
Đến đài Chiêu-đức chốn xưa,
Khấn qui là lễ tiễn đưa là tình.
Trà biệt-thoại rót đình xa-mã,
Súng hỉ-âm mở khóa quan-san.
Cách xuân họp mặt y-quan,
Đường xuân phơi-phới một đoàn thanh thanh.
Vâng đại-giá ngự thành Hà-tĩnh,
Quẩy qui-yên phục mệnh đan-trì.
Sức mình hèn mọn có gì,
Việc nên muôn đội đức-uy chín lần.
Giọt vũ-lộ nay nhuần mai thấm,
Thú phần-du trong ấm ngoài êm.
Tung-hô ba tiếng trước thềm,
Đài xuân vui-vẻ âu kim vững-vàng.

NGUYỄN TRUNG-KHUYẾN *sao-lục*

---

(1) Cũng như nói chúng nó.

(2) Năm nhâm-dần (3) Núi Tượng-tị.

KHOA-HỌC TÙNG-DÀM

III

VÔ-TUYẾN-ĐIỆN

Những giây thép chăng ở ngoài đường thời hoặc là giây đèn máy, hoặc là giây ống nói, giây của các máy điện-tín in chữ hay in dấu-hiệu ở các tư-gia, các công-sở hay các sở bưu-điện. Những đường giây ấy cũng vì như những ống chì máy nước đặt ở dưới đất, vì hai đàng cùng dùng về sự truyền-dẫn; có những đường giây ấy thời đèn mới cháy, tin-tức ở các nơi mới thông, cũng như có những ống chì kia thời các nhà mới có nước lọc ở nhà máy nước mà dùng. Vậy nếu cái giây thép kia mà đứt thời chẳng khác gì cái ống chì kia vỡ; giây thép đứt thời các đèn máy tắt, các máy điện-tín liệt, tin-tức không thông, ống chì vỡ thời nước chẩy ra hết chỗ vỡ, các nơi không có nước dùng. Xem như thế thời sự điện-tín có giây vẫn chưa gọi là tiện, vì đặt một bộ máy điện-tín đi các nơi đã phải chăng không biết bao nhiêu giây, trồng bao nhiêu cột sắt ở các phố, ở ngoài đồng và ở các nơi thắng-cảnh làm mất cả nền mĩ-thuật, mất cả vẻ thiên-nhiên của tạo-hóa, mà lỡ ra khi có giặc, có cơn giông to gió lớn, hay có trận nước lụt nào đánh đổ cột đèn làm đứt hết cả giây điện thời bao nhiêu tin-tức lại đình-chỉ hết cả.

Vậy cái giây thép kia có ích dường nào thời lại bất-tiện dường ấy, nếu có thể bỏ nó đi được mà thay vật gì khác vào cũng dẫn-điện, cũng thông âm-tín mà lại không hại đến mĩ-thuật, không phải cái nạn đứt nối thời sự điện-tín mới thật là hoàn-toàn.

Hoặc-giả nói: nếu các nhà mĩ-thuật không ưa cái giây thép kia thời sao nhà máy điện không đem chôn nó xuống đất. Nhưng không biết rằng chôn xuống đ thời lại bất-tiện lắm, vì không nhữ phải bọc cho nó ống sứ hay vật gì khó dẫn-điện ở ngoài để cho điện khỏi truy ra đất, như những giây thép đặt dư đáy bể toàn phải bọc sứ cả, cho đi khỏi truyền ra nước, lại còn khi gi để lâu ngày hư-hỏng chỗ nào thời khó biết đâu mà chữa. Vậy cái cách ch giây đó không phải là cách tiện-l nên người ta mới không dùng. Nay c cốt tìm được vật gì khác để thay đư cái giây thép kia là hơn. Nhưng n vật khác đó là một vật nhân-tạo n giây thép nữa thời thà để giây th còn hơn. Nói tóm lại nếu cái vật đ tìm đây phải kiêm cả hai điều tiệ dụng, một là không có cái sự đứt n hai là không hại gì đến mĩ-thu nghĩa là vừa chiều ý các nhà điệ học lại vừa không thất-ý các n mĩ-thuật thời tất-nhiên vật ấy phải một vật thiên-nhiên sẵn có như nư như đất hay như không-khí. Nước và đ thời ta đã dùng làm đường âm-điện r vậy chỉ còn không-khí nữa thôi. n không-khí mà cũng truyền-dẫn điện được như đất và nước thời cái gi thép kia mới có thể bỏ đi mà vô-tuyế điện mới có thể xuất-hiện ra được.

Khi ta đi cái đầu quản bút nhựa điện lại gần cái kiểm-điện-khí như chưa đi chạm tới cái đầu sắt tròn ở c kiểm-điện-khí mà sao hai miếng và đã đầy nhau? Sao ta để miếng sắt na châm cách cái kim mà miếng sắt hút cái kim vào? Sao một cái chuô điện để trong bầu thủy-tinh ở cái tr khí-cơ (*machine pneumatique*) lại khô kêu ra tiếng? Ấy cũng bởi không-k

dẫn điện ở đầu quản bút đem truyền vào kiềm-điện-khí, nên hai miếng vàng mới đẩy nhau ; cũng bởi không-khí dẫn cái sức hút của miếng sắt nam-châm ra cái kim mà kéo cái kim lại, nên cái kim mới bị hút ; lại cũng bởi trong bầu thủy-tinh kia không có không-khí nên chuông kêu mà ta không nghe thấy tiếng. Vậy không-khí cũng dẫn-điện tuy không dẫn nhậy được như đất, tuy cái quản bút kia phải để gần cái kiềm-điện-khí thời kiềm-điện khí mới chuyển-động tuy cái đường cự-li hai vật đó rất là ngắn-ngủi, nhưng cái sự truyền-dẫn nó đã hiển-hiện ra đấy, ta há lại không tìm cách gì tăng-bội được cái đường cự-li ấy hơn lên hay sao ? Sự tăng-bội ấy ta hãy để đó không nói vội, nay hãy cứ biết vô-tuyến-điện là một thứ điện-tín không giây, âm-tín sở-dĩ thông được đi khắp mọi nơi là nhờ có đất và không-khí, hai chất truyền điện rất là tiện-lợi ; sự phát-minh ấy thực là một sự rất vẻ-vang, rất kỳ-dị trong cái thời buổi máy móc này.

Nói đến đây lại nhớ đến ông LEURECHON năm xưa, nhớ đến khi ông còn ước được một thứ đá nam-châm nào hấp-lực thực mạnh để ở *Rome* có thể làm chuyển-động được một cái kim để ở *Paris*, là lúc điện-khí chưa phát-minh, sự thông-tin hãy còn ấu-trĩ mà mới trong khoảng ba trăm năm, trải qua cái lịch-sử điện-tín đã thấy nhiều sự tiến-bộ, nhiều sự biến-cải, nào hết máy nói, giây thép, nay lại đến vô-tuyến-điện thời mới biết cái tư-tưởng của con người ta tiến-hóa vô-cùng. Nếu quả-thị khi xưa ông LEURECHON cũng có ý muốn làm một thứ máy thông-tin không giây, nhưng không thể làm được, thời nay ông trông thấy ngọn tháp *Eiffel* bên Pháp và mấy cái cột sắt dưới Cống-vọng, chắc ông cũng ngậm cười chín suối chứ chẳng không.

Nay trước khi nói đến những máy vô-tuyến-điện bây giờ hãy xin nói qua cái lịch-sử vô-tuyến-điện ra làm sao.

Người thời nói chính ông MORSE là người chế ra máy *Morse* đã nói kỳ trước, phát-minh ra nước là vật dẫn điện, nói rằng tại ông đặt hai sở-điện tín trên một con sông, ông sợ vướng giây đem ngâm một đường giây xuống nước, nhưng đang đánh máy thời một quãng giây đứt ngầm ở dưới nước, song máy vẫn chạy, tin vẫn báo đến sở bên kia, nên ông mới biết nước là vật dẫn điện, bèn thí-nghiệm mãi rồi dùng nước để làm đường âm-điện Người thời lại nói cái sự phát-minh đó là của một người Anh tên là LINDSAY, người ấy dùng nước sông *Tay* làm đường âm-điện. Nhưng sét kĩ thời chính người phát-minh ra là ông STEINHEIL, vì năm 1838 ông có nói : « Độ một quãng đường 50 *pieds* (thước tàu) thời tôi có thể làm một cái máy điện-tín không cần phải dùng đến giây ». Nghe đâu ông định dùng đường sắt xe hỏa làm đường âm-điện.

Năm 1870, trong lúc thành *Paris* bị vây ông BOURBOUZE đã thử dùng sông *Seine* để thông-tin ra ngoài thành, nhưng ông đang thí-nghiệm thời cuộc vây thành vừa hết, nên ông lại thôi không thí-nghiệm nữa.

Cái hiện-tượng về điện lưu-cảm-ứng cũng khiến cho nhiều nhà kỹ-sư chú-ý đến để phát-minh ra vô-tuyết-điện, như ông EDISON và thứ nhất ông PREECE là chánh kỹ-sư điện-tín nước Anh đã nhiều phen thí-nghiệm trên hai cái cù-lao trong vịnh *Bristol* và ở bờ bể Anh-cát-lợi. Ông đặt hai đường giây đi song đôi, một đường đặt trên bờ bể, một đường đặt trên một cái cù-lao kia, đương giây đặt trên cù-lao này thời nối với một cái máy điện-tín. Khi ông gõ vào cái giây ở dưới bờ bể đằng kia thời cái giây đằng này rung-động làm cho bộ máy in ra dấu hiệu. Ngày nay ở hai cái cù-lao kia hình như hãy còn dùng thứ

máy điện-tín ấy để báo tin về bờ bể Anh-cát-lợi.

Về sau các nhà bác-sĩ lại lưu-tâm khảo-cứu những luồng phát-quang (*radiations lumineuses*), như tử-ngoại-tuyến (*ultra-violettes*) và hồng-nội-tuyến (*infra-rouges*), nhưng cũng không ăn thua gì. Chỉ tự khi một nhà bác-học Đức tên là HERTZ phát-minh ra điện-lãng (*ondes électriques*) các nhà bác-sĩ mới để tâm vào nghiên-cứu mãi mà phát-minh ra vô tuyến-điện. Vậy có lẽ điện-lãng là kẻ bưu-lại độc-nhất của sự tư-tưởng đời nay.

Thế nào gọi là điện-lãng? Nay hãy lấy nước làm điều thí-dụ. Khi ta đứng ở bờ hồ mà ném một hòn đá ra giữa hồ thời tức-khắc thấy chung-quanh cái chỗ hòn đá rơi xuống nước có một đám vòng tròn, trước còn bé sau loang to mãi ra. Cái đám vòng tròn ấy gọi là sóng hay thủy-lãng.

Nếu ta ném một cái nút chai vào chỗ nước sóng ấy thời thấy cái nút chai cứ rập-rềnh trên mặt nước, nhưng đứng yên một chỗ chứ không theo những vòng nước mà đi. Thế là bởi nước rung-động nên cái nút chai rập-rềnh, nhưng nước rung-động mà thôi, chứ không phải nước chảy; khi hòn đá rơi xuống nước làm cho mỗi phần-tử nước (*molécule d'eau*) ở gần rung-động, cái phần nước ấy rung-động lại làm cho phần nước khác cũng rung-động theo. Vậy là nước vẫn đứng yên một chỗ mà rung-động, nên cái nút chai kia chỉ rập-rềnh mà không đi. Như thế thời tất-nhiên cái phần nước ở gần hòn đá bao giờ cũng rung-động mạnh hơn các phần nước khác, vì các phần nước khác, cái nọ phải nhờ cái sức rung động của cái kia mà rung động theo, cái sức ấy dần dần yếu đi thời cái sự rung-động tất dần dần cũng phải kém; nếu hồ mà rộng thời ta có thể trông thấy những cái thủy-lãng ấy biến đi lúc nào. Xem vẽ thời biết rằng cái gợn sóng thứ nhất cao hơn hết, những gợn sóng sau dần thấp đi. Cái đường cự-li A B hai cái sóng, hai cái vòng tròn

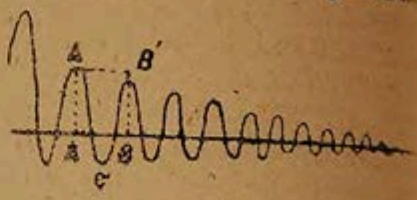

nhau gọi lãng-tiết (*longueur d'onde*). Những lãng-tiết A B, B C, C D v.v. đều nhau hết cả. Nhưng chiều dài không nhất-định vì nếu ta ném một hòn đá to xuống nước thời hẳn nước rung động mạnh hơn là ném một hòn đá nhỏ hay ném sẽ; nước rung mạnh thời những vòng tròn kia khít nhau, lãng-tiết ngắn đi, cái nút chai rập-rềnh

mau hơn lên. Nếu ta có ý nhận cái nút chai kia nó rập-rềnh trên mặt nước thế nào thời thấy nó cứ nhô lên thụt xuống và thụt xuống nhô lên ở trong hai cái đợt sóng tiếp-cận nhau (xem vẽ cái nút chai chòng-chành trên mặt nước, đám nhào từ A' xuống C' lại nhô lên B' rồi lại từ B' nhào xuống C' rồi lại nhô lên A' v. v. . . .) nghĩa là cái nút chai ấy rập-rềnh theo hình chữ V. Vì mỗi lãng-tiết giải nghĩa cho đúng thì là khoảng đường của sóng (thủy-lãng điện-lãng v. v. .) rung một cái *la longueur d'onde est le chemin parcouru par les ondes pendant la durée d'une oscillation*). Ta gọi vật gì rung là cái vật ấy bị đi bựt lại mãi, còn vật gì rung một chút thời là vật ấy bựt sang bên nọ, bên

sang bên kia rồi bựt trở lại bên nọ, xong không bựt nữa, nghĩa là bựt từ A sang B rồi lại từ B về A. Xong đùng yên không bựt nữa, (vật gì chỉ rung một cái đó, không làm gì có, đây là nói thí-dụ cho hiểu thế nào là một cái rung)

Tiếng kêu, ánh sáng và điện cũng vậy. Khi có một tiếng gì kêu (như tiếng chuông) thời cái tiếng ấy cũng làm rung-động không-khí ra những vòng tròn (mắt không trông thấy) gọi là thanh-lãng. Nhưng những cái thanh-lãng ấy loang ra tứ-phía, loang ra hình quả cầu (*sphère*) chứ không loang ra hình tròn bình-diện (*cercle*) như thủy-lãng, vì cái tiếng thời người đứng hướng nào cũng nghe thấy, người ngồi trên tàu bay cũng nghe thấy mà người đi ở dưới đất cũng nghe thấy; người đứng gần thời nghe đinh tai, người đứng xa thời nghe ra êm-ái. Thanh-lãng phóng ra theo một cái tốc-độ nhất-định là 330 thước trong một giây đồng-hồ. Không-khí rung-động nhanh hay chậm là tùy tiếng to hay nhỏ. Tiếng to thời không-khí rung động nhanh, thanh-lãng khít nhau, lãng-tiết ngắn. Tiếng nhỏ thời không-khí rung-động chậm, thanh-lãng thưa nhau, lãng-tiết dài. Nay thí-dụ ta phóng ra những thanh-lãng, nếu mỗi lãng tiết đo được 4 phân, thời không-khí ở trong khoảng 330 thước trong một giây đồng hồ gặp $\frac{330}{0,04} = 8250$ thanh-lãng, rung-động 8250 lần, Nếu lãng-tiết đo được 2 phân thời không-khí chỗ ấy gặp $\frac{330}{0,02} = 16500$ thanh-lãng, rung-động 16500 lần.

Thanh lãng rung chậm quá thời không ra tiếng mà rung nhanh quá cũng không ra tiếng. Tai ta chỉ nghe được những tiếng rung hơn 32 lần và kém 34.000 lần mà thôi, ngoài cái khoảng 32 và 34.000 đó thì không nghe thấy gì cả.

Không-khí bao-bọc lấy đất cũng đã dày, nhưng so cái bề dày với đường cự-li của mặt trời với lấy đất thời đã thấm vào đâu. Vậy trong khoảng không-trung chỗ mặt trời với không-khí cách nhau còn có khí-chất gì nữa không? Các nhà bác-sĩ quyết-đoán rằng trong cái khoảng ấy có một thứ khí-chất không thể-lường được gọi là nguyên-khí (*éther*). Ánh sáng mặt trời sở dĩ chiếu được đến ta cũng nhờ có cái nguyên khí ấy dẫn đi cũng như tiếng kêu nhờ có không-khí dẫn đi. Như thế thì cái khí kia thấu cả vào các vật rất đục cũng dễ dàng như ở chỗ không-gian trong các khoảng hành-tinh, nghĩa là nguyên-khí khắp trong bầu trời đâu đâu cũng có, thấu vào tất cả các vị hành-tinh, các đồ vật; dẫu ta lấy máy trừu-khí (*machine pneumatique*) mà rút hết không-khí trong bầu thủy-tinh ra thời cũng chỉ là không-khí ra hết mà thôi, chứ cái nguyên khí kia thời sức khoa-học chưa tài nào thắng được nó.

Song cũng là đoán phỏng rằng trong vũ-trụ có cái nguyên-khí ấy mà thôi, chứ cũng chưa có cách thí-nghiệm, cách đo-lường nào chứng được rõ ràng, vì nguyên-khí không phải là vật gì đo-lường được. Cũng thí dụ như một *gramme* sạ hương khi bốc lên một mùi thơm nồng-nàn thời cái mùi ấy là gì? Tức là phần cực-tế-mạt của bản-chất nó sông lên trong không-gian mà thôi. Còn như tại làm sao nó lại sông lên mà sông lên như thế nào thì không ai biết được cái điều bí-mật ấy. Hoặc-giả nghĩ: nếu ngần ấy sạ-hương cứ bốc mãi mùi lên như thế mà cái mùi ấy lại chính là những phần nhỏ của bản-chất thời mấy nổi miếng sạ-hương kia tan mất... Song nghĩ thế là lầm; bác sĩ BERTHELOT đã, minh-chứng ra rằng ngần ấy sạ-hương thời trong mười vạn năm chỉ hao đi có một *milligramme* mà thôi. Xem như thế thời cân nào cân cho được cái hương sông lên đó, dù cân đúng đến đâu cũng không thể cân được. Ấy nguyên-khí cũng thế, nguyên-

khi là vật vô-lường, vô hình-ảnh, như cái mùi sạ-hương sông lên kia vậy.

Trên kia đã nói rằng ánh sáng mặt trời chiếu được đến lái đất ta là nhờ có nguyên-khí rung-động; rung-động nhanh lắm, trong một giây đồng-hồ ít ra cũng phải rung đến 500 triệu triệu lần thời mắt ta mới trông thấy được như thế; cái suất-số rung-động trong một giây đồng-hồ ấy gọi là *fréquence*. Nhưng nếu cái bội-số ấy tới hơn 800 triệu triệu thời ta lại không thấy ánh sáng nữa. Vậy trong khoảng từ 500 triệu triệu cho tới 800 triệu triệu thời ta trông thấy quang-lãng, ra ngoài số 800 triệu triệu thời đối với con mắt ta ánh sáng lại biến mất. Hóa-quang-lãng (*radiations chimiques*) cũng vậy, ta không trông được thấy nó là vì trong một giây đồng-hồ nó rung-động những 900 triệu triệu lần. Còn như quang-tuyến X rung-động tới vài ba lần tam-bội-triệu (*quelques quintrillions*); xưa nay chưa thấy luồng phát-quang nào rung-động nhanh như thế.

Khi ta đi cái súc-tĩnh-điện (là một thứ lọ để chứa điện) lại gần máy tĩnh-điện (máy này phát ra điện) thời ta thấy một tia ánh sáng lòe ở máy tĩnh-điện ra cái súc-tĩnh-điện và ta nghe thấy một tiếng kêu răng-rắc; cái hiện-tượng ấy cũng y như khi sắp có cơn rông mà trên trời có sấm chớp vậy. Cái tia ánh sáng và cái chớp kia tức là hai cái nguồn điện-lãng (*siège des ondes électriques*). Bác-sĩ HERTZ bảo rằng cái tia ánh sáng ấy làm rung-động không-khí cũng như tiếng kêu vậy. Không-khí rung-động cũng loang ra thành những vòng tròn và loang ra từ phía, mắt ta không trông thấy được là vì nó chỉ rung có 50.000 triệu lần mà thôi. Theo lý-thuyết ông MAXWELL thời quang-lãng với điện-lãng cùng một cối rễ mà ra, chỉ khác nhau cái số rung-động nhiều ít mà thôi. Điện-lãng của ông HERTZ lúc mới tìm ra chỉ rung có 50 triệu lần, sau ông tăng được lên đến 500 triệu thời ông mất; thọ được 36 tuổi. Nhà cách-vật-học nước Ý tên là RIGHI tăng lên đến 50.000 triệu. Kể thế đã là một thứ điện-lãng rung nhanh nhất, tự xưa đến nay chưa có cái nào hơn, nhưng cũng chưa thể trông thấy được, vì chưa được nhanh bằng ánh sáng, ánh sáng rung gấp 10.000 lần nhanh hơn thế, nghĩa là rung những 500 triệu triệu lần trong một giây đồng-hồ. Ông GEORGE CLAUDE bảo rằng quang-lãng, hóa-lãng, thanh-lãng, điện-lãng, đều là chị em một nhà cả, chỉ khác nhau là cái nọ rung nhanh, cái kia rung chậm mà thôi, nếu cái nào cũng rung nhanh bằng quang-lãng cả thời cái nào ta cũng trông thấy. Ông HERTZ thời bảo rằng điện-tuyến cũng giống tính quang-tuyến, cũng có tính phản sạ (*réflexion*) và khuất-khúc-sạ (*réfraction*) như quang-tuyến, cái tốc-độ truyền-bá (*vitesse de propagation*) cũng như nhau, nghĩa là 300.000 cây-lô-mét trong một giây đồng-hồ.

Nếu trong một giây đồng-hồ điện-lãng lan ra 300.000 cây-lô-mét thời cái lãng-tiết (*longueur d'ondes*) rất là dễ tính. Như cái điện-lãng của ông HERTZ tìm ra đầu tiên trong một giây đồng-hồ loang ra 50 triệu cái vòng tròn và rung-động 50 triệu lần thời lãng-tiết đo được: $\frac{300.000.000}{50.000.000} = 6$ thước (mỗi khoanh tròn cách nhau 6 thước); nếu điện-lãng loang ra 500 triệu cái vòng thời lãng-tiết đo được: $\frac{300.000.000}{500.000.000} = 60$ phân. Vậy điện-lãng càng rung nhanh bao nhiêu thì càng nhiều ra mà khít lại với nhau bấy nhiêu, càng khít lại thời lãng-tiết càng nhỏ đi, bao giờ cái lãng-tiết ấy chỉ có $\frac{6}{1000}$ li nghĩa là bao giờ lãng-tiết của điện bằng lãng-tiết của ánh sáng ($\frac{300.000.000}{500.000.000.000.000} = 0,^{m}000.0006$) thời ta mới có thể trông thấy điện-lãng.

Cứ như lời ông HERTZ nói rằng điện-tuyến có tính phản-sạ như quang-

tuyến thời ra ta có thể làm một cái mặt gương phản-sạ riêng rồi ta phóng một luồng niện (*faisceau électrique*) vào cái mặt gương ấy để cho mặt gương thu lấy rồi phản sạ cái luồng điện ấy trở về y như là quang-tuyến chiếu vào một cái gương rồi lại phản-chiếu trở lại hay sao? Như thế ta lại còn có thể bắt được cái luồng điện ấy chiếu vào hướng nào thời mới được chiếu vào hướng ấy không cho loang ra mọi hướng nữa hay sao ? Không được. Quang-tuyến chiếu vào gương rồi lại phản-chiếu trở về là vì lãng-tiết của quang tuyến chỉ có $\frac{6}{000}$ li, quang-lãng khít quá, rung nhiều lần quá nên yếu sức đi, đường quang-lãng trông tựa cái đòng thẳng (*ligne droite*) nên ta mới có thể thu vào những cái gương rất bé nhỏ được, chứ điện-tuyến thời không thế ; lãng-tiết của điện-tuyến dài những 6 thước hay 60 phân, điện-lãng thưa quá, rung ít lần nên sức rung rất mạnh, điện-lãng rất cao (*grande amplitude*, không vật gì cản được nó, mọi vật đều bị nó chùm bọc cả, nghĩa là nó khôngnhư ánh sáng, chiếu vào vật gì mà để ở đàng sau cái vật ấy một cái bóng. Ông POINCARÉ nói rằng muốn thu lấy một luồng điện-lãng, lãng-tiết độ một hai thước, thời phải làm một cái kính chiếu (*lentille*) mấy mươi cây-lô-mét đường kính (*diamètre*) thời mới có thể thu được, (ngọn núi cao nhất Thế-giới là núi Hi-mã-lạp mới có 8000 thước). Vậy ta không thể thu điện-lãng vào kính được ; còn như nếu dùng những điện-lãng nhỏ như những điện-lãng của ông RIGHI, tiết-lãng chỉ có 6 li thôi thời lại yếu quá không cảm được máy nhận tin ở xa. Hóa cho nên muốn lợi-dụng điện-lãng về vô-tuyến-điện thời phải làm thế nào cho điện-lãng rung vừa phải, mà phải loang ra thật dài. Còn như ánh sáng tuy loang ra dài thực nhưng không thể dùng được là vì ánh sáng rung nhiều quá yếu sức, lại vì ánh sáng bị lắm thứ ở trên lái đất này cản trở mất lối đi. Nếu có dùng ánh sáng thời cũng chỉ dùng trong một quãng gần, mà cái quãng ấy phải bằng phẳng không có núi non gò đống gì mới được.

Như thế thời những máy phát-điện-lãng phải chế ra như thế nào cho trong một giây đồng-hồ chỉ phát ra ít tia điện, nhưng những tia điện ấy phải dài ; mỗi tia không phải chỉ phát ra có một điện-lãng, mỗi tia phải phát ra một đoàn điện-lãng (*train d'ondes*). Cái điện-lãng thứ nhất thời dài nhất, rồi đến những cái sau ngắn dần dần đi. Cái đoàn điện-lãng ấy chạy rất nhanh, trong khoảng hai cái tia điện tiếp-cận nhau không có một

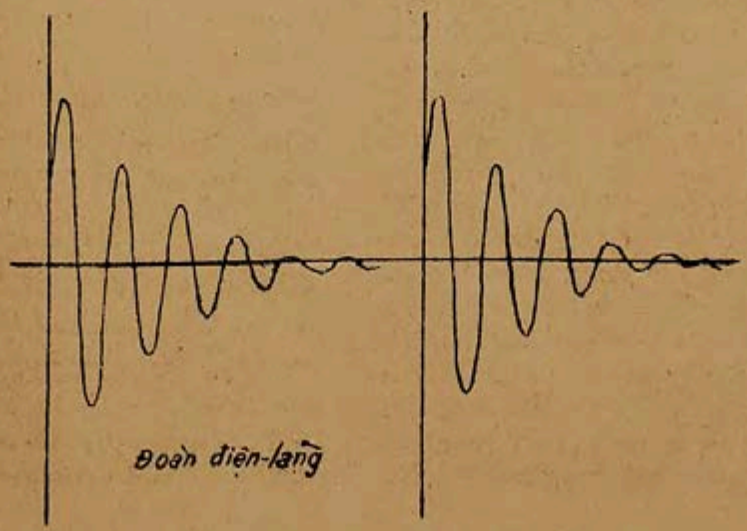

cái hành-lãng nào khác sen vào cả. Còn như hai toa điện-lãng cách nhau bao nhiêu là tùy theo cái số tia điện phóng ra trong một giây đồng-hồ.

Thí-dụ ta phóng ra 100 tia điện trong một giây đồng-hồ nghĩa là ta phóng ra 100 toa điện-lãng nó theo đuổi nhau trong một con đường rất dài. Nay ta đã biết cái tốc-độ của điện-lãng là 300.000 cây-lô-mét trong một giây đồng-hồ, vậy ta có thể tính được cái đường cự-li của hai tia điện-lãng cách nhau là bao nhiêu:

$$\frac{300000}{100} = 3000 \text{ cây-lô-mét.}$$

Theo như lời ông Tissot nói rằng trong một toa điện-lãng lại có một ít điện-lãng; thí-dụ trong mỗi toa có 6 cái điện-lãng, mỗi cái dài 100 thước thời một toa dài $100 \times 6 = 600$ thước. Nếu ta phóng ra 50 cái tia điện nghĩa là ta phóng ra 50 cái toa điện-lãng thời mỗi cái dài 600 thước, mỗi cái cách nhau là:

$$\frac{300000}{50} = 6000 \text{ cây-lô-mét.}$$

Như mỗi toa cách nhau một con đường xa (6000 cây-lô-mét) như thế thời cái súc-giốc (*antenne*) ở máy nhận tin mới kịp thu các toa điện-lãng, vì súc-giốc ấy nhận được toa trước phải truyền hết điện sang cái máy chép rồi mới có thể tiếp được toa sau.

Điện-lãng không những không bị các vật ở trên lái đất ngăn-trở, lại thấu qua được cả các vật không dẫn điện như sáp, thủy-tinh, gỗ, cao-su, nhựa, mông-thạch (*mica*), nước lọc. Nếu ta để một bộ máy nhận tin vào trong một cái hòm bằng sáp hay trong một cái hòm làm bằng một chất nào không dẫn điện kể vừa rồi thời khi có một luồng điện-lãng đi qua ở ngoài, ta sẽ thấy cái máy nhận tin chuyển-động (thế là điện lãng thấu qua cái hòm mà làm sục động cái máy). Nếu để cái máy xuống nước cũng vậy.

Nhưng nếu để cái máy vào trong một cái hòm bằng sắt hay trong một cái lồng-bàn bằng thép thời cái máy lại không chuyển-động nữa. (Nếu để cái máy xuống bể cũng vậy. Ấy là hòm sắt, lồng-bàn thép, nước bể, các điện-lãng không cho thấu qua và trong cái máy, nên máy không chuyển động; hòm sắt, nước bể, lồng-bàn các được điện lãng gọi là *diélectriques*: Bởi thế cho nên tầu ngầm đi dưới đáy bể nếu không có cái súc-giốc thò lên mặt nước thời tàu không thể nhận được tin ở trên mặt nước, (vì cái máy nhận tin để ở trong tầu tức là để trong một cái hòm sắt; tầu ngầm xuống bể thời tức là cái máy kia để vào trong hai cái hòm cũng ngăn cản điện-lãng nên điện-lãng không thấu vào cái máy được).

Địch âm thoa (*diapason*) là một miếng sắt hình chữ U có một cái chuôi cắm vào một cái hòm gỗ ván mỏng (*caisse résonnante*). Khi ta gõ vào cái địch-âm-thoa ấy thời ta thấy rung ra một cái âm-thanh là tiếng *la*, *a*... *a*... Người ta đã tính trong một giây đồng-hồ nó rung 435 lần. Nay ta để hai cái địch-âm-thoa cách nhau một ít rồi ta gõ vào một cái thời ta thấy cái kia cũng rung theo ra tiếng *la*, *a* ... Thế nghĩa là khi gõ vào cái địch-âm-thoa nọ thời cái địch-âm-thoa ấy rung-động làm cho không khí cũng rung động, không-khí rung động lại làm cho cái địch-âm-thoa kia cũng phải rung-động theo.

Nếu ta cắm một miếng thép dài độ mươi tấc vào cái khe bàn rồi ta kéo cái miếng thép ấy, xong lại buông mà ra thời thấy nó cứ đưa đi đưa lại, lúc mới còn nhanh, rồi dần dần chậm đi sau miếng thép lại đứng yên phẳng phắc. Ấy điện-lãng cũng vậy, lúc mới phóng ra thời rất mạnh, đợt sóng rất

cao rồi dần dần yếu đi, đợt sóng thoai-thoải thấp mãi xuống. Toa điện-lãng cũng thế, toa đầu bao giờ cũng mạnh hơn các toa sau, vì ở cái máy phát ra tia điện, thời điện-lực khỏe nhất chỉ có lúc đầu mà thôi, cũng như cái thép kia lúc đầu ta lấy sức kéo nó rồi buông nó ra thời nó phải bật mạnh về sau là tự nó rung thời nó phải bật yếu. Toa điện-lãng đầu rung mạnh như thế thời có một sự bất-tiện là bao nhiêu các máy nhận tin đều thu được nó, nó có sức mạnh thời nó cảm hết cả các sức-giốc ở gần nó, như thế thời âm-tín bí-mật lộ mất cả. Không những âm-tín lộ mà thôi, lại còn một điều bất-tiện nữa là nếu nó làm chuyển-động được các máy ở mọi nơi, thời mọi nơi cũng có thể làm chuyển-động được máy của ta, như thế thời tin-tức lầm lẫn hết, những lúc có chiến tranh thời rất là nguy-hiểm, quân giặc cứ việc ngồi một chỗ mà phá-hoại hết cả các tin-tức của mình.

Bởi cớ đó các nhà bác-học như ông Tissot người Pháp, ông Marconi người Ý, ông Slaby và ông Braun người Đức đã cố công tìm cách trừ cái nạn ấy; các ông chế ra những thứ máy riêng để phát-sinh ra những điện-lãng giống như các thanh-lãng của cái đích-âm thoa, nghĩa là phát-sinh ra những điện-lãng thật dài, yếu đi thật chậm, lúc mới phóng ra không mạnh lắm. Nói tóm lại thời cái toa điện-lãng trước trông hình như cái vẽ No 1, cái toa điện-lãng của các nhà bác-sĩ mới

N° 1

N° 2

làm ra trông hình như cái vẽ No 2. Cái toa điện-lãng thứ hai đó trông đều đặn như thế thời mới có thể dùng được, ta định phóng nó vào máy nào thời máy ấy thu được mà thôi còn các máy khác không thể thu được, cũng như cái đích-âm thoa-chỉ rung, cảm được cái giây *la* ở cái đàn trầm-cầm (*piano*), còn các giây khác cũng ở cái đàn ấy đều đứng yên không rung-động hay có rung-động nhưng rung yếu lắm không ra tiếng (*syntonisation*) được.

Tuy thế cũng chưa được hoàn-toàn, nhiều khi các nơi vẫn còn nghe trộm được tin-tức, bởi thế cho nên trong những lúc có chiến-tranh thời mỗi nước lại phải đặt ra các dấu hiệu riêng và giữ bí-mật.

Ông Marconi lấy điện ở cái máy của ông Ruhmkorff đem tích chứa vào trong cái bình chứa điện (*bouteille de Leyde*) rồi đi gắn vào một cái máy vô-tuyến-điện để cho lòe ra một tia-điện thật mạnh, phát ra một luồng điện lãng dài. Ông lợi-dụng cái cách ấy mà đưa điện-tín đi được từ Douvres đến Boulogne bên Pháp.

Nay xin tả những bộ-phận của một bộ máy vô-tuyến-điện. Mỗi bộ-phận lại là một thứ máy điện chế ra theo một cái nguyên-lý gì riêng về điện-học, các độc-giả đã xem qua mục « Mấy điều sơ-lược về điện-học » thì xin cứ chú-ý luôn để cho dễ hiểu các máy điện sắp tả sau đây.

Máy Ruhmkorff (*bobine de Ruhmkorff*) Máy dùng để sinh ra tia điện, phát ra điện-lãng. Máy có một lõi sắt trên quấn một ít giây sắt hơi to mình ngoài bọc lụa chất nhựa; quấn giây này gọi là quấn giây thứ nhất (*bobine primaire*), một đầu nối với một cái máy hãm, máy hãm nối với dương-cực máy phát-điện. Còn một đầu giây thời nối với miếng thép mỏng, đầu có một miếng sắt, đứng trước mặt cái lõi sắt

sau lưng miếng thép có một cái đanh ốc dầu đanh chạm vào miếng thép, đanh nối với âm cực máy phát-điện (thế tức là quấn giây thứ nhất nối với máy phạt-điện nhưng đứt một nơi là ở trong cái máy hãm). Ngoài quận giây thứ nhất ấy quấn một giây nhỏ hơn tóc cũng bọc lụa chất nhựa, giây ấy rất dài, quấn rất nhiều vòng, hai đầu giây nối với hai cục đồng tròn như hai bi, để gần nhau. Quấn giây ấy gọi là quấn giây thứ hai (*bobine secondaire*) Nay ta đóng cái máy hãm lại để cho điện

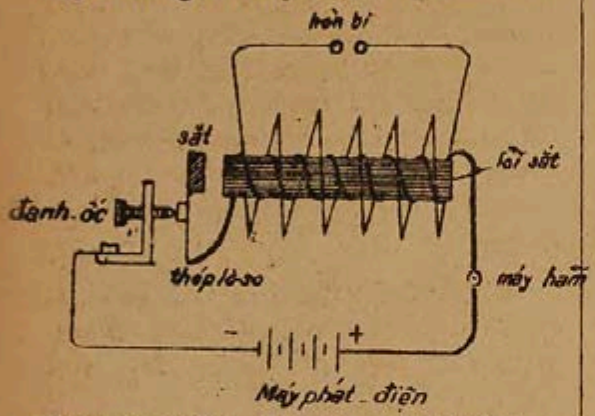

chạy qua quấn giây thứ nhất thời lập-tức thấy lõi sắt hút miếng thép vào, nhưng vừa hút vào lại nhả ra ngay rồi lại hút vào (chỗ này cũng như máy của ông Morse đã nói rồi). Nếu cứ để cái máy hãm đóng mãi thời cái miếng thép kia cứ bựt đi bựt lại như thế mãi. Làm thế để làm gì ? Làm thế là cốt để cho trong quận giây thứ hai phát ra điện. Sao lại phát ra điện ? Trên kia đã nói về phép điện-lưu-cảm-ứng (*courant d'induction*) ; nếu lấy một thoi sắt nam-châm hay một quấn giây nối với máy phát điện đem ấn vào một ống giây khác rồi lại rút ra thật nhanh thời trong ống giây phát ra điện. Đây cũng vậy, quấn giây thứ hai tức là ống giây kia, quấn giây thứ nhất tức là quấn giây nối với máy phát-điện. Tuy quấn giây này đứng yên một chỗ trong quấn giây thứ hai kia, nhưng trong quấn giây ấy khi thời có điện chạy qua, khi không thời cũng như là ấn vào rút ra vậy. Khi có điện chạy qua thời trong quấn giây thứ hai phát ra điện, nhưng cái điện ấy lại mất ngay lập-tức, khi không có điện chạy qua thời trong quấn giây lại phát ra điện, bởi thế cho nên ở hai hòn bi đồng có một tia điện lấng-nhấng như chớp khi thời nổ tự hòn bi nọ sang hòn bi kia, khi thời tự hòn bi kia sang hòn bi nọ, y như là cái kim điện-lưu-biểu, khi đưa sang bên hữu khi đưa sang bên tả, để biểu rằng điện thay chiều luôn luôn vậy. Nếu cái miếng thép rung nhanh thời những tia điện cứ liên-tiếp nhau mà nổ rất nhanh, mắt không thể trông thấu được nó thay đổi chiều thế nào.

Ông Hertz chế ra một cái máy phát tia-điện nhanh lắm gọi là *Oscillateur*. Máy của ông cũng chẳng khác gì máy của ông Ruhmkorff cả, chỉ khác là hai hòn bi đồng thời cắm vào hai cái que sắt, ở hai cái que sắt lại có hai cục đồng tròn to như hai hòn quần dùng để chứa điện. Máy ấy tức là một cái nguồn điện-lãng.

Năm 1898 bác-sĩ Wehnelt có chế được một cái máy đoạn-lưu (*interrupteur*) rất nhanh trong một giây đồng-hồ cắt đứt đường điện được 2000 lần. Máy có một cái bình bằng thủy-tinh trong đựng nước cường-thủy, trong nước ngâm một cục chì và một cái kim bằng bạch-kim, cục chì nối với âm-cực máy phát-điện, còn kim bằng bạch-kim thời nối với dương-cực (nếu nối cái máy này với máy Ruhmkorff thời cục chì nối với âm-cực máy phát-điện còn cái kim thời nối với dương-cực bằng quận giây thứ nhất ở máy Ruhmkorff). Điện chạy qua cái kim làm cho cái kim ấy đỏ rực lên, phân-hóa cường-thủy và nước ra những cái bọt bám cả vào kim, bọt ấy không dẫn điện trong một thời-khắc rất ngắn rồi lại tan ngay cho điện chạy, máy ấy nếu dùng kèm với máy Ruhmkorff thời tia điện được dài và to. Nhưng máy ấy

có một điều bất-tiện là chạy không được điều, mà nhiều khi tự-nhiên đang chuyển-động thời đứng lại. Bởi vậy người ta cũng không hay dùng mấy, thường vẫn dùng cái máy của ông MORSE (*interrupteur Morse*) nhưng kèm thêm một cái súc-điện-khí (*condensateur*) để chứ bớt những tia lửa nổ vô-ích ở cái máy MORSE đi. Ông FOUCAULD thời dùng dầu tây để tắt những cái tia lửa vô-ích ấy.

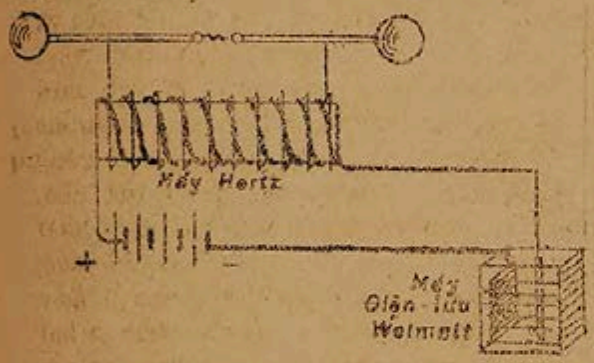

Máy vô-tuyến-điện báo tin có những bộ-phận như sau này :

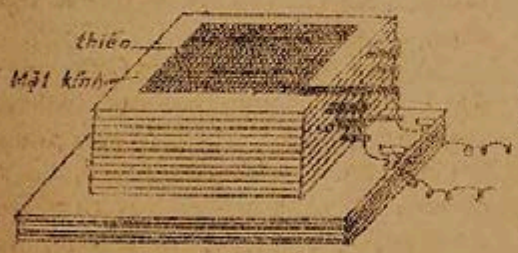

Súc-điện-khí

1°/ Một cái máy của ông RUHMKORFF hay một cái máy biến-lưu (*tranformateur*)

2°/ Một cái máy đoạn-lưu (*interrupteur*).

3°/ Một cái máy phát-điện (*accumulateur*).

4°/ Một cái súc-điện-khí (*condensateur*).

5°/ Súc giốc (*antennes*).

Cách nối giây (xem vẽ).

Suc-điện khí (*condensateur*) là máy để chứa điện. Máy làm bằng một chồng mặt kính, trên mỗi một cái mặt kính, có dán một tờ giấy thiếc (*feuille d'étain*). Những tờ giấy số chẵn nối cả vào một cái đanh đồng, những tờ giấy số lẻ cũng nối cả vào một cái đanh đồng khác. Còn một thứ súc-điện-khí nữa tốt hơn, làm bằng những miếng kẽm để chồng lên nhau ; cách mỗi miếng kẽm có một miếng vải chát thuốc cao (*spatradrap*).

Suc-giốc.—Ông OLIVER LODGE nói rằng nếu nối hai hòn bi ở máy *Ruhmkorff*, một hòn nối xuống đất, một

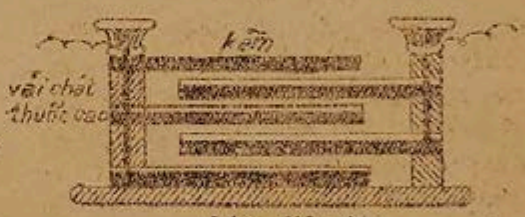

Súc-điện-khí

hòn nối với một cái giây chằng lưng chừng trời không chuyền vào đâu thời điện-lăng phóng đi xa lắm. Cái giây

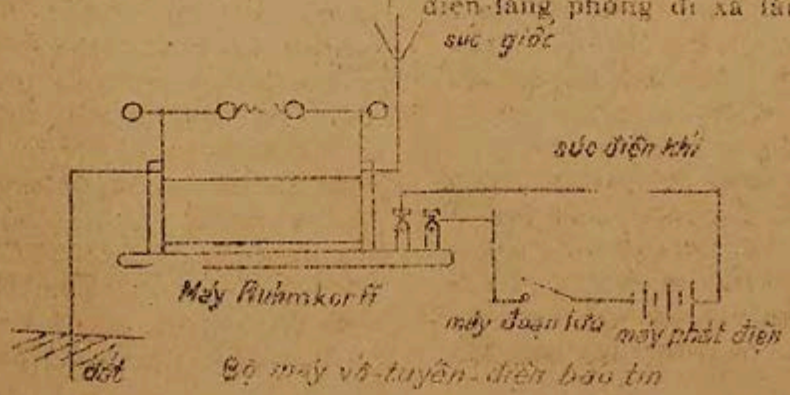

Bộ máy vô-tuyến-điện báo tin

chăng lửng lơ trên trời đó gọi súc-giốc, dùng hoặc là để phóng điện-lãng đi, hoặc là thu điện-lãng ở đâu tới; giây ấy chỉ chuyền hoặc vào máy báo tin hoặc vào máy nhận tin chứ ngoại-giả không chuyền vào cái gì khác sốt. Giây súc-giốc ở mỗi nơi chăng một khác; như ở tháp *Eiffel* thời có sáu cái giây chăng như cái vẽ Nº 1; ở **Norddeich** thời như cái vẽ Nº 2; ở *Nauen* bên Đức thời như cái vẽ Nº 3.

cái ống đồng dài chừng hơn ba thước, to độ một phân đường kính, ông quấn cái ống ấy vào một cục gỗ tròn sơn, lại rút cái cục gỗ ra để cho cái ống đồng thành soáy tròn ốc, vòng nọ xa cách vòng kia chừng hai phân để cho khi có điện-lãng chạy qua ống đồng thời tia điện không có thể nổ được ở cái ống ấy. Ống ấy gọi là trợ-hưởng-quản (*résonnateur*), dùng để chứa một phần điện-lực ở cái máy *Ruhmkorff* phát ra

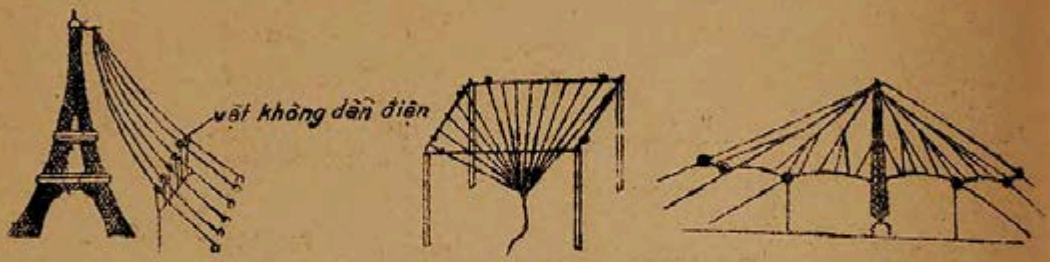

Nº 1 Nº 2 Nº 3

Cái cách nối giây súc-giốc với hộn bi ở máy *Ruhmkorff* có một điều bất-tiện là điện-lãng yếu đi rất chóng và lãng-tiết khó mà biết được dài ngắn thế nào. Ông Oudin nghĩ được một cách nối giây tốt hơn gọi là cách dẫn-thân (*montage en dérivation*) Ông dùng một

rồi dần dần bồi-thường lại cái điện-lực ấy khi trong máy không có điện chạy qua. Ông ấy lại còn dùng để định-liệu cho lãng-tiết dài ngắn thế nào, nó cũng ví như cái buồng không-khí (*chambre d'air*) ở trong những ống thụt nước để để cho nước phun ra đều-hòa vậy

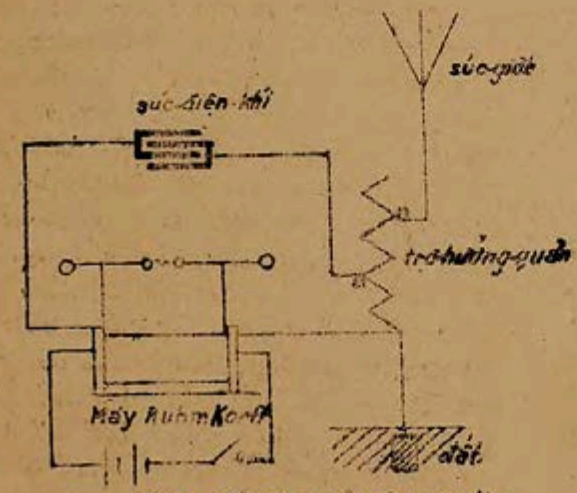

Cách nối giây của ông Oudin

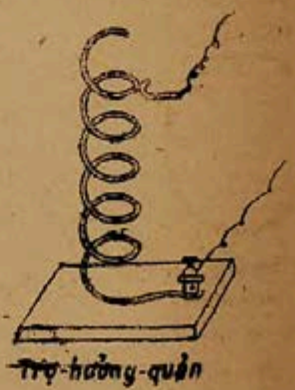

(cách nối giây, xem vẽ)

Theo như cách nối giây của ông TESLA, gọi là cách cảm-ứng (*montage par induction*) thời bộ máy vô-tuyến điện báo tin có thêm một ống giây gọi là ống giây tự-cảm (*bobine de self induction*) ống giây ấy làm cũng như ống giây ở máy *Ruhmkorff* cũng ở trong thời có quận giây to, ngoài quận giây to quấn một quận giây rất nhỏ, trong mỗi quận giây,

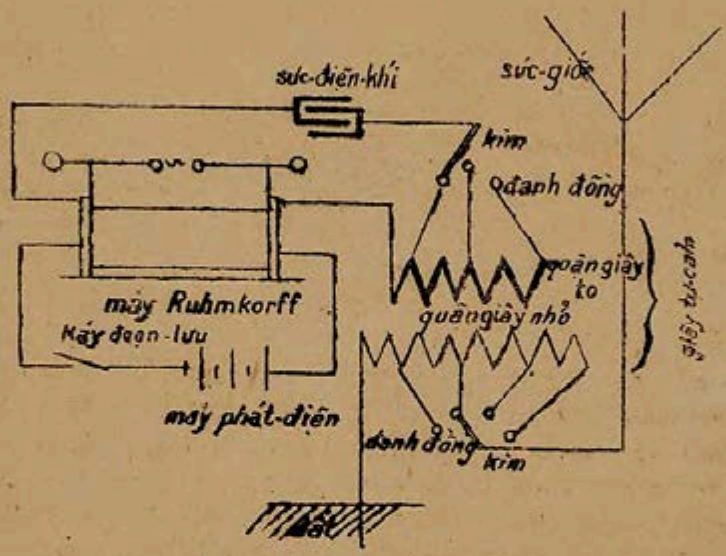

Cách nối giây của ông Tesla

cách một đoạn lại có một đường giây nối ra một cái đanh đồng. Còn các bộ-phận máy có liên-lạc với nhau thế nào thời xin xem vẽ.

Máy thám điện-lãng của ông Hertz

Ông HERTZ muốn thám xem tia điện có phóng ra điện-lãng hay không, bèn làm một cái vòng tròn bằng sắt, đem chặt một đoạn đi rồi cắm vào hai đầu chỗ chặt ấy, mỗi đầu một hòn bi bằng đồng. Khi ông để cái vòng sắt ấy cách xa cái máy phát tia điện của ông thời quả-nhiên thấy ở hai hòn bi nẩy ra một tia điện rất nhỏ. Cái vòng ấy gọi là máy thám điện lãng (*détecteur*). Nhưng máy thám điện-lãng này không nhạy lắm. Ông BRANLY, người Pháp có làm một cái máy thám điện-lãng rất nhạy tả ra sau này:

Máy làm bằng một ống thủy-tinh dài độ 4, 5 phân, hai đầu đậy hai cái nút chai, trong có một ít sắt vụn (*limaille de fer*). Những sắt vụn ấy vun cả vào khoảng giữa cái ống, ép vào hai cái nút bằng sắt. Mỗi cái nút sắt ấy có nối một cái que sắt dài thò ra ngoài hai đầu cái ống qua hai cái nút chai. Nay nối hai đầu que sắt với máy phát-điện và một cái chuông điện, dầu máy phát-điện mạnh đến đâu, chuông cũng không kêu. Sao vậy? Ấy bởi tại sắt vụn là vật không dẫn điện, (sắt thời dẫn, nhưng sắt vụn thời không) điện đi qua đến cái nút sắt bị sắt vụn cản đường nên chuông không kêu. Nay đem để cái ống thủy-tinh cạnh một cái máy phát-điện-lãng thời tựu-hiện chuông kêu ngay, dẫu thời không phóng điện-lãng

ra nữa, chuông cũng vẫn kêu mãi. Sao lại có cái sự kì-khôi thế? sao sắt vụn lúc thời không dẫn điện lúc lại dẫn điện như thế? Cớ đó hãy còn mập-mờ chưa ai giải-quyết được đích-sác. Ông LODGE người Anh thời nói rằng đó là tại khi điện-lãng thấu qua ống thủy-tinh vào sắt vụn làm cho sắt vụn ép chặt (*cohésion*) lại với nhau, sắt vụn hóa ra một miếng sắt nên dẫn điện. Lẽ ấy không ai công-nhận là đúng; ngày nay còn nhiều người bàn vô-số lẽ nữa, nhưng thiết-tưởng những lẽ ấy cũng không phải minh-chứng ra đây làm gì, nay hãy cứ chịu tạm biết rằng điện-lãng thấu qua ống thủy-tinh biến-cái tính-chất sắt vụn, sắt vụn không dẫn điện thời làm cho hóa ra dẫn điện. Lại có một điều lạ nữa là nếu gõ vào ngoài cái ống thủy-tinh một cái thời sắt vụn lại hoàn tính cũ, không dẫn

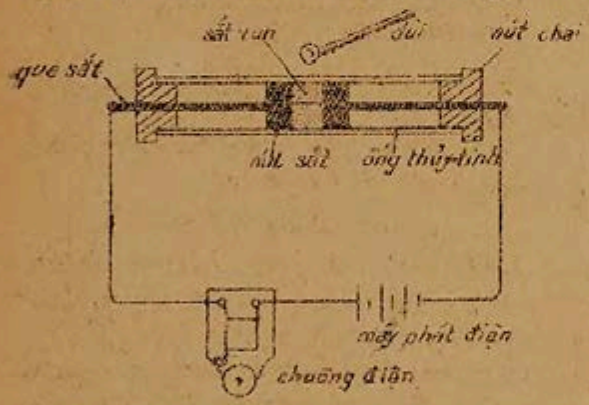

Máy thám-điện-lãng BRANLY

điện nữa, nếu có một điện-lãng nào đi qua nữa thời mới lại dẫn điện. Thật là một cái hiện-tượng kỳ-dị vô-cùng.

Kể những máy thám điện-lãng thời còn có nhiều kiểu lắm, đây xin kể một vài cái thông-dụng nhất và giản-dị nhất như là cái máy của ông WOLLASTONE chế ra gọi là máy thám điện-lãng phân-tích chất hóa-học (*détecteur électrolytique*).

Máy làm bằng một cái bình thủy tinh trong để nước pha với cường thủy (20 o/o cường-thủy), trong nước cắm hai cái giây bằng bạch-kim (*platine*) một cái thời bọc ở ngoài bằng một cái ống thủy-tinh nhọn đầu trong để thủy ngân (*mercure*), đầu giây thò ra ngoài ống ở chỗ nhọn, giây ấy nối với cái sức giốc (*antenne*), nối với ống nói và nối với máy phát-điện. Còn giây kia thời không bọc gì ở ngoài, nối với máy phát điện và nối với một dường giây chuyền xuống đất. Điện ở máy phát-điện chạy qua cường-thủy phân-hóa cường-thủy

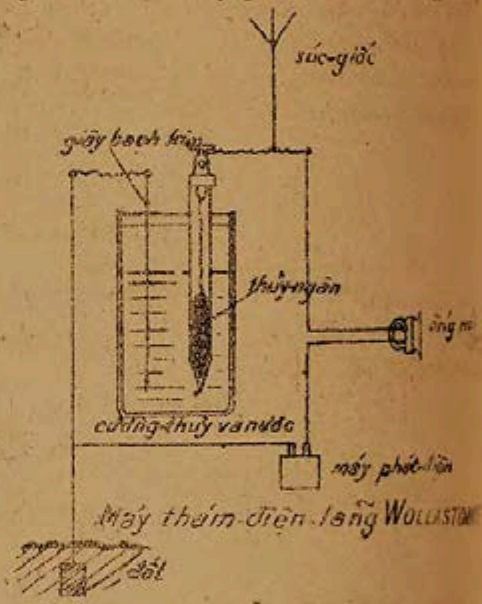

(A-lưu-toan phân ra dưỡng-khí và khinh-khí) khinh-khí là một thứ hơi không dẫn điện, bốc ra thành từng đám bọt, bám cả vào giây bạch-kim làm cho bạch-kim và nước cường-thủy không chạm vào nhau, điện nghẽn đường đi. Lúc đầu thời máy động nhưng khi bọt nổi lên nhiều bám cả vào bạch-kim thời máy không động đậy gì nữa. Nay phóng ra một luồng điện-lãng thời cái sức-giốc thu điện-lãng vào máy làm tan những bọt khinh-khí đi; những cái bọt ấy tan thời điện lại chạy qua được nước cường thủy làm cho cái ống nói rung-động

Lưu-toan-thiết và huy-luyện-khoáng (*pyrite et sulfure de plomb*) cũng có một cái đặc-tính kỳ-dị là khi thời dẫn điện khi thời không, nên người ta mới dùng làm máy thám điện-lãng. Máy chế ra như sau này : Một miếng lưu-toan-thiết để trong một cái hộp sắt con, hộp sắt nối giây xuống đất và vào máy phát-điện ; hộp để lên một cái bàn con nhờ một cái danh ốc có thể đẩy đi đẩy lại được. Trên miếng lưu-toan-thiết có cắm hờ hờ một cái kim ; kim thời cắm chặt vào một cái cần sắt có quả tạ, nằm ngang trên một cái cột. Cái cần ấy nối giây với súc-giốc, với ống nói và với máy phát-điện. Lúc không thời điện không chạy qua được miếng lưu-toan-thiết khi có điện-lãng

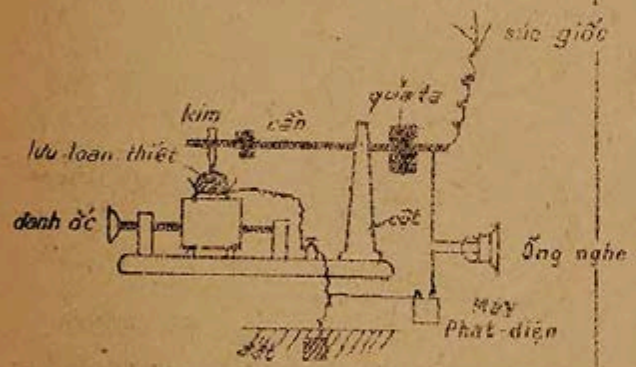

đi qua cái máy thời lưu-toan-thiết lại để cho điện đi qua làm rung-động ống nói (máy này ở tháp *Eiffel* vẫn dùng.)

Năm 1895 ông Popoff người *Nga*, có chế được một cái máy thám bão và cơn rông ở các nơi xa. Chớp tức là một cái tia điện rất mạnh nổ ở trong mây. Vậy máy báo cơn rông cũng chẳng khác gì máy vô-tuyến-điện.

Máy vô-tuyến-điện nhận tin (hay là máy báo cơn rông) có những bộ-phận như sau này :

1° một cái ống của ông Branly (đã tả trên kia) hay máy thám điện-lãng nào khác

2°/ hai cái máy phát-điện.

3°/ bốn cái máy điện-từ (*électro-aimant*) giống như máy điện-từ ở chuông điện.

3°/ một bộ máy chép tin, in ra dấu hiệu chạy bằng máy đồng-hồ.

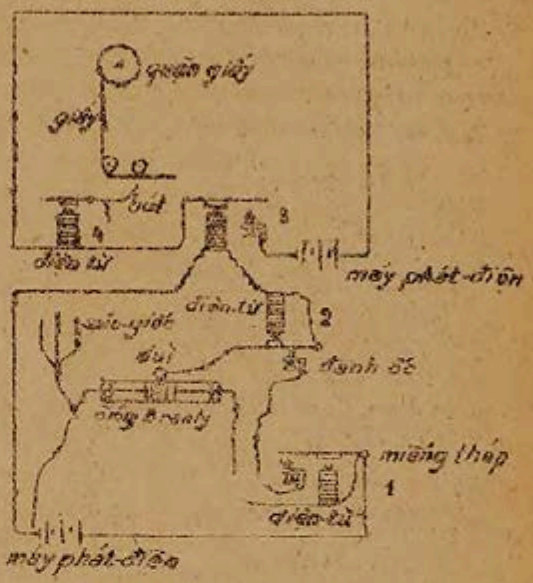

Máy báo cơn rông của ông Popoff

5°/ Những giây súc-giốc (*antennes*). Cách nối giây (xem vẽ)

Máy chuyển-động thế nào ?

Khi có điện-lãng đi qua thời cái súc-giốc thu lấy làm cho sắt vụn bóp ra dẫn điện ; lõi sắt ở máy điện-từ N° 1 hút miếng thép làm cho chạm vào cái danh ốc ở máy ấy ; điện truyền sang cái danh ốc ấy rồi truyền vào danh ốc ở máy điện-từ N° 2 làm cho lõi sắt ở máy ấy hút miếng thép có dài chuông lên ; lúc ấy máy điện-từ N° 3 cũng hút cái thép ở máy ấy xuống cho chạm vào cái danh ốc ở máy ấy điện truyền vào miếng thép sang máy điện-từ N° 4 làm cho lõi sắt ở máy ấy kéo cái chuôi bút xuống để đầu bút chồng lên cho cái ngòi bút chấm vào quận giấy.

Nhưng khi cái miếng thép đầu có chuông bị hút lên thời không chạm vào cái danh ốc, điện không chạy qua

máy điện-từ No 2 nữa, lõi sắt lập-tức nhả ngay cái miếng thép ra làm cho cái dùi chuông đập đánh chát một cái vào cái ống *Branly*, sắt vụn không dẫn điện nữa thời cái lõi sắt ở máy điện-từ No 1 lập-tức lại nhả ngay cái miếng thép ở đấy ra. Cả bộ máy lại đứng yên phăng-phắc như cũ để đợi một luồng điện-lãng nào khác nữa đi qua thời lại bắt đầu chuyển-động như vừa rồi.

Vô-tuyến-điện-thoại

Vô-tuyến-điện-thoại là ống nói không giây. Vô-tuyến-điện-thoại khác vô-tuyến-điện thường là điện-lãng đem cái nhời nói của ta đi chứ không phải đem những dấu hiệu đi. Nếu bên báo tin nói gì thời bên nhận tin nghe thấy tiếng nói như thế, cũng như nghe ở trong ống nói có giây vậy. Sở-dĩ ta nghe được tiếng nói ở trong ống nói có giây là nhờ có cái giây dẫn cái tiếng nói ấy. ở xa đưa lại, cái tiếng nói ấy vì có lúc to lúc nhỏ, lúc cao lúc thấp, nên mới biến-cải các luồng-điện thẳng ở cái máy phát-điện ra một luồng điện sun-soăn thật dài không đứt chỗ nào, trừ ra những lúc ngắt câu, tiếng nói

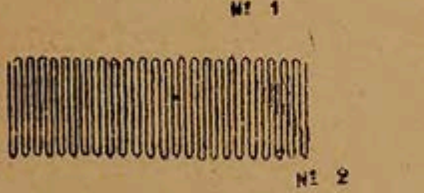

N° 1

N° 2

đứt thời cái đường sun-soăn ấy mới đứt mà thôi. Vậy toa điện-lãng của vô-tuyến-điện-thoại khác toa điện-lãng của vô-tuyến-điện thường là toa điện-lãng của vô-tuyến-điện thường thời trông như vẽ No 1, điện-lãng nọ cách điện-lãng kia một quãng đường xa (trên kia đã nói) còn toa điện-lãng của vô-tuyến-điện-thoại thời trông như cái vẽ No 2, điện-lãng không đứt chỗ nào, phóng ra thành một đường sun-soăn dài tự máy báo tin sang máy nhận tin. Toa điện-lãng ấy gọi là toa điện-lãng súc-tích (*train d'ondes entretenues*).

Hồ-quang-đăng (*arc électrique*) là hai cục than tròn vót nhọn đầu, hai đầu nhọn đối-diện với nhau. Mỗi cục than nối với một cái máy phát-điện thật khỏe gọi là điện-từ hồ-sinh-cơ (*dynamo*). Khi cái máy phát-điện nó chạy thời ở hai đầu cục than lòe ra một ngọn lửa sáng chói mắt, (đèn này mười năm về trước dưới hồ Hoàn-kiếm vẫn thắp, nay chỉ còn thấy ở những máy chớp ảnh thôi) Khi hai cục than ấy cháy thời lại có một tiếng kêu ve ve đi kèm, nhiều nhà kỹ-sư đã lưu ý đến cái tiếng kêu ấy thời thấy cái tiếng kêu ấy rõ ra cái tiếng kêu ở máy phát điện ; máy phát-điện kêu thời hai cục than cũng đồng-thời mà phát tiếng kêu. Ấy tự khi phát-minh ra tiếng kêu của hai cục than đó thời các nhà bác-sĩ mới định lợi-dụng nó để làm máy vô-tuyến-điện-thoại. Ông Duddell, nhà vật-lý-học nước Anh cho rằng cái hồ-quang-đăng ấy cũng là một nguồn điện-lãng, bèn định chế ra một cái máy vô-tuyến-điện-thoại nhưng ông không thể nào làm cho cái tia điện ở cái hồ-quang đăng rung hơn 30.000 lần trong một giây đồng-hồ nên tiếng nói không thể dẫn đi được. Ông dùng cả súc-điện khí (*condensateur*) ống giây tự-cảm (*Bobine de self-induction*) nhưng không công-hiệu gì. Sau ông Poulsen tìm được cách tăng cái số rung động kia lên, ông tăng lên tới 500.000 lần, thành tự đó vô-tuyến-điện-thoại mới có cơ phát-minh ra được. Bộ máy của ông khác bộ máy của ông Duddell là cái hồ-quang-đăng thời để vào trong một cái hòm chứa khinh-khí lẫn với môi-khí (*gaz d'éclairage*), và có thêm một cái máy *Ruhmkorff* với cái súc giữ

Còn như máy nhận tin thời có một cái máy thám điện-lãng phân-tích một vô-tuyến-điện được, vả lại máy cũng không thể dùng để báo tin đi xa được

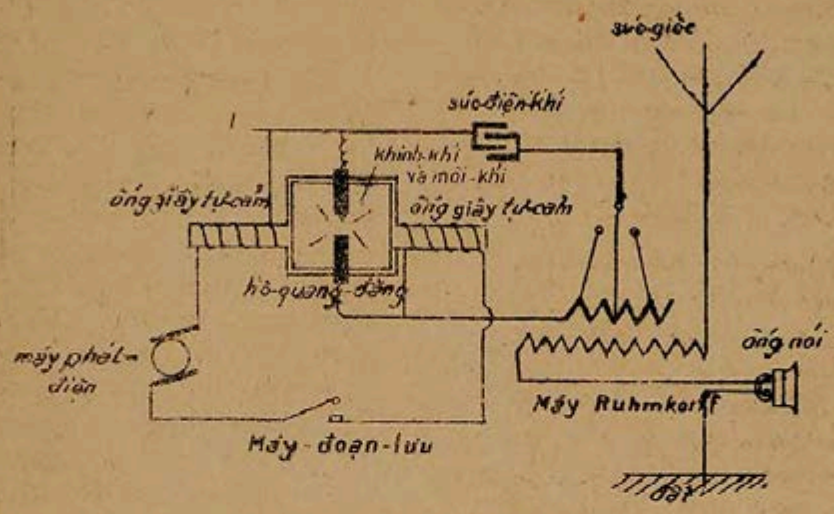

Bộ máy vô-tuyến-điện-thoại của ông POULSEN

cái ống nói và giây súc-giốc. (bộ máy này đã nói ở mục vô-tuyến-điện thường rồi; tức là bộ máy của ông WOLLASTON.)

Một vài cái máy vô-tuyến-điện dùng để điện-tín đi gần. — Năm 1900 nhà kỹ-sư GAVEY có nghĩ được một cái máy vô-tuyến-điện rất kỳ-dị. Ông chôn xuống đất hai miếng đồng cách nhau 9 cây-lô-mét, miếng đồng nọ nối với miếng đồng kia bằng một cái giây đồng chăng qua vào một cái ống nói. Ở đằng nhận tin ông cũng chôn hai miếng đồng nhưng hai miếng đồng này chỉ cách nhau có 2 cây-lô-mét, ở giữa đường giây đồng nối hai miếng đồng này cũng có một cái ống nói. Bên báo tin cách bên nhận tin độ 12 cây-lô-mét. Bên báo tin nói gì vào cái ống nói thời bên nhận tin nghe thấy; điện lãng loang ở dưới đất dẫn cái tiếng nói đi. Máy này có điều kỳ-dị thực nhưng không thể dùng được, vì phải trăng 9, 10 cây-lô-mét giây thời không có thể gọi là chỉ trong khoảng mươi mười hai cây-lô-mét mà thôi.

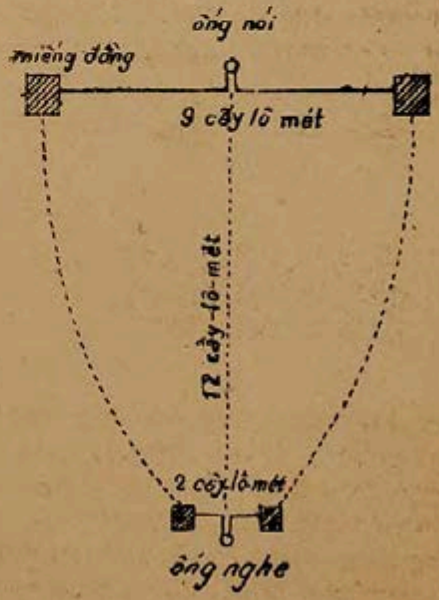

Máy vô-tuyến-điện GAVEY

Sau ông RUHMER lại chế được một cái máy vô-tuyến-điện-thoại lợi dụng quang-lãng để dẫn nhời nói đi.

Máy báo tin có một cái gương cong (*miroir parabolique*), trước gương có một cái hồ-quang đăng: cái hồ-quang-đăng ấy nối với quận giây thứ nhất ở máy *Ruhmkorff* và nối với cái điện-từ-hồ-sinh-cơ. Còn cái ống nói tức là cái

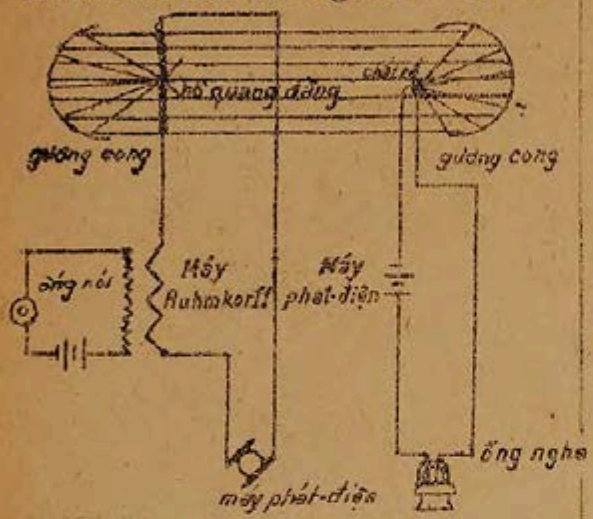

máy tăng-âm (*microphone*) thời nối với một cái máy phát điện và quấn giây thứ hai ở máy *Ruhmkorff*. Khi ta nói vào cái ống nói thời cái hồ-quang-đăng cứ thấy nhiệt-độ luôn luôn theo với điệu nhời nói to nhỏ, cao thấp; bao nhiêu quang-tuyến ở cái hồ-quang-đăng ấy đều chiếu vào cái gương cong rồi cái gương cong lại phản-chiếu những quang-tuyến ấy đi.

Ở bên nhận tin cũng có một cái gương cong, để đối-diện với cái gương bên báo tin để thu lấy những quang-tuyến ở bên kia chiếu sang

Trước cái gương ấy có một miếng chất sẽ (*sélénium*), chất này có cái đặc-tính là khi ánh sáng chiếu vào nhiều thời dẫn điện nhảy hơn là khi ánh sáng chiếu vào ít, cái đặc-tính ấy đã nói trên kia về mục chớp ảnh đi xa rồi... Cái gương kia phản-chiếu những ánh sáng thu được ở bên kia vào chất sẽ khiến cho chất ấy làm thay đổi điện-lực để cho cái ống nghe rung-động ra tiếng nói.

Máy này không thể dùng báo tin đi xa được, vì cớ rằng quang-lãng đi dòng thẳng thời hay bị các vật cao ở trên lái đất cản trở mất lối đi.

TRƯƠNG-CAM-KHUYÊN *biên-dịch*

ĐÔNG-LÂN TÂY-TRÀO

Les hommes, c'est comme les cerfs-volants : plus on leur rend de corde, plus on les tient.

Alex. DUMAS fils.

Oublier les services que l'on a rendus peut n'être qu'un défaut de mémoire : oublier ceux qu'on a reçus est un manque de cœur.

C.-M. VALTOUR.

Les isolés ont tort : le rôle de l'écrivain, c'est d'être le porte-parole des contemporains muets.

Edouard ROD

Il appartient à la jeunesse d'être patiente : elle a l'avenir devant elle.

BONAPARTE

Người ta như cái diều : càng buông giây cho bao nhiêu, càng giữ chặt được bấy nhiêu.

Làm ơn cho ai mà quên đi, ấy chẳng qua là một sự quên thường : chịu ơn của người mà quên, ấy thực tỏ con người bạc-bẽo.

Kẻ đứng một mình vẫn phải oán : cái chức-vụ của nhà làm văn làm sách là phải làm thông-ngôn cho người đồng thời mình không biết nói.

Tuổi thanh-niên phải biết nhẫn, vì cái tiền-đồ còn dài rộng ở trước mặt.

VĂN-UYỂN

DỊCH CỔ-THI

I

花夜處春
落來處眠 ○
孟知鳥聞不春
浩多雨啼覺眠
然少。聲。鳥。曉。

Giấc ngủ mùa xuân

Đêm xuân một giấc mơ-màng,
Tỉnh ra chim đã kêu vang quanh nhà.
Gió đưa một trận đêm qua,
Làm cho hoa rụng biết là dường bao?

II

雙五春大 ○
雙陵日道洛
鶴鳴貴佳直陽
光玉公氣如道
羲珂。子。多。髮。

Con đường Lạc-dương

Lạc-dương đường rộng mà ngay,
Ngày xuân mát-mẻ hương bay ngạt-ngào!
Ngũ-lăng Công-tử thanh-tao,
Đua nhau sánh ngựa nhạc kêu vang lừng!

III

只相孤衆 ○
有看雲烏亭獨
鶯雨獨高山坐
李亭不去飛鶯
白山。厭。閒。盡。

Một mình trên núi Kính-đình

Đàn chim bay bổng tuyệt vời,
Đám mây lững-thững phương trời xa-xa.
Càng nhìn càng thấy đậm-đà,
Kính-đình-sơn đó ấy là bạn thân!

IV

不啼莫打 ○
得時教起伊
蓋到驚枝貢州
嘉遼妾上營歌
運兩。夢。啼。見。

Khúc ca Y-châu

Đánh cho chết cái hoàng-oanh!
Ai xui mi hót trên ngành cây cao?
Làm cho tan giấc chiêm-bao,
Để hồn thiếp chẳng được vào Liêu-tây!

V

明深彈獨 ○
月鼎琴坐竹
來人復幽裏
王相不長篁館
維照。知。嘯。裏。

Trong quán Trúc

Một mình trong chốn u-hoàng,
Miệng ca tay gẩy khúc đàn tiêu-dao.
Rừng sâu ai biết được nào,
Chỉ vừng trăng sáng soi vào với ta!

NGUYỄN THẾ-NỨC *dịch*

TỪ, PHÚ, THI, CA.

1.— Hữu-sở-tư

(*Thể phú, tỉ, hứng, điệu hát mới*)

Phú

Đứng gốc mai già, tựa gốc mai già,
Hỏi thăm chị Nguyệt ở nhà với ai?
Đứng gốc cây mai, tựa gốc cây mai,
Bóng ta ta ngỡ bóng ai ta lầm!
Ngồi gẩy cung cầm, tựa gẩy cung cầm,
Nước non ai kẻ tri-âm bây giờ?

Tỉ

Ăn muối nhớ gừng, chấm muối nhớ gừng,
Một lời hẹn ước xin đừng có quên.
Qua bến nhớ thuyền, thấy bến nhớ thuyền,
Nhớ người, nhớ nợ, nhớ duyên, nhớ tình.
Uống rượu nhớ bình, say rượu nhớ bình,
Nhớ ta ta cũng nhớ mình, mình ơi!

Hứng

Bứt đọt cây cà, bẻ đọt cây cà,
Hỏi thăm ông Nguyệt có nhà hay chăng?
Nhờ gió bẻ măng, mượn gió bẻ măng,
Ấy ai bẻ quế trong trăng đi về.
Vịn hái hoa lê, trèo hái hoa lê,
Đường lên cung Quảng đi về với ai!

2.— Tiếc hoa

(Mãn-đình-phương)

Tây-liễu đua xanh,
Đông-đào nẩy thắm.
Yêu hoa ta luống tiếc hoa.
Bóng thiều giục-giã,
Vùn-vụt áng xuân qua!
Nào là hồng, nào là phấn,
Cuộc làm vui mấy hội người ta...
Ngồi ta trách,
Trời xanh độc-địa,
Sao nỡ để hoa già?

3.— Lối cũ

(Tạ-thu-nương)

Gặp nhau ít,
Chẳng oán biệt nhau nhiều.
Lối cũ tìm hoa hoa chẳng thấy,
Canh dài cái cuốc nỉ-non kêu.
Cảnh sao cảnh khéo trêu?

4.— Nhớ bạn

(Trường-tương-tư)

Nước sông Tương,
Lệ sông Tương,
Một mối tương-tư một đoạn-trường.
Vân-thụ cách đôi phương.
Nay tà-dương,
Mai tà-dương.
Non nước xa khơi mấy dặm đường.
Khôn xiết nỗi tình thương.

5.—Thăm vườn cũ

(Tâu-nguyệt-xuất)

Vườn cũ qua chơi,
Lá rơi đầy mặt đất,
Nhìn xem phong-cảnh khác vời.
Cảnh nhớ người,
Hoa đào cười,
Ngọn gió đông,
Bốn bề lặng ngắt,
Nỗi-niềm tâm-sự biết cùng ai?

6.— Trông mây nước

(Hoa-phong-lạc)

Ối mây ơi, ối nước ôi!
Mây bay nước chảy ngán cho người.
Phất-phơ gió thổi,
Cuồn-cuộn dòng trôi,
Tan-tác hôm mai bốn phía trời,
Lênh-đênh mặt biển lúc đầy vơi.
Ối mây ôi, ôi nước ôi,
Mây về ngược,
Nước đi xuôi,
Bao giờ hội-họp một đôi nơi?
Cuộc đời có khác chi mây nước,
Tang-hải xưa nay vốn đổi dời.

7.— Soi gương

Ơ kìa ai đó đứng trong gương,
Diện-mục xem qua vẫn khác thường.
Ướm hỏi tình gì non nước cũ,
Hay cùng ta một tấm lòng thương!

8.— Cánh bèo mặt nước

(Giá-cô-thiên)

Mặt nước mênh-mông sóng rập-rềnh,
Cánh bèo lưu-lạc nỗi lênh-đênh.
Than ôi! cuộc thế không thường định,
Bèo nước trông ra luống cảm-tình.
Bèo lềnh-lảng,
Nước long-lanh,
Phút đâu trận gió đánh tan-tành.
Cùng trong bể thảm cơn ly-hợp,
Cuộc thế ai hay nỗi bất-bình

9.— Hoa cúc

(Lâm-giáng-tiên)

Thoắt rụng cây ngô vàng một lá,
Rèm đông ngào-ngạt mùi hương.
Anh-hoa chẳng bợn chút phong-sương.
Ấy ai người ẩn-dật,
Hẳng bạn khách văn-chương!

10— Viếng cái dùa gãy

Từ biết làm ăn tớ với mày.
Hai mươi năm lẻ một lòng ngay.
Trải bao cuộc thế nồng cùng đạm,
Nếm đủ mùi đời ngọt với cay.
Ngồi chôn đỉnh-chung thêm nhớ lại,
Ra trường ngu-nhục biết sao đây?
Ở đời mềm cứng tùy khi thế,
Chỉ tiếc cho mày quá vững tay.

11.—Trăng dưới nước

Ai cầm dao xẻ nguyệt đôi vòng,
Nửa để lưng trời nửa dáy sông?
Nguyệt-tử soi gương hình bóng dọi,
Long-vương bày yến ngọn đèn dong.
Gió lay mặt ngọc ngàn tia trắng,
Sóng lặng lòng châu một điểm hồng.
Thanh-cảnh gì hơn thanh-cảnh ấy,
Khiến người buông lái ngẩn-ngơ trông!

12.— Con cuốc

(Minh-sơn-khúc)

Ôi cuốc cuốc, hỡi cuốc cuốc!
Vò-võ đêm năm canh,
Bơ-vơ ngày sáu khắc,
Nồng-nực trời hè,
Đau lòng về cố quốc,
Về cố quốc...
Ôi cuốc cuốc, hỡi cuốc cuốc!
Giọng giế khản k an khan.
Mình ve khô khốc-khốc,
Lạnh-lẽo đêm thu,
Thương-tâm về cố-Thục.
Về cố-Thục...
Ai hay nỗi nước này:
Điện-đài ngày trước,
Hoa cỏ hôm nay.
Ngàn năm đất cũ ở đâu đây?
Ngàn năm đất cũ đâu đây.
Biết khi nào rửa sầu này cho thanh.
Vì ai gây dựng thành,
Quan-san thăm-thẳm,
Phong-cảnh thanh-thanh.
Bốn bề đất khách luống buồn tênh.
Bốn bề đất khách buồn tênh,
Nào ai là kẻ thấu tình cho đây?

13.— Tần-cung oán

Vườn xuân hoa nở chốc hoa tàn,
Để khách tiêu-phòng luống thở-than,
Mối dựa (1) vì ai sinh trước để,
Khối tình mong đợi kiếp sau tan.
Trăm năm tâm sự ba canh nguyệt,
Nửa thế yên-hoa một phím đàn.
Son phấn hoài công tô với điểm,
Cung Tần ấy cửa ngục hồng-nhan!

14 — Phú đắc:

« Còn trời còn nước còn non,
Còn cô bán rượu anh còn say-sưa. »

Non nước cùng trời một cuộc say,
Còn cô bán đó, tớ còn đây.
Bởi hàng thục-nữ hồ chưa cạn,
Nên chén Lưu-Linh rượu vẫn đầy.
Trời đất nghiêng tai ngàn tiếng lặng,
Non sông liếc mắt bốn bề xoay.
Người đời họ trách ta say rượu.
Ta bỏi trong trần tỉnh những ai?

15. – Chiêm-bao

Giấc mộng đêm qua giấc mộng gì,
Mà mình đã tỉnh lại hồng mê?
Trời Hồng đất Lạc ngờ xoay lại,
Gió Á mưa Âu mặc kệ thì.
Ngoài cuộc đã xa ngày hỗn-độn,
Trong rừng nào tỉnh giấc Hi-di.
Con đường về mộng còn ghi đó,
Tương-thức ai người với khách đi?

16.— Cái chổi than thân

Anh nghĩ như anh thật dại rồi,
Làm cho người sạch để mình hôi.
Ra tay giữa lúc phong-trần thế,
Đến hội thanh-minh một xó ngồi.

17.— Vịnh ba người trong Tuyết-Hồng lệ-sử (2)

(Nhất-tiễn-mai)

Mặt chưa thấy mặt đã cam lòng,

---

(1) Phương-ngôn có câu: « đầu dây mối dựa »

(2) Mộng-Hà, Lê-Ảnh và Quản-Thiến.

Sống cũng là không,
Chết cũng là không,
Si đến như ai thật lạ-lùng !
Tơ-tưởng phù-dung,
Cám-cảnh phù-dung,
Mệnh bạc xưa nay kiếp má hồng.
Oán ngọn gió đông,
Giận ngọn gió đông.
Tự-do em trót bẹn khuê-phòng.
Liều thác cho xong,
Một thác cho xong.

. . .

18.— Bài phú « Hoa rụng »

(Lấy vần : *vội vàng chi mấy Hóa-công*)

Vó câu giong-ruổi,
Bóng âm thay đổi.
Thấy xuân-sắc phôi-phai,
Cảm xuân-tình bối-rối.

Những tưởng đua xanh nẩy tía, vườn xuân vui-vẻ xiết bao ;

Nào ngờ nhạt phấn phai hương, con tạo khiến xui chi vội ?

Ngươi chẳng thấy :

Trăm hoa đua nở mái đông-tường,
Ấy ai điểm-trang,
Ấy ai vẻ-vang.
Mà xanh mà tía,
Mà trắng mà vàng.
Như màu gấm rỡ-ràng,
Như nét cười nở-nang.

Tài-tử say hoa ngao-ngán nỗi,
Giai-nhân thập-thúy ngẩn-ngơ dường.

Lơ-thơ tơ liễu buông mành, yến-oanh nao-nức ;

Xấp-xới vườn hồng đua thắm, ong bướm nghênh-ngang.

Tà-huy, tà-huy,
Giục-giã xe bi.
Xuân chưa mấy độ,
Hoa đã quá thì.

Một phen mưa gió nặng-nề, xuân xanh đâu nữa ;

Mấy độ tuyết sương ròng-rã, xuân-sắc còn chi.

Trên cành thưa sứ-mồi, bướm ong lặng ngắt ;

Ngoài vườn vắng xuân-khách, cỏ mọc xanh rì.

Thương ôi !
Vun trồng hoa ấy.
Công-trình biết mấy.
Cho lý xanh nẩy,
Cho đào đỏ dậy,
Cho lê trắng tinh,
Cho cúc vàng cháy.

Chín chục thiều-quang là mấy, vườn xuân thắng-thưởng bao nhiêu ;

Mười phần xuân-sắc đã phai, con tạo ghét, ghen chi mấy !

Vốn đã biết :

Hoa khai hoa tạ,
Sinh sinh hóa hóa,
Thịnh-suy đạo trời,
Doanh-hư lẽ cả.

Chỉ giận chúa xuân trang-điểm, hoa mới đua tươi,

Mà sao con én đưa thoi, hoa đà cánh rã.

Ngâm câu đề-liễu thôi-xao, đương nao-nức thi-hào ;

Rót chén thưởng đào say tỉnh, chửa cam lòng tửu-há.

Chơi trăng trên hoa-các, hoa tàn nên trăng cũng mập-mờ :

Yêu khách trước hoa-lâu, hoa đậm mà khách thêm buồn-bã.

Đối cảnh lại càng cảm cảnh, thấy phong quang giữa hội đông-hoàng ;

Yêu hoa nên phải thương hoa, câu cảm hứng phổ vào thi-xã.

Thơ rằng :

Bước tới vườn đào hỏi Hóa-công,
Hoa khai hoa lạc ý gì không ?
Vốn nhiều đắc-ý cùng trăng bạc,
Há dám vô-tình giận gió đông.
Kiếp trước đã ghê người mặt phấn,
Thân sau chớ mộng chốn lầu hồng.
Thiên-cung trên ấy hoa không thác.
Sao chẳng cho ta lấy giống trồng ?

19.— Bàn về truyện « Tuyết-Hồng lệ-sử »

Mộng-Hà, Mộng-Hà, ta thật ghê thay cho chữ si-tình và người si-phụ. Xưa nay không gì khó hơn sự chết, lại không gì khó hơn chết mà mình tự chết, thế mà yêu-kiều mặt phấn, buổi xuân xanh liễu yếu đào thơ, nỡ đem môn-mọi má hồng, chút phận bạc hoa tàn nguyệt khuyết; cha già chẳng đoái, con trẻ không thương, thì há chả phải si-tình và si-phụ ru?

Màn dáng ngâm-nga, nhà chiên đàn-độc, đề thơ tây-tịch, ghé mắt đông-lâu, khóc lê đào mấy dặm sóng tình, chôn hoa bởi mấy vùng bể ái. Lại bao phen văn-chương thư-tín đi về, để đến nỗi Lê-Ảnh sầu-tình điên-đảo. Phách lạc dương-đài chi trăng gió, sóng dục ùn-ùn, hồn mê đỉnh Giáp chi mây mưa, lòng xuân phơi-phới... Tình riêng trọng, nghĩa cũ thương: cái thân Lê-Ảnh nhỡ-nhàng, một mình hầu dễ hai đường vẹn hai, nên mới liều một thác cho xong, không nỡ phụ ba sinh kiếp trước. Còn Quân-khiến chết vì tự-do, ấy là chết vì tình mà sóng tình kia ai vỗ để cho mình đắm thân?

Si-tình chi mấy Hà-quân,
Một tay nỡ bẻ vườn xuân đôi cành!

Đến khi dương-liễu rã-rời, phù-dung tan-tác, mơ-màng quốc-sắc, tưởng-tượng giai-nhân, trông ra gió thảm mưa sầu, đầm-đìa châu lệ, ngó tới non Bồng nước Nhược, phảng-phất hồn mai.

Nghĩ người đã thác vì mình,
Thì mình cũng thác với tình cho cam.

Bỏ nghề nghiên bút, theo việc cung-đao, dấn thân vào chốn chông gai, đền nghì mai trúc, liều mạng giữa nơi khói lửa, trả nghĩa nước non, thế là Mộng-Hà đã hiến cái chết cho nước để trả nợ hai tình rồi vậy.

Giết thì giết những hai tình,
Chết thì mới chết một mình chưa cân!

Đọc sách mà cay mắt, nghe nói lại thương-tâm; nhưng thương-tâm vốn thật thương-tâm, so vào bút-pháp mười phân lỗi mười. Hà há không biết Anh là vị-vong-nhân hay sao, mà còn dạy con toan gạ mẹ; khóc hoa chôn hoa, luận văn đàm kiếm, khêu tình những sự chi chi, khiến người sắt đá cũng si vì tình? Phong-độ như Hà, tài-mạo như Hà, phường quế-môn ai thấy chẳng xiêu lòng, làng chi-phấn ai trông không ngây dạ; phương-chi nhà sương vừa buổi xuân xanh, cầm lòng sao dễ, sử-nữ đương tuần hoa nở, bấm chi tự-do... Vậy bảo Hà giết hai người cũng phải, bảo hai người giết Hà cũng phải, mà bảo Hà tự giết Hà cũng phải nữa.

Những là lấy thác trả tình,
Trước kia sao để cho tình thác oan.
Ví xưa chẳng dặt bức màn,
Bây giờ chi đến thác oan cả mình!

Ấy, câu chuyện có thế mà Từ-quân không xét lý, chỉ tự-tình, làm ra bộ Tuyết-Hồng *như khóc, như than, như ai, như oán, như con ve gáy tuyết, như cái nhạn kêu sầu, khiến người đọc đến nát ruột tan gan, muôn bi nghìn cảm, thích-thích bên lòng, tưởng-tượng đến người trong truyện như một bức truyền-thần trước mắt. Than ôi! Lê-Ảnh chết rồi, Quân-Thiến chết rồi, Mộng-Hà cũng chết rồi, Trầm-Á còn làm sống lại nữa mà chi?*

TỪ RẰNG:
(Điệu *Phá-tề-trận*)

Muôn kiếp xót người mệnh bạc,
Ngàn thu trải tấm gan vàng.
Non-nước chưa thề,
Sắt-cầm chưa hợp,
Tơ mành sao đã vấn-vương?
Si-tình chi mấy ai ai hỡi.
Ma-chướng xây nên ngục đoạn-trường.
Tâm-sự nghĩ mà thương!

Minh-phượng NGUYỄN NHƯ-CƯƠNG

Vân Kiều vấn-đáp

— *Chị-Kiều ơi! đêm khuya khắc vợi canh tàn, chị còn vẩn thở dài than chi nữa mà.*

Thôi, chẳng qua là cơn gia-biến nó xui ra, cho nên đến nỗi cửa nhà mới phải tan-hoang.

Nói ra càng sầu-thảm muôn vàn, nào ai có thấu cái nỗi oan cho mình.

Cảm ơn sâu mà chị đã quyết tình, thời cũng liều phận bạc với ngày xanh cho nó rồi.

Gạt sầu chị hãy gượng làm vui, cho khuây nỗi thảm cho nguôi cơn phiền.

Cớ chi mà chị trằn-trọc không yên, tơ tình hay đã vướng nguyền chi đây?

— *Thúy-Vân ơi! Chị bảo em này khổ tình ly-biệt chị những đắng-cay trong lòng.*

Chị hồ sinh ra phận má hồng, ngờ đâu cái quả-kiếp chị chịu long-đong thế này.

Chị vướng tơ duyên lòng thổn-thức đầy, nỗi chàng Kim với chị, chi chẳng khuây chút nào.

Chị chót đã nguyền ước với thâm-giao, chút tình riêng ấy chị biết làm sao bây giờ.

Vì đám mây che nên bóng ông trăng mờ, ví bằng phẳng-lặng đến chi cơ-hội này.

Bởi vì đâu xui nên vạ gió tai bay, khách hàng tơ nó vu thác cho thầy chốn cửa công.

Vậy cho nên chị phải đèo bòng, bán mình chị chuộc lấy công sinh-thành.

Nỗi niềm riêng chị còn bối rối ở bên mình, hỏi em, em có khứng tình, chị sẽ xin thưa.

Chị nghĩ thân liễu yếu đào tơ, hiếu-tình không lẽ bây giờ chị cậy ai.

Ngày xuân em hãy còn dài, chị cậy em gánh vác hai vai cho chị cùng.

Này đôi thoa vàng với lá thư hồng, là của chàng Kim ghi nghĩa tương-đồng từ xưa.

Em có thuận thì vật ấy chị xin đưa, giao loan chắp mối tơ thừa chị cậy em.

Đêm khuya vừng quế giãi thềm, chị cậy em, em phải báo đền cho lang-quân.

Kẻo nữa rằng bội nghĩa vong ân, mà sau hổ với quỉ-thần lắm thay!

Chị nghĩ nguồn-cơn thảm-thiết đắng-cay, xót tình máu-mủ em chớ khuây nghĩa chàng.

Chị nói ra e xấu-hổ muôn vàn, chị trọn niềm chữ hiếu để nhỡ-nhàng mối tơ xưa.

—*Chị Kiều ơi! khoan-khoan lời chị để em xin thưa, nỗi nhà cơn cơ-biến lúc mẹ cha khổ-tình.*

Ơn trên minh-xử sự thanh, thì làm chi đến nỗi chị một mình chịu riêng oan.

Chẳng qua là cơ trời dâu bể đa-đoan, thôi thì duyên chị chu toàn đã có em.

Em nguyện xin công báo nghĩa đền, có sai thời Hậu-thổ Hoàng-thiên chứng cùng.

— *Thúy-Vân ơi! được thế thì chị cũng hả tấm lòng, tình kia hiếu nọ chị cũng cậy trông em từ rầy.*

Em ngồi lên chị nói nốt cho em hay, trăm nghìn chị gửi một lạy này để ta chàng Kim.

Cũng là máu chảy ruột mềm, nghĩa chàng em phải báo đền, em chớ khuây.

Chị cậy em trưa sớm đỡ thay, thông-huyên bóng hạc trên mây cao vời.

Chị dặn em có bấy nhiêu lời, dẫu sao sau em chớ bỏ dời nghĩa chị đi.

Em ở làm sao cho khỏi tiếng bất-nghĩ, tam-tòng tứ-đức sớm khuya cùng chàng.

Chị dù thịt nát xương tan, tuyền-đài chị cũng đã cam tấc niềm.

Mấy lời chị phân-giải cùng em, minh-tâm khắc-cốt, em chớ quên nữa mà.

Chị ngại-ngùng dặm thẳm đường xa, bơ-vơ đất khách bước chân ra từ rầy.

Chị dặn đi dặn lại em đây, ơn sâu em phải nhớ nghĩa dầy em chớ quên.

Khuyên em ở sao cho tình hiếu vẹn tuyền, bên trời góc bể chị cũng yên tấm lòng.

Thôi, còn chi nữa mà mong, đời người như thế là xong một đời !

Kim-lang ơi ! từ đây chàng ngược thiếp xuôi, biết bao giờ lại nối lời nước non.

Lạy trời phù-hộ vuông tròn, trăm năm gửi tấm lòng son cùng chàng.

Ôi Kim-lang ! hỡi Kim-lang ! thôi thôi thiếp lỗi muôn vàn từ đây.

Chẳng cùng nhau xum-họp kiếp này, nguyện xin kiếp khác thiếp sẽ vầy mối tơ xưa !

Lan-đình TRẦN VĂN-THANH

---

1. Điệu ru con trai

Ời ơi !

Nín đi ! con hỡi, con hỡi !
Mai sau khôn lớn theo đòi người ta.
Tấm thân vì nước vì nhà,
Một là đắc-hiếu, hai là đắc-trung.

Ời ơi !

Nín đi ! con hỡi, con hỡi !
Con nên nghe kỹ những lời mẹ khuyên.
Sách đèn học tập nên chuyên,
Sao cho danh-tiếng lưu-truyền sử xanh.

Ời ơi !

Nín đi ! con hỡi, con hỡi !
Đừng như những giống chơi-bời hư [thân.
Đã là một kẻ quốc-dân,
Con nên chung góp một phần công-lao.

Ời ơi !

Nín đi ! con hỡi, con hỡi,
Ông cha ta vốn là người có công.
Gây nên mầm Lạc chồi Hồng,
Nghĩ sao báo-đáp tổ-tông sau này.

2. Điệu ru con gái

Ời ơi !

Nín đi ! con hỡi, con hỡi !
Mai sau khôn lớn theo đòi người ta.
Khi còn ở với mẹ cha,
Phải chăm giữ lấy nếp nhà tuyết-băng.

Ời ơi !

Nín đi ! con hỡi, con hỡi !
Không nên bắt-chước thói đời kiêu-ngoa.
Đến khi nghi-thất nghi-gia,
Theo chồng con phải thờ cha mẹ chồng.

Ời ơi !

Nín đi ! con hỡi, con hỡi !
Con nên nghe kỹ những lời mẹ khuyên.
Xưa nay những bậc thuyền-quyên,
Giữ-gìn hai chữ chính-chuyên làm đầu.
Những loài trên Bộc trong Dâu,
Dẫu rằng tài-sắc ai cầu mà chi.

3. — Tặng bạn bút nghiên

Phi túc-trái,
Cũng tiền-duyên,
Gặp-gỡ xui nên bạn bút nghiên.
Miệt-mài nơi hàn-mặc,
Vui-thú chốn Đào-nguyên.
Đỉnh núi ngâm-nga thơ mấy cuốn,
Dòng sông say tỉnh rượu lưng thuyền.
Tục không phải tục,
Tiên chẳng phải tiên.
Giăm pho sách cũ, một ấm chè chuyên,
Dắt-díu nhau vào một thú riêng.
Người điềm-đạm
Vẻ thiên-nhiên,
Đời lừa như ta là hiếm có,
Chút tình ghi tạc với sơn-xuyên.

NGUYỄN THẾ-NỨC

THỜI-ĐÀM

Việc thế-giới

Tình-hình chính-trị ngoại-giao trong thế-giới. — Trong khoảng tháng 8 tây các nước cũng vẫn lo-lắng về sự điều-đình các vấn-đề lớn từ khi chiến-tranh đến giờ, thứ nhất là hai vấn-đề bảo-an và trái-khoản. Về phần Chính-phủ Pháp thời hình như đã tìm được cái đường lối giải-quyết cho ổn-thỏa. Từ hội-nghị *Cannes* năm 1922, ngoại-giao nước Pháp cứ lúng-túng mãi không tiến được bước nào mà có lẽ lại quẩn-quanh đi lùi lại. Nhờ cách khôn-khéo của Chính-phủ ngày nay, cái tình-hình bây giờ lại được phục-hồi như về trước năm 1922; thế kể cũng là may mà lợi cho nước Pháp nữa. — Cuối tháng 8 ông ngoại-vụ BRIAND và ông tài-chính CAILLAUX sang nước Anh thương-thuyết, kết quả được thêm cái tình thân-thiện với Chính-phủ Anh, dự bị được sự điều-đình với Đức sau này và định lại phân-minh cái vấn-đề trái-khoản. Thuộc về vấn-đề này thời nước Tỉ và nước Mĩ hai bên đã điều-đình xong và đã ký hiệp-ước rồi, thế là về mặt đó vấn-đề trái-khoản đã giải-quyết xong. Mới được có thế nhưng đương khi thế-giới lắm việc này, xong được việc nào hay việc đó.

Vấn-đề bảo-an. — Ngày 20 tháng bảy chính-phủ Đức gửi quốc-thư cho Đồng-minh nói sẵn lòng thương-thuyết điều-đình để cùng với nước Anh nước Pháp nước Tỉ lập một cái hiệp-ước bảo-an, nhưng trong việc điều-đình Đức phải được đứng bằng-đẳng với các nước kia. Lại đối với hòa-ước và đối với hội vạn-quốc, chính-phủ Đức có tỏ ý hoài-nghi, dường như không muốn công-nhận như vậy. Dẫu không muốn nói rõ ra, nhưng xem cái ý ngầm là thế. Nhận được thư ấy, ngoại-tướng Pháp liền sang Anh thương-lường với ngoại-tướng Anh, rồi hai bên đồng-ý nhau trả lời cho chính-phủ Đức, nói rõ-ràng về mấy khoản sau này: Các hòa-ước đã ký không thể nào thay đổi được một tí gì; nước Đức có muốn vào hội Vạn-quốc (mà tất phải vào thì cuộc hòa-bình của Âu-châu mới vững vàng được, thì phải theo lệ thường như các nước, thừa-nhận các trách-nhiệm nghĩa-vụ, chứ không được đặc-cách gì. Trong thư trả lời lại nói rằng hai bên có thực bụng muốn điều-đình thời phải điều-đình ngay, chứ không nên thư đi thư lại cho phiền nữa. — Như thế thì tất phải đặt hội nghị mà điều-đình rồi hai bên cùng nhau ký ước. Nay nước Đức ra hội-nghị thì sẽ thế nào? Không thể đoán trước được. Nhưng chắc là Chính-phủ Đức sẽ hết sức chống lại với nước Pháp, hết sức thoái-thác không chịu nhận trách-nhiệm, dẫu không công-nhiên nhưng ngầm-ngấm, các nhà ngoại-giao Pháp phải cẩn-thận lắm mới được. Song cái tình-hình kinh-tế nước Đức ngày nay đương có ý nguy-hiểm, chắc Đức sẽ xử nhũn chứ không dám khăng-khăng như trước nữa. Tuy vậy dân Đức có cái tính nhẫn-nại vô-cùng, cái chí kháng-cự có tạm nhụt nhưng không mất hẳn được, và Pháp dẫu có cách đàn-áp đến thế nào cũng không làm cho mất hẳn được, như thế thì chính-phủ Pháp chắc không dám dùng cách đàn-áp, chỉ đủ làm cho thêm lòng công-phẫn của Đức mà thôi, và sẽ lấy cái thái-độ ôn-hòa mà cùng Đức điều-đình mọi việc. Còn bề trong thì vẫn phải dự bị để đề-phòng sự bất kỳ. — Còn về

phần nước Anh thì hiện nay trong nước nhiều chuyện bối-rối, ra hội-nghị cũng không được thảnh-thơi mà hết sức giúp Pháp được. Và lại Anh ngày nay sợ nhất là chỉ sợ sự vận-động của đảng cộng-sản Nga, cho nên về phần Anh cái dã-tâm là chỉ muốn rộng dung cho Đức để Đức khỏi quá-cùng mà xoay ra kết-liên với Nga, thế mà thôi. — Đến như nước Ý thời cũng chỉ sợ Áo sáp-nhập với Đức mà thôi. Vấn-đề đó chưa cấp-bách lắm, thời Ý cũng chẳng thiết gì đến việc Pháp Đức, mà có lẽ lại nhân hội-nghị này thừa-cơ kiếm lợi cũng có.

Vấn-đề trái-khoản. — Trên kia đã nói rằng thuộc về nước Mĩ và nước Tì thì vấn-đề ấy đã giải quyết xong. Nhưng hai chính-phủ cũng thương-thuyết mãi trong bao nhiêu lâu mới xong. Tì chỉ muốn xin Mĩ giảm bớt cho các khoản nợ, nhưng mà Mĩ không chịu, chỉ chịu phân-biệt số nợ trước khi đình-chiến là 171 triệu đồng bạc thời không lấy lãi, mà số nợ sau khi đình-chiến là 246 triệu đồng bạc, thì sau năm thứ mười phải trả lãi mỗi năm là ba phân rưỡi, và hai khoản nợ đó đều phải chia ra trả trong 62 năm cho hết. — Về phần nước Pháp đối với nước Anh thời ông tài-chính Pháp CAILLAUX đã sang tận Anh để thương-thuyết về trái-khoản. Anh thì đòi Pháp mỗi năm phải trả 20 triệu *livres*, Pháp thì xin trả 10 triệu, Anh chịu bớt xuống 14 triệu, rồi lại xuống 12 triệu rưỡi, nhưng hai bên vẫn chưa điều-đình xong, vì Pháp xin rằng hễ Đức có thi-hành được hoàn-toàn cái chương-trình DAWES và trả các tiền bồi-khoản cho Pháp được đều-đặn, thời Pháp mới sẽ liệu mà trang-trải các nợ Đồng-minh được. Vả lại phần nợ to nhất là đối với nước Mĩ, chưa biết nước Mĩ chịu châm-chước ra thế nào. — Ông CAILLAUX ở Anh về, liền sang Mĩ để thương-thuyết, nhưng mà thương-thuyết cũng không xong. Thế là hiện nay vấn-đề nợ Đồng-minh của nước Pháp vẫn chưa giải-quyết xong, không biết rồi sau này thế nào. Ấy cũng là một điều khó-khăn cho nước Pháp và cho chung cả thế giới nữa.

Việc Ma-lạc-kha. — Còn một điều khó-khăn nữa là việc Ma-lặc-kha. Tuy quân Pháp đương giao-chiến với ABD EL-KRIM đã đổi thế thủ ra thế công, tấn-tới hơn mấy tháng trước nhiều, nhưng mà việc chiến-tranh vẫn còn nhùng-nhằng chưa biết đến bao giờ xong. Quân Tây-ban-nha cũng đã hiệp-lực với quân Pháp, nhưng mà vẫn chưa có công-hiệu gì. ABD EL-KRIM thì cố đòi cho xứ *Rif* được hoàn-toàn độc-lập, thành một nước hẳn-hoi, được vạn-quốc công-nhận. Pháp thì nhất-định không chịu như thế, nói rằng ở Ma-lặc-kha chỉ có một nước thuộc quyền bảo-hộ của Pháp, không thể đặt thêm một nước độc-lập ở cạnh được, thế là trái với quốc-tế-điều-ước. Đối với việc Ma-lặc-kha này các báo nước Anh nước Ý bình-phẩm nhiều lắm, tỏ ra không có cảm-tình với Pháp. Vả ngay trong nước Pháp cũng có một phái ác-cảm về việc chiến-tranh ở Ma-lặc-kha, cho là hao-binh tổn-tướng vô-ích, miễn là giữ được cho yên phần bờ cõi Ma-lặc-kha thuộc Pháp thì thôi, còn ở ngoài ai muốn làm gì mặc-cớ chi phải can-thiệp vào. Nhưng phái đó là số ít, còn chính-phủ Pháp thời muốn trị cho được ABD EL-KRIM mới nghe.

Việc Syrie. — Việc Ma-lặc-kha chưa xong, lại xảy ra việc *Syrie*. *Syrie* là một miếng đất ở Tiểu-Á-tế-á, nước Pháp được ủy-quyền của hội Vạn-quốc cai-trị. Người dân ở đấy thuộc về nhiều giống, thường vẫn bất-hòa với nhau, nước Pháp đặt một quan đại-tướng làm tổng-thống, từ trước đến giờ tuy thỉnh-thoảng cũng có cái loạn nhỏ, nhưng dẹp yên ngay, và đại-để trong xứ vẫn được bình-yên. Mới đây có rợ *Djebel-Druses* ở về sơn phận, xưa nay vẫn có tiếng là một dân hung-hãn, nổi

lên phản-đối nước Pháp. Quan tổng-đốc phái quân đi đánh, quân bị vây trong hơn một tháng trời không đánh gỡ ra được, mà quân *Druses* thời tràn mãi xuống gần đến thành *Damas* là một nơi đô-thị lớn ở đất *Syrie*. Bấy giờ tình-thế đã nguy-cấp lắm, chính-phủ Pháp phải đem quân cứu-viện sang rất nhiều mới đánh giải được cho toán quân bị vây, nhưng vẫn chưa dẹp được yên trong cõi. Có kẻ nói trong việc loạn này có tay người Nga và cả người Anh ám trợ nữa. Người Nga thì đã cố nhiên rồi, cái chủ nghĩa của nước Nga bây giờ là muốn phá đổ thế-lực của các cường-quốc Tây-phương, nên phàm đâu xảy ra sự gì có hại đến cái thế-lực ấy đều có tay người Nga ở trong cả; nhưng nói đến người Anh thì cũng lấy làm lạ. Song phải biết rằng ở đất Tiểu-Á-tế-á, Pháp với Anh xưa nay vẫn tranh-dành ngầm nhau; Pháp được ủy-nhiệm cai-trị đất *Syrie*, thì Anh cũng được ủy-nhiệm đất *Palestile*, hai bên giáp-giới nhau, vẫn thường sinh ra lắm sự xung-đột. Cũng có lẽ trong việc loạn này có tay người Anh nữa, không phải là chính chính-phủ Anh, nhưng là những tay vận-động riêng của bọn nhà buôn Anh hay là bọn quan-lại Anh ở *Palestine* nữa cũng không biết.

Việc nội-chính nước Pháp. — Về việc nội-chính thì từ trước vẫn trông nội-các PAINLEVÉ được vững-vàng lắm. Không ngờ việc thương-thuyết về trả khoản với nước Anh và nước Mĩ không xong, lại thêm cái chương-trình chỉnh đốn tài-chính của ông CAILLAUX không được đắng đa-số ở Nghị-viện hoan nghênh, khiến cho nội-các phải từ chức. Nhưng nội-các chuyến này từ-chức cũng chỉ vì một vấn-đề tài-chính mà thôi, cho nên tuy vì lẽ liên-đái-trách-nhiệm cả nội-các phải từ-chức, nhưng kỳ-thực là chỉ chủ có một mình ông tài-chính CAILLAUX, chính ông ở trong nội-các thường cũng nhiều khi không đồng-ý với các ông đồng-sự ở các bộ khác. Vậy nội-các từ chức rồi, thời lại ông thủ-tướng PAINLEVÉ ra tổ-chức nội-các khác. Ông thừa dịp thay đổi mấy ông bộ-trưởng mới. Tòa nội-các mới đã thành lập ngày 30 tháng mười như sau này:

Tổng-lý nội-các kiêm bộ Tài-chính xuất-nạp (*Trésor*)	.	ông PAINLEVÉ
Tổng-trưởng bộ Tài-chính dự-toán (*Budget*)	. . . .	— BONNET
— Tư-pháp	. . . . .	— CHAUTEMPS
— Ngoại-vụ	. . . . .	— BRIAND
— Nội-vụ	. . . . .	— SCHRAMECK.
— Lục-quân	. . . . .	— DALADIER
— Hải-quân	. . . . .	— BOREL
— Công-chính	. . . . .	— DE MONZIE
— Học-chính	. . . . .	— DELBOS
— Nông-chính	. . . . .	— DURAND
— Thương-chính	. . . . .	— DANIEL VINCENT
— Thuộc-địa	. . . . .	— LÉON PERRIER
— Lương cấp cho các thương-binh	. .	— ANTERIOU
— Lao động	. . . . .	— DURAFOUR

Trong Nội-các lại có mấy ông thứ-trưởng như sau:

Thứ-trưởng giúp việc riêng cho quan Tổng-lý Nội-các	ông BERTHOD
coi về việc các địa-hạt bị tàn-phá khi chiến-tranh	— JAMMY SCHMITT

Thứ-trưởng	coi về việc tàu bay	ông LAURENT EYNAC
—	coi về việc học chuyên-môn	— BENAZET
—	coi về các tàu buôn	— DANIELOU
—	coi về việc dụng binh khi chiến tranh .	— OSSOLA.
Ủy-viên	coi về việc nhà cửa cho thuê (*loyer*) . .	— LEVASSEUR.

Nội-các cả Tổng-trưởng cả Thứ-trưởng có 21 ông, thời 4 ông thượng-nghị-viên đều thuộc về các đảng tả cả, còn 17 ông hạ-nghị-viện cũng thuộc về các đảng tả mà chia ra như sau : Bốn ông thuộc về đảng cộng-hòa xã-hội và xã-hội ; mười ông thuộc về đảng cấp-tiến và cấp-tiến xã-hội ; ba ông thuộc về cấp-tiến-tả-đảng.

Bộ Thuộc-địa thời ở Nội-các trước là ông ANDRÉ HESSE, ở Nội-các mới này thì đổi là ông LÉON PERRIER. Ông thuộc về đảng cấp-tiến xã-hội, vừa làm một nhà chính-trị lại vừa làm một nhà bác-học, chuyên-trị về động-vật-học, có làm nhiều sách về các giống chim giống cá, về nông-nghiệp, v. v... Ông cũng là một tay mẫn-cán ở Nghị-viện ; trong khóa từ năm 1914 cho đến năm 1919 một tay ông đã dự-thảo về đệ-trình 33 tờ báo-cáo cùng luật-án. Ông có chân Hạ-nghị-viện từ năm 1910, đại-biểu cho thành *Grenoble* ; năm 1920 ông vào Thượng-nghị-viện, đại-biểu cho quận *Isère*.

Trong Nội-các có hai bộ trọng-yếu, là bộ ngoại-vụ thì vẫn ông BRIAND giữ như trước, còn bộ tài-chính thì chia ra làm đôi : một bộ xuất-nạp, ông thủ-tướng PAINLEVÉ kiêm-lĩnh, thì coi về công-khố xuất-nhập ; một bộ dự-toán ông BONNET đứng đầu thời coi về việc dự-toán chi-thu. Còn bộ lục-quân cũng quan-hệ thời ông DALADIER coi, ông trước đã giữ bộ thuộc-địa trong nội-các HERRIOT.

Có người nói tòa Nội-các mới này cũng không vững được chỉ vì một vấn-đề tài-chính, khó giải-quyết cho xong. Tài-chính nước Pháp bây giờ đương quẫn bách quá. Đảng xã-hội thì muốn đánh thuế những người có của, gọi là « thuế tư-bản » (*impot sur le capital*), Nội-các cũng có ý muốn theo, nhưng mà lại sợ bọn tư-bản trong nước phản-đối, cho nên cứ do-dự trù-trừ chưa biết quyết-định ra thế nào. Ông CAILLAUX trước cũng chỉ vì không ưng đặt « thuế tư-bản », mà không tìm được cách gì chỉnh-đốn tài-chính, nên nội-các trước mới phải đổ. Chẳng hay nội-các này xử ra làm sao. (1)

.·.

Việc nước Tàu. — Việc nước Tàu gần đây cũng êm-êm. Chính-phủ Bắc-kinh có phái người đi điều-đình với các tướng xem chừng cũng có kết-quả, vì thấy các mặt bình-tĩnh cả, song cũng chưa chắc đâu. Ông nhiếp-chính Đoàn năm ngoái lên cầm quyền hẹn đến độ rằy năm nay điều-đình xong các việc, nay kỳ hạn đã tới rồi, mà các việc đại-sự thuộc về chính-thể, thuộc về hiến-pháp vẫn chưa giải-quyết xong, có đảng muốn thừa-cơ phản-đối, xin Ngô Bội-Phu ra chủ-trương. Nhưng Ngô từ ngày thất-bại đến giờ vẫn ẩn-nhẫn một chỗ, chưa chịu xuất đầu lộ diện ; có lẽ còn chờ cơ-hội tốt chăng ?

Về mặt Quảng-đông thì vẫn rối bét. Chính-phủ Quảng-đông bây giờ thì công-nhiên về đảng cộng-sản. Các

(1) Nội-các PAINLEVÉ thứ hai này được một tháng, lại mới bị đổ, ông BRIAND tổ-chức Nội-các mới, ông PAINLEVÉ thời giữ bộ Lục-quân, còn bộ Thuộc-địa vẫn ông LÉON PERRIER.

đảng khác không chịu theo phái cộng-sản, thời hiệp cả lại với Trần Quýnh-Minh để dự-bị đi đánh Quảng-đông. Chính-phủ Bắc-kinh cũng truyền cho quân Giang-tây và Phúc-kiến giúp Trần. Nhưng đánh nhau chuyến này tất kịch-liệt, vì chính-phủ Quảng-đông cũng có quân-đội chỉnh-bị lắm, mà binh-khí đạn dược thời đã có Nga cấp-trợ cho. — Nhân chính-phủ Bắc-kinh công-nhiên giúp Trần Quýnh-Minh để đánh Quảng-đông, nên chính-phủ Quảng-đông trước đã định sai phái-bộ lên Bắc-kinh để điều-đình về việc Sa-điện, nay lại thôi. Chính-phủ Quảng-đông định sai phái-bộ như thế, là có cái mưu ngầm muốn nhất-cử lưỡng-tiện : Một là muốn đổ thừa cái trách nhiệm việc Sa-điện cho Bắc-kinh, hai là nhân thể gián-tiếp cho Bắc-kinh phải thừa-nhận mình. Nhưng nay sự-thế như thế thì cái mưu ấy hỏng mất.

Hội-nghị quan-thuế sắp họp ở Bắc-kinh để giải-quyết vấn-đề thuế thương-chính. Về vấn-đề này cũng có hai phái : phái Phùng Ngọc-Tường thời muốn yêu-cầu cho nước Tàu được hoàn-toàn độc-lập về đường quan-thuế, nghĩa là muốn tùy ý định thuế thương-chính cho đồ hàng các nước thế nào cũng được, liệt-cường không được can-thiệp vào. Thuyết này thì Liệt-cường khó lòng thừa-nhận. Cũng bởi thế nên phái Đoàn nhiếp-chính muốn bề ngoài yêu-cầu độc-lập, mà bề trong châm-chước với Liệt-cường cho được việc. Còn về phần đảng quốc-dân sợ rằng hội-nghị bàn xong việc thời tất cái thế-lực của lâm-thời chính-phủ được củng-cố thêm, nên công-nhiên phản-đối phá đám cho hỏng hết cả. Chưa biết kết-cục ra thế nào.

. .

Lịch-sử Đoàn Kỳ-Thụy. — Đoàn Kỳ-Thụy cũng là một nhân-vật lão-thành có quan-hệ với dân-quốc Trung-hoa, hiện nay chấp-chính ở Bắc-kinh đứng về cái địa-vị điều-hòa các phái, tuy quyền rơm vạ đá, nhưng cũng là người có thanh-vọng, có phách-lực, đem thân ra chống-chế với phong-trào lịch-sử ông, quốc-dân ta cũng nên biết qua.

Ông tiểu tự là Chi-toàn, người tỉnh An-huy huyện Hợp-phì, nguyên là đông-đồi quân-nhân, có tính thông-minh và cương-nghị từ thủa nhỏ ; lớn lên vào học tràng Bắc-dương Võ-bị. Cuộc Bắc-dương quân-vụ, sáng-khởi tự đời Lý Hồng-Chương, sau kế nhiệm là Viên Thế-Khải, nhân-tài ở Trung-hoa về phía bắc-phương sau này, cơ-hồ toàn là do phía Bắc-dương quân-đội sản ra cả. Tràng Bắc-dương Võ-bị bấy giờ, có hai người học-sinh nổi tiếng là giỏi, khởi tột cả bằng-bối, một là Vương Sĩ-Trân, hai là Đoàn Kỳ-Thụy, đời đã gọi là Đoàn-hồ Vương-long. Khi ấy, trong thế-giới lục-quân có danh tiếng nhất là nước Đức, Thanh-đình rất lấy làm hâm-mộ, có đặc phái một người thuộc về phái Hoàng-tộc là Ấm-Xương một người thuộc về Bắc-dương là Đoàn Kỳ-Thụy, sang tân nước Đức vào tràng Võ-bị luyện-tập lục-quân. Ông ở nước Đức học-tập ít lâu, hô-hấp được cái không-khí ở hải-ngoại, học-thức đại-tiến, tư-tưởng nhật tân, thường có chí-khí hăng-hái về chấn-hưng cho tổ-quốc ; tốt-nghiệp rồi về, được thu-nhiệm làm chức giáo-luyện Bắc-dương tân-quân.

Cuộc Bắc-dương tân-quân sáng-biện ra ở sau hồi Trung Nhật giao-chiến, hồi ấy Thanh-đình lấy làm đại-nhục, cho nên hết lòng về sự huấn-luyện tân-quân. Cuộc ấy thiết-lập ra ở chỗ Thiên-tân Đại-cổ chi-gian, người kiến-nghị sáng-biện và tổng-kỳ-đại-thành là Viên Thế-Khải, người huấn-luyện quân-lữ thì là họ Đoàn. Vì bấy giờ cái người phong-phú về quân-sự học thức, thì Đoàn kể là độ-nhất, mà Đoàn lại là

người trầm-nghị mẫn cán, Viên Thế-Khải lấy làm tin lắm cho nên việc tân-quân, giáo-luyện nhất-thiết ủy cho; rồi bọn tướng-tá ở Bắc-dương, quá nửa là môn-sinh họ Đoàn. Sau này họ Đoàn có cái thanh-vọng, cái thế-lực khuynh-đảo được Thanh-đình chính-phủ, tán-trợ được Dân-quốc cộng-hòa, tỏa-chiết được đế-chế họ Viên, quả-quyết được sự tham-dự cuộc Âu-chiến với thế-giới cũng là vì đó.

Họ Đoàn về hồi Quang-tự mạt-niên, đã từng làm chức đề-đốc ở phía bắc tỉnh Giang-tô, chỗ ấy là chỗ ách-yếu sông Tràng-giang, mà trực-tiếp với Nam-kinh; Thanh-đình lập đại-doanh ở đó, để khống-chế nam-bắc; viên Đề-đốc ấy có quan-hệ lắm, không như viên đề-đốc khác. Khi ông tọa-trấn ở Giang-bắc, ông hô-hấp được cái không-khí cách-mệnh ở nam-phương, quân ông lại thường được chịu cái giáo-dục ông, nên bộ-hạ ông đều có cách-mệnh tư-tưởng. Duy ông là người trầm-tĩnh, chửa ai biết chí ông xu-hướng thế nào. Kịp đến lúc Lê Nguyên-Hồng khởi ở Vũ-xương, phía nam sông Tràng-giang cách-mệnh-quân khởi lên như điều. Khi ấy Thanh-đình khởi-phục Viên Thế-Khải làm tổng-lý đại-thần, Viên thì ở Bắc-kinh, kiêm chức đốc-quân thảo cách-mệnh. Quân có hai đạo đại-quân. Đệ-nhất-quân thì Phùng Quốc-Chương làm thống-tướng, chuyên mặt Hán-khẩu. Đệ-nhị-quân thì Đoàn làm thống-tướng, chuyên mặt Giang-bắc. Phùng thì đốt phá Hán-khẩu, thu-phục Hán-dương, giết quân cách-mệnh, thảm-độc vô-cùng. Đoàn thì chỉ án-binh bất-động có ý không muốn giao-chiến với dân-quân. Bấy giờ Tôn tổng-thống thì mới thiết-lập lâm-thời chính-phủ ở Nam-kinh, mà Lê Đô-đốc ở Vũ-xương đương hãm ở trong vòng nguy-hiểm. Bắc-kinh thì cái khí-diễm bọn hoàng-tộc còn hung-hăng lắm, mà Viên Thế-Khải đương hãm ở trong vòng đố-kỵ hiềm-nghi. Cái thái-độ các liệt-cường đối với Trung-hoa bấy giờ, tình-thế lại càng ngập-ngập lắm. Họ Đoàn bấy giờ mới phấn-phát quật-khởi, liên-hợp hai mươi bốn người đại-súy trong phái quân-nhân, tán-thành chủ-nghĩa cộng-hòa; điện lên Thanh-đình, bảo thật mọi đường lợi-hại; trình-thỉnh với vua Tuyên-thống mau mau thoái-vị tuyên-bố cộng-hòa, để kết-định đại-cục. Lại đưa thư cảnh-cáo riêng cho bọn hoàng-tộc rằng các thân-vương nếu còn hoài-nghi, thì Kỳ-Thụy này tức-khắc liên-hợp quần-súy, đem toàn đội vào kinh, để cùng với các thân-vương bày tỏ lợi hại. Phái hoàng-tộc bấy giờ mới kinh-hãi thất-thố, không dám hung-hăng nữa; việc nội-các nhất-thiết phải ủy cho Viên Thế-Khải, họ Viên bấy giờ mới có quyền, vua Tuyên-thống bấy giờ mới thoái-vị. Bắc-kinh thì phái họ Đường làm đại-biểu, Nam-kinh thì phái họ Ngũ làm đại-biểu, ra nghị-hòa ở Thượng-hải, cuộc nam-bắc thống-nhất bấy giờ mới thành.

Họ Đoàn với họ Viên thật là người bạn cũ tâm-giao với nhau trong hai mươi năm; họ Viên sở-dĩ đạp đổ được Thanh-đình, chiếm được ngôi tổng-thống của dân-quốc, đều là nhờ cái sức họ Đoàn làm vây cánh cho cả. Thế mà nhất đán quyết-liệt, sự quyết-liệt ấy là tại họ Viên, sẽ biết Viên Thế-Khải là người bất-nghĩa, mà lại là người ngu. Khi họ Viên mới làm tổng-thống, thì họ Đoàn nhiệm lục-quân-bộ, binh sự nhất-thiết ủy cho họ Đoàn, họ Đoàn cũng hết lòng với họ Viên; cái thế-lực họ Viên bấy giờ, đã kể là vững chắc như vại. Hồi đệ-nhị cách-mệnh, ông Hoàng Hưng phải thất-bại, cũng là công họ Đoàn ở trong mưu-mô quyết-thắng được nhiều việc lắm. Kịp đến lúc họ Viên manh-tâm đế-chế, có một người là Nguyễn Trung-Khu thừa-gián vào khuyên-dỗ họ Đoàn, người ấy hoặc-giả là cha con họ Viên

sai sử; họ Đoàn nghiêm-chỉnh nét mặt gạt đi mà mắng liền, người ấy không dám nói nữa, lui về bảo Khắc-Định, Khắc-Định mới bảo với cha. Từ đấy họ Viên đối với họ Đoàn mới sinh ra đại-ác-cảm, chỉ nghĩ sao có cái kế để trừ khử họ Đoàn. Kỳ-thủy sai họ Đoàn ra thay chân họ Lê làm đô-đốc Vũ-xương để cất quyền lục-quân; liền lại sai họ Đoàn về Hà-nam dẹp giặc Bạch-lang, để cất quyền đô-đốc. Bạch-lang là một đám giặc cỏ, giao cho một ít quân đi dẹp, đó là thực-hành cái thủ-đoạn đuổi họ Đoàn, mà họ Đoàn vẫn ở cái địa-vị giam-cấm ở trong tay. Các đốc-quân ở mọi nơi thấy thế ai nấy đều ngã lòng; biết họ Viên là người hữu thủy vô chung, đối với họ Viên, chỉ dám oán-giận mà chửa dám nói ra đấy mà thôi. Sau quả-nhiên khi đế-chế thực-hiện, nam-phương cách-mệnh-đảng là cừu-thù với họ Viên phản-đối trước, mà bắc-phương quân-phiệt là tâm-phúc với họ Viên cũng liền phản-đối sau, Viên Thế-Khải bấy giờ mới hãm về cái địa-vị trăm cái tên trỏ vào một cái đích vậy.

Họ Đoàn là người rất phong-phú về cái tâm tự-tín, điều gì lấy làm phải, thì tất làm cho được quán-triệt mới thôi, điều gì lấy làm không phải, thì dẫu uy-vũ đến thế nào, cũng không có thể nén được. Ông vì có cái sức tự-tín ấy, mà mình được đại-nghĩa, quyết được đại-sự. Nhưng cũng là vì cái sức tự-tín ấy, mà bại mất đại-cục, hoại mất đại-danh. Nhưng lại là vì cái sức tự-tín ấy, mà phấn-nhiên làm hi-sinh cho cuộc đời, nghị-nhiên làm trụ-thạch cho nam bắc.

Họ Viên khi đế-chế đã thất-bại, lại cố mời một người lão-thành là Từ Thế-Xương, với một người cố-nhân là ông ra, để vãn-hồi lấy đại-cục. Họ Viên khi ốm nặng, lại tay viết di-thư, việc nhà thì ủy cho Từ-lão, việc nước thì ủy cho ông, vì ông là người có thanh-vọng trong quân-phiệt; ông lại ra làm quốc-vụ tổng-lý, tổ-chức nội-các, gọi là trách-nhiệm-nội-các. Bấy giờ họ Lê mới làm tổng-thống, kỳ-thủy họ Đoàn cũng hết sức giúp họ Lê. Họ Lê tuy làm tổng-thống, nhưng thế-lực thì yếu, mà bọn đế-đảng ở Bắc-kinh thì còn muốn thừa cơ xướng-loạn, nhân-tâm dao-động. Họ Đoàn bấy giờ nhất-diện phái quân đi mọi nơi hết sức đàn-áp; nhất-diện ủng-hộ cho họ Lê, để tuyên-thệ hiến-pháp. Bọn đế-đảng phải nín hơi, cuộc Dân-quốc được trùng chỉnh, cũng là công ông.

Chỉ tiếc thay họ Lê với họ Đoàn hai người tính nết khác nhau quá, tựa như nước với lửa, không thể cùng ở với nhau được. Sự này xem ra thì sự nói sự phải, vãi nói vãi hay; nhưng rút lại thì cũng là tại anh tại ả, tại cả đôi bên. Họ Lê thì nhất-vị trung-hậu, mà tính lại hay nghe kẻ dưới, phàm sự thì nhân-nhu, kẻ tiểu-nhân ở cạnh mình phần nhiều đắc-chí; đời đã có câu rằng tư-cách họ Lê là tư-cách quân-nhân, tính-nết họ Lê là tính-nết đàn-bà. Họ Đoàn thì nhất-vị cương-nghị, phàm sự hay quả-quyết, mà có ý tự-chuyên; lại hay hết sức che-chở cho những người đảng-phái của mình riêng. Bấy giờ có viên nội-vụ trưởng là Tôn Hồng-Y là người thân-tín với họ Lê, viên lục quân thứ-trưởng là Từ Thụ-Tranh là môn-sinh họ Đoàn, hai người đứng về hai phương-diện, bề trong thì hết sức gièm-pha, bề ngoài thì hết lời nói xấu, thành ra tổng-thống-phủ với nội-các hai bên ngập-ngập hung-hung, có cơ xung-đột. Từ Thế-Xương bấy giờ đã nhân-tẩn, ra ở Thiên-tân, lại phải vào kinh làm kế điều-hòa. Từ lấy chính-lý trách hai ông rằng: « Đoàn Chi-toàn, ông là người tự-tín thái-quá. Lê Hoàng-bi, tả hữu ông rặt những kẻ phi-nhân »; rồi liền miễn chức Tôn Hồng-Y với Từ Thụ-Tranh đi, cho khỏi sự xung-đột. Nhưng lạ gì tính-nết đã thiên, ác-cảm đã thâm, cho nên cái cảm-tình của hai

ông, cũng khó mà khôi-phục lại được. Kể xem lịch-sử dân-quốc Trung-hoa đến đây ai mà không phải chán ngán? Họ Lê là một người xướng nghĩa ở nam-phương, họ Đoàn là một người tiên-tiến trong quân-phiệt, hai ông đều là nam-bắc qui-tâm, đều có thanh-vọng, đều có địa-vị cả, mà như thế. Xét ra cũng không phải là sở tranh nhau về cái chủ-nghĩa gì, chẳng qua cái tính-nết thủy-hỏa đấy thôi. Quốc-sự Trung-hoa hồi ấy thế nào, cũng không phải hỏi chi nữa. Sẽ biết hai ông đều chưa phải là hạng kiến-quốc vĩ-nhân. So với các vĩ-nhân bên Âu-Mĩ thì chả kể. Nhưng mà hẳng thử so ngay với các vĩ-nhân trong lịch-sử Trung-hoa trước kia, như Liêm-Pha với Lạn Tương. Như nước Triệu, Khấu Tuân với Giả-Phục nhà Đông-Hán, Chư-Cát Lượng với Pháp Hiếu-Trực nhà Hậu-Hán, Vương Đán với Khấu Chuẩn nhà Bắc-Tống. Tăng Quốc-Phiên với Tả Tôn-Đường nhà Tiền-Thanh, trước kia thế nào? mà ngày nay thế nào?

Thủa họ Viên cầm quyền, đương mơ-màng ở trong đế-mộng, thì Trung-hoa đối với cuộc Âu-chiến, chỉ là tuyên-bố trung-lập. Kịp sau này họ Đoàn vào tổng-lý nội các, mới dùng cái mưu của Lương Khải-Siêu, trình-thỉnh Lê Tổng-thống, đối với nước Đức nước Áo tuyệt-giao, dự-bị về việc tham-chiến. Họ Lê thì nghe những lời bàn của kẻ tả-hữu, không chuẩn-y lời thỉnh của họ Đoàn; rồi kẻ tả hữu họ Lê gia công phản-đối riết lắm. Họ Lê với họ Đoàn nhân sự ngoại-giao đó, đôi bên mới dại-khởi xung-đột. Họ Đoàn giận lắm, dã vùng dậy bỏ Bắc-kinh mà đi ra Thiên-tân. May có Phùng Quốc-Chương ngăn lại, Đoàn mới lại về kinh chủ-trương sự tham-chiến, cưỡng-bách nghị-hội, đưa tờ thông-cáo; nghị-hội cũng đều tỏ ý phản-đối; kẻ tả hữu họ Lê thì phách họ Lê đuổi họ Đoàn đi; họ Đoàn lại càng lấy làm giận lắm. Lạ gì tính họ Đoàn xưa nay, đã lấy làm phải, thì làm lấy cho kỳ quân-triệt mới thôi. Khi Đoàn đem cái án tham-chiến ra chỗ nghị-hội, thì Đoàn xui bảo những bọn công-dân thỉnh-nguyện-đoàn đến vây nghị-viện. Các nghị-viện tuy bị cưỡng-bách, nhưng vẫn khăng-khăng quyết-nghị rằng sự tham-chiến ấy hẳng nên thong-thả. Họ Đoàn liền thông-điện cho các tỉnh đốc-quân-đoàn, xướng lên cái nghị giải-tán quốc-hội. Họ Lê bấy giờ không thể sao nhịn được nữa, mới vùng dậy bãi chức nội-các họ Đoàn đi, mà cho người khác thay vào. Họ Đoàn tức-khắc đi ra Thiên-tân thông-điện cho các tỉnh. Các tỉnh đốc-quân về miền bắc tiếp điện họ Đoàn, phần nhiều tuyên-bố độc-lập, thanh-ngôn ủng-hộ cho nội-các họ Đoàn, công-cử một người minh-chủ là Trương-Huân kéo quân lên Bắc-kinh. Sẽ biết họ Đoàn đối với thời-cục vẫn là người trọng-yếu; khi nhấc chân, có quan-hệ về hình thế nặng nhẹ.

Ngờ đâu lại đột-nhiên xảy ra sự phục-tích. Trương Huân khi vào kinh, dùng binh-lực giải-tán được quốc-hội liền đón vua Tuyên-thống lên, thực hành ngay sự phục-tích đó, chính hợp về chủ-nghĩa bảo-hoàng của Khang Hữu-Vi, nên chi Khang cũng phụ-họa vào, muốn cho chủ-nghĩa của mình được thực-hiện. Đoàn bấy giờ dã là người tại-dã, không can-dự với cuộc đời; mà Trương lại là kẻ cố-nhân trong phái quân-phiệt với Đoàn. Nhưng Đoàn cũng không vì thế mà đổi lòng xưa, nghe thấy sự phục-tích, tức-khắc đề-huề với Lương Khải-Siêu, đi vào chỗ quân-doanh của Trần Quang-Viễn, kịp điện cho các tỉnh đốc-quân, nhất-tề phản-đối sự phục-tích. Rồi Đoàn liền tổ-chức thảo-nghịch quân, tự-xưng là thảo-nghịch-quân tổng-tư-lịnh; Phùng tổng-thống ở Nam-kinh, cũng điện đi mọi nơi, để nhất-tề theo Đoàn-quân đi thảo-nghịch. Thảo-nghịch-quân tiến đánh và Bắc-

kinh. Trương Huân biết sự thế hỏng, trốn chạy vào nhà công-sứ Hà-lan. Phùng tổng-thống mới lên Bắc-kinh, họ Đoàn lại vào tổ-chức Nội-các, chính-phủ dân-quốc lại thành-lập. Sẽ biết họ Đoàn thật là một người thuần-túy về phương-diện cộng-hòa. Nếu khi ấy họ Đoàn còn đem lòng quan-vọng, mà các phái Bắc-dương quân-phiệt hoặc có kẻ chán ngán cục diện dân-quốc, mà quay về chủ-nghĩa Khang Hữu-Vi, thì cái sóng phục-tích có lẽ còn to lên bội-phần.

Đoàn tự khi có cái công đánh được Trương Huân, lại lên Bắc-kinh tổ-chức nội-các, thì sự tham-chiến với Âu-châu, làm được thẳng tay, không ai ngăn-trở nữa. Nhưng tình-thế trong nước còn đương nát như tương, sự tham-chiến chẳng qua là hữu danh vô-thực. Tuy có vay tiền Nhật-bản, biên-chế ra quân-đội, gọi là tham-chiến quân, nhưng cái ý-tứ, để đối-nội thì phần nhiều, chứ đối-ngoại thì là mấy. Song cũng vì có cái danh-nghĩa tham-chiến ấy, cho nên về sau cuộc hội-nghị ở Hoa-thịnh-đốn, Trung-hoa được nghiễm-nhiên là một cường-quốc sánh vai với nước Anh, nước Mĩ, nước Pháp, nước Nhật, quyền-lợi Thái-bình-dương, Trung-hoa cũng được tham-dự quân-bình ; mà liệt-cường lại có lòng bênh-vực cho Trung-hoa, nước khác không ăn hiếp nổi, mà đất Giao-châu lại được thuộc về đất mình. Nếu khi ấy không có họ Đoàn, thì Trung-hoa chửa tất có cuộc tham-chiến ; Trung-hoa không có cuộc tham-chiến, thì cuộc Thái-bình-dương của thế-giới, chửa tất đã có nước Trung-hoa. Công họ Đoàn cũng đáng ghi, mà nghị-lực họ Đoàn cũng đáng kính.

Đoàn vào Nội-các lần thứ hai, thì Phùng Quốc-Trương làm tổng-thống. Đoàn với Phùng nguyên cũng là một phái Bắc-dương-quân-phiệt với nhau, ngoài mặt tuy đề-huề, nhưng trong lòng thì ghen-ghét. Vì Phùng là người không ưa thích lối đa-sự, mà tài-đức lại đều kém Đoàn, Đoàn vẫn có ý kinh. Chính-phủ Bắc-kinh bấy giờ đối với các tỉnh độc-lập ở miền nam, Phùng thì chủ-trương điều-hòa, Đoàn thì chủ-trương vũ-lực. Chẳng may công việc lũ binh-nam của Đoàn lại lúng-túng thất-bại, đó cũng là cái âm-mưu của Phùng xui-siểm các tướng, khiến đừng hết sức, để khuynh-đảo Đoàn. Rồi đảng Phùng tức là đảng Trực có lắm kẻ phản-đối Đoàn. Đoàn nghĩ bụng không lấy làm tự-an, mới từ-chức nội-các.

Đoàn tuy lìa nội-các, nhưng lại làm một chức trọng yếu ở kinh-sư, là chức đốc-biện tham-chiến-cục, biên-chế huấn-luyện tham-chiến-quân. Họ Đoàn khi ấy hết sức về cuộc tham-chiến-quân cũng có nhiều ý-tứ. Một là huấn-luyện lấy một cách quân cho tinh, để đối với nam-phương, thực-hành cái chủ-nghĩa vũ-lực thống-nhất. Hai là tự-tạo lấy một cái thế-lực cho mạnh, để đối-phó với các đảng. Còn về phần đối với Âu-chiến, thì chẳng qua là lựa gió phất cờ đấy thôi. Sau bên Âu-châu đình-chiến thì tham-chiến-quân đổi ra làm biên-phòng-quân, nhưng cái nội-dung thì vẫn thế. Cuộc ấy kinh-phí cũng khá to tiền, ông đã là tay không, mà kho tàng của chính-phủ cũng rỗng tuếch ; phải vay một món tiền to của Nhật-bản, đem về hưng-biện ; đó cũng là kiểu nhắm mắt đưa chân, bán hùm buôi hổ mà vay liều vay lĩnh đấy thôi. Lạ gì vay nên nợ đỡ nên ơn, nên chi đối với người Nhật phải có ý chiều. Vì thế đảng phản-đối ông nhao-nhao trách ông là mãi-quốc, là mị-ngoại, mà quốc-dân cũng có lắm kẻ không bằng lòng.

Lại một sự chướng-ngại cho tai mắt quốc-dân nhất, là ông tổ-chức ra cái An-phúc-câu lạc-bộ, tính-chất bộ ấy là kết hợp lấy đảng mình, để đối-địch với đảng Trực, mà nghiễm-nhiên chiếm cứ lấy Bắc-kinh làm sào-huyệt. Bắc-kinh chính-sự hồi ấy, cơ-hồ ở trong tay ông trong ý ông. Trong

đảng ông phần nhiều là những người cậy-tài, cậy công kiêu-căng xa-xỉ, mà hung-hăng nhất là Từ Thụ-Tranh, quốc-dân coi người ấy đã tựa cái đanh ở trước mắt chỉ muốn nhổ đi mà ông vẫn nhất-thiết che-chở tin dùng. Bấy giờ Từ Thế-Xương làm tổng-thống, Từ với ông cùng là phái tiên-tiến, nguyên vẫn có cảm-tình, nhưng thấy ông cử-động hành-vi, Từ cũng lấy làm chán quá.

Bấy giờ trong Trực-đảng có một người danh-tướng mới nổi lên là Ngô Bội-Phu, Ngô nguyên là phái nhà nho, không phải là phái Bắc-dương quân-phiệt, cho nên đối với ông không có quan-hệ, không có cảm-tình gì cả. Ngô tự khi xuất-hiện trong quân-giới ít lâu, đánh đâu được đấy; đối với hải-nội, đã là người có uy-danh, làm cho thế-lực Trực-đảng một ngày một bành-trướng ra ở nam bắc cõi Tràng-giang. Hồi Bắc-kinh chính-phủ đối với nam-phương chủ-chiến, thì Ngô có công to, toàn-tỉnh Hồ-nam, đã là sức Ngô Chi-phối. Kịp chính-phủ đặt chức đốc-quân ở Hồ-nam, thì Đoàn lại vận-động cho người đảng mình là Trương Kính-Nghiêu làm đốc-quân, Ngô chỉ được đóng quân ở Hành-dương làm chức phòng-ngữ mà thôi. Từ đấy Ngô đối với Đoàn mới có đại-ác-cảm, mà Đoàn cũng hết sức khuynh-đảo cái thế lực của Tào, Ngô.

Tào Côn bấy giờ làm Trực-lệ đốc-quân kiêm Sơn-đông Hà-nam tuần-duyệt sứ, làm một người lĩnh-tụ Trực-đảng. Ngô cũng hết lòng giúp Tào, sự hành-động trong Trực-quân, cơ-hồ Ngô làm chủ-động-lực. Đoàn ở Bắc-kinh từ quân chính cho đến tài-chính đều tự do hành-động; Bắc-kinh chính-phủ tựa như một bộ người gỗ của Đoàn; kẻ trong người ngoài ai nấy đối với Đoàn đều có lòng ác-cảm. Ngô Bội-Phu ở Hành-dương lại gia sức chỉ trích Đoàn, cũng tự-do triệt quân-phòng ngữ Hành-dương tiến lên phía bắc tỉnh Hà-nam, đóng ở Trịnh-châu. Đó là hai cái thần tự-do dần-dần bức cận xung-đột nhau. Chứ chính-phủ Trung-hoa thật là một cái chính-phủ người gỗ, chỉ tùy cái thần tự-do nọ hoặc cái thần tự-do kia nó giật máy mà quay như con chong-chóng đấy mà thôi. Trung-hoa tự khi có cuộc dân-quốc đến giờ, đại-khái đều là cuộc ấy cả, cũng khá ngán thay.

Đoàn thấy Ngô cử-động, chỉ Ngô là kẻ phá-hoại kỷ-cương; liền cưỡng-bách chính-phủ phải hạ lệnh cách Ngô Bội-Phu nã giải về Bắc-kinh trị tội, lại xin cách cả chức anh em Tào Côn nữa. Trong chính-phủ, ai cũng biết là sự không nên, nhưng không ai nói gì cả. Chỉ có Khương Quế-Đề, nói thật với Đoàn rằng chính-phủ không đủ sức cách được chức họ, trị được tội họ. Nhưng Đoàn thì cứ khăng-khăng một mực rằng Kỳ-Thụy này xin nhận lấy trách-nhiệm. Đoàn lại cưỡng-bách chính-phủ phải hạ lệnh đi đánh Tào, Ngô. Từ tổng-thống biết là sự nguy-hiểm, chỉ hết sức điều-hòa, chứ không nghe lời Đoàn. Đoàn thì cứ tự-do chủ-trương, chính-phủ không nghe cũng mặc chính-phủ. Rồi mới sinh ra một cái tai vạ lớn về sự Trực Quản chiến-tranh.

Ngô cũng là người ghê gớm, quân Ngô là quân bách-chiến, huấn-luyện tinh-cường, mà Ngô lại khéo tổ-chức; chỉ nỗi đạn-dược thì ít ỏi, mà quân-số cũng không nhiều bằng quân Đoàn; Đoàn-quân thường nói Ngô quân bất túc-úy. Đoàn-quân thì đạn-dược nhiều lắm, súng lớn súng nhỏ đều súng tốt cả, thuần là mua tự xưởng chế-tạo có danh tiếng ở Nhật-bản đem về, mà lại có tàu bay nữa. Chỉ nỗi quân là quân mới luyện, chưa kinh chiến-trận bao giờ, mà tướng sĩ cũng ly-tâm, tuy có theo Đoàn, nhưng vẫn cho sự này là

sự náo-động vô-lý, chính-thảo vô-danh, ít kẻ chịu hết sức. Khi giao-chiến, thì Đoàn tự-xưng là Định-quốc-quân tổng-tư-lịnh, Ngô tự-xưng là Thảo-nghịch-quân tổng-tư-lịnh, đánh nhau ở miền Lưu-li-hà phụ-cận Bắc-kinh. Định quốc-quân đại-bại, Thảo-nghịch-quân toàn-thắng. Tự lúc khai-chiến, đến lúc kết-cục, chỉ trong năm ba ngày, mà đống tiền to vay của Nhật-bản đem về năm nọ, cũng theo cái khói thuốc súng mà toàn-số bay về bể đông.

Đoàn tuy là người cương-quyết, nhưng cũng là người biết hối-quá. Khi Đoàn ở Đoàn hà đốc-chiến, biết sự-thế hỏng, liền đưa điện cho các tỉnh đốc-quân, kể hết tội mình, tự-nguyện đình-chiến. Lại kịp chạy về Bắc-kinh, cũng kể hết tội mình, tự-thỉnh giải-chức, khẩn-cầu với chính-phủ duy-trì lấy đại-cục, khiến cho Bắc-kinh toàn-thành khỏi cái tai-nạn binh-đao. Đoàn tự khi giải-chức về chốn viên-lâm, đứng về phương-diện nhàn-tản; trong mấy năm trời, chỉ ngày-ngày cùng với tân-khách đánh cờ làm vui, không nói đến việc quân nữa. Ấy chính là: « Thanh-sơn tự tiếu dầu tương hạc, xương-hải thùy tri ngã diệc âu. Thôi thôi đừng nghĩ truyện đâu đâu, tùi vũ-trụ mặc sau này em gánh vác. » Đời cũng có kẻ khen Đoàn, là người biết tiến biết thoái, có Phạm Lãi di-phong.

Ngô tuy thắng Đoàn, nhưng về sau vẫn có ý biểu-thị tôn Đoàn. Sẽ biết Đoàn khi tại-triều khi tại-dã thế nào mặc dầu, nhưng đối với các phương-diện trong nước Tàu, vẫn là người có quan-hệ. Được mấy năm sau, trong nước Tàu lại xảy ra cuộc đại-chiến vừa rồi, là do Trực-đảng với Phụng-đảng hai phương tuyệt-đại thế-lực xung-đột nhau. Phụng-đảng Trương Tác-Lâm đại-thắng. Trực-đảng Ngô Bội-Phu đại-bại. Phủng Ngọc-Tường đạp đổ được thế-lực Tào Côn, chiếm-cứ Bắc-kinh; thời-cục nước Tàu lại biến ra một cuộc mới. Khi ấy cái tư-cách thích-hợp với các phương-diện để làm kẻ đứng đầu cho nước Trung-hoa, thì trừ Đoàn chi ngoại, không ai hơn nữa. Mới do họ Trương họ Phủng đồng ý suy-tôn họ Đoàn làm lâm-thời chấp-chính, gọi là chấp-chính chính-phủ, mà các phương-diện cũng đều biểu-đồng-tình. Ông tuy chưa do quốc-hội bầu-cử chính-thức làm tổng-thống. Nhưng ông cũng đã kể là một tay chèo-lái có can-đởm, đậu chiếc thuyền lớn ở giữa chỗ nước soáy, cơn giông vừa mới tạnh, làn sóng đương rập-rềnh.

Cái chính-sách chấp-chính của ông, là cốt về cái chính-sách thiện-hậu hội-nghị. Cái tính-chất thiện-hậu hội-nghị là do ông mời những người có giá-trị trong các đảng các phái lên Bắc-kinh, đồng-tâm hiệp-lực, để sửa-sang lấy việc nước cho thỏa-thiện về sau này. Hay đâu nội-dung trong nước Tàu, vẫn cốt ở phái thực-lực. Mà các phái thực-lực thì người nào người ấy đều chỉ chăm-chăm khuếch-xung lấy thế-lực của mình, phàm sự đều không đồng-ý nhau, ông nói gà bà nói vịt. Cho nên cuộc thiện-hậu đã đến sáu bảy lần hội-nghị tốn-phí bao nhiêu thư-điện, bao nhiêu miệng lưỡi, bao nhiêu thì giờ, mà cũng không nên được sự gì cả. Trong các phái thực-lực, sự gì muốn đắc-chí thì yêu-cầu ông, sự gì thất-vọng thì lại chỉ-chích ông, ông thật là cái chạch trong rỏ cua, cái chính-phủ chấp-chính của ông cũng chưa lấy gì làm vững-trải. Duy ông cũng là người có thanh-vọng, cho nên duy-trì thời-cục mới được tạm yên. Hiện nay ông ở Bắc-kinh, chỉ đêm ngày ngập-ngập có hai điều. Một điều là hết sức ngăn-ngừa cho Trương với Phủng, một đảng ở đông-bắc, một đảng ở tây-bắc, hai phương khỏi xung-đột nhau. Hai điều là hết sức khuyên-nhủ các tỉnh ở miền Tràng-giang đoạn-tuyệt quan-hệ với Ngô Bội-Phu, để khỏi

sinh ra cái chính-phủ thứ hai nữa xuất-hiện. Song hai điều đó chẳng qua là duy-trì được ngày nào hay ngày ấy mà thôi, chứ cái thế-lực ông cùng là cái tài-trí ông, chửa tất đã vĩnh-viễn chủ-trương được hai điều đó. Mà cái tấn trò dân-quốc ở Trung-hoa sau này, có lẽ còn xảy ra có lắm sự ghê-gớm lạ-lùng, nay hẳng chỉ biết rằng ông cũng là một kẻ đứng đầu trò đấy mà thôi. Thức giả cũng nên buồn-tênh cho ông, mà ghê sợ cho ông vậy.

Nói tóm lại, cái lịch-sử ông, về phần quang-vinh thì không bằng Tôn với Lê, về phần hách-dịch thì không bằng Viên, về phần thung-dung thì không bằng Từ, về phần thực-lực bàn kết ở các địa-phương thì không bằng Tào với Ngô năm nọ, Trương với Phùng ngày nay. Nhưng xét ra, trầm-nghị nhất là ông, quả-đoán nhất là ông, nhục-nhẫn nhất là ông, biết hối-quá nhất là ông, mà dai-dẳng nhất cũng là ông, lịch-sử ông cũng ít người biết xét đến. Cái thân ông tự hồi Tiền-Thanh năm nọ, cho đến hồi dân-quốc ngày nay, khoảng hai ba mươi năm, lúc nào cũng có quan-hệ với thời-cục Trung-hoa, xem lịch-sử ông cũng tức là xem lịch-sử Trung-hoa, thì nhân-vật ông cũng là một hạng nhân-vật đáng nghiên-cứu đáng phê-bình.

Việc trong nước

Hoàng-đế Khải-định thăng-hà. — Hoàng-đế Khải-định tự khi đi Tây về thụ bệnh, bệnh-tình càng ngày càng nặng, 5 giờ sáng ngày 21 tháng chín ta tức là 6 *Novembre* ngài đã thăng-hà.

Được tin ấy quốc-dân đều có lòng cảm-khích, vì theo cái lý-tưởng cũ của nước ta, vua là biểu-hiệu cho nước, tôn-quân tức là ái-quốc. Vậy cái tang này tức là tang chung cho cả nước ta.

Nay Tiên-đế đã khuất núi, chúng ta cũng không nên nghị-luận về sự-nghiệp ngài trong mười năm trị vì thế nào. Sự-nghiệp ấy hay hay dở sẽ thuộc về thanh-sử đời sau phán-đoán. Vả thời-thế thay đổi, vận nước suy-vi, ấy là tư-cách như tiên-đế, chứ giá vào bậc anh-quân minh-chúa khác, tài-trí kiêm-toàn đến đâu đi nữa, thời cũng đến thế mà thôi. Vậy phẩm-bình nghị-luận cũng vô-ích.

Duy Tiên-đế đã băng, cái chính-thể quân-chủ ở nước Nam ta sẽ ra thế nào? Sự kế-tự bây giờ thì không có khó-khăn gì, về ngôi Đông-cung đã sẵn có, chỉ việc tôn Đông-cung lên vì Hoàng-đế, không có trở-ngại gì. Tự-quân còn là ấu-chúa thời sẽ đặt phủ Phụ-chính để giúp việc. Nhưng mà đối với chính-thể quân-chủ, dư-luận trong nước gần đây xem ra không hoan-nghênh lắm, có người yêu-cầu với chính-phủ Bảo-hộ xin bãi quân-chủ và theo về lối dân-chủ cộng-hòa như quí-quốc; lại nhiều người trách quân-chủ và Triều-đình Huế đã làm chậm trễ sự tiến-hóa của dân ta, thứ nhất là xứ Trung-kỳ. Ấy dư-luận thời như thế, nhưng việc là việc hệ-trọng, về phần Chính-phủ Bảo-hộ cũng không thể khinh-suất được. Nước Pháp có điều-ước với nước Nam, điều-ước ấy dẫu không thi-hành được hoàn-toàn, nhưng tới nay cũng vẫn còn là hiệu-lực. Hai bên giao kèo với nhau, không có lẽ một bên lại tự-tiện bãi bỏ bên kia đi được. Nói rằng lòng dân muốn như thế, nhưng mà lòng dân lấy gì làm bằng-cứ, phải có một cái đoàn-thể nào có tư-cách thay mặt cho dân tuyên bố cái ý dân ra một cách chính-đáng, thời kẻ cầm quyền mới có thể châm-chước mà lựa theo được. Đoàn-thể ấy, nước ta thật chưa

có. Cho nên cái chế-độ đại-biểu chưa sắp-đặt được chỉnh-đốn, thời chưa có thể nói chuyện thay đổi chính-thể được.

Song hiện nay tuy chính-thể quân-chủ chưa đổi, mà nhân hoàng-đế Khải-định thăng-hà, chính-phủ Bảo-hộ đã cùng với phủ Phụ-chính ký một tờ hiệp-ước ngay ngày 6 *Novembre*, theo tờ hiệp-ước ấy thì ngôi quân-chủ sau này chỉ còn cái vị tôn-nghiêm mà không còn có cái quyền thực tế. Ấy cũng là một cách tạm-thời giải-quyết cái vấn-đề quân-chủ vậy.

Ông Đông-cung du-học ở bên Pháp đã được công-nhận làm Tự-quân, được tin Tiên-đế băng, liền xuống tàu về nước. Tự-quân năm nay mới mười ba tuổi, viện Cơ-mật đặt làm phủ Phụ-chính có mời cụ Văn minh tri-sĩ Tôn-thất Hân đứng đầu.

Sau này xin đăng tờ hiểu-dụ và lời hiệp-ước của Nam-triều ký với Chính-phủ Bảo-hộ, (theo bản dịch ở Huế).

— Lời hiểu-dụ rằng :

« Sau khi Đức Khải-Định Hoàng-đế đã thăng-hà, thời Chánh-phủ đã công-nhận đức Đông-cung Điện-hạ làm Đại-nam Hoàng-đế.

« Hai Chánh-phủ chiếu theo trình-độ tiến-hóa của dân An-Nam và thể theo sở-ước thuộc về sự được tham-dự vào việc công cho càng thêm thiết-thực, vậy đã thương-thỏa định ra một hiến pháp mới đặng định về sự hai bên đối-phó với nhau.

« Theo hiến-pháp ấy, thời phàm bàn bạc những vấn-đề lớn có quan-thiết đến nước Nam, cũng cho nhân-dân Đại-biểu-viện được tham-nghị, mà những chánh-lịnh Nhà-nước bàn định cũng cho Viện ấy được can dự một cách mật-thiết hơn, rồi quan Khâm-sứ đại-thần sẽ cùng Cơ-mật-viện thương-thỏa để công-bố thi-hành.

« Ở Bắc-kỳ khoản ấy cũng đã bắt đầu thi hành rồi, thể lệ Bắc-kỳ bảo-hộ Chánh-phủ với Nam-triều giao-thiệp hiện bây giờ không thay đổi gì cả.»

Lời hiểu-dụ ban bố ngày 8 *Novembre*, có quan Toàn-quyền MONGUILLOT và các quan Phụ-chánh ký.

— Lời hiệp-ước như sau này.

« Nhân thấy sự tấn-hóa của các nước văn-minh ;

« Nhân thấy cái hiện tình kinh-tế và xã-hội nước Nam, buộc phải sửa đổi lại chánh-sách Bảo-hộ ;

« Nhân thấy vì việc phiền-phức quá, mà đức Hoàng-đế không thể mỗi ngày mỗi thân làm quốc-chính, mà lại vừa lo việc thiên-chức thứ nhất của ngài, là việc phụng-tự Tôn-miếu Xã-tắc, nước có trật-tự và được thái-bình, cũng nhờ ở đó, nên chỉ tôn-chỉ đã có nói ở trong dạo chỉ-dụ ngày 3 *juin* 1886, là ngày 2 tháng 5 năm Đồng-khánh nguyên-niên ;

« Nhân nay Hoàng-đế hãy còn xung ấu ;

« Nhân nay lợi-quyền của nước Pháp và của nước Nam, đã liên-lạc mật-thiết với nhau, đôi bên cùng bảo-đảm lẫn cho nhau, thế thì phàm sự nay cần phải biểu đồng-ý-kiến, mà đồng hành-vi, thì việc trị-an cơ-bổ mới tận-thiện được ;

« Nhân thấy ngày nay hành-chánh mọi việc cần phải làm cho mau chóng, mà quyền chủ-trương cần phải mở rộng ra ;

« Nhân thấy cái quan-niệm của đứng Quân-chủ trị nước, và cái lòng thần-dân sở-nguyện, để duy-trì lấy cương-thường luân-lý là cái khuôn phép vua tôi đối-đãi với nhau, và nhân-dân giao-tế cùng nhau, vả lại cứ theo qui-tắc kiến-quốc nước Nam, và tuân-phụng lễ-chế trong nước, thì đứng quân-chủ vâng mệnh Trời, dấy vận nước, nhưng mà đặc mệnh cho các quan Thượng-thư thay việc trị dân ;

« Nay các đại-diện Nam-triều, có tên ký dưới đây, phụng mệnh đức Hoàng-đế ;

« Với quan Toàn-quyền Đông-Pháp, phụng-mệnh Pháp-đình, hoặc quan Khâm-sứ đại-biểu cho ngài, khi ngài không có đó, cùng lập điều-ước như sau này :

« *Điều thứ nhất.* — Chỉ những lệ định gì có thuộc về điển-lễ hoặc có quan đến những chế-độ kiến-quốc của bản-triều thì phụng chỉ-dụ của đức Hoàng-đế mà tuân-hành. Những việc ân-thích ân-xá, cùng tặng-phong, và việc phong-sắc cho các vị thần các làng ở Trung-kỳ và Bắc-kỳ, thì thông-quyền về đức Hoàng-đế tài-định. Việc ban cấp huy-chương, tứ thưởng điện-hàm, bao-phong cung-hàm và ngũ tước cho thần-thứ thì do đức Hoàng-đế chiếu theo điều thứ 5 trong dạo chỉ-dụ ngày 7 *juin* 1923 là ngày 23 tháng tư năm Khải-định thứ tám, mà tài định.

« Còn những việc khác thuộc về hình-hiến, tư-pháp, trị-an trong nước, với việc xếp đặt các công-vụ, việc lựa chọn và bổ-dụng Nam-quan đường thuộc thì do các quan đại-biểu nhà nước Bảo-hộ ký nghị-định thi-hành. Duy ở Trung-kỳ thì quan Khâm-sứ đại-thần sẽ thương-đồng với các quan Bộ-trưởng đại-thần, mà tất phải có ý-kiến của các vị đại-thần ấy, sau mới ký nghị thi-hành.

« Nhưng vì trình-độ văn-minh trong nước bây giờ, Nam-triều nghĩ đã nên cho dân chúng dự vào một phần trong việc chánh-trị nên Hoàng-đế đặc-mệnh cho quan Khâm-sứ, bất-cứ về việc gì nên cải-cách, thì cứ bàn với hội-đồng Tham-nghị Trung-kỳ, ý hợp rồi thì ký nghị-định thi-hành.

« Rồi đó lần lần cho dân được quyền dự bàn đến việc nước một cách mật-thiết hơn nữa.

« Những nghị-định của các quan đại-biểu nhà nước Bảo-hộ, của vị nào ký thì sẽ thi-hành riêng trong hạt vị ấy cai-trị.

« Việc bổ-dụng và cách-triệt các Bộ-trưởng đại-thần, thì do đức Hoàng-đế tài-định, nhưng trước phải thương-đồng ý-hiệp với quan Trung-kỳ Khâm-sứ đại-thần, và phải có quan Toàn-quyền đại-thần nghị y mới hiệp.

« *Điều thứ hai.* — Các khoản chi tiêu về Nam-triều văn võ chánh-trị chủ sự-vụ, thời sẽ sát-nhập vào dự-toán ngân-sách của Trung-kỳ bảo-hộ.

« Còn tiền Tấn-nội, với bổng-hướng Hoàng-phái, tiền chi-tiêu về việc điển-lễ và chi-tiêu về các tôn-lăng, miếu điện, thời sẽ lập thành một ngân-sách riêng để Đức Hoàng-đế chi dụng; ngân-sách ấy sẽ do quan Thượng-thư Hộ-bộ quản-lý.

« *Điều thứ ba.* — Hội-đồng các quan Bộ-trưởng đại-thần thời do quan Trung-kỳ Khâm-sứ đại-thần chủ tọa, như quan Khâm-sứ đi vắng, hoặc có bận việc gì, thì ngài phải cử quan tới đại-biểu.

« *Điều thứ tư* — Tờ điều-ước này bắt đầu thi-hành từ ngày ký tên xong.

« Tại Huế, ngày 6 *Novembre* 1925,

« Ký tên : Đông-Pháp Tổng-thống Toàn-quyền Đại-thần : MONGUILLOT.
Phụ-chánh thân thần : Tôn-Thất Hân,
Tôn-nhân phủ đại-thần : Tôn-Thất Trạm,
Phụ-chính-phủ đại-thần : Nguyễn Hữu-Bài
Hồ Đắc-Trung,
Võ Liêm,
Trần Đình-Bách,
Phạm Văn-Thụ,
Ng. Đăng-Tâm »

(*Bản dịch ở Huế*)

Làm sao nước Nam ta tiến-hóa chậm ?. — Nhân xét về vấn-đề làm sao nước Nam tiến hóa chậm, không những chậm kém các nước văn-minh Âu-Mĩ mà lại chậm kém cả nước Xiêm la ở láng diềng, báo *Eveil Economique* có bình-phẩm về Triều-đình Huế mấy

câu như sau này, quốc-dân ta cũng nên biết mà ngẫm-nghĩ :

«Người An-Nam nói rằng giả không có nước Pháp sang xâm-chiếm thì nước Nam tiến-hóa cũng mau bằng nước Xiêm, nói thế là lầm to, và tỏ ra rằng không hiểu việc nước Xiêm mà cũng không thuộc việc nước mình.

« Văn-minh người Xiêm khác hẳn văn-minh người An-Nam, mà điều này không phải là không quan-hệ. Văn-minh người Xiêm là thuộc Ấn-độ và thuộc đạo Phật ; văn-minh An-Nam là thuộc nước Tàu và thuộc đạo Thần. Một bên thời chịu ảnh-hưởng cái thuyết linh-hồn của triết-học Ấn-độ và có một cái lý-tưởng rất cao, gần giống như đạo Thiên-chúa ; một bên thời là cái triết-lý thấp-hẹp và cái luân-lý tầm-thường của ông Khổng. Nhưng mà hai nước khác nhau là bởi cái cách chính-trị ; ở nước Xiêm cũng là cái chính-thể quân-chủ chuyên-chế như nước Nam, nhưng mà trong khoảng một trăm năm được luôn năm ông vua kế-tiếp nhau, toàn là những nhân-vật lỗi-lạc cả, hết sức cải-cách trong nước, thâu-thái văn-minh nước ngoài cho theo kịp với phong-trào đời nay. Ở nước Nam thời sau vua Gia-long là người đã hiểu thời-thế và biết đường chính mà đi, còn thời kế-tiếp nhau mà làm vua toàn là những nhân-vật tầm-thường, chỉ biết kiêu-căng tự-đắc, khinh cái văn-minh của Thái-Tây không thèm biết đến, chẳng qua là một lũ bù-nhìn ở trong tay một bọn đàn bà già cùng một bọn quan-lại tham-tàn hủ-lậu, tự giam mình vào trong những cái điển-lễ cũ-rích hay là mơ màng và sùng-thượng một lối tử-văn của ngoại-quốc.

« Người An-Nam mà cứ theo một đường như thế mãi thời có văn-minh cũng đến suy đồi ; nhưng có lẽ chưa kịp suy-đồi hẳn mà các nước láng diềng ha là nước ngoài nào đó tất đến mà bắt nô-lệ khiến cho nước Nam cũng thành một « đại cường-quốc » giống như Đài-loan hay *Zanzibar* vậy.

« So-sánh năm ông vua Xiêm mới rồi với các vua An-Nam trong khoảng ấy thời không khác gì như so-sánh cái dựa cây đương mọc với cái gốc cây đã ủi-mục mà thành rêu mốc. Vua nước Nam chỉ biết trói mình vào trong cổ-lễ, học một cái văn-chương vô-dụng, quanh mình những quần-thần toàn là một phường hủ-nho cả, bao nhiêu thì-giờ chỉ dùng để ngâm hoa vịnh nguyệt, để xây lấy nhà mồ trước phòng đến khi chết đi, hay để bác-tước kẻ dân đen ; ấy vua nước Nam thì thế mà vua nước Xiêm kia thời tự mình thông-hiểu các ngữ-ngôn khoa-học của Thái-Tây, thường đi du-lịch các nước, lại biết khéo dùng những người Tây tài giỏi để làm cố-vấn, mà chung quanh mình, ở ngay trong Hoàng tộc, con, em, chú, cháu, toàn là những người đã đi du-học Thái-Tây về cả, có tài giúp việc cho vua được hết. Các vị đại-thần ở Huế, trừ được một vài người như ông Thân Trọng-Huề thì lại không được tín-dụng, còn toàn là một lũ phỗng-đá làm vì cả, bọn ấy mà đem sánh với những người như các ông thân-vương nước Xiêm DAMRONG, DEVAWONGSE, POURACHATRA, vân-vân là những người có tài-năng, có học thức, dẫu những tay bác-học, ngoại-giao, kỹ-sư của Âu-châu cũng phải trọng, như thế thì sánh làm sao được !

« Ấy đó, nước Nam tiến-hóa chậm là tại đấy, chứ tại đâu ! ».

. .

Quan Toàn quyền Varenne. — *Quan Toàn-quyền* VARENNE *trước khi xuống tàu có bày tỏ chính-kiến ở Hà*

Ủy-viên thuộc-địa tại Nghị-viện. Báo tây mới sang chuyến tàu vừa rồi có lược-thuật lại mấy cái ý-kiến lớn của ngài như sau này.

Điều ngài chú-ý thứ nhất là nghĩ cách lợi dụng những kẻ học-thức tân-tiến trong dân Đông-Pháp, khiến cho những người có tài-năng đều có việc dùng tương-đương cả, không đến nỗi bỏ không vô-ích.

Chính-sách đối với dân bản-xứ thời cốt làm sao giúp cho người ta được tiến-hóa ở trong cái phạm vi văn hóa và chủng-tộc của người ta, cách đó đã nghiệm ra đắc-thế hơn cả. Sự cho người bản-xứ nhập tây-tịch, phải coi là một cách đặc-biệt, chứ không cho là một sự thông-thường được.

Thuộc về các lợi-quyền chính-trị và các nghị-hội của dân thời ý-kiến quan Toàn-quyền là cần phải dần dần tăng thêm các quyền ấy và mở rộng các hội ấy ra. Đó cũng là một cái nghĩa-vụ của nhà-nước Bảo-hộ. Nhưng mà ý ngài cũng lại muốn thi-hành cho cẩn-thận, muốn châm-chước và giữ-gìn lấy những cái chế-độ cũ trong dân, cho nên hiện nay ngài hằng muốn tăng thêm chức-quyền cho các hội-nghị đã có rồi, chứ chửa muốn đặt ra hội-nghị mới vội.

Quan Toàn-quyền lại tỏ ý muốn ra sức phòng bị cho Đông-Pháp khỏi nhiễm phải những cái chủ-nghĩa tai-hại ở ngoài truyền-bá lại, cho nên ngài đã xin với chính-phủ Đại-Pháp cho ngài đủ cách để phòng-bị, không đợi cho đến khi nguy-hiểm đã tới rồi mới tìm phương đối-phó.

Về đường tài-chính thời ngài sẽ theo một cái chính-sách tiết kiệm, giảm phí, nhưng mà phàm các công-trình lớn có quan-hệ đến đường kinh-tế của bản-xứ thời vẫn hết sức kinh doanh, chứ không để cho phải đình đốn.

—Lại ở tiệc tiễn mừng của hội Nhân quyền có mời đến ba trăm người trong các giới đến dự, quan Toàn-quyền cũng diễn-thuyết về chính-sách ngài ở Đông-Pháp, đại-khái ngài nói rằng :

«Phép Chính-trị của Đại-Pháp ở Đông-Pháp cần phải sửa đổi lại ngay cho công-bằng và rộng-rãi hơn, nếu không thì nhất-đán có thể xảy ra những việc như ở Ma-lặc-kha bây giờ, vạn-nhất mà đến như thế, thì cứ binh-lực của nước Pháp ở đấy không tài nào đủ mà đối-phó cho được.

« Sự nghiệp của nước Pháp ở Đông-Pháp bây giờ là một cái sự-nghiệp rất quan-trọng và rất khó-khăn, tôi tưởng dễ không có nhà chính-trị nào phải giải-quyết một cái vấn-đề thuộc về tâm-lý chính-trị rất khó-khăn như cái vấn-đề về sau này : Là đem hai dân-tộc, hai văn-hóa, rất xa nhau, rất khác nhau, mà làm cho điều-hòa dung-hóa được với nhau, đổi cái chính-sách xâm-lược ra chính-sách hiệp-lực, đổi sự cưỡng-chế ra sự tự-do, cải-lương, châm-chước, chỉnh-đốn, điều-hòa, đem những cái chế độ mới vào một cái xã-hội cũ ; ấy công việc phải làm như thế đấy.»

.·.

Giới-thiệu sách mới

—Quyển *Địa-dư các tỉnh Bắc-kỳ* của ông Đỗ Đình-Nghiêm, Ngô Vi-Liễn, Phạm Văn-Thư soạn ra, xuất-bản lần này là lần thứ hai, có chỉnh-đính lại kỹ-càng, phàm địa thế, dân-cư, sơn-xuyên, thổ-sản, có những gì đều kể tường cả, và lại có kể rõ cả các nơi danh-lam, cổ-tích, khắp cả trong địa-thế các tỉnh Bắc-kỳ, mỗi

tỉnh lại có một bản địa-đồ, vẽ cực rõ-ràng tường-tận, do nhà hội-họa sở Địa-dư Đông-Pháp soạn vẽ ra, lần này kỹ-càng hơn lần trước nhiều. Quyển sách này không những đáng làm một quyển sách giúp cho các giáo-viên dạy về khoa địa-dư trong các trường học, mà lại giúp cho khách du-lịch trong khi đi phỏng-cổ có thể khảo xét được các nơi thắng-cảnh. Sách dày đến non một trăm rưởi trang, bán tại hiệu Kim-đức-giang Hà-nội, giá 0$75.

Thuyết Mạc. — Quyển *Thuyết Mạc* này ông Đinh Gia-Thuyết soạn ra, nói tường về dòng-dõi và sự-tích họ Mạc, chia ra làm 16 hồi, kê-cứu cũng kỹ-càng, in tại nhà in Mạc Đình-Tư, sách dày hơn 100 trang, giá bán 0$40.

CẢI-CHÍNH

Báo *Nam-Phong* số 97 vừa rồi, bản kịch *Tuyết-hận-mộng* có mấy chỗ lầm sót, cải bổ sau này :

Trang 71, cột bên hữu, dòng cuối cùng, chữ *tiểu-thư*, đổi làm : *tiểu-tử*.
« 73, « tả, dưới dòng thứ 30 (cuối điệu *cấp-cấp-lệnh*), bổ thêm :

(Điệu Bốc toán-tử)
Hồ-thỉ bốn phương trời,
Anh-hùng nhiều sự-nghiệp.
Thả sức thi tài cuộc chiến-tranh,
Tà-dương qua mấy kiếp,
Ngựa thét gió tây-phong,
Cỏ hoa nghe đã khiếp.
Thắng bại sinh ra cũng việc thường,
Ba quân dừng cởi giáp.

Trang 74, cột bên tả, dòng thứ 24, chữ *tín ngững*, đổi làm : *tín nghĩa*.

«				31,	«	*tấu* đổi làm : *tấn* (tín).
«	75,	«		35,	«	*điện-hạ thánh triều* đổi làm : (*điệu-hạ thánh triều*
«		«			«	chính là bài hát, không phải lời nói.
«	77,	«		43,	«	*ái-ân*, đảo lên làm : *ân-ái*.
«	77,	«	hữu, «	1,	«	*trăng-làn*, đổi làm : *trăng-tròn*.
«	81,	«	tả,	9,	«	*mộ-đạo*, đổi làm : *ngộ đạo*.
«	82,	«	«	41,	«	*sống*, đổi làm : *hữu*.
«				42,	«	*hữu*, đổi làm : *sống*.
«			hữu, «	42,	«	duyên *nợ*, đổi làm : duyên *vợ*.
«	83,	«	tả, «	1,	«	*hồng-từ*, đổi làm : *hồng tứ*.
«				11,	«	*bớ* quân, đổi làm : *hồ* quân
«			hữu, «	7. trên chữ *lệnh* bổ thêm : *tuân*.		
»				28. chữ *duyên nợ*, đổi làm : *trần mộng*.		